

VĂN MINH NHÂN LOẠI

LÊ QUÍ ĐÔN

Kinh Thư Diễn Nghĩa



NXB
TP. HCM
1993



Kỹ Thuật Tin Học Tiên Tiến của Việt Nam
OFFICE AUTOMATION-INFORMATION SERVICE

VĂN MINH NHÂN LOẠI

LÊ QUÍ DŨN

KINH THƯ DIỄN NGHĨA

Người dịch: NGÔ THẾ LONG
TRẦN VĂN QUYỀN
Lời giới thiệu: NGÔ THẾ LONG
(Viện Hán Nôm)

XN ĐIỆN TỬ TIN HỌC Seatic & VIỆN HÀN NÔM

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

1993

QUY CÁCH TRÌNH BÀY

1. Chúng tôi dịch *Kinh thư diễn nghĩa* của Lê Quý Đôn theo bản in sách ván gỗ, hiện lưu trữ ở Thư viện Khoa học xã hội Việt Nam, ký hiệu A. 1251. Bản này có lời tựa của Lê Quý Đôn đề năm Cảnh Hưng 33 (1772) và Lời bạt của Lý Trần Quán đề năm Cảnh Hưng 39 (1778).
2. Trong nguyên bản chữ Hán, tác giả tuy có bám sát trình tự chính văn Kinh Thư mà trích lục, bình giải, nhưng không chia ra từng tiết. Để bạn đọc dễ theo dõi chúng tôi tạm đánh số thứ tự cho các "thiên" (gồm 58 thiên), và trong mỗi thiên, lại chia lời bình giải của Lê Quý Đôn thành từng "tiết" và đánh số thứ tự các tiết. Vì vậy ở đầu mỗi tiết có hai con số, cách nhau bằng một dấu gạch ngắn thì con số đứng trước là *thiên*, số sau là *tiết*. Ví dụ 6-1 thì số 6 là thiên thứ 6 (Vũ cống) số 1 là tiết thứ 1.
3. Thứ tự của các thiên xin xem Mục lục ở đầu sách.

4. Các chú thích chúng tôi để ở sau mỗi tiết. Để giảm bớt số chú thích trùng lặp, mỗi khi cần chỉ chỗ cho độc giả xem lại hay xem thêm chú thích có liên quan thì ghi số thiên, số tiết và số chú thích (viết tắt là c.t). Ví dụ: xem 9-2, ct 3 là *thiên 9 tiết 2, chú thích 3* .

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh thư còn gọi là *Thượng thư* (nghĩa là "lịch sử thời thượng cổ"), cuốn sách ghi chép chính sự, tương truyền do Khổng Tử soạn lại và chia làm 100 thiên, chép sử từ thời Đường Nghiêu đến thời Tần Mục công, để giảng dạy cho học trò. Nhà Tần đốt sách làm một số thiên của *Thượng thư* bị mất. Nay chỉ còn 58 thiên.

Văn *Thượng thư* có 6 thể, là: *diễn* (phép tác lớn của thời Nghiêu, Thuấn, dùng làm tiêu chuẩn cho đời sau); *mô* (bàn định mưu mô) ghi chép công việc của vua tới đời Đường, Ngu; *Huấn* (lời dạy bảo của lão thần đối với vua trẻ tuổi hay vua huấn thị trăm quan); *Cáo* (lời hiểu báo về lẽ phải trái, lợi hại); *thệ* (lời răn bảo tướng sĩ và lời thề với thần minh); *mệnh* (cáo mệnh, sách, mệnh phong vương, bổ nhiệm). Sáu thể này xếp tản mạn tùy theo thời gian chứ không theo thể loại.

Qua các đời, nhiều học giả Trung quốc có diễn giải Kinh thư, như sách *Thượng thư chính nghĩa* của Khổng An Quốc đời Hán, *Thượng thư giảng nghĩa* của Sù Hạo đời Tống, *Thư Kinh tập truyện* của Thái Trầm cũng đời Tống, *Thư Kinh trung luận* của Trương Anh đời Thanh.

Ở Việt Nam, Lê Quý Đôn là người đầu tiên có sách riêng bàn về *Kinh thư*.

Trong bài tựa sách (đề năm 1772) Lê Quý Đôn viết:

"Trị thiên hạ không thể không có chính sự. Mà xưa nay làm chính sự, thường căn cứ ở Thượng thư ... Người xưa khen sách ấy là "kho chứa nghĩa lý" bởi vì "lời dạy hay, mưu mô tốt, ruộng mối rộng, điển chương lớn, những điều khanh sĩ phải hiểu rõ, quan tư phải noi theo, không cái gì là không có trong ấy ..." Trong lời đề "Bạt" năm 1778, tiến sĩ Lý Trần Quán, học trò của Lê Quý Đôn, cũng xác nhận:

"Học thuật và chính sự không thể chia thành hai lĩnh vực khác nhau. Kinh thư ghi lại chính sự của hai đời Đế, ba đời Vương, mà tâm pháp truyền thụ đều do từ học thuật mà đến".

Tóm lại, các nhà nho ta xưa đã cho kinh Thư là chép lịch sử cổ đại trong đó nêu bật những tư tưởng về chính trị, về quản lý xã hội.

Giá trị của cái "kho nghĩa lý" ấy được đánh giá cao đến mức có thể làm mẫu mực cho muôn đời. Cái "đạo" (những nguyên lý chính trị) mà họ rút ra được ở sách ấy là chân lý tuyệt đối: "Theo đạo ấy thì trị, trái đạo ấy thì loạn, làm theo đạo ấy thì thịnh vượng, không làm theo đạo ấy thì suy vong" (Tựa của Lê Quý Đôn).

Vì là nguyên lý "duy nhất đúng đắn" như thế, cho nên, nhà học giả kiêm nhà chính trị Lê Quý Đôn (lúc này 46 tuổi, là độ tuổi đã chín chắn, đã "kinh qua các chức vụ ở đài sảnh" và đã viết khá nhiều sách) mới hăm hở lao vào chứng minh, bình luận, chú giải sách đó. Và dường như ông cũng dựa vào đó để phát biểu tư tưởng chính trị của

mình. Cùng trong lời tựa ông viết:

"Tôi ngu lậu, nghiên ngẫm lâu năm hiểu qua nghĩa lớn... Mỗi khi đọc, cảm thấy ý vị dào dạt, lý thú vô cùng. Chỗ nào xúc động mà phát mình thì tùy bút chép ra, trưng dẫn các truyện ký, bàn bạc việc xưa, đều là muốn làm ấn chứng cho sách của thánh nhân"...

Lê Quý Đôn nói khiêm tốn về công việc mình làm như vậy. Nhưng Lý Trần Quán đánh giá những cống hiến của Lê Quý Đôn khá xác đáng:

"Từ buổi thánh nhân san định Kinh Thư đến nay, số người nói ra được cái tôn chỉ sâu sắc của kinh ấy thật là ít lắm. Quyển sách này (Kinh Thư diễn nghĩa) thường thường từ trong nguyên bản kinh điển, có nêu ra được những nghĩa mới, nói ra được cái điều là bách gia chưa nói, phát hiện được điều mà thiên cổ chưa phát hiện ra...lại có thêm sự hiệu thù, khảo dị cẩn thận".

Quả thật, Lê Quý Đôn đã không chỉ cúi đầu nhắm mắt học thuộc và kể lại những điều người trước đã nói, và không giải thích Kinh Thư theo kiểu thông thường là cắt nghĩa từng câu từng chữ; mà ông đã góp phần làm sáng tỏ ra nhiều chỗ, cũng như nêu ra những vấn đề tồn nghi, phản bác và nhất là có những suy nghĩ độc lập, đề xuất mới:

"Đến như những lời truyền, lời chú của tiên nho, hoặc có chỗ giống nhau, khác nhau và có chỗ đáng nghi ngờ thì đều có biện chính sơ qua..." (Lời tựa).

Ông làm việc cẩn thận, và rất hiểu giá trị và kết quả công việc mình làm. Vì thế ông tự hào đến mức có thể nói rằng:

"Việc noi gương điều thành công, răn dè điều tai hại, giữ thịnh phòng suy, sách này [Kinh Thu điển nghĩa] cũng có thể để nhà vua xem luôn bên cạnh"...

Trở lên là mấy ý nhận định tự đánh giá sơ bộ của tác giả và của người đồng thời đối với "Kinh Thu điển nghĩa"

Sau đây chúng tôi xin thuyết minh thêm, và lưu ý độc giả một đôi điều khi đi vào nghiên cứu khai thác tác phẩm này của Lê Quý Đôn:

1. *Về bối cảnh ra đời của tác phẩm.* (Sách được Lê Quý Đôn đề tựa năm 1772). Chúng ta biết, xã hội Việt Nam thời cuối Lê là một xã hội phong kiến đang đi xuống, *trong lòng* chứa chất những mâu thuẫn: cuộc nội chiến Lê Mạc chưa chấm dứt, thì nguy cơ cát cứ Nam Bắc phân tranh đã xảy ra. Vì mất mùa đói kém, nông dân nổi dậy khắp nơi. Đầu đời Cảnh Hưng (từ năm 1740) trở đi đã có các cuộc khởi nghĩa lớn của Nguyễn Tuyển, Nguyễn Cừ, Nguyễn Hữu Cầu, Lê Duy Mật, Hoàng Công Chất, Nguyễn Danh Phương, nhiều phen làm cho kinh thành Thăng Long phải náo động. Nội bộ chính quyền Lê - Trịnh thì không ổn định: chúa lấn quyền vua. Họ Trịnh đã tùy ý phế lập các vua Lê kể từ Trung Tông cho đến Hiến Tông. Lộ liễu và tàn bạo nhất là các cuộc phế truất Lê Kính Tông (năm 1619), Vĩnh Khánh (1729), và việc bắt giam rồi giết hại Thái tử Lê Duy Vi (năm 1769). Những việc này chắc Lê Quý Đôn có biết. Bởi ông sinh năm 1726, đến 1752 ông 27 tuổi thi đỗ Bảng Nhãn. Năm 1758 - 1760 có đi sứ Trung Quốc, sau khi về thì bị gièm pha phải về hưu dạy học. Sau khi Trịnh Sâm lên ngôi chúa, năm 1769, nhờ có người tiến cử ông mới được dùng lại. Tổ chức ở cung đình thì rồi bết:

chúa Trịnh lập ra các cơ cấu để thu hết quyền hành tối cao (tuy ngôi vua vẫn để họ Lê giữ) như sáu phiên để giám sát 6 bộ, Ngũ phủ phủ liêu nắm cả quyền quân sự và dân sự ... Vì cần tiền chi tiêu nên "ai nộp thóc thì triều đình trao chức phẩm, ai nộp ba quan thì được danh hiệu "sinh đồ"; quan thì được cấp lính tùy hầu, được thu tiền riêng do lính kiếm được làm ngụ lộc (năm 1741). Kề coi giữ tài chính nhà nước thì thông đồng tham ô... Những giá trị tinh thần và lòng tin bị xói mòn, đảo lộn... Lê Quý Đôn ra tham chính trở lại trong điều kiện như vậy, ông không thể không suy nghĩ đến một cuộc cải tổ để mong cho chính quyền mà ông phụng sự thoát khỏi nguy cơ sụp đổ.

Nếu chúng ta hiểu rằng các người đi học khi xưa, họ "thuộc lâu" kinh sử từ sớm và ta xem lại lịch sử, một số nhà cách tân khi muốn cải cách thường cũng bắt đầu từ việc "chú giải lại kinh điển cũ" như kiểu Hàn Phi, Vương An Thạch, Hồ Quý Ly, ...thì ta thấy, việc Lê Quý Đôn chú giải lại Kinh Thư và đề tựa vào năm 1772, nghĩa là 3 năm sau khi tái tham chính, không phải là một việc làm ngẫu nhiên... (nếu đơn thuần làm sách vì học thuật, hay chú giải sách để dạy trong trường của mình v.v... thì ông có thể làm vào lúc khác, hoặc đưa ra một cuốn sách khác). Đằng này, trong bối cảnh ấy, lại say sưa đi vào chú giải một cuốn sách chuyên bàn về chính trị, về quản lý xã hội như thế, hẳn là có mục đích. Mà chẳng phải suy luận nhiều, chính tác giả cũng đã nói ở bài tựa rồi: "Sách này cũng có thể cho nhà vua [thực tế người cầm quyền là nhà chúa] xem luôn bên mình".

Đĩ nhiên, không phải là Lê Quý Đĩn không có dịp để phát biểu tư tưởng chính trị của mình. Chẳng hạn vào dịp thi Đĩnh năm 1752, ông cũng làm một bài văn sách đề cập đến việc thời sự. Nhưng đó là lúc mới đi thi, chưa kinh qua chính trường. Nhĩng dịp nhà chúa hỏi việc quần thần, hoặc "cầu lời nĩi thẳng" không phải không có. Nhưng đó chỉ là về nhĩng công việc cụ thể, không có điều kiện cho ông phát biểu một cách toàn diện, có hệ thống, có lý lẽ về tất cả các vấn đề như khi ông đứng dưới góc độ nghệ thuật, khi bình chú Kinh điển. Mặt khác, ngay việc "cầu lời nĩi thẳng" thời ấy cũng giống như một cái bẫy. Bũ Sĩ Tiĩm cũng vì "nĩi thẳng" mà bị mất chức, đĩu về; chính bản thân Lê Quý Đĩn cũng đã bị giĩm pha ở đời chúa trước... Cho nên sự phát ngôn, với ông, không thể không thận trọng. Vậy muốn nĩi gì, nên tìm một đề tài lịch sử mà nĩi. Đĩng sai, tội vạ đâu đã có thánh nhân và nhĩng thần thời xưa gánh chịu, theo kiểu "Đường Ngũ tam đại thì khen, Hán Đường trở xuống thì lĩn cho đau".

Xét hoàn cảnh ra đời các tác phẩm như vậy ta có thể thấy rằng Lê Quý Đĩn đã dựa vào việc chú giải một tác phẩm kinh điển để phát biểu tư tưởng chính trị của mình.

2. Vậy thì, cụ thể *trong khi "chú giải" kinh Thư Lê Quý Đĩn đã làm việc như thế nào, và đã đề xuất được điều gì mới?*

a) Đọc và so sánh quyển *Kinh Thư điển nghĩa* với chính văn Kinh Thư, điều người ta dễ thấy nhất là cách làm "mĩi mẽ" của tác giả : mang danh là "đĩn nghĩa" một cuốn kinh điển, nhưng tác giả thực tế đã bình giải tác phẩm đó, chứ không phải bám sát chính văn, giải nghĩa câu như nhĩều người đã làm. Lê Quý Đĩn có "đĩng cao

hơn", nhìn chung từng ý, mà tùy tiện bình luận đánh giá, có chỗ thì nêu cao phát triển nội dung, có chỗ nhận xét phê phán cả về mặt sử liệu, cả về mặt tư tưởng. Thường là gộp hai ba ý ở những đoạn khác nhau trong kinh mà bình luận thành một tiết (đoạn). Như vậy, về kết cấu ta có thể coi *Kinh Thư diễn nghĩa* là một tác phẩm riêng, chứ không chỉ là lời chú giải (cước chú) bắt buộc phải kèm vào chính văn Kinh Thư. Tất nhiên, để tiện cho theo dõi vấn đề, tác giả vẫn dựa theo trật tự các thiên (58 thiên) trong Kinh văn mà đưa ý phê bình vào. Tổng cộng qua 58 thiên Lê Quý Đôn đã viết ra 342 tiết (đoạn) bình giải.

b) *Về nội dung*

Toàn văn Kinh Thư với cách sắp xếp cũ (tương truyền do Khổng Tử san định), căn bản theo trật tự thời gian, các thể tài diễn, mô, thệ, mệnh, huấn, cáo, được bố trí xen kẽ...ta có thể coi là "tuyển tập" các tư liệu lịch sử thời cổ đại. Trong đó, thiên "Hồng phạm" là thiên giàu tính lý luận nhất, biểu hiện tương đối đầy đủ hệ thống lý luận, chính trị của nhà nho. Học giả nước ngoài coi thiên đó là "học thuyết chính trị của giai cấp phong kiến buổi sơ kỳ".

Ở đó tư tưởng thần bí siêu hình còn rất nặng. Người ta thấy rõ một ông trời toàn năng ngự trị ở trên: Trời cho con trời xuống làm vua thống trị thiên hạ. Vua thành tâm kính trời, thì mưa gió thuận hòa, không có thiên tai bão lụt, không có nhật thực, sao chổi, dịch bệnh, lúa má được mùa, nhân dân no đủ mà không làm phản. Vua có quyền lực tối cao kể cả quyền ban giàu có, và quyền cắt đứt sinh mạng con người. Còn quan và dân phải cúi đầu theo lệnh vua.

Lê Quý Đôn, trong khi dẫn giải chứng minh cho Kinh Thư lại chỉ ra rằng: Vua phải làm gương cho các quan, quan làm gương cho dân(1). Vậy là tác dụng ổn định xã hội là tác dụng làm gương [duy lý] chứ không phải siêu hình. Điều đó có ý nghĩa khuyến cáo kẻ cầm quyền phải hạn chế bớt tư dục, tham bạo.

Quan hệ giữa vua và dân được vạch ra như sau: - Ý dân là ý trời (tiết 4.5; 12.1). Dân là gốc nước. Gốc có vững thì nước mới yên. Dân cống nạp cho vua hưởng thụ. Vua bảo điều hay thì dân làm theo. Vua có trách nhiệm chăm lo đến đời sống của dân. Nếu không thì dân sẽ trở thành thù địch, vua mất ngôi, lộc trời sẽ hết (8.3, 25.2, 25.3, 43.1). Vua phải nuôi dân, chính sự hay là nuôi dân no đủ (8.3, 27.1). Phàm làm các công việc lớn (như dời đô) phải công khai cho dân biết, và bàn bạc với dân (Bàn Canh 19.1). Có khi tác giả nêu vấn đề trung quân một cách khá "cách mạng": Thành Thang là bề tôi nhưng cứu dân, còn Kiệt là vua nhưng hại dân. Thang đánh Kiệt không có gì là bất trung (10.1). Tất cả những cải biến cách mạng là cốt để cho dân vui lòng (2.1). Tất nhiên từ chỗ nói về dân như thế đến việc đề xuất quyền làm chủ của dân... còn là một khoảng cách. Nhưng trong thời phong kiến chuyên chế, kinh tế suy sụp, mà đề xuất những ý kiến như vậy là thương dân, là có tiến bộ. Những ý tưởng tốt đẹp đó được chứng minh, phát biểu ở nhiều chỗ, nhiều dạng rất phong phú.

(1) Xem đoạn 4.4 (Từ đây trở xuống, chúng tôi đánh số tiết đoạn theo bản dịch)

Đối với bộ phận lãnh đạo, quản lý xã hội, đứng đầu là ngôi vua, và các quan giúp việc, Lê Quý Đôn cũng nêu ra các yêu cầu về phẩm chất đạo đức như sau: Vua phải - có tài năng, quyết đoán (11.1), suy nghĩ sâu sắc (1.1), khoan thứ giản dị, hiếu sinh (3.10). Dời tư trong sạch, lành mạnh, tận tụy với công việc (3.12), ham học hỏi (23.1), có chí đổi mới (13.2), cởi mở, tiếp thu ý kiến mọi người (1.8, 17.1), đoàn kết được mọi người (1.8).

Ngược lại là những vua có thói hư tật xấu. Như ham chơi hưởng lạc, rượu chè, gần bọn gian nịnh kiêu căng... (thì bị mất ngôi) (11.4, 13.4, 13.6...).

Đối với quan lại thì: Vua tài giỏi sáng suốt phải đào tạo và sử dụng hết các nhân tài, không bỏ sót (2.12, 8.2) nhân tài sẽ làm cho nước thịnh - họ là nhân tố quyết định thời cuộc (22.1, 22.4). Bề tôi tài giỏi điển hình là Y Doãn, Phó Duyệt, có rất nhiều đức tính quý báu (14.2, 15.3, 21.4). Vua phải đề phòng bọn bèm mép, bọn gian nịnh xúi bẩy (16.1, 2.24, 14.1) phải loại dần bọn xấu xa dốt nát dù chúng là thân cận (22.4). phải có nhân tài mới đổi mới được chính sự (2.1, 21.1, 21.2). Cách chọn nhân tài: Phải xem việc làm chứ không căn cứ ở lời nói (4.1).

Để quản lý xã hội không phải chỉ bó tròn ở việc tu dưỡng đạo đức. Mà phải có những sự vận hành "chính sự", cụ thể là những việc: khuyến khích sản xuất (làm lịch để cho dân biết thời vụ canh tác: 1.5, 2.13, 2.16) có chính sách bảo vệ tài nguyên (3.5) coi trọng kỹ thuật sản xuất (6.1, 50.1), trị thủy phải tuân theo quy luật thủy văn (6.2).

Về tài chính thuế khóa phải thu cho công bằng (6.4); không tích tụ của cải vào một chỗ mà nên để phân tán ở

trong dân (31.1). Chi dùng nên tiết kiệm (14.1, 43.1, 48.13), nhẹ bớt đóng góp của dân (13.5, 12.1), nâng cao đời sống cho dân (53.2).

Muốn vận hành chính sự phải có bộ máy quan lại. Nhiều lần Lê Quý Đôn tìm hiểu bộ máy quan chế đời cổ từ Hạ Thương Chu. (5.3, 6.1, 30.1). Và ông rất chú ý đến vai trò các "đồ thư pháp điển" (8.6), đến chế độ đãi ngộ quan liêu (32.19), ông muốn tìm hiểu đến nơi đến chốn các chế độ ấy.

Đặc biệt, Lê Quý Đôn không giữ nguyên tư tưởng "đức trị" của thời xưa, mà ông rất chú ý đến vấn đề "pháp trị" (quản lý nhà nước bằng pháp luật). Nhưng ý kiến ông nêu ra và nhắc đi nhắc lại về pháp trị như sau:

- Phải phổ biến sâu rộng luật pháp cho dân biết (2.6, 3.7, 55.2). Xét xử phải công bằng, không nhẹ với quyền quý, nặng với dân hèn (32.17). Xét xử phải có lòng thương xót và có mục đích giáo dục (3.8). Người hành pháp không được lợi dụng pháp luật (3.6); trị tội thì không trị đến người nổi dòi (3.14) và tội còn nghi ngờ nên xử nhẹ đi (3.9).

[Ta thấy đây là quan điểm tiến bộ, nhân đạo, nếu so sánh rằng đời Nguyễn vẫn áp dụng luật tru di ba đời ...]. Ông chứng minh rằng: khi nào kỳ cương phép luật lộn xộn là dấu hiệu nước sắp mất (26.1, 26.2).

Nhưng quản lý xã hội, không phải chỉ có luật pháp. Các lĩnh vực khác như quân sự quốc phòng, văn hóa xã hội, giáo dục, đạo đức cũng được đề cập tới ở mức độ khá sâu. Chẳng hạn:

- Về quân sự ông có chú ý phân biệt chiến tranh chính nghĩa và phi nghĩa khi nói rằng: Dù chư hầu gây sự, thiên tử cũng phải xem xét xem mình có lỗi gì không, rồi mới ra quân (22.3, 35.3, 47.15). Xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh là cần. Nhưng phải đề phòng phản tác dụng (22.2). Chớ ham viễn chinh mà quên phòng bị ở sát nách (7.1). Nên ngu binh ư nông (2.19). Lúc thanh bình cũng phải lo việc võ bị (51.1). Ông cũng phê phán gay gắt bọn bành trướng xâm lược vượt ra ngoài lãnh thổ, đi "khai hóa" nước người ta (47.15).

- Ông khen Thương Ương, Quản Trọng đã làm cho dân giàu nước mạnh nhưng cũng nói: Lo quốc kế không chỉ có kinh tế quốc phòng, mà còn phải chú ý sao cho phong hóa đạo đức xã hội tốt đẹp, ổn định nữa (23.4). Và ông coi phong tục, ngôn ngữ là gốc của văn hóa mỗi nước, là bản sắc văn hóa dân tộc (11.5). Rất chú ý tìm hiểu phong tục, tín ngưỡng thời cổ, ông giải thích khá hợp lý những chỗ sách chép có vẻ khó hiểu với đời sau.

Đặc biệt có chỗ ông nói rằng việc bói toán thời ấy chỉ là hình thức là thủ tục.

Về giáo dục: ngoài việc dạy dân lễ nghĩa kết hợp với luật hình và biểu dương người có đức (3.5) ông còn rất chú ý đến việc giáo dục đối với thế hệ con em tầng lớp cầm quyền. Ông thấy rõ chính bọn ấy hay bị tha hóa biến chất nhất (2.22, 2.23, 13.3, 52.4). Ông tin rằng đó là việc cần làm để gìn giữ kỷ cương xã hội.

Ngoài ra những điều thuộc về kinh nghiệm và phương pháp làm chính trị, Lê Quý Đôn cũng tùy chỗ mà nêu ra, chẳng hạn như:

- Vua làm việc chuyên cần, nhưng không nên ôm đồm, việc vụn vặt gì cũng lao vào (5.4), mà nên nắm đại cương, rồi kiểm tra thường xuyên, khen thưởng kịp thời (2.5). Muốn "cách mạng" [từ cách mạng vốn được dùng trong Kinh Thư] phải kiểm được người giỏi và phải lựa chọn được thời cơ (2.1, 22.5). Phải tiến dần từng bước vững chắc (21.4). Phải làm cho dân tin theo, cách gây lòng tin cho dân thế nào (2.3) v.v...

- Về quản lý hành chính cần có sự phân cấp trung ương và địa phương (2.11). Và quan niệm về sự cần thiết phải quản được cương giới lãnh thổ của một nhà nước, cũng đã được nêu ra, nhân khi nói việc vua Nghiêu sai quan đi đo bóng mặt trời (1.4)...

Tóm lại, điểm sơ qua như vậy, ta có thể thấy, Lê Quý Đôn đã đề cập đến khá nhiều mặt của công việc "chính sự", quản lý nhà nước, xã hội, kể cả việc cải tổ chính trị nữa. Ở mặt nào ông cũng tỏ ra am hiểu và có những đề xuất, kiến giải khá sâu sắc và có những quan điểm tiến bộ. Tuy có những vấn đề có vẻ là "để tài muôn thuở" như "trọng dân", "dụng hiền" mà kinh sách xưa đã có đề cập đến. Nhưng nhiều khi kinh sách đó chỉ nói lướt qua, còn Lê Quý Đôn thì phân tích, chứng minh rõ và nhắc đi nhắc lại như thế thì người đọc đã thấy việc "làm rõ kinh điển" quả là tác giả đã làm "vượt yêu cầu".

c) Về phương pháp nhận thức

Chúng ta đều biết: văn Kinh Thư là thứ văn rất cổ. Đến như Hàn Dũ đời Đường phải coi là "cật khuất ngạo nha" (trúc trắc khó hiểu). Ở Trung Quốc từ đời Hán đã có những "bác sĩ" chuyên nghiên cứu kinh ấy. Những

người đi học xưa nếu không "chuyên trị" kinh này, thì cũng chỉ học thuộc một số thiên hay dùng trong văn sách, còn nói chung là "bất cầu thậm giải" (không cần hiểu cần kể, chỉ cần nắm đại cương). Thế nhưng, qua tác phẩm này, ta thấy Lê Quý Đôn đã đọc kỹ, hiểu sâu từng chương từng tiết, nắm được ý và thoát ra để bình giải thật là sâu sắc. Nhiều khi ông nêu lên những điều thắc mắc về chỗ tối nghĩa trong kinh (5.2). Lại có chỗ ông tranh luận với các học giả nổi tiếng Trung Quốc xưa (khoảng 20 chỗ) ở các chương (41, 42, 46, 48, 52, 54, 55, 57). Để hiểu sử ông còn xem xét cả hình thế địa lý đương thời (5.5, 6.6, 6.7, 25.1). Các vấn đề quan chế, lễ nghi, phong tục xưa cũng được đề cập đến chứ không chỉ nhằm vào những lời dạy hay ho "và chính sự tốt đẹp" của "thánh nhân" mà học. Ngay khi nghiên cứu các "lời dạy" được coi là sự tổng kết, là những mẫu mực, thì Lê Quý Đôn cũng đòi hỏi phải so sánh với pháp điển thời ấy (23.3, 55.10) (xem trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể nào mà người ta hành động như thế, và tổng kết như thế). Như vậy, qua thực tiễn nghiên cứu, Lê Quý Đôn đã nhận thức rằng chân lý là một cái gì cụ thể, chứ không phải một nguyên lý chung áp dụng cho mọi thời đại mọi hoàn cảnh. Chính vì có phương pháp nhận thức đúng đắn như thế, nên Lê Quý Đôn đã đạt đến những đỉnh cao của kiến thức, và nhiều sách ông viết ra rất có giá trị (nhất là những trước tác về sử học). Nhiều chỗ ông đã đi đến những nhận xét có tính chất tổng kết chính xác, không đơn giản, một chiều như tiên nho. Chẳng hạn ông nói Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn, Thuấn nhường ngôi cho Vũ chứ không nhường ngôi cho con mình đó là do "thuận theo vận mệnh và biết thời thế"

(3.11) (Bây giờ ta hiểu đó là chế độ liên minh bộ lạc, thời công xã nguyên thủy...).

Về mục đích học tập, ông nêu rõ: học để mà hành, nên học phải kết hợp với hành, "học xưa là vì nay" nên phải khảo cứu đến nơi đến chốn (23.2, 23.9). Đó là những tổng kết rất quý báu, góp vào kho kinh nghiệm khoa học của nhân loại. Chính là để làm rõ pho kinh điển chỉ có 58 thiên này, mà Lê Quý Đôn đã dùng tới 342 đoạn văn bình giải, và dẫn ra hàng nghìn sự kiện ở hàng trăm cuốn sách khác nhau. (Chúng tôi đã phải làm tới gần 1100 chú thích). Điều đó cũng cho ta thấy học lực của ông uyên bác là nhường nào.

3. Ta nên nhìn nhận tác phẩm này như thế nào?

1) Trước hết, đây là thể tài đặc biệt : chú giải kinh điển, kinh điển là của nước ngoài, sách lại của người xưa làm ra, đã có nhiều người chú giải. Vì vậy dễ có người cho là vô ích, gặt ra, coi như một "cái đuôi" thừa, một sự lặp lại kinh điển nho gia mà các nhà nho đời Tống đã chú giải bóp méo đi... Nhưng, như trên đã cho thấy: không hoàn toàn như vậy. Ở Lê Quý Đôn có sự "trở về nguồn". Với những mặt tích cực, dân chủ của nho giáo nguyên thủy, và có một cái gì hơn như thế nữa, gần với nhân dân... Từ xã hội Việt Nam sôi động thế kỷ 18 ông nhìn lại lịch sử Trung Quốc cổ đại với những bài học chính trị... Ông nói rõ là mình *cảm thấy ý vị dào dạt, lý thú vô cùng, có xúc động và có phát minh*... Theo truyền thống "thuật nhi bất tác" của các học giả phương Đông, và tác phong "mượn đề tài cốt truyện nước ngoài" cho "kín vỏ"... Lê Quý Đôn đã chọn được cách làm rất "đắc thủ" (đúng chỗ đúng lúc) để

phát biểu quan điểm của mình. Dù có nói thế nào đi nữa cũng không ai có thể coi *Kinh Thư diễn nghĩa* không phải là của Lê Quý Đôn, một sản phẩm Việt Nam, một tác giả Việt Nam thế kỷ 18, cũng như Truyện Kiều không phải là tác phẩm nghệ thuật của Nguyễn Du, của Việt Nam...

2) *Về bút pháp*: khá linh hoạt. Như trên đã nói Lê Quý Đôn đã chọn được đúng "đất dụng võ": bản thân Kinh Thư cho phép bàn bạc tới nhiều khía cạnh về chính trị xã hội. Ông đã tùy chỗ mà phát huy. Cùng một nguyên lý, một lý tưởng, nhưng ở mỗi đoạn, mỗi văn cảnh cụ thể ông lại diễn đạt một cách khác, với những dẫn chứng lịch sử sát đúng, sinh động, muôn màu muôn vẻ, với những lý lẽ sắc bén, và lời bàn thảo lý đạt tình, có sức thuyết phục, khiến người đọc tin rằng cái "hay" đã tổng kết đó là có thật, là tất yếu hoặc là có thể làm được, không phải hoang đường... Làm được điều đó là nhờ ở trí nhớ kỳ diệu và óc liên tưởng tuyệt vời của ông, khiến cho tác phẩm này mang dấu ấn đặc sắc của Lê Quý Đôn, không thể lẫn với người khác.

3) Tác phẩm của Lê Quý Đôn vốn "hay", chắc chắn người "có học" đương thời được đọc ai cũng khen nức nở vì họ thuộc kinh thuộc sử (văn Kinh Thư lại có nhịp điệu gần như thơ) họ hiểu được cái hay cái đẹp của nguyên văn và hiểu được "tâm thuật" tác giả "ngụ" trong đó... Còn chúng ta ngày nay, đọc trong bản dịch, không những khó thấy được cái hay của nguyên văn, mà chắc còn cảm thấy sự trức trắc, lòng thông vì là văn dịch, và, những người, những dẫn chứng trong sách lại xa lạ với chúng ta. Do đó sự cảm thụ chắc bị giảm đi nhiều. Điều này chúng tôi thấy

rõ, nhưng đành chịu. Và, chỉ cố gắng vớt vát lại phần nào bằng cách "dịch sát chú rõ" để độc giả lĩnh hội càng nhiều càng tốt. Và chúng tôi có làm thêm bảng tóm tắt các chủ đề để ở đầu sách, cùng sách dẫn ở đằng sau, để đáp ứng yêu cầu của bạn đọc - chắc chắn rất cần - khi muốn đọc một cách nghiền ngẫm, lật đi lật lại, so sánh giữa các đoạn trong sách và so với sách khác, vì sách vốn phong phú đa dạng, có khi lấp đi lấp lại.

Xét thấy đây là một tác phẩm biểu hiện khá tập trung tư tưởng chính trị của Lê Quý Đôn - một học giả lớn của Việt Nam thế kỷ 18 - nên chúng tôi coi đây là một tư liệu quan trọng để nghiên cứu tìm hiểu về tác giả này.

Xét thấy những chủ đề "muôn thuở", ngày nay vẫn đang còn đặt ra nóng hổi, trên quan điểm đãi cát lấy vàng, chúng tôi trân trọng giới thiệu với giới nghiên cứu cuốn *Kinh Thư điển nghĩa*, do Viện Hán Nôm cộng tác với XN ĐT - TH Seatic tổ chức dịch thuật với những gợi ý rất sơ lược như trên, nhằm mục đích chủ yếu là cung cấp cho các bạn một công cụ để tham khảo.

10.11.1987

N.T.L.

TÓM TẮT NỘI DUNG CHỦ ĐỀ CÁC CHƯƠNG TIẾT

PHẦN I: *NGU THƯ* (SỬ ĐỜI ĐƯỜNG NGU)

1. Nghiêu điển (Điển phạm, đức nghiệp của vua Nghiêu).

1.1 Sử gia đời trước khen vua Nghiêu có 6 đức tính chính trị tuyệt vời: Kính cần, sáng suốt, văn minh, suy nghĩ sâu sắc, có tình có lý, khiêm tốn. Lê Quý Đôn chỉ khen có một đức "*Suy nghĩ sâu sắc*", cho đó là đức tính cơ bản nhất, bao trùm nhất của một người thủ lĩnh lỗi lạc khi xưa - Tác giả có dẫn chứng, biện luận.

1.2 Các bước để thi hành "chủ nghĩa" của Nghiêu:

- a- Làm sáng cái đức sáng của mình
(tuyên truyền, thử nghiệm, chứng minh)
- b- Dựa vào các người thân cận làm tay chân để thực hành chủ trương của mình.
- c- Trị nước, làm cho thiên hạ bình yên.
- d- Tổ chức sản xuất công nghiệp: làm lịch, hướng dẫn thời vụ cho dân.

1.3 Lãnh thổ thời vua Nghiêu đến đâu.

1.4 Việc quản lý lãnh thổ đó thế nào:

- Sai quan đi xác định bờ cõi, cương giới;
- Xem xét dân tình, nắm vững (điều kiện) địa lý, phẩm vật (kinh tế các vùng).

1.5. Khái niệm: "Nhân sự thuận theo thiên thời" thực chất là: sản xuất nông nghiệp phải theo thời tiết, mùa vụ của các loại cây trồng.

1.6 Lê Quý Đôn chứng minh rằng vua Thuấn vốn xuất thân là con vua chư hầu chứ không phải con nhà dân nghèo như có người đã nói theo lễ giáo xưa.

1.7 Thuấn lấy cả hai con gái vua Nghiêu làm vợ : đó là theo lễ giáo xưa.

1.8 Những đức tính chính trị của Thuấn từ khi chưa được Nghiêu nhường ngôi cho:

- a- Hiếu thảo, hòa thuận trong gia đình;
- b- Vui vẻ tiếp thu ý kiến hay của người khác;
- c- Biết xem xét sự vật khách quan, hiểu đạo lý làm người, thực hành điều nhân nghĩa;
- d- Đoàn kết được nội bộ, được mọi người yêu mến, suy tôn.

2. **Thuấn Điển** (Diễn Phạm, đức nghiệp của vua Thuấn).
(viết về thiên này, Lê Quý Đôn có nghĩ đến một cuộc cai tổ từ bên trên).

2.1 Tình hình lúc đầu: Nghiêu muốn cai tổ

- a- Thiên hạ ổn định nhưng có điều chưa vừa ý:
 - Bốn kẻ hung bạo còn ở trong triều chưa bị trừ bỏ;
 - Các người tài còn chưa được dùng;

- Việc trị thủy chưa xong.
- b- Thuấn đã tỏ ra là người có thể thực hiện được ý đồ của Nghiêu
 - Thuấn được cả thiên hạ ngưỡng mộ: Giáo dục thì mọi người nghe theo, điều khiển trăm quan thì không ai làm hỏng việc (khả năng tổ chức: biện pháp tinh tường, vận dụng nhạy bén) nắm vững mục đích: "*Biến hóa thần diệu khiến cho dân vui lòng*".
- 2.2 Thuấn đã được Nghiêu thử thách. Xét hoàn cảnh đều thuận lợi.
- 2.3 Trao đổi căn vặn lần cuối cùng về phương châm phương pháp làm việc.
- 2.4 Phải lựa thời lựa thế khi cải tổ mới thành công.
- 2.5 Kiểm tra thường xuyên, khen thưởng kịp thời. Đó là tác dụng to lớn để xoay chuyển thiên hạ.
 - Thống nhất đơn vị đo lường (nằm trong việc thống nhất các thang giá trị xã hội).
- 2.6 Phổ biến luật hình sự đến tận dân chúng (học giả trước cho rằng: cổ nhân chỉ đặt ra luật hình để dọa mà thực tế không dùng. Lê Quý Đôn chứng minh: xưa có dùng nhục hình).
- 2.7 Xét xử phải có lòng nhân từ thương xót, không dùng mẹo lừa buộc người vào tội nặng. Không mượn tiếng nhân từ để cầu lợi cầu danh.
- 2.8 Biện luận việc Thuấn trừng trị bọn cận thần gian ác một cách công minh chính đại, không vì nghi ngờ hay ghen ghét chúng.

- 2.9 Thuần trị tội 4 kẻ hung ác mà thiên hạ cảm phục.
- 2.10 Miếu hiền có từ bao giờ (khảo chứng học).
- 2.11 Sự phân cấp trung ương và địa phương có từ bao giờ.
- 2.12 Mở đường cho người hiền tài tiến thân: mở rộng đường ngôn luận, nghe tiếng nói từ dưới lên. Bỏ ý riêng theo ý kiến đa số là phong cách của vua Thuần.
- 2.13 Coi trọng ý kiến cấp dưới (địa phương), coi trọng *sự no đủ của dân*, thuận theo thời vụ nhà nông, vỗ về nước xa, thương yêu nước gần, hậu đãi người có đức tốt, tin dùng người có lòng nhân, cự tuyệt kẻ gian tà.
- 2.14 Khiêm tốn nhường nhau, không tham quyền, không tự cho mình là tài giỏi, không cậy công.
- 2.15 Quan chức chỉ (thời cổ): những chức quan cần có để làm việc.
- 2.16 Chú trọng nông nghiệp là hàng đầu (thời xưa cũng xảy ra nạn đói).
- 2.17 Dạy lễ nghĩa, kết hợp dạy luật hình để đoàn kết nội bộ dân và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.
- 2.18 Phân biệt Trung Hoa với Man di
- 2.19 Ngụ binh ư nông. Chức sĩ sư có từ bao giờ.
- 2.20 Tế lễ trời đất và bách thần.
- 2.21 Thuần hết lòng vì dân: mong cho thời tiết dễ chịu để dân khỏi ốm đau.
- 2.22 Bồi dưỡng khí chất và phẩm chất cho thế hệ con em.
- 2.23 Sự khó dạy của một số con em các quan to.
- 2.24 Bí quyết để phòng kẻ gian nịnh xui bầy.
- 2.25 Nhận xét chung về tổ chức quản lý xã hội thời cổ đại: Đó không phải là cái gì đơn giản.

3. **Đại Vũ mô** (Mưu mô trị nước của Vũ đề nghị lên vua Thuấn)
- 3.1 Răn bảo vua và bề tôi phải thận trọng, lo xa: trong khi thuận lợi vẫn phải nghĩ đến cách ứng xử lúc khó khăn.
- 3.2 Hai dẫn chứng:
- a- Thuận theo lẽ phải thì gặp lành (thành công của vua Thuấn và vua Vũ).
 - b- Trái với lẽ phải thì gặp dữ (Đan Chu và Thái Khang).
- 3.3 Chớ nên ăn không ngồi rồi. Mưu kế có chỗ còn nghi ngờ thì chớ làm, sẽ thất bại. Ba dẫn chứng lịch sử do Lê Quý Đôn đưa ra.
- 3.4 Biểu dương những người giữ gìn đạo đức để bảo vệ trật tự kỷ cương xã hội phong kiến cổ truyền.
- 3.5 Khuyến khích lao động nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên lâm sản và thủy sản (đánh thuế những người có đất mà bỏ hoang không canh tác).
- 3.6 Quan hành pháp phải chính trực công bằng, không bán uy mua phúc.
- 3.7 Luật hình sự cần ban hành trước và giáo dục cho mọi người hiểu biết, tự giác tránh phạm pháp.
- 3.8 Khi xét xử cũng kết hợp giáo dục pháp luật.
Xử tội công minh là giúp cho giáo dục.
- 3.9 Vua thân hành đứng ra xử án có từ bao giờ.
Tội mà còn nghi ngờ thì nên xử nhẹ án.
- 3.10 Khoan thứ, *giãn dị*, hiếu sinh (không thích giết người) là đức của kẻ làm vua.

- 3.11 Nghiêu nhường ngôi cho Thuấn, Thuấn nhường ngôi cho Vũ (truyền ngôi cho người hiền chứ không truyền ngôi cho con) đó là *thuận theo vận mệnh và biết thời thế*.
- 3.12 Mỗi quan hệ giữa cuộc sống riêng và đạo đức chính trị (giữa đời công và đời tư) của người lãnh đạo: Nếp sống phải trong sạch giản dị, lành mạnh, tận tụy với công việc. Không uống rượu, gương mẫu trong sinh hoạt, nói năng.
- 3.13 Giải thích câu: "Duy tinh duy nhất đoan chấp quyết trung" - (Đây là bí quyết tâm niệm tu dưỡng của nhà nho). Tóm lại là: nắm vững đạo Trung dung, phê phán học giả trước hiểu sai.
- 3.14 Trị tội thì không trị đến người nổi dôi (ai làm người ấy chịu).
4. **Cao Dao mô** (Mục mô của Cao Dao kiến nghị với vua Vũ)
- 4.1 Đánh giá (xét) người không chỉ căn cứ trên lời nói mà phải xem ở việc làm.
- 4.2 Phẩm chất người lãnh đạo: Phải có sự thăng bằng giữa các mặt đối lập của tính cách cương nghị mà khoan dung, nhu thuận mà vững vàng, chính trực mà ôn hòa. Có sức mạnh nhưng phải nhân đạo.
- 4.3 Đức tính tốt ở một người càng có nhiều càng hay. Nhưng dùng người thì không nên cầu toàn.
- 4.4 Vua phải làm gương cho bề tôi. Cấp trên làm gương cho cấp dưới. Không được rong chơi và ham mê vật dục. Việc lớn hay việc nhỏ đều là thay trời mà làm (đó là trách nhiệm rất thiêng liêng).
- 4.5 Làm theo ý dân tức là làm theo ý trời.

5. Ích Tắc mô (Mưu mô của Ích và Tắc).

- 5.1 Vua khuyến khích bề tôi thì ôn hòa như gió xuân, rắn bảo thì nghiêm túc như sương thu.
- 5.2 Một đoạn văn khó hiểu - Lê Quý Đôn nêu ra.
- 5.3 Phòng đoán về mô hình quan chế đời Ngụ.
- 5.4 Phương pháp làm việc của người lãnh đạo: (vua) không lười biếng nhưng cũng không ôm đồm, lao vào giải quyết các việc vụn vặt. Nên vạch phương hướng và đôn đốc, kiểm tra.

*

PHẦN II: HẠ THƯ (SỬ NHIỆM HẠ)

6. Vũ cống (Vua Vũ trị thủy - phép cống phú của nhà Hạ)
(một thiên đặc biệt nói về *địa lý và sản vật*).
- 6.1 Vai trò của kỹ thuật trong sản xuất, vị trí các nhà chuyên môn trong hệ thống quan chức.
- 6.2 Trị thủy phải theo quy luật thủy văn.
- Lúc dân đang bị nạn lụt tan hoang sao lại bắt dân đi xây thành đắp lũy?
- 6.3 Chế độ tô thuế cống phú bằng hiện vật: Sự phiền phức và cách khắc phục.
- 6.4 Đánh thuế nông nghiệp thế nào là công bằng: Ruộng phân theo đẳng hạng tốt xấu, không thu bình quân.
- 6.5 Phê bình một chỗ các sách chú giải về địa lý cổ không rõ ràng
- 6.6 - Như trên -
- 6.7 Biện luận về địa lý: Lãnh thổ đời Hạ Vũ.
- 6.8 Biện luận về biên giới phía bắc và đông bắc Trung quốc.

7. **Cam thệ** (Lời thệ sư ở đất Cam khi Đế Khải đi đánh họ Hữu Hộ).

7.1 Lê Quý Đôn chê vua Khải nhà Hạ: Ham đánh Tây di ở xa mà không biết phòng bị mối nguy Hậu Nghệ ở gần.

8. **Ngũ tử chi ca** (Bài ca của 5 người em khuyên can vua Thái Khang).

8.1. Thái Khang an chơi vô độ ham săn bắn nên bị Hậu Nghệ cướp ngôi là đáng lắm.

8.2 Phân tích thêm nguyên nhân mất ngôi của Thái Khang:

+ Không tu sửa việc dân sự.

+ Ruồng bỏ người hiền tài để họ chạy sang với Hậu Nghệ.

8.3 Tư tưởng chính trị thực của Lê Quý Đôn khi ông nhắc lại kinh điển.

"Đức độ tốt phải thể hiện ở chính sự hay, tức là nuôi dân no đủ".

"Dân là gốc của nước. Gốc có vững thì nước mới yên".

Quan hệ giữa vua và dân:

- Vua lãnh đạo dân, bảo gì dân cũng theo, dân cống hiến cho vua hưởng thụ. Nhưng vua phải có trách nhiệm lo lắng cho đời sống mọi mặt của dân. Nếu không để ý tới dân, chỉ thả mình theo ý riêng thì dân sẽ không vâng mệnh nữa, bề tôi sẽ trở thành thù địch, lộc trời sẽ hết. Vậy dân là đáng sợ, đáng kính, chớ coi thường.

- 8.4 Vai trò của Điển lệ phép tắc và bản đồ sổ sách (văn kiện hành chính - hồ sơ lưu trữ) trong việc quản lý nhà nước.

9. Dân chinh (Dân hầu đi chinh phạt họ Hy và họ Hòa).

- 9.1 Lòng dân luôn nhớ tới công đức của vị vua khai sáng, nên ủng hộ con cháu của ông ta. (Đây là mầm mống của tư tưởng "chính thống" cổ truyền).
- 9.2 Những ví dụ cụ thể thế nào là "Triều đại suy vi do vua tôi cùng trể nài việc chính trị". Cách khắc phục.
- 9.3 Bài học lịch sử có lặp lại: Kè đi sau vấp phải sai lầm như kè đi trước: ham săn bắn, mà mất nước, thích rượu ngon mà tiêu vong.

*

PHẦN III :THƯỢNG THU (SỬ ĐỜI AN - THƯƠNG)

10. Thang thệ (lời thề của vua Thang khi đem quân đi đánh vua Kiệt nhà Hạ)
- 10.1 Lê Quý Đôn chứng minh tính chất chính nghĩa của hành động Thang nổi dậy lật đổ Kiệt. Và cho rằng phải có cách hiểu linh hoạt về đạo nghĩa vua tôi (vì Kiệt là "vua" nhưng ác, Thang là "tôi" nhưng được dân ủng hộ, Thang cứu dân)
11. Trọng Hủy chỉ cáo (Lời ông Trọng Hủy giải thích hành động "cách mạng" của vua Thang).
- 11.1 Đạo đức tốt không đủ. Vua sáng nghiệp còn phải có tài sáng suốt và quyết đoán. (Lê Quý Đôn so sánh vua Tống với vua Thang)

11.2 Phe cánh của Kiệt rất mạnh, nhưng Thang đánh dẹp được hết, vì ông được lòng dân. Đó là hợp sự thế (cơ chế lúc đó) cho phép chứng minh.

11.3 Tu dưỡng bản thân thì cần cứ theo "lễ" (phải làm thường xuyên, phải kính cẩn) chinh phạt hay ủng hộ kẻ khác thì cần cứ theo "nghĩa" (xem xét thấy việc đó là việc đáng làm, vì lợi ích chung)

11.4 "Vua nào kiêu căng cho rằng không ai bằng mình thì sẽ bị diệt vong". Lê Quý Đôn dẫn chứng lịch sử, chứng minh câu đó của kinh điển là *đúng*!

11.5 Phong tục là bản sắc văn hóa của một quốc gia. Giữ được văn hóa là nước còn, bỏ mất văn hóa là nước mất.

12. Thang cáo (Bá cáo của vua Thang sau khi diệt nhà Hạ)

12.1 Làm cho dân khổ, dân oán thì phải bị diệt vong - ý dân là ý trời. Muốn dân khỏi khổ khỏi oán thì: nhẹ tô thuế, giảm hình phạt. Lê Quý Đôn đồn thêm sử liệu ở mấy chỗ vào để chúng dẫn nhãn mạnh ý này.

12.2 Vua Thang khuyên bảo các quan ắp (chư hầu) bằng lời lẽ giản dị dễ hiểu, mà sâu sắc, *hợp với lợi ích của họ*.

13. Y huấn: (Lời Y Doãn dạy bảo vua Thái Giáp lúc mới lên ngôi).

13.1 Tác dụng làm gương của vua đối với cả thiên hạ vua hiểu kính dân hòa thuận. Lý do?

13.2 Đức tính của vua Thang:

1- Làm việc tận tụy (nửa đêm đã dậy, chờ sáng mà làm việc).

2- Luôn muốn vươn lên, có chí đổi mới.

13.3 Vấn đề đào tạo giáo dục người nối nghiệp (các con vua): Cần có các quan *sư, biao* tốt. Nhà Hạ thì *sư* bảo chết sớm, nhà Thương thì không, nên con cháu họ thịnh vượng.

13.4 Về các thói hư và tật xấu của vua và các quan to: Hễ ai phạm phải thì đều xụp đổ cả. Lê Quý Đôn dẫn chứng 9 trường hợp điển hình trong lịch sử Tung Quốc.

- Ba thói hư:

1- Thích ca xướng.

2- Ham mê tiền của, săn bắn

3- ghét người trung trực, không nghe lời nói thẳng.

- Mười tật xấu:

1- Thích hát múa ở cung đình

2- Thích ca xướng ở nhà riêng

3- Thích sắc đẹp

4- Tham của cải

5- Thích rong chơi

6- Thích săn bắn

7- Khinh lời thánh nhân

8- Ghét người trung thực

9- Xa người đạo đức

10- Gắn gũi bọn thiếu niên cần bậy.

13.5 (*Chú ý*: Thiên này nói về lời dạy đối với vua trẻ và con các quan)

- 13.6 Lê Quý Đôn nêu gương 2 người đời sau (một vua, một quan) lập ngôn tự răn không mắc vào thói hư tật xấu. Lời và ý rất hay.

14. 15. 16. Thái Giáp Thượng, Trung, Hạ

(Ba thiên Thái Giáp Thượng, Trung, Hạ dùng thể "cáo" nói về những lời Y Doãn khuyên vua Thái Giáp, và những lời hối lỗi của Thái Giáp)

(Thái Giáp: Xem chú thích 1 ở đoạn 14.1 trang 67)

- 14.1 Vua con được thừa hưởng cơ nghiệp của vua cha, (bản thân không vất vả khó nhọc vì dựng nghiệp) nên thường xa xỉ, ham chơi - dễ bị dân oán ghét lật đổ - đối với vua thế là làm hại cả dòng đời sau này...

Lê Quý Đôn suy luận và dẫn chứng thêm: Đời Đường đời Tống còn những kẻ gian nịnh dẫn kinh điển để khuyến khích vua ăn chơi xa xỉ đến nỗi tài chính sụp đổ và mất nước.

- 14.2 Giải thích tại sao Y Doãn là bề tôi mà lại đầy được vua Thái Giáp là vì *uy tín đạo đức* của ông rất cao, có thể làm được việc ấy (điều này sử không chép, Lê Quý Đôn suy ra)

Những hành vi cụ thể:

- 1- Trước đã không tham địa vị, bổng lộc.
- 2- Làm việc gì cũng công khai.
- 3- Có lượng bao dung: Đối với bọn trẻ ngang ngạnh ông chỉ đẩy đi xa, không giết.
- 4- Công minh chính đại: Trao chức quan cho người hiền tài chứ không giành cho người tộc thuộc.

5- Trong sạch: Không tham lợi, không xây dựng cơ nghiệp riêng

6- Đối với vua rất thành khẩn, lễ độ

7- Không tham quyền cố vị: Khi vua sửa lỗi xong thì kiên quyết từ chức về nghỉ không luyến tiếc.

15.2 Thái Giáp nhận lỗi là thành khẩn, vì không đổ cho kẻ khác dẫn mình vào lỗi.

15.3 Lời lẽ của Y Doãn rất ôn tồn trung hậu, có thể làm mẫu mực cho việc dạy bảo vua. (nghệ thuật phê bình, giáo dục).

16.1 Đề phòng những kẻ bẻm mép, chỉ có tài biện bác, làm hỏng việc.

17. **Hàm hữu nhất đức** (thể "Huấn", lời Y Doãn dặn bảo vua Thái Giáp trước khi ông về nghỉ)

17.1 Cần phải lắng nghe ý kiến nhiều người (kể cả người cất cò, kiếm cùi...) nhưng phải tự mình suy nghĩ cân nhắc kỹ.

18. 19. 20. **Bàn canh** (*Thượng, Trung, Hạ*)

Nhà thượng suy vị, vua Bàn Canh dời đô về ấp cũ để lấy lại vương khí. Quan lại, nhân dân phân vân lo ngại. Vua giải thích và chỉ bảo họ.

18.1 *Lê Quý Đôn cho rằng việc định đô ở đâu là rất hệ trọng đối với quốc tế dân sinh: Không những đó chỉ là trung tâm về địa lý hành chính (do hình thể quốc gia, phải ở trung độ của tứ phương) mà còn phải chú ý đến cuộc sống, phong tục của dân nữa. - Dẫn chứng kết quả tồi xấu của việc định đô đúng sai.*

- 19.1 Dời đô là việc quan trọng, cần công khai cho dân biết và bàn bạc với dân.
- 19.2 Để dời đô cho tốt phải có tổ chức, có kỷ luật chặt chẽ: nghiêm trị bọn gây rối, bọn gian hung.
- 20.1 Vua phải nói câu "Ta kính cần theo mệnh dân", và "Ta không dùng những người tham nhũng"- Lê Quý Đôn nhắc lại và tán thành.
- 20.2 Nguyên nhân của tệ tham nhũng là do bề trên có làm gương, có răn bảo hay không.

21. 22. 23. Duyệt mệnh (Thượng, Trung, Hạ).

Nhà Ân Thượng suy vi. Vua Vũ Đinh (Tức Ân Cao tông) lên ngôi, tuy có chí cải cách lớn nhưng chưa tìm được người có tài phò tá, nên 3 năm liền không nói năng, không thi thố chính sự gì lớn. Khi tìm được Phó Duyệt là người tài, thì trao quyền và nghe theo Phó Duyệt...

- 21.1 Ân Cao Tông rất *khất khao* tìm được *nhân tài* để thực hiện ý đồ cải tổ.
- 21.2 Khất khao đến mức nằm mộng thấy người ấy, tỉnh dậy, sai thợ vẽ chân dung và sai người đi tìm...
- 21.3 Chúc năng của người phò tá là bồi dưỡng đào tạo và trợ giúp vua, chứ không phải đợi có sai lầm mới *can gián*
- 21.4 Nghệ thuật của người làm "tôi":
 - Được trao quyền nhưng không vội vàng "dốc hết bài bản", mà *diễn dần từng bước vững chắc*: Cùng cố quyết tâm của vua, sau mới đề xuất việc dùng người... "Bắn phát nào trúng phát ấy". Phó Duyệt tỏ ra là người bình tĩnh, thận trọng.

22.1 "Đường lối trị nước đúng đắn muôn đời" là: Tu sửa đức chính và sử dụng nhân tài" Lê Quý Đôn tổng kết qua những lời Phó Duyệt khuyên Ân Cao Tông.

22.2 Xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh là cần thiết. Nhưng phải nắm chắc nó, và đề phòng tác dụng tiêu cực của nó: nội loạn, cát cứ. Các dẫn chứng lịch sử đời sau.

22.3 Nước chư hầu nổi loạn chống lại thì Thiên tử phải tự xét xem mình có lỗi gì không đã, nếu mình không có lỗi thì hãy đem binh đi đánh người ta.

22.4 "Nhân tài là yếu tố quyết định". Cách lựa nhân tài - Đời Nghiêu Thuấn: hay - Đời Ân Thương: cha truyền con nối - Đến Phó Duyệt phải đổi mới: loại dần *bọn người thân cận* mà xấu kém.

22.5 Hành động cần phải đúng *thời cơ*.

23.1 Ân Cao Tông trở thành vua giỏi vì chịu khó *học hỏi*.

23.2 Học phái kết hợp với hành - chú trọng cả tri thức và đạo đức - Học xưa là vì nay.

23.3 Học cổ nhân: Xem lời dạy, nhưng phải soi sáng bằng phép tắc. Phải hiểu hoàn cảnh lịch sử cụ thể. (Chê Trang Chu và Vương An Thạch tách rời hai mặt đó).

23.4 Khen Quản Trọng, Thương Ương đã chú ý làm nước giàu dân mạnh, nhưng, để quản lý xã hội không chỉ có *kinh tế quốc phòng*, còn cần đạo lý.

24. Cao Tông dung nhật (con vua Cao Tông can vua về *tế* cha để long trọng hơn *tế tổ tiên*).

24.1 Lê Quý Đôn giải thích phong tục đời xưa khác đời nay.

25. Tây bá kham lê (chức bá miền Tây đánh nước Lê).

25.1 Giải thích rõ: Chu Vũ Vương (Tây bá) đánh nước Lê khác chứ không phải nước Lê ở sông Hoàng Hà.

25.2 Thời cơ tốt cho Vũ Vương nhà Chu lật đổ Vua Trụ là: Mất mùa đói kém, Dân không theo mệnh vua nữa.

25.3 Khi Dân đã căm ghét thì vua không thể tồn tại được nữa.

26. Vi Tử (Anh vua Trụ, Định cứu vua Trụ nhưng không được)

26.1 "Kẻ vô tội bị giam, đứa có tội được thả". Kỳ cương lộn xộn như thế là biểu hiện nước sắp mất.

26.2 Trụ bị diệt không chỉ vì thất đức mà còn vì không giữ được pháp luật.

26.3 Thất đức ở chỗ cả triều đình say rượu, bỏ bê chính sự.

*

CHU THU: SỬ ĐỜI CHU

27. 28. 29. Thái Thệ (Thượng, Trung, Hạ).

[Lời răn quân sĩ của Chu Vũ Vương khi đi đánh vua Trụ nhà Thương]

27.1 Trách nhiệm của vua: không chỉ dạy dân mà còn phải nuôi dân.

27.2 Cần thận việc cúng tế trời đất, tổ tiên.

27.3 Về những tàn dư và vây cánh của Trụ.

- 28.1 Việc bói trước khi xuất quân, thực ra chỉ để xem lòng người thế nào.
- 28.2 Khiêm tốn nhường nhịn hay thẳng thắn nhận trách nhiệm làm vua.
- 28.3 Không phải chỉ cần một vài người có tài, mà cần lôi kéo được nhiều nhân tài đua nhau ra sức làm việc.
- 29.1 "Vỗ về ta thì vua của ta, tàn hại ta thì là kẻ thù của ta". (cổ nhân nói thế)
- 29.2 Đạo đức chính trị của Chu Văn vương cao, nên được nhân dân theo về.

30. Mục thệ (Văn vương thệ sư ở cánh đồng Mục Dã)

- 30.1 Chế độ quan chức đời Chu
- 30.2 Sử dụng sự dũng mãnh của người vợ phương Nam
- 30.3 Vua Trụ dung nạp bọn tội phạm trốn tránh các nước chư hầu.

31. Vũ thành (Bá cáo Vũ công đánh Trụ đã hoàn thành)

- 31.1 Tiền của nên để phân tán ở nhân dân, không nên tích trữ ở kho vua - sẽ có phản tác dụng.
- 31.2 Đánh xong vua Trụ, Vũ Vương thả trâu ngựa là tỏ ý không dùng vũ lực nữa. Đó chỉ là hành động tượng trưng.
- 31.3 Biện luận: Thắng lợi của Vũ Vương là trọn vẹn. Dân nhà Ân theo hoàn toàn không chống đối.
- 31.4 Dân một số nước chư hầu nhà Thương đã theo vua nhà Chu từ lâu. Ở đó cũng coi như không còn chính quyền của nhà Thương.

31.5 Về 5 tước phong quan qua các đời...

Nhà Chu không thể đem thiên hạ chia phong cho thân thích nhà mình, mà trước hết phải phong cho con cháu của tiên thánh tiên hiền, công thần, mưu sĩ... để đền công họ.

31.6 Chỉ cho người hiền tài làm quan, không dùng kẻ tiểu nhân.

31.7 Cất nhắc hiền tài theo lối cộng đồng tuyển cử, không câu nệ ở con cháu thế gia (nói kỹ). Người thân thuộc có tài năng mới được dùng. Cuối đời Chu mới mắc sai lầm dùng cha truyền con nối làm một chức quan.

31.8 Đề cao chữ tín và chữ nghĩa trong chính trị (Giữ được lòng tin, dân yên tâm không nghi ngờ. Thì thiết chính sự vì đại nghĩa thì thiên hạ tâm phục). [Nghĩa đối lập với lợi ích riêng tư. Tín đối lập với thủ đoạn lừa dối].

32. HỒNG PHẠM (9phạm trừ lớn về triết học, chính trị, đạo đức để trị nước).

I. Tóm tắt thiên Hồng Phạm trong chính văn Kinh Thư (1)

A - Theo lời văn Hồng Phạm nói: "Vũ Vương đánh thắng nhà Ân, giết vua Trụ, mời Cơ Tử về làm ra thiên Hồng Phạm" - và lời Cơ Tử nói: "Trời cho vua Vũ có Hồng Phạm cứu trừ" thì:

1- Hồng Phạm là sách trời cho vua Vũ (do trị thủy bắt được con rùa, trên mai có ghi rõ!?).

(1) 1. Bản tóm tắt này do Người dịch sách này thực hiện.

2- Sách ấy có 9 "trù" [Nói theo từ ngày nay: là 9 loại, hay 9 khái niệm bao quát nhất, cũng có thể gọi là 9 "phạm trù" [Cathégori].

3- Nội dung của 9 phạm trù đó là khái quát *toàn bộ học thuyết về chính trị, về quản lý xã hội của đời Ân Thương.*

B - Nội dung cụ thể của từng "trù" như thế nào?

1 - Ngũ hành: [Kim mộc thủy hỏa thổ]: đó là khái quát (gọi gộp) các vật liệu mà dân phải dùng đến: hay là những *đối tượng con người phải chinh phục.*

2 - Ngũ sự: [mạo, ngôn, thị, thính, tư]
mạo: dung mạo: phải luôn cung kính
ngôn: lời nói: phải theo lễ phải
thị: mắt trông: phải sáng suốt
thính: tai nghe: phải rõ ràng
tư: suy nghĩ: phải sâu sắc

Tóm lại, 5 *cử chỉ* đó là *con người có tài, khôn ngoan sáng suốt.*

3. *Bát chính*: [Tám vấn đề chính sự phải lo làm].

a - Thực: cái ăn uống của dân

b - Hóa: tiền của của xã hội

c - Tự: việc tế tự.

d - Tư không: việc Công chính

đ - Tư đồ: việc giáo dục

e - Tư khấu: việc an ninh

g - Tân: việc ngoại giao

h - Sư: việc quân sự.

4 - *Ngũ ký*: gồm: năm, tháng, ngày, tinh tú, lịch số. Tóm lại là vấn đề thiên văn và chế tạo lịch để có căn cứ điều hành các việc hành chính và nông nghiệp.

5 - *Hoàng cực* Ngôi vua.

Người làm vua phải dựng nên mục thước cho dân theo. Mục thước ấy là:

- Không thiên lệch, không bè đảng.
- Ai có mưu hay, có công lao thì vua phải nhớ.
- Ai chưa thánh thiện, nhưng không tội lỗi thì vua cũng thu dùng.
- Ai thực thành đức tốt thì vua cho tước lộc.
- Không bắt nạt người cô độc yếu thế, nếu họ lương thiện thì nên khuyến khích.
- Kẻ có chức vị mà bất thiện thì răn bảo, đừng nể nang.
- Khuyến khích người tài làm việc thì nước được thịnh vượng
- Người giàu thì khuyến khích họ làm điều từ thiện.
- Không ban bổng lộc cho bọn bất lương.

Tóm lại, đó là lẽ "công bằng chính trực" mà vua phải theo, và cũng là việc người lãnh đạo phải làm - Mà làm như thế là theo ý trời.

6 - *Tam Đức*: [Ba cách đối xử] ngay thẳng, cương, nhu:

- Bình thường thì đối xử thẳng thắn.
- Gặp kẻ cường ngạnh thì phải cứng rắn.
- Đối với bậc cao minh hay kẻ ôn hòa thì phải "nhu".

Bổ sung thêm: Vua nắm quyền tối cao, toàn diện: chỉ có vua mới được làm oai ban phúc (cương nhu). Chỉ có vua có uy quyền, kể cả quyền cắt đứt sinh mạng con người. Chỉ vua mới được dùng đồ ăn ngon, bày tôi thì không được. Nếu bề tôi và dân thường cũng tự cho mình có các quyền đó thì rối loạn.

7 - **Kê nghi:** Vấn đề bói [để biết ý trời và giải quyết khi có sự hồ nghi do dự. Đây là một biện pháp làm việc thời cổ]. Các cách bói; Việc hỏi ý kiến đa số (quan và dân).

8 - **Thứ trưng :** Các "điềm trời"

- Mưa nhiều: vua làm việc rồ dại
- nắng nhiều đại hạn: vua sai lầm
- nóng nhiều: lười biếng
- rét nhiều: làm việc tính cách nóng nảy
- gió nhiều: ngu tối.

Ngược lại: nghiêm trang, sáng suốt, chính sự tốt, thì mưa, nắng, gió phải thì v.v... [Đây là tư tưởng siêu hình].

9- **Ngũ phúc và lục cực**

Ngũ phúc là kết quả tích cực của đạo đức và chính trị, còn lục cực là kết quả tiêu cực của cái đó.

- Ngũ phúc gồm: Thọ (sống lâu) phú (giàu) khang ninh (mạnh khỏe) du hảo đức (đức tốt) khảo chung mệnh (sống thoải mái đến già).
- Lục cực (6 điều khổ cực) gồm:
 1. Hung đoàn chiết: tử nạn, chết non.
 2. Tật: bệnh

- 3. Ưu: lo buồn
- 4. Bần: nghèo
- 5. Ác: ác nghiệt, xấu
- 6. Nhược: yếu, nhu nhược.

II Và dưới đây là các đoạn bình luận của Lê Quý Đôn (đánh số từ 32.1 đến 32.31)

- 32.1 Vua Trụ ruồng bỏ người hiền tài: giam Văn Vương (người phát hiện ra nguyên lý *dịch kinh* - cách mạng) dưới Cơ Tử (người nắm được Triết học 9 trù... (tức *đạo thống*)).
- Dòng dõi Cơ Tử giữ được đạo thống do Cơ Tử truyền lại nên đất nước thịnh vượng.
- 32.2 Đời minh giải thích: Vua là người giúp trời, làm cho dân yên ổn.
- 32.3 Trị thù sai quy luật, dân bị hại. Vũ sửa sai, kết quả tốt, dân trồng cấy được.
- 32.4 Khảo chứng học của Lê Quý Đôn: Câu nào, từ đâu tới đâu là văn của Đại Vũ, đâu là lời Cơ Tử...
- 32.5 Lê Quý Đôn giảng về sự phối hợp Cửa trù với Bát quái trong Kinh dịch và 8 phương hướng.
- 32.6 Lê Quý Đôn tán thành sự gán ghép siêu hình các con số âm dương ngũ hành, lục hào, bát quái, cửu cung (Thiên văn), can chi và điểm lành dữ ở các địa phương.
- 32.7 Hồng Phạm là cơ sở triết học cho tư tưởng chính trị của nhà Tây Chu. Về cơ bản hệ thống lý luận này là thần bí siêu hình. Lê Quý Đôn tán thành cách giải thích truyền thống và thỉnh thoảng có đưa những suy

luận duy lý và tư tưởng chính trị thương dân, trọng hiền công bằng thường phạt vào.

32.8 Cách tu thân.

32.9 Tác phong cử chỉ.

32.10 Nghe nhìn (Sự vật khách quan) phải cho kỹ.

32.11 Suy nghĩ phải sâu sắc.

32.12 Trách nhiệm người lãnh đạo lập ra kỷ cương xã hội, tổ chức xã hội, quản lý kinh tế: Khuyến dân đẩy mạnh sản xuất, lưu thông... lo cho dân đủ ăn, dạy dân học đạo nghĩa, sống có văn hóa lễ nghĩa, giữ gìn an ninh xã hội.

32.13 Nắm vững thiên văn, lịch pháp hướng dẫn nông nghiệp.

32.14 Lập ngôi hoàng cực tức giữ đạo trung chính: gồm: dùng nhân tài, giúp người yếu, nên cường hào, biếu dương người thiện, trừng trị kẻ ác, xóa bỏ phe cánh; điều hòa được khí hậu thời tiết. Kết quả: hưởng phúc lộc thọ khang lâu dài.

32.15 Dời Trụ, từ vua quan đến dân đều chia phe cánh, thù hằn tranh cướp nhau, kỷ cương lộn xộn, pháp luật đảo điên vì bên trên *thiên lệch*.

32.16 Vua dùng nhân tài thì nhân tài sẽ theo đúng tiêu chuẩn đúng đắn của vua, giữ yên bốn phương.

32.17 Không bắt nạt kẻ nghèo hèn, nể nang người quyền quý đó là đúng "thiên lý" và hợp "nhân tâm".

Trái với luận đề Khổng Tử : Lễ bắt hạ thứ nhân, hình bắt thượng đại phu". Dẫn chứng sự bình đẳng trong xét xử ở đời Lương Vũ Đế.

- Dùng người chỉ cốt ở tài năng, không khinh nghèo hèn, trọng quyền quý - đó là hợp "Vương đạo". Gương tốt đời Ngụy Thái Vũ và Tống Thái tông.
- 32.18 Phương pháp đào tạo bồi dưỡng tác thành, biểu dương, đề bạt nhân tài - sẽ làm cho quốc gia thịnh vượng. (*Nghịên nhân tài*) (từ mới).
- 32.19 Cách nuôi kẻ sĩ; cách cho họ hưởng lộc, sao đủ để giữ lòng thanh liêm, đừng cho kẻ xấu lạm dụng vào.
- 32.20 Phân biệt vương đạo (hay ho, tốt đẹp) và bá đạo (xấu xa, kém cỏi) ở chỗ có thiên tư, có bề đảng hay không?
- 32.21 Dùng hiền tài, giữ sự công bằng chính trực đó là theo ý Trời.
- 32.22 Đối với kẻ dưới cương hay nhu là tùy từng đối tượng. Đời Đông Chu và đời Đường ứng xử với chư hầu không đúng cách.
- 32.23 Chỉ vua mới có quyền tối cao: tác oai tác phúc (thường phạt), cụ thể chi tiết ra ở 8 quyền: Tước, lộc, thăng, truất, cho, đoạt, giết, tha.
- 32.25 Câu "bề tôi không được tác oai tác phúc" không áp dụng đối với tướng chỉ huy ở trận tiền hay ngoài cửa khẩu (có *quyền tiền trạm hậu tấu*).
- 32.26 (Ý nghĩa việc) Bói để giúp quyết đoán việc hồ nghi.
- 32.27 Những việc lớn trong nước vua định rồi nhưng còn phải bói và phải hỏi ý kiến nhân dân: Cách tiến hành - Chuyện mấy kẻ về việc phiên lao, để dân ca thán.
- 32.28 Vua có đức tốt, chính lệnh tốt thì thời tiết thuận hòa, mùa màng tốt, dân no ấm (siêu hình!)

32.29 Lời nói việc làm của vua cũng có tác dụng như thế.

32.30 Vua quan phải căn cứ thời tiết tốt xấu mà sét việc mình làm được hay hỏng trong từng thời gian ứng với thứ bậc, chức vụ.

Các quan sai lầm cũng gây hại, không được đổ cho một mình vua. (Mâu thuẫn?).

32.31 Xem trăng sao để đoán quan hệ giữa quan với dân, vua với quan. (Thuật chiêm tinh.)

33. Lữ Ngao (Lời can Vũ Vương đừng nhận chớ Ngao do nước Tây Lữ dâng cống).

33.1 Việc khai thông đường sá là để đi lại trao đổi, với tứ phương chứ không phải để mở rộng đất đai (xâm lược).

33.2 Lão thần là Thiệu công can vua, vì lo rằng việc ham vật lạ sẽ dẫn đến ham mê, truy cầu ở bốn phương.

33.3 Phản đối việc ham dùng của lạ, gây vất vả cho dân.

33.4 Việc vua nuôi chó bên mình, Lê Quý Đôn cho là bất nhã.

33.5 Vua nuôi thú để chơi mà làm hại cho dân và họ phải cung phụng rồi sau bị mất nước - Lê Quý Đôn dẫn chứng mấy trường hợp.

33.6 "Không kiên trì nết nhỏ kết cục làm hỏng đức lớn" (quan hệ giữa tác phong sinh hoạt với đạo đức chính trị của vua quan).

34. Kim Đằng (Chu Công khẩn tổ tiên, xin chết thay vua)

34.1 Việc cầu xin tổ tiên là theo tục nhà Ân còn để lại.

- 34.2 Kể và bình luận về quan hệ nội bộ anh em vua nhà Chu:** Chu công là cháu vua giữ chức phụ chính bị vu cáo, phải tránh địa vị. Sau vua con xem trong hộp thấy lời Chu công xin chết thay cha mình, thì cảm động, đón ông ta về.

35. Đại cáo (Bổ cáo việc đánh dẹp hai người em làm phản)

- 35.1 Vũ Canh dòng dõi vua nhà Ân, nhân cơ hội nội bộ vua Chu mất đoàn kết đã nổi dậy.
35.2 Thành Vương đem quân đi đánh Vũ Canh.
35.3 Bước vào chiến tranh là việc lớn, nên phải:
a- nói rõ mình hành động để cứu dân.
b- Bói quẻ để quyết đoán.

36. Vi tử chi mệnh (Các mệnh phong chi Vi tử ở nước Tống)

- 36.1 Cách đối xử của nhà Chu đối với dòng dõi nhà Hạ và nhà Thương: phong cho đất riêng để ẩn lộc, giữ việc thờ cúng tiên vương. Coi như khách.
[Đây là mẫu mực cho đời sau] của Trung Quốc.

Còn Việt Nam thì không thế: Nhà Trần bỏ nhà Lý, Hồ bỏ Trần,...

- 36.2 Các vua sáng nghiệp công đức lớn nên dòng dõi giữ ngôi được lâu. Còn Khổng Tử có công lớn với văn hóa cũng được muôn đời tôn trọng.

37. Khang cáo (Các mệnh phong Khang Thúc ở nước Vệ)

- 37.1 Biện giải về vị trí đất phong của Khang Thúc.

- 37.2 Biện giải về lời văn của chương này là của Vũ Vương (cha) chứ không phải của Thành Vương (con) Chu Công (chú).
- 37.3 Phong đất cho nhiều người cùng họ là cốt để chế ngự những người khác họ.
- 37.4 Giáo dục truyền thống: nhắc lại công lao vất vả khai sáng của người trước, để khuyên người sau nên cẩn thận giữ gìn thành quả.
- 37.5 Cách hiểu mới về cai trị bằng đạo đức kết hợp với luật pháp: cẩn thận hình phạt tức là chăm tìm cách trừ bỏ hình phạt.
- 37.6 Thói quen viết sử qui công cho người trước.
- 37.7 Phê tiên nho hiệu sai ý văn ở chương này.
- 37.8 Thay đổi phong tục "xấu" của dân là khó (chỉ bọn cường hào xâm đoạt, vô ơn vô lễ).
- 37.9 Học những bài học lịch sử thời trước, kết hợp chăm chú việc ngày nay, theo điều gì tiện lợi... thì sẽ có phép trị nước hay.
- 37.10 Coi trọng lời giáo huấn của bậc lão thành (người đã có kinh nghiệm): coi trọng người có kinh nghiệm.
- 37.11 Công việc hàng ngày của vua quan: làm việc tận tụy vì đời sống của dân. Những ví dụ sinh động về kẻ ở ngôi chỉ biết hưởng lạc, quên nhiệm vụ "bề trên" (cho hạc an lạc-Vệ Ý công đời Xuân Thu).
- 37.12 Dùng đức kết hợp dùng hình phạt. Sáng suốt dùng hình phạt thì dân phục.
- 37.13 như trên.
- 37.14 Kết án tử hình nhưng chưa thi hành ngay. Còn để có thời gian nghĩ lại.

- 37.15 "Dùng chính sách của nhà Ân để cai trị dân đất Ân" (pháp luật có chiều cổ đến phong tục vùng dân tộc?).
- 37.16 Đàn áp tư tưởng "vô chính phủ" và bọn dùng văn nghệ nghề thuật mê tín làm loạn chính sự, rối lòng dân.
(Mặt trận tư tưởng x).
- 37.17 Đề phòng bọn gian thần mị dân lôi kéo quần chúng rồi cướp ngôi như công tử Bào, Vương Mãng...
- 37.18 Tập trung uy tín cho vua: bề tôi làm điều gì tốt nên quy công cho vua.
- 37.19 Nếu bề tôi tự ý làm việc tốt để cầu tiếng khen riêng thì nên giết đi (Tư tưởng chuyên chế tuyệt đối do Chu Vũ vương mới đặt ra).
- 37.20 Cải cách nên có mức độ, đừng làm quá mạnh "thay đổi rồi bời" dân không chịu nổi như Vương An Thạch, Tang Hoàng Dương.

38. Tửu cáo (Răn Khang Thúc không nên uống rượu)

- 38.1 Biện luận ai là tác giả đoạn văn này (VBH) [Textologic].
- 38.2 Các tấm gương phản diện về uống rượu từ đời cổ đến đời Nguyên.
- 38.3 Các tấm gương về ngăn cấm uống rượu từ đời cổ đến đời Tống.
- 38.4 Những trường hợp được uống rượu.
- 38.5 Nên tổ chức cho dân có việc làm ăn, họ chuyên cần, không nhàn rỗi, để bỏ tệ uống rượu.

Công việc hàng ngày của vua, quan và dân phải luôn bận rộn.

38.6 Uống rượu tiệc vui nên có mức độ.

38.7 Dân nhà Chu cũng bị tệ nghiện rượu từ nhà Ân lây sang.

38.8 Rượu là quốc cấm, là thuốc độc. Để chặn tệ hại phải dùng hình phạt nghiêm khắc.

39. Tử tài (Lời vua Vũ vương khuyên Khang Thúc)

39.1 Trách nhiệm của quan là trung gian phản ánh, làm cho tình dân ở dưới thông đạt lên trên.

39.2 Thương xót người góa bụa... cứu đói trong năm mất mùa, bỏ bớt lễ nghi để cho người ta có thể dễ dàng kết hôn.

40. Thiệu cáo (Thư của Thiệu Công Thích báo cáo vua Thành vương về việc xây dựng kinh đô Lạc ấp)

40.1 Bàn kỹ về mục đích dựng đô mới: Để yên thế nước, và phải đưa dân đến (không phải để an trí dân làm phản).

40.2 Hai vị phụ chính cùng bàn việc dựng đô mới ở phía đông.

40.3 Bàn luận về chuẩn bị dựng đô, dùng nhân lực nào (tranh luận với học giả họ Thái và họ Ngô).

40.4 Thành vương trở nên vua giỏi là nhờ có Chu Công và Thiệu Công: bài cáo này chứng tỏ điều đó.

40.5 Muốn điều khiển người dân tộc (nhà Ân) phải thông qua các thủ lĩnh người dân tộc. Biện bạch về cách hiểu ý câu văn.

40.6 Tầm quan trọng của định đô đối với vận mệnh quốc gia.

40.7 Bốn điều Thiệu Công khuyên Thành vương.

1. Không bỏ bậc lão thần;
2. Kính trọng dân;
3. Thu phục các thủ lĩnh dân tộc;
4. Không sát hại dân thường.

40.8 Nhấn mạnh việc "thu phục" các di thần cũ của nhà Ân.

40.9 Các vua đời Hán, Đường biết trông gương sụp đổ đời Hạ, Thương, vì con cháu hư đốn.

40.10 Lấy dẫn chứng lịch sử đời Ngũ đại chứng minh cho lời khuyên: không nên giết hại dân thường *hàng loạt* của Thiệu công, là đúng.

40.11 Đừng quá cậy ở quẻ bói cho biết "mệnh trời" cho dòng họ mình làm vua dài lâu. Phải sửa đức cho tốt, vì mệnh trời là bất thường.

40.12 Thương yêu dân là cái gốc để hưởng mệnh trời dài lâu, đừng có luyện đan, cầu cúng làm gì.

41. Lạc cáo (Bố cáo việc định đô ở ấp Lạc Cử Chu Công ở lại cai trị).

41.1 Biện giải ý nghĩa chữ "dận bảo".

41.2 Thận trọng trong việc định đô: Phải hai lần gieo quẻ bói trước và sau khi xây dựng.

41.3 Việc dời đô các lần sau và sự suy dần của nhà Chu.

41.4 Lê Quý Đôn chấm câu, giải nghĩa câu cổ văn Kinh thư.

- 41.5 Việc ghi nhận công lao của người trước có ý nghĩa khuyến khích đối với người sau. Tâm lý "trông gương" này, người lãnh đạo cần biết.
- 41.6 Thắc mắc một câu nghĩa khó hiểu.
- 41.7 Khuyến vua phải độ lượng, kiểm tra thường xuyên cấp dưới.
- 41.8 Kề dưới thành tâm phụng sự người trên thể hiện ở chỗ lễ vật đầy đủ.
- 41.9 Phê bình họ Lã giải nghĩa xuyên tạc một câu trong kinh.
- 41.10 Vấn đề hòa mục giữa các nước chư hầu.
- 41.11 Phê bình tiếp một câu chú giải sai.
- 41.12 Như trên
- 41.13 Tiếp đãi thần hạ cũng phải nghiêm túc kính cẩn.
- 41.14 Kính cẩn nhưng không đặc biệt quá mức như lễ "cửu tích" với bọn quyền thần đời Hán.
- 41.15 Tóm tắt ý nghĩa của thiên Lạc cáo và Thiên cáo.
42. Đa sĩ (Chư công kêu gọi các sĩ phu nhà Ân khi mới sang Lạc ấp).
- 42.1 Lời yêu gọi đưa ra là thể thức thông thường của một người mới nhậm chức.
- 42.2 Chỉ đánh diệt những chư hầu gây sự, chống đối.
- 42.3 Việc dùng lại các quan của triều đại cũ là để tỏ sự "chí công đại đồng" của vua mới (thu phục tầng lớp trí thức ở lại).
- 42.4 Phê bình Thái truyện hiểu sai.

43. Vô dật (Chu Công khuyên Thành vương chăm lo chính sự, chớ nên nhàn dật)
- 43.1 Phải thông cảm với nỗi vất vả của người lao động sản xuất ra lương thực để nuôi vua quan.
- 43.2 Vua quan ở trên dân nhưng phải biết kính dân sợ dân như sợ mệnh trời.
- 43.3 Vua hết lòng chăm lo đến dân thì dân kính mến vua như cha mẹ.
- 43.4 Nếu dân phi báng chi trích thì nên nhận lỗi, đừng sai người dò xét hoặc đổ vạ cho người khác. Dân oán thì rất nguy. Khi họ nổi dậy thì không cứu vãn được.
- 43.5. Dân oán ghét khi vua
- Biến loạn pháp độ
 - Chơi vời, vợ vét.

44. Quân Thích (Thiệu Công Thích xin về hưu, Chu Công giữ lại)

- 44.1 Chứng minh lại rằng Chu Công không có ý xin về hưu ở chương trên. Thái Trầm giải thích sai.
- 44.2 Dùng hiền tài rộng rãi, không câu nệ ở một loại (đẳng cấp) nào.
- 44.3 Nhân tài (quan giới) là căn bản. Một mình vua giỏi không có quan giới giúp sức cũng không thịnh trị.
- 44.4 Nhân tài là căn bản. Vua phải lo chọn cho đúng, dùng nhầm người xấu thì nước suy (chúng có đời Tống dùng Sãi Kinh, Chương Đôn...)

45. **Thái trọng chi mệnh** (Các mệnh phong tước cho Thái Trọng, con Thái Thúc)
- 45.1 Thái Trọng là con tốt (giữ được lòng *trung* và xóa lỗi của cha tức cũng làm tròn đạo *hiếu*)
- 45.2 Thành vương răn Thái Trọng giữ thể chế đời trước. Lê Quý Đôn chê nước Lỗ thay đổi phép đánh thuế, thu quá nặng của nông dân (vượt lệ cũ 1/9).
- 45.3 Thay đổi thể chế đời trước cũng cần nhưng không được gây rối loạn.
- 45.4 Cách chế ngự chu hầu: tuyên bố pháp luật cho dân nghe, không cho bọn họ tự đặt pháp chế, chữ viết riêng (giữ quyền chuyên chế, tập trung).
46. **Đa phương** (Lời bá cáo của Thành vương sau khi diệt nước Yên)
- 46.1 Lê Quý Đôn biện luận bác bỏ cách giải thích của Tô Tuấn (bổ Tô Đông Pha).
- 46.2 Sự giúp đỡ to lớn của Chu công với Thành vương trong hoạt động quân sự (đánh dẹp) và cầm quyền nói chung.
- 46.3 Phương pháp chính sự căn bản là "Tò rõ đức tốt và cẩn thận hình phạt".
- 46.4 Trị đúng kẻ có tội, tha người oan uổng, thì dân cố gắng làm điều thiện.
- 46.5 Thánh cũng hóa ra ngu nếu không suy nghĩ. Cuồng cũng hóa thánh nếu biết sửa mình - Ý đề cao sự tu dưỡng, cố gắng tiến thủ sẽ được đánh giá lại.

46.6 Rèn luyện đạo đức phải kiên trì, có nghị lực khắc phục bản thân.

46.7 Cách chấm câu, hiểu một đoạn văn.

47. Lập chính (Thư của Chu Công khuyên vua Thành vương)

47.1 Danh hiệu những chức quan cơ bản, đã nói ở chương này (Lê Quý Đôn đánh giá).

47.2 Những chức quan là rất cần. Nhưng quan trọng hơn cả là phải chọn được người tốt làm những chức ấy.

47.3 Chu Công khuyên Thành vương phải dùng kẻ sĩ giỏi, thực hành 9 đức tốt.

Lê Quý Đôn cho rằng Chu công có tiếp thu được kinh nghiệm của đời trước (trong sách vở).

47.4 Cần đào tạo cả các nhân tài dự bị kế cận (để dùng theo thứ tự).

47.5 Đề bạt phải dần dần, từng bước phải có thời gian tập sự.

47.6 Đức tốt của quan (bầy tôi) là: Trung nghĩa (để dẹp loạn) khoan dung (trị dân), quyết đoán, đúng mức.

47.7 Giải thích một đoạn văn.

47.8 Đặt quan phân chức (phân công, lễ lối làm việc):

1. Không ôm đồm công việc của người dưới (dẫn lời Lã Tổ Khiêm khuyên vua Tống).

2. Xét tài trao chức (dùng người đúng chỗ).

47.9 Tín nhiệm giao việc cho các quan nhưng không khoán trắng, phải có kiểm tra.

47.10 Ba điều tâm niệm khi vận hành chính sự của người tốt:

1. Thận trọng (việc chấp pháp, quân sự, kinh tế...)
 2. Hải hòa: cân nhắc mọi việc cho thỏa đáng.
 3. Kính cẩn: e dè, kính cẩn.
- 47.11 Thuật xét người (đánh giá): lời nói giản dị thiết thực là người tốt. Văn hoa, phù phiếm, lém lỉnh là gian nịnh.
- Nghे lời nói để biết tư tưởng (cái tâm), xem việc làm để biết động cơ (cái đích).
- 47.12 Thuật dùng người: Phải có giao việc để thử thách rồi mới đánh giá được.
- 47.13 Không dùng kẻ tiểu nhân gian nịnh.
- 47.14 Hình phạt xử công minh thì dân tin, hết lòng hy sinh vì vua ngay cả khi họ phải ra trận.
- 47.15 Việc tuần phòng để bảo vệ trong lãnh thổ là cần thiết nhưng vượt ra ngoài mà "khai hóa" nước người ta (chẳng hạn vượt ra ngoài Ngũ Lĩnh) là ngu - Đoạn này chữ bọn bành trướng rất khá.
- 47.16 Nên chọn dùng những người có đức trung thực, vững vàng, không thất thường.
- 47.17 Khen ngợi Tô Phấn Sinh làm tư pháp giỏi.
48. **Chu quan** (Lời vua Thành vương huấn thị bách quan)
- 48.1 Giải thích các chức "Tam công", "Tâm cô" là chức kiêm chứ không phải có người làm đủ.
- 48.2 Thời hạn các vua chư hầu đến chầu thiên tử nhà Chu.
- 48.3 Phê bình học giả họ Ngô chú giải không đúng một ý.
- 48.4 Quan lại ở các nước đời Chu có tới hàng vạn người(?)

- 48.5 Về đạo đức, vua phải làm gương cho quan to, quan to làm gương cho quan nhỏ: phải chăm làm chính sự.
- 48.6 Sáu quan Khanh kiêm chức tam thái tam thiếu.
- 48.7 Nhiệm vụ "bao quát chung" của các đại thần.
- 48.8 Nhiệm vụ quan Tư mã.
- 48.9 Chế độ "cộng hòa" ban đầu như thế nào. (Nhiều người có chức hàm ngang tể tướng).
- 48.10 Đạo đức đem nghĩa công diệt tư tâm, chí công vô tư được giải thích là: không tham lam (tài hóa sắc dục) sĩ diện, tự kiêu, chủ quan, theo hùa. Chăm điều ích quốc lợi dân.
- 48.11 Các lời dạy hay:
- Học giỏi để làm việc, không học thì như quay mặt nhìn vào bức vách.
 - Phải thẳng thắn trung thực, đừng lẻo lá.
 - Phải biết quyết đoán khi cần.
- 48.12 Phải có nhiệt tình say mê với công việc chính sự. (Tô Uy lo giảm thuế cho dân).
- 48.13 Không kiêu căng, xa xỉ, phải khiêm tốn tiết kiệm là đạo đức người làm quan.
- 48.14 Ý nghĩa đức cung, đức kiệm.
- 48.15 Chế độ tiến cử người hiền, và trách nhiệm liên đới.
49. Quân trần (Cáo mệnh phong cho Quân Trần giữ chức thay Chu công mới mất)
- 49.1 Chưa rõ lai lịch Quân Trần, chỉ biết là người có đức tốt là được.

- 49.2 Lê Quý Đôn dẫn Tà truyện phê bình gián tiếp phong tục cũ, chỉ biết trọng quý thần mà quên việc lấy dân làm gốc.
- 49.3 Thời nghi đã khác (tình hình đổi thay) thì không thể giữ nguyên chính sách cũ.
- 49.4 Phải kín đáo, cơ mưu, đừng để lộ sự hiếu ố của mình.
- 49.5 Xét xử cứ theo lẽ công bằng, không nên đón ý bề trên: bảo giết thì giết, bảo tha thì tha.
- 49.6 Dân ngoan ngoãn chưa cảm hóa thì nên nhấn nạy bao dung. Tiến cử người lương thiện để khuyến khích người chưa lương thiện, bắt tất phải cứ chuyên dùng hình phạt.
- 49.7 Người ta tính vốn thiện, vì vật dục hóa ra bạc ác.

50. Cơ mệnh (Lời vua Thành vương dặn lại khi sắp mất)

- 50.1 Coi trọng sản xuất nông nghiệp. Các việc khác không được cản trở tới nó.
- 50.2 (Giáo dục vua trẻ) Phải ngăn chặn những điều tiêu cực từ lúc nó mới manh nha.

51. Khang vương chi cáo (Khang vương trả lời Quân Trần)

- 51.1 Lê Quý Đôn biện giải và dẫn chứng: dù bình yên cũng không nên quên việc võ bị.
- Phép phủ binh ngụ binh ư nông là tốt.

52. Tắt mệnh (Khang vương ban sắc cho
Tắt Cao Công ra trị đất Thành Chu)

- 52.1 Dùng pháp độ để làm khuôn mẫu. Nhưng chính sách cụ thể phải theo phong tục và tùy thời.
- 52.2 (Phê phán lời bàn của họ Lã) Văn chủ đề: Biểu dương người thiện và giáo huấn kẻ không phục tùng.
- 52.3 Nói rõ ý: Chính sách phải sửa theo phong tục.
- 52.4 Việc giáo dục con em nhà quyền quý khỏi kiêu sa dâm dăng.
- 52.5 Cai trị theo đạo trung dung, nghĩa là nghiêm khắc và khoan dung hài hòa nhau.
- 52.6 Giáo dục nhân dân phải hằng thế hệ mới có thể thay đổi được tập tục (phê phán cách hiểu của học giả họ Vương và họ Đồng).

53. QUÂN NHA (Chu Mục vương sai Quân Nha làm
chức Tư đồ, coi việc giáo dục)

- 53.1 Dân được an ninh thì họ vui sống. Nếu bất an thì họ liều mạng. Đó là nguy cơ gây ra loạn.
- 53.2 Chống tiêu cực (trá ngụy gian tà, thói xấu) bằng cách ổn định sản xuất, nâng cao đời sống, và giáo dục đạo đức cho dân.

54. Quýnh mệnh (Cáo mệnh của Mục vương sai
Bá Quýnh làm chức Thái Bộc chính,
tuyển dụng quan liêu)

- 54.1 Thủ trưởng được quyền tiến cử người cấp dưới, nhưng cần đề phòng tệ hối lộ (cho người có tiền hối lộ là tốt).

54.2 Lấy sách khác chứng minh rằng Mục vương cẩn thận, không phải phóng túng, thích ngao du bỏ cả việc nước như sách Liệt Tử chép.

55. Lữ hình (Lời vua Mục vương sai Lữ hầu công bố hình luật cho toàn dân)

55.1 Lê Quý Đôn tán thành chế độ phạt tiền đối với các tội nhẹ, cho đó là nhân đạo.

55.2 Thời đại thay đổi thì pháp luật cũng phải sửa đổi cho phù hợp (thường có chi tiết và giảm nhẹ bớt hình phạt - có điều giảm nhẹ những tội còn ngờ).

55.3 Lê Quý Đôn tán thành chế độ bắt chuộc tội bằng tiền đối với các tội còn nghi ngờ (để người ta đau xót vì tiếc). Có bản kỷ các thuyết khác nhau.

55.4 Dùng hình phạt quá nghiêm khắc thì dân oán. Bất đắc dĩ mới phải dùng và dùng thì đúng mức. (So sánh vua rợ Hữu Miêu và vua Thuấn, hai tấm gương đối lập nhau).

55.5 Pháp chế cũng thống nhất với lễ chế, và được phổ biến rộng bằng cách cho rao ngoài đường.

55.6 Tội hại muôn đời đều có là: kẻ có quyền thì dùng uy quyền, kẻ có tiền thì dùng hối lộ để làm loạn pháp quyền.

55.7 Cắt nghĩa lại một câu cho rõ (khác với cách hiểu cũ).

55.8 Như trên.

55.9 Ví dụ về vận dụng những tình tiết giảm nhẹ, và xử phạt cốt để ra oai, răn đe. Tranh luận với tác giả Thái Trầm.

55.10 Xét xử có chú ý đến hoàn cảnh, do vô tình mà phạm tội... Khi so sánh phép điển thời Ngu (Thuấn) và

Chu phải lưu ý thời đại đã cách xa nhau 1.000 năm, hẳn có thêm bớt khác nhau.

55.11 Giải thích chữ kim ngày xưa là kim loại, không hẳn chỉ là vàng (nhân nói về số "kim" để chuộc tội).

55.12 (Nhà đột từ nóc thì khó chứa) Người trên phạm tội thì kỷ cương rối loạn, pháp luật mất hết công bằng.

55.13 Giải nghĩa một câu văn cho là đúng ý Mục vương.

55.14 Người ôn hòa lương thiện có lòng nhân ái lại biết thận trọng xét đoán mới xử kiện được.

55.15 Người xử án phải có đủ cả hai đức *thanh liêm* (không tham tiền, tham sắc) và thông minh (biết cách xét đoán, không mơ hồ) mới xét xử tốt được.

55.16 Tệ hại của quan tòa xưa nay: hủy tang chứng, thay đen đổi trắng để ăn tiền...

56. Văn hầu chi mệnh (Chu Bình vương sai Tấn Văn Hầu làm chúc Phương bá)

56.1 Lê Quý Đôn can cứ cách dùng từ, giải thích: văn bản này do đời sau viết ra.

56.2 Nhà Chu đã suy nhưng nhờ có vua Tấn làm bá chủ phò giúp...

57. Phí thệ (Bá Cầm vua nước Lỗ thệ sư ở đất Phí khi đi đánh Hoài Di và Từ Nhung)

57.1 Lê Quý Đôn giải thích: Khổng Tử chọn đưa thiên ấy vào đây để phần nào thấy được lễ nghĩa nhà Chu còn sót lại ở đó thế nào.

57.2 Binh pháp của Bá Cầm là theo binh pháp của Chu công thời xưa để lại.

57.3 Lê Quý Đôn chứng minh trong cuộc chiến ngày xưa đã có dân công phục dịch cho lính chiến đấu.

58. Tần thệ (Vua Tần Mục công hối lỗi về sai lầm trong hành động quân sự, thệ cáo với quần thần)

58.1 Lê Quý Đôn phỏng đoán ngụ ý kín đáo của Khổng Tử khi đưa thiên này vào.

58.2 Lê Quý Đôn đề cao phong cách tự hối lỗi, tự phê bình. Cho đó là một đức tính rất quan trọng của người làm vua, di huấn ấy sẽ làm cho dòng dõi của họ thịnh vượng lâu dài...

[Về trí tuệ: Cần có sự phản tỉnh của nội tâm, hoặc chấp nhận sự phản biện, phê bình, can gián của người khác để trí tuệ cân đối, tư duy chính xác, quyết định mới khỏi sai lầm].

58.3 Bài học rút ra vẫn là: dùng người hiền tài, xa lìa kẻ xấu (chuộng người giàn dị chính trực, ghét kẻ bèm mép).

58.4 Nhân tài là yếu tố quyết định sự suy thịnh và tồn vong của quốc gia.

Dẫn chứng mẫu người cụ thể:

- Người tốt: bình dị, chính trực, ham điều thiện, bao dung, khiêm nhường, hay tiến cử nhân tài, đoàn kết được người khác.

- Kẻ xấu: gian nịnh, ghen ghét, ngăn cản người giỏi hơn mình.

TRÍCH MỘT SỐ ĐOẠN NÓI VỀ VỊ TRÍ CỦA DÂN

- Đại vũ nói với Thuấn rằng: "Đức độ biểu hiện ở chính sự hay. Chính sự hay là nuôi dân no đủ", lại dạy con cháu rằng: "Dân là gốc của nước, gốc vững thì dân mới yên".

Ngũ tử chi ca 8.3.

- "Chín châu trong thiên hạ, hàng vạn nước chư hầu cùng phụng thờ một người, người ấy là vua. Đồ cống tiến, tô thuế mang cống nạp tuy cách sông biển nhưng không nơi nào không mang đến kinh kỳ... Vua sai khiến chỉ huy, nơi nào cũng phục mệnh là cố muốn được yên ổn làm ăn, được thương xót nỗi khổ. Nếu vua chỉ theo ý thích riêng, không để ý gì đến dân thì dân sẽ không chịu theo mệnh, bề tôi sẽ hóa thành thù địch... để cho thiên hạ khốn cùng thì lộc trời sẽ hết hẳn.
... người đáng sợ chẳng phải là dân ư?"

Ngũ tử chi ca 8.4.

- "Vua và tôi ở đời thịnh trị khuyến khích nhau cố gắng... cũng chỉ là theo lẽ trời, thuận theo lòng dân mà thôi".

Ca dao mô 4.5.

- Vũ vương nói: "Trời thương dân, lòng dân đã muốn, ý trời phải theo". "Trăm họ kêu với trời... vì vậy mà vua Kiệt bị diệt vong... Muốn cho dân khỏi oán thù nguyên rủa thì nên như thế nào? Chỉ có giảm bớt hình phạt, thu nhẹ tô thuế mà thôi".

Thang cáo 12.1.

- Dương thời Vũ vương, Vũ vương đã nhắc lại lời nói của cổ nhân: "Vỗ về ta thì là vua của ta, tàn hại ta thì là kẻ thù của ta"

Thái thế hạ 29.1.

- "Vua là cha mẹ dân" nên hiếu là gồm cả giáo dục và nuôi dưỡng dân mới đầy đủ!

Thái thế thượng 27.1.

- Những việc làm quan trọng (như đời đô) thì phải hỏi ý dân, công khai bàn bạc với dân thường.

Bàn Canh 19.1

- Ra oai tàn sát, làm thiên hạ đau khổ, vua Trụ nhà Thương vì thế mà mất nước. Giết người như làm cò, vua Thủy Hoàng nhà Tần vì thế mà nguy vong.

Thiệu cáo 40.10

- Người xưa hay giải thích một dòng họ nào đó làm vua là do được *mệnh trời*. Lê Quý Đôn nói: Tảng Từ giải thích:
- "Đạo người mà thiện thì được mệnh trời. Đạo người bất thiện thì mất mệnh trời. Thế đại dài hay ngắn, vốn chẳng có gì là nhất định"...

Thiệu cáo 40.11

- Thiệu công khuyên Thành vương: dùng cách thương yêu dân để được hưởng mệnh trời dài lâu. Qua câu đó ta thấy rõ được cái gốc để hưởng mệnh trời lâu dài là ở thương dân...

Thiệu cáo 40.12

- Thiên tử cùng các quan khanh, đại phu hàng ngày ăn mặc, đều lấy ở dân. Người nông dân suốt năm cần cù lao động, không được nghỉ ngơi chút nào, đến mùa mới có sự vui mừng thu hoạch. Mỗi hạt cơm ở trên mâm đều là mồ hôi nước mắt của nông dân vậy. Thóc gạo đem nộp vào kho nhà nước chứa đầy ở kho nhà vua, người ta chỉ thấy đem đến đó dễ dàng, chứ mấy ai biết nghĩ từ đâu mới có thóc gạo ấy?... Nếu không hiểu biết, thì tha hồ phóng dăng: ở trên nhân dân, cho rằng người dưới cung cấp nộp thuế cho người trên là lẽ thường, lấy của thiên hạ làm của riêng, chắc rằng tiền của chả thiếu, bấy giờ mới đánh thuế tàn ác, trưng thu ngang ngược, để thỏa mãn nhu cầu của mình...

Vô Dật 43.1

- Có người bảo rằng "tiểu dân họ mắng nhiếc người", thì người càng phải tu tính, tăng lòng kính cẩn, nhận lỗi, nói rằng "đó là lỗi của ta". Vua Đại Vũ, vua Thành Thang cho tội lỗi của thiên hạ là tội của mình cho nên hưng thịnh rất chóng. Vua Kiệt, vua Trụ có tội lỗi lại đổ cho người khác nên nguy vong rất mau.

Vô Dật 43.4

TỰA

Tôi thường nghe trị thiên hạ không thể không có chính sự, mà xưa nay bàn chính sự thường căn cứ ở Thượng thư. Bởi vì trường học của thời thượng cổ, mùa đông mùa hạ cho học Kinh Thư, mà người nhà Tần chú trọng Kinh Thư, người ta khen sách ấy là kho chứa nghĩa lý. Hai đời đế (1) ba đời vương (2) chịu mệnh trời mà trị dân, lời dạy tốt, mưu mô hay, ruộng mồi rộng, điển chương lớn, những điều khanh sĩ phải hiểu rõ, quan tư phải noi theo, vốn không cái gì là không có trong ấy. Từ Nghiêu Thuấn đến đời Doanh Tần (3) trải hai nghìn năm, từ Tần đến nay, lại một nghìn chín trăm năm, các thành cũ của đất Ký, đất Bạc, đất Phong, đất Cảo, đất Giáp nhục(4), dấu xưa mờ mịt không hỏi vào đâu được, chỉ còn có vài chục thiên sách mà thôi. Nhưng mở xem thì tâm tính của thánh nhân rành rành như mới; những lời dạy kính cung, tinh nhất, những việc làm chăm thường chế độ, cùng là pháp điển để lại, kỳ cương sửa sang, những chính lệnh kính trời, thương dân, sáng đức, thận hình, dựng nước đặt đô, phong tước chia đất, còn truyền xuống muôn đời. Vô luận cổ văn hay kim văn, thể chế và câu văn có khác nhau,

nhưng đại để là theo đạo ấy thì trị, trái đạo ấy thì loạn, làm như thế thì thịnh vượng, không như thế thì suy vong, rõ ràng như nêu phương thuốc hay luật lệ để bảo mọi người mà không sai mảy may. Ôi! Như vậy chẳng phải là khuôn phép mực thước cho muôn đời ru?

Chú thích

(1) *Hai đời đế*: Đường Nghiêu, Ngụ Thuấn.

(2) *Ba đời vương*: Hạ Vũ, Thương Thang, Chu Văn vương.

(3) *Doanh Tân*: Nhà Tân, nguyên là họ Doanh nên gọi là Doanh Tân.

(4) *Kỷ*: Nước Kỷ, con cháu của vua Nghiêu được phong ở đó, thuộc tỉnh Sơn Tây, Hà Bắc.

- *Bạc*: Kinh đô của nhà Ân khu, thuộc tỉnh Hà Nam.

- *Phong*: Kinh đô của Chu Văn vương, thuộc tỉnh Thiểm Tây.

- *Cáo*: Kinh đô của Chu Vũ Vương thuộc tỉnh Thiểm Tây. - Giáp nhục: Kinh đô của Chu Thành Vương, thuộc tỉnh Hà Nam.

Mạnh Tử có nói: "Đọc sách mà không biết đến người có được không?"

Thế cho nên bàn đến các đời thì từ nhà Hán về sau, chú giải rất nhiều, đến nhà Tống nhà Nguyên thì phát huy gần như không còn sót gì nữa. Tôi thật ngu lậu, nghiền ngẫm lâu năm, hiểu qua nghĩa lớn, mỗi khi đọc cảm thấy ý vị dào dạt, lý thú vô cùng, chỗ nào xúc động mà phát minh thì tùy bút chép ra trung dẫn các truyện ký, bàn bạc việc xưa nay đều là muốn làm ấn chứng cho sách của thánh nhân. Chỗ nào cốt yếu thì thường thường nêu ra, ý muốn cho những người làm tôi sau này, trong khi xem sách và xét mình, thấy điều hay điều phải thì háng hái phần khởi,

thấy điều xấu điều trái thì sợ hãi e dè, để mà chăm lo công nghiệp, giữ gìn chức vụ, họa chẳng có ích. Còn như noi gương điều lành, răn dè điều hại, giữ thịnh phòng suy, sách này cũng có thể để nhà vua xem luôn bên cạnh, dùng làm công cụ lấy đức trị dân. Đến như những lời truyện lời chú của tiên nho, hoặc có chỗ giống nhau khác nhau và có chỗ đáng ngờ thì đều có biện chứng sơ qua, vì rằng văn tự là của công thiên hạ, tôi không dám nhất định theo một nhà chú giải nào mà không tìm xét cho đúng ý nghĩa của sách, cũng không dám sính làm lời bàn mới lạ để trái với lời bàn trước của Y Xuyên (Trình Di) và Khảo Đình (Chu Kỳ). Bộ sách này có 3 quyển, xin trình bày đại lược như thế.

*Năm Cảnh Hưng thứ 33,
Nhâm thìn [1972] tháng trọng thu [tháng 8].
Tôi là Lê Quý Đôn kính cẩn đề tựa (1)*

-
- (1) Bài tựa này, trong nguyên bản A. 1251 (Thư viện Khoa học xã hội) bị rách mất đoạn đầu. Chúng tôi lấy theo bài giới thiệu sách này trong mục Văn tịch Chí, sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú.

Người dịch

NGU THƯ

1. NGHIÊU DIỄN (1)

1-1. Người chép sử khen [sáu] đức: khâm, minh, văn, tú, cung, nhượng (2) của vua Nghiêu (3) là đã đạt tới cực thịnh. Chữ "tú" trong [các đức] đó không thể xem thường. Sự phân biệt thật giả, đối trá; phân tách sự lý; thông hiểu được chí hướng của thiên hạ, làm nên việc cho thiên hạ, hoàn toàn do [chữ "tú"] đó ra cả. [Vua Nghiêu] than phiền về [lời tâu của] Phóng Tề (4); Hoan Đâu (5); cự lại [lời tâu] của quan tứ nhạc (6); và dùng thử Ngu Thuấn [vào việc chính sự] (7). Nếu chẳng phải [là người] (8) có ý tứ sâu xa thì sao làm được như thế? Cho nên Truyện khen: "Tài trí của Nghiêu như Thần". Cao Dao mô (9) khen là: "Nghĩ xa". Thiên Hồng Phạm (10) nói là: "suy nghĩ phải thấu nhé, thấu nhé thì là thánh". [Vậy nên] "khâm" và "cung" đều là rút ra từ "tú" cả.

Chú thích:

- (1) *Nghiêu diễn*: tên một thiên đầu trong Kinh Thư thuộc Ngu thư thể diễn ghi chép sự việc đời vua Nghiêu. Gọi là Nghiêu diễn là vì các nhà nho xưa cho rằng các sự việc ghi chép về đời vua Nghiêu có thể làm phép tắc cho đời sau.

- (2) *Khâm, minh, văn, tứ, cung, nhượng*. Khâm: là kính cẩn, minh: là sáng suốt, văn: là văn vẻ, tứ: là ý nghĩ, suy nghĩ, cung: là cung kính, nhượng: là khiêm nhường
- (3) *Vua Nghiêu*: một vị vua vào đời Thương cổ của Trung Quốc, tên gọi là Phong Huân, là con vua Đế Cốc, họ Y Kỳ. Lúc đầu Nghiêu được phong ở đất Đào, sau lại được phong ở đất Đường cho nên nước của Nghiêu có tên gọi là Đào Đường. Nghiêu ở ngôi 100 năm, có con là Đan Chu, vì Đan Chu ham mê chơi bời nên Nghiêu đã nhường ngôi cho người hiền tài là Thuấn.
- (4) *Phóng Tề*: bề tôi của vua Nghiêu.
Vua Nghiêu hỏi ai là người đáng tin dùng? Phóng Tề nói: Thái tử Đan Chu là người đáng tin dùng. Vua Nghiêu than phiền, vì Đan Chu là người ngạo ngược, ham mê chơi bời.
- (5) *Hoan Dâu*: bề tôi của vua Nghiêu.
Vua Nghiêu hỏi: ai là người làm được việc? Hoan Dâu nói: Cung công là người làm được việc. Vua Nghiêu than phiền, vì Cung công nói phải, mà làm trái, ngoài mặt giả cung kính, trong bụng thì đầy kiêu ngạo.
- (6) *Quan tứ nhạc*: vị quan coi giữ công việc của các nước chư hầu bốn phương. Thời vua Nghiêu, bốn người là Hy Trọng, Hòa Trọng, Hy Thúc, Hòa Thúc, mỗi người coi giữ công việc của các nước chư hầu ở một phương.
Vua Nghiêu hỏi quan Tứ nhạc ai trị được nạn hồng thủy, quan tứ nhạc cử Cỗn. Vua Nghiêu cự lại rằng: Cỗn là người tự ý làm trái mệnh, làm hại dân.
- (7) *Ngu Thuấn*: Thuấn được Nghiêu truyền ngôi và phong ở nước Ngụ, sau lấy tên nước làm họ nên còn gọi là Ngu Thuấn. Thuấn vốn họ Diêu, là người rất có hiếu, cha là người ngoan cố, mẹ ghẻ độc ác, em trai là Tạng, con mẹ ghẻ, ngạo ngược luôn tìm cách giết Thuấn. Thấy vậy Thuấn ngày càng hết sức cẩn thận giữ lòng hiếu thảo. Sau Thuấn được vua Nghiêu dùng cho làm các việc như điều khiển trăm quan, giữ việc chủ tể, Thuấn đều làm tốt, Nghiêu liền cho giữ thủ quyền chính trong nước ba năm rồi truyền ngôi cho làm thiên tử.
- (8) *Truyện*: tức "Thư truyện" (Sách giải thích Kinh Thư).

- (9) *Cao Dao mô*: tên một thiên trong kinh Thư nói về mưu mô kế sách của Cao Dao, vị quan giữ việc hình phạt thời vua Thuấn (xem thêm 4)
- (10) *Hồng Phạm*: tên một thiên ở Chu thư nói về những phép tắc lớn trong trời đất. Xem thêm ở 32.1, ct 1.

1-2. Trước hết phải làm sáng đức sáng của mình, rồi sau mới thân yêu với người thân thích, sau nữa mới đến việc trị nước và làm cho thiên hạ bình yên. [Làm được những việc kể trên rồi] sau cùng mới làm đến những việc như "lịch tượng" (1), "thụ thời" (2). Việc trị vì [phải nên] có thứ tự như thế.

Chú thích

- (1) *Lịch tượng*: xem xét mặt trăng mặt trời, các vì sao để định thời tiết.
- (2) *Thụ thời*: cho dân biết thời vụ cấy gặt sớm muộn như thế nào.

1-3. [Đất đai thuộc] đời Đường Ngu (1) cai trị, tuy nói không quá chín châu, nhưng bờ cõi địa giới cũng đã xa rộng: [Các vùng như] Ngung Di, Nam Giao, Muội Cốc, Sóc Phương cũng đều chia các quan đến trách nhiệm, [vùng nào cũng] đều ra xa đến ngoài ngàn dặm. Ôi! Thật là to lớn!

Chú thích:

- (1) *Đời Đường Ngu*: chỉ đời vua Nghiêu và vua Thuấn. Xem thêm ở 1.1 ct 3 và 7.

1-4. Chia ra sai Hy Trọng, Hòa Trọng, lại sai Hy Thúc, Hòa Thúc, đi xác định địa phận bờ cõi, do tính bóng mặt trời, khảo xét vị trí của các sao, thuận theo thời tiết, chú trọng việc làm ruộng, xem rõ tình dân, xét rõ lý vật. Đường lối cai trị không gì là không chu tất, có phải chỉ lệch về một việc làm lịch mà được đâu.

1-5. [Theo lịch] mà điều khiển trăm quan, mọi việc đều rộng lớn. Chương này là lời vua Nghiêu nói tóm tắt để sai bảo bốn vị quan là Hy Trọng, Hy Thúc, Hòa Trọng, Hòa Thúc, thông với bốn phương trên để nói rõ công hiệu [của việc làm lịch], chứ không phải nguyên do là vì theo tháng nhuận định ra bốn mùa cho thành một năm mà được [hiệu quả] như thế.

Đời xưa, mỗi khi thực hành nhân sự, tất phải dựa theo thiên thời: khi sao Phòng sáng sớm ở chính giữa phương Đông, mặt trời mặt trăng hội ở chỗ sao Doanh thất, thì làm lễ cày tịch điền và ban bố công việc nhà nông. *Khi sao Giác, sao Cang sáng sớm hiện ở phương đông* (1) thì xong mùa màng, chuẩn bị công việc làm đất. Đã xem sao ở chính giữa để xác định bốn mùa, lại đặt tháng nhuận để đặt ra bốn mùa cho dân biết rõ đường hướng. Mọi việc do theo đó mà đều mở mang cả.

Khảo dị

(1) Trong đoạn trên, hai chữ Giác (角) và Cang (亢) ngờ là chữ Mão (昴), chữ đông (東) ngờ là chữ tây (西) và như vậy đoạn trên phải dịch là: khi sao Mão sáng sớm hiện ở phương tây..." thì mới đúng.

* * *

1-6. Đòi thưởng cổ, người làm quan đều là cha-truyền con nối. [Vì vậy] quan tứ nhạc xin vua Nghiêu cất nhắc những người [giỏi trong đám dân] nghèo hèn thì mới tìm được bậc đại thánh. [Quan tứ nhạc lại nói] tìm người tài giỏi ở triều đình không rộng rãi bằng tìm ở nơi thôn quê.

Sách Tả truyện(1) nói: "Từ Mạc đến Cổ tẩu (2) không ai trái mệnh [Vua]. Thuấn lại làm đẹp thêm đức đó bằng đức sáng [của mình]".

Sách Quốc ngữ (3) nói: "Vua Mạc nước Ngụ là người có thể nghe biết gió ôn hòa [sắp thổi đến] làm cho muôn vật sinh thành tươi vui". Như vậy thì Thuấn là con vua chư hầu chứ không phải là hạng thứ dân thấp hèn. Câu: "Cho làm vợ họ Ngụ" thì [hai chữ "họ Ngụ" ở đây] cũng là gọi tên một nước. Các thế hệ của giòng họ Ngụ Thuấn, nên lấy Tả truyện, Quốc ngữ làm căn cứ chính. Quan Thái sử [Tu Mã Thiên] chỉ dựa theo thế bản [Thế gia, bản kỷ] thì không đủ để làm căn cứ. Điều này Kim Nhân Sơn (4) biện bạch đã rõ ràng rồi.

Chú thích

- (1) *Tả truyện*: tên sách do Tả Khâu Minh thời nhà Chu soạn ra, ghi chép các sự kiện về thời Xuân Thu.
- (2) *Mạc và Cổ tẩu*: Mạc là ông tổ của vua Thuấn, Cổ tẩu là thân phụ sinh ra Thuấn.
- (3) *Quốc ngữ*: tên sách do Tả Khâu Minh thời nhà Chu soạn ra, là một loại sử ghi rõ sự việc của từng nước thời Xuân Thu.

- (4) *Kim Nhân Sơn*: tức Kim Lý Tường, một nhà nho lớn đời Nguyên, tự là Cát phủ. Vì ông ở núi Nhân Sơn nên học giả đương thời gọi ông là Nhân Sơn tiên sinh.

* * *

- 1-7. Theo lễ giáo thời cổ: vua chư hầu mỗi khi lấy vợ là lấy chín người con gái, người con gái trưởng làm chính thất, còn cháu và em làm tỳ thiếp. Nga Hoàng Nữ Anh lấy vua Thuấn, chính là đã theo lễ giáo ấy.
- 1-8. Vua Thuấn khi còn hàn vi đã có đức độ của bậc đại thánh, một là ăn ở hiếu thảo, làm cho [cha mẹ anh em] trên dưới thuận hòa; hai là: vui vẻ tiếp thu ý kiến hay của người khác để làm việc thiện; ba là làm sáng tỏ lễ vật, xét rõ đạo làm người, thực hành điều nhân nghĩa. [Thuấn] đi đến đâu thì [người ở đấy], [nhà], nhường nhau ở, [ruộng], nhường nhau bờ; [Thuấn] ở đâu thì [ở đấy] thành nơi đông đúc, nơi đông hội. Tiếng tăm đạo đức, giáo hóa [của Thuấn] lừng lẫy một thời, vua Nghiêu ở chốn cửu trùng cũng nghe tên và đã tin Thuấn là bậc thánh nhân rồi. Truyện khen việc [vua Nghiêu] sai chín con trai, hai con gái và cả các quan chuẩn bị đầy đủ trâu dê, kho dựn để phụng dưỡng Thuấn ở nơi đồng ruộng. Có lẽ đây là nói về lễ cực kỳ tôn trọng người hiền tài của [vua Nghiêu]. [Cho nên] câu "xem cách y cư xử [với hai con gái ta]" thì cũng chỉ là vua Nghiêu nói tạm ra như thế thôi.

2. THUẤN ĐIỂN (1)

- 2-1. Vua Nghiêu ở ngôi đã 70 năm mà 16 [người con của] nhà đại tộc còn ở nơi thôn dã (2) [chưa được dùng],

bốn kẻ hung bạo còn ở trong triều (3) [chưa bị trừ bỏ], công việc trị thủy chưa xong. Thấy lúc thiên hạ đã cực kỳ thịnh trị mà mọi việc còn có nhiều chỗ chưa vừa ý, nên Nghiêu suy nghĩ, muốn có người hiền tài giúp việc để chấn hưng và làm mới [những chỗ chưa vừa ý đó]. Thế rồi Nghiêu sốt ruột và lấy làm lo lắng vì chưa tìm được người hiền tài. Có lẽ đó là vì [Nghiêu] không muốn vụn vặt chọn từng người, định từng việc đó thôi. Thuấn vốn là người từ nơi thôn dã, một mai được cất nhắc, thì cả thiên hạ [ai nấy] đều ngưỡng vọng. Khi Thuấn làm quan Tư đồ (4) thì [mọi người] không ai dám trái điều giáo hóa, khi giữ việc điều khiển trăm quan thì [trăm quan] không ai để hòng việc, khi tiếp tân khách thì [chư hầu bốn phương] đều nghiêm chỉnh hòa mục, không còn kẻ hung ác. [Bóng hình] chiếc áo chần (5) tới đâu [thì ở đó] như gió lướt sấm động, ba năm thử [nhiếp chính] mọi việc đều thành công. Nếu [Thuấn] không phải là người có tài năng kiệt xuất, có quy mô biện pháp tinh tường, vận dụng nhanh nhạy thì làm sao làm được như thế. Kinh dịch nói: "Biến hóa một cách thần diệu khiến cho dân vui lòng [về sự biến hóa ấy], động viên cổ vũ dân [để cho họ] thấy hết [sự biến hóa thần diệu ấy]"

Chú thích

- (1) *Thuấn điển*: tên một thiên thuộc Ngũ thư, the điển ghi chép sự việc đời vua Thuấn. Gọi là Thuấn điển là vì các nhà nho xưa cho rằng các sự việc ghi chép về đời vua Thuấn có thể làm phép tắc cho đời sau.

- (2) *Mười sáu người con của nhà đại tộc*: gồm 8 người thuộc họ Cao Tân là: Bê Phân, Trọng Kham, Thúc Hiến, Quý Trọng, Bá Hổ, Trọng Hùng, Thúc Bảo, Quý Ly và 8 người thuộc họ Cao Dương là: Thượng Thu, Đồi Ngai, Đào Dẫn, Đại Lâm, Mang Giảng, Đinh Kiên, Trọng Dung, Thúc Đại. Mười sáu người này đều là người tài.
- (3) *Bốn kẻ hung bạo*: là Hoan Dâu, Cung Công, Cồn, Tam Miêu.
- (4) *Quan tư đồ*: quan coi giữ việc lễ giáo để dạy bảo cho dân thôn vua Nghiêu và vua Thuấn.
- (5) *Áo Chấn*: một chiếc áo quý do vua Nghiêu ban cho Thuấn, ở đây ý chỉ vua Thuấn.

2-2. Sử ký (1) nói: [khi trị thủy] Nghiêu sai Thuấn vào rừng núi, xuống sông chằm, gặp lúc mưa to, gió lớn, sấm chớp, Thuấn vẫn đi [không sợ hãi] và không bị lấm lạc.

Sách Khổng Tử từ (2) chép: "Khi Khổng tử đáp lời Tế Dư hỏi, có nói rằng: Vua Nghiêu sau khi đã tìm được Thuấn, nhiều phen thử [Thuấn] làm những việc khó khăn vất vả, sai [Thuấn] nắm giữ toàn bộ quyền chính gồm trăm công nghìn việc, nhưng khi Thuấn nhận những công việc này thì âm dương điều hòa, năm thứ (3) lại đủ. Gió mưa đều ứng [theo đức tốt của Thuấn] không bị sai lệch mất thăng bằng. [Điều đó] chứng tỏ hành vi của Thuấn đã cảm ứng được với trời".

Chu từ (4) nói: "[việc Thuấn được sai] vào cánh rừng dưới chân núi" thì nên tin theo Sử ký đã nói. Còn câu "chủ tế" thì [tôi] không dám tin. Không thấy [Chu từ] biện bạch những điều sách Khổng Tử từ chép [nói trên] đúng hay sai thế nào.

Chú thích

- (1) *Sử ký*: bộ sử do Tư Mã Thiên đời Hán soạn.
- (2) *Sách Khổng Tử*: bộ sách do Khổng Phu, là bậc sĩ thời Trần Thắng soạn, gồm 21 thiên, sau Khổng Tạng đời Hán soạn tiếp 2 thiên nữa, cộng là ba quyển.
- (3) *Năm thứ*: gồm mưa, nắng, nóng, lạnh, gió.
- (4) *Chu Hy*: tức Chu Hy, nhà nho lớn đời Tống.

2-3. *Câu*: "[Ta] hỏi công việc và xét lời nói [của nhà người]", thực không thấy chép trong kinh truyện (1). Khảo trong sách chú từ (2) thấy có chép: "Nghiêu hỏi [Thuấn] rằng: Ta muốn trao thiên hạ [cho người hiền tài, c thiên hạ không theo] vậy làm thế nào? [Thuấn] thưa rằng: "giữ điều nhất quán, trước sau không đổi, dù làm việc nhỏ không sinh lòng lười biếng, giữ lòng trung tín không mệt mỏi thì thiên hạ tự khắc nghe theo". Lại hỏi: "Phải phụng thờ ai?" [Thuấn] trả lời: "**Phụng thờ trời**". [Nghiêu] lại hỏi: "Nhiệm dụng ai?" [Thuấn] đáp: "nhiệm dụng đất". [Nghiêu] hỏi: "Chú ý cái gì?" [Thuấn] đáp: "Chú ý người". [Trong Chú từ] lại ghép rằng: "Nghiêu gặp Thuấn ở phía Bắc Phục trạch, [hai người] cùng nhau trò chuyện [đến lúc mặt trời] chưa xế bóng đầu mà chí nguyện [tìm người hiền tài] của Nghiêu đã được thỏa mãn."

Chú thích

- (1) *Kinh truyện*: chỉ ngũ kinh và tứ thư.

- (2) *Sách chư tử*: là sách của các nhà đạo đức và học giả thời cổ như: Lão Tử, Trang Tử, Tuân Tử... soạn ra.
Ở đây chỉ sách của Tuân Tử người thời nhà Chu soạn ra.

2-4. Suốt ba năm thử [điều khiển công việc chính sự], [Thuấn] chỉ căn cứ theo chức sự, làm hết những việc đáng làm mà chưa kịp xây dựng điển chương chế độ, hơn nữa cũng chưa trị tội bốn kẻ hung bạo, [là vì Thuấn] không dám làm vượt ra ngoài chức phận của mình thôi. Nhưng nếu khi nhận mệnh [vua Nghiêu], [thực sự] nắm giữ quyền chính thì sau đó mọi việc mới đều làm đến cả, [khi ấy mới thấy rõ] một cảnh tượng rực rỡ, xúc động lòng người. Thế mới biết Thánh nhân có độ lượng sâu sắc, kín đáo, có quy củ sắp đặt công việc đâu ra đấy. [Đó là điều] hạng người thiển cận đâu có thể thấy được.

Tả truyện nói: "việc chính sự giống như việc nhà nông: không làm việc một cách thiếu suy nghĩ, giống như người làm ruộng phải có bờ. [Như thế thì dù có] nhầm lẫn cũng không nhiều. Giả Nghị (1) mới làm Trung đại phu mà đã vội chần hung lễ nhạc, định lại quan chức. Phạm Trọng Yêm (2) vừa mới làm tham chính mà đã nôn nóng muốn khảo xét các quan lại, bỏ bớt bọn quan bất tài cầu may và lạm quyền. [Hai ông Giả Nghị và Phạm Trọng Yêm] đều chính là người đã làm việc một cách thiếu suy nghĩ.

Chú thích

- (1) *Giả Nghị*: người đời Văn đế nhà Hán, khi ông giữ chức Trung đại phu có kiến nghị với vua xin sửa đổi một số chính sách và chế độ,

bị các quan đại thần trong triều ghen ghét gièm với vua, Giả Nghi phải đổi ra làm quan Thái phó.

2) *Phạm Trọng Yêm*: làm quan đôn vua Nhân Tông nhà Tống.

2-5. Thời vua Nghiêu, hàng vạn nước trong thiên hạ phân bố dày đặc như sao sa, lở nhỏ như quân cờ. Về năm, tháng, bốn mùa, về âm luật, về các phép đo lường, cần đếm vốn đã thành phép tắc từ lâu. Những ngày Thuần đi tuần thú là để xác định lại, thống nhất lại [các phép tắc đó]. Nếu thấy có chỗ chưa thống nhất thì truất bỏ đi. "Các vua chư hầu bốn phương lần lượt đến chầu trong bốn năm liền, tâu bày công việc cai trị trong nước [nhà vua] xét rõ công trạng và thưởng cho xe và áo". [Như thế] thì vị [vua chư hầu] nào có lời nói hay, việc làm tốt có thể dùng được, liền được cất nhắc ngay, không phải đợi đến thời hạn xét công tích. Như vậy là việc thưởng phạt đã được thi hành ngay trong lúc tiếp đãi chư hầu. Đó là quyền cai quản thiên hạ lớn nhất [của vua thiên tử]. Một năm đi tuần thú khắp Tứ nhạc (1) tình vua với dân, trên với dưới không gì cách biệt nhau, không còn gì憾憾 nữa. Bốn năm các nước chư hầu lần lượt đến chầu, việc xét hỏi công việc chính trị không dám bỏ trễ. Ấy chính là tác dụng lớn để xoay chuyển thiên hạ.

Chú thích

(1) *Tứ Nhạc*: bốn ngọn núi cao của bốn phương: tức Thái Sơn ở phương đông, và Nam Nhạc, Tây Nhạc, Bắc Nhạc. Vua thiên tử đến bốn ngọn núi này để cho các vua chư hầu đến chầu.

2-6. Lời kinh (1) nói: "Cho [dân] biết các hình phạt [mà luật pháp] đã đặt ra". Lại nói: "Đang thi hành các hình phạt đã được nêu cho [mọi người] biết". Lại nói: "Năm loại hình phạt, xử ở ba nơi". Họ Khổng (2) cho rằng: tội lớn nhất xử ở cánh đồng, [quan đại phu] xử ở trong triều, [kẻ sĩ] xử ở ngoài chợ. Sử nhà Hán lại nói: "Đời Đường Ngu (3) vẽ hình (tượng) [trị tội] thế mà dân biết [sợ hãi] không phạm tội mãi". Lại nói: "Đời cổ xưa vẽ áo mũ để làm hình phạt, vẽ dấu hiệu khác lạ vào trang phục để làm nhục". Thượng thư đại truyện (4) nói: Đời xưa xử tội chỉ vẽ hình (tượng) mà [dân] không phạm nữa. Có lẽ là tội nặng nhất thì [vẽ hình] mặc áo đỏ sẫm không viền gấu, tội vừa thì [vẽ hình] đi dép tạp, tội nhẹ thì [vẽ hình] trùm khăn đen, rồi để ở các châu các lý mà người ta lấy làm nhục.

Sách Bạch Hổ thông (5) nói: Đời Ngũ đế vẽ hình (tượng) là vẽ trang phục nêu rõ năm loại hình phạt: phạm tội phải thịch chữ bôi mực vào trán thì [vẽ] trùm khăn, phạm tội cắt mũi thì [vẽ hình] mặc áo đỏ sẫm, phạm tội cắt đầu gối thì [vẽ] bôi mực vào đầu gối, phạm tội phải thiến thì [vẽ hình] đi dép cỏ, phạm tội từ hình thì [vẽ hình] mặc áo vải thô không cổ. Thượng thư nói: "Ngũ hình hữu phục" là ý nghĩa như vậy.

Các nhà nho đời Hán đều vin vào thuyết ấy, cho rằng thời thượng cổ không dùng dao, cưa, búa, rìu [làm tội người]. Cho nên họ nói: "Thời Nghiêu Thuấn khoan dung, không dùng hình phạt". Chu từ

đã biện luận về thuyết này rất sâu. Ông cho rằng chữ hình (tượng) [trong vẽ hình] cũng giống như chữ hình (tượng) mà pháp gia đã treo hình (tượng) [ở cửa khuyết cho thiên hạ thấy].

Cũng có người cho rằng: vẽ hình đáng năm loại hình phạt, cũng có thể cho dân biết các hình phạt mà luật pháp đã đặt ra, là vẽ hình để bảo cho dân biết năm loại nhục hình thông thường. [Còn câu] khoan dung năm loại hình phạt [bằng cách] cho "đi đày" nghĩa là đày đi xa để [tò lòng] khoan dung cho những người phạm tội nhục hình mà xét về tình có thể giảm nhẹ được.

Tôi xét thấy: thời nhà Hạ cách nhà Ngu chưa xa mấy, mà trong chính điển (6) nói: "Kẻ đến trước giờ hay sau giờ đều giết không tha". Thiên Cam thệ (7) cũng có câu: "Giết đến cả con cháu". Như vậy dù biết thời Ngu cũng có dùng nhục hình. Chứ đâu có phải đặt ra hình pháp mà lại không dùng, rồi cứ theo cách trị tội theo trang phục mà có thể làm cho người ta biết sỉ nhục được.

Chú thích

- (1) *Lời kinh*: tức lời trong kinh Thu.
- (2) *Họ Khổng*: tức Khổng An Quốc, nhà nho lớn thời Hán, chuyên nghiên cứu về kinh Thượng thư.
- (3) *Đời Đường Ngu*: tức đời Đường Nghiêu, Ngu Thuấn.
Xem thêm chú số 3 và số 7 bài 1-1.
- (4) *Thượng thư đại nguyên*: bộ sách chú giải kinh Thu do Phục Sinh đời Hán soạn.
- (5) *Bách Hổ thông*: tức Bách hổ thông nghĩa, do Ban Cố đời Hán soạn.

(6) *Chính điển*: tức lời trong thiên Dân chính Kinh Thư.

(7) *Cam thọ*: tên một thiên trong Kinh Thư. Xem ở 7-1, ct 1.

2-7. "Xử tội phải có lòng thương xót" [chính là đã] thương kẻ tiểu nhân vì không biết mà mắc tội. Thiên Lữ hình (1) nói: "Xử kiện phải có lòng thương xót, lòng kính nể". Tang tử (2) nói: "[nếu như xét và biết được tình thực của người phạm tội thì] nên thương xót [họ] chứ chớ nên vui mừng".

[Các lời nói trên] đều cùng một ý ấy cả. Đời sau có kẻ dùng mưu thuật để đưa người vào tròng, khép người vào tội nặng. Rồi tự khoe mình là xét xử sáng suốt. Cũng có kẻ mượn tiếng [là xử tội phải có lòng thương xót] để cầu danh và cầu khen thưởng. [Nhưng hạng người ấy] thật là hạng người bất nhân.

Chú thích

(1) *Lữ hình*: tên một thiên trong kinh Thư. Xem ở 51-1, ct 1.

(2) *Tăng tử*: tức Tăng Sâm, người thời Xuân Thu, là học trò của Khổng Tử. Câu trên là lời trong thiên Tử Trương Luận ngữ.

2-8. "Hoan Châu bề ngoài ra vẻ cung kính nhưng trong bụng vô cùng kiêu căng". Sang đến đời Thuấn mà trong các bề tôi còn có câu: "Có lo gì Hoan Châu". Thế dù rõ Hoan Châu là kẻ đại ác. Cung Công tiến cử Hoan Châu tốt [Cung Công] cũng là đồng đảng [của Hoan Châu]. Vì Nghiêu cho rằng Hoan Châu là người trong thế tộc nên còn nhần nhịn chưa trừ bỏ đi. Nhưng khi Thuấn bắt đầu lên nắm quyền chính Thuấn đã làm rất rành mạch việc truất bỏ [kẻ xấu]

và cắt nhắc [người tài], đã định tội Hoan Châu cùng loại với Tam Miêu, Cồn và đều đầy đi xa. Có lẽ cũng là: trên phụng theo mệnh vua Nghiêu, dưới hời ý các quan [rồi mới làm] chứ không phải vì có Hoan Châu [có lòng] oán hận bất bình [mà Thuấn trị tội]. Nếu như vì có người ta không phục mình mà đem trị tội thì gần giống như hành vi của Tào, Mã (1). Đó đâu có phải là tâm địa của bậc đại thánh nhân.

Hàn Phi (2) nói: "Nghiêu muốn truyền thiên hạ cho Thuấn; Cồn can, Cung Công cũng can nhưng Nghiêu không nghe". Dù có thực như thế, nhưng Thuấn chưa chắc đã vì thế mà giận hai người. Cồn với tước vị là Sùng bá đi trị thủy không thành công, thì tự mình đã đáng khếp vào tội rồi, còn Tam Miêu là vua ở cõi Hoang chứ không phải là người đảm nhiệm chức vị lớn trong triều chẳng lẽ lại mang lòng căm phẫn trước việc Thuấn lên nắm quyền chính ư?

Chú thích:

- (1) *Tào, Mã*: tức Tào Tháo và Tu Mã Ý thời Tam Quốc. Hai người này bụng dạ nhỏ nhen, hay nghi ngờ và ghen ghét người có tài.
- (2) *Hàn Phi*: Công tử nước Hàn thời Chiến Quốc, một nguồn thích lối học hình danh và phép thuật, tác giả của bộ sách Hàn Phi tử.

2-9. Kinh Thư khen: "Trị tội bốn [kẻ hung bạo] mà thiên hạ đều cảm phục". Truyện khen: "Trị tội bốn kẻ hung bạo, cắt nhắc mười sáu tướng là có hai mươi công lớn [vì vậy] mà các nước chư hầu trong thiên hạ đồng lòng tôn Thuấn làm thiên tử". Có lẽ vì họ

phục Thuấn sáng suốt trừ bỏ kẻ hung ác, một lòng thành thực tin dùng người hiền. Thủ đoạn và tác dụng của bậc thánh nhân lòng lấy trong vũ trụ, không phải người tầm thường có thể bì kịp được.

2-10. [Các tên] Văn Tố (1), Thần Tông (2) tuy đều là miếu hiệu (3), nhưng cách đặt tên thụy của đời sau lại bắt đầu từ đây.

Chú thích

(1) *Văn Tố*: miếu hiệu của thụy tổ vua Nghiêu.

(2) *Thần Tông*: miếu hiệu của vua Nghiêu.

(3) *Miếu hiệu*: khi vua mất thì thờ chung ở trong thái miếu và được truy tôn một tên khác để thờ, tên ấy gọi là miếu hiệu.

2-11. [Thuấn] vừa bắt đầu nhiếp chính, điều khiển trăm quan là [hàng 3 ngày] đã tiếp các vua chư hầu bốn phương và các quan mục bá (1) [ở chín châu]. Việc thu tập ấn ngọc và ban ấn ngọc (2) cũng chỉ đến các hàng mục bá. Sau đó, khi chính thức lên làm vua thì bàn việc [trị nước] với các vua chư hầu bốn phương, [hỏi việc] các quan mục ở mười hai châu, không bắt các vua chư hầu đều phải nhất tề đến chầu, sợ làm cho [chư hầu] vất vả. Lấy ngôi cao thống lĩnh kẻ thấp; lấy địa vị lớn hiểu dụ người bé. Sự quản thúc, sự liên lạc bắt đầu có thứ tự [từ đây]. Đời sau đặt ra các quan thứ sử, tiết độ, hành tỉnh, thừa tuyên đều là theo ý này cả.

Chú thích

(1) *Quan mục bá*: quan coi giữ các châu.

- (2) *Thụ ấn ngọc, bệ ấn ngọc*: Ấn ngọc là chiếc ấn làm bằng ngọc quý dùng để làm tin. Các vua chư hầu khi đến triều thiên tử thì thu nạp ấn ngọc nộp cho thiên tử, sau đó thiên tử lại ban trở lại.

- 2-12. "[Thuấn] bàn việc trị nước với vua chư hầu bốn phương, mở cửa bốn phương rộng rãi cho trong việc tiến cử", chính là để mở đường cho người hiền tài [tiến thân]. "Sáng mắt nhìn xem công việc của bốn phương, thính tai nghe biết công việc của bốn phương, phá vỡ sự bế tắc" chính là để mở đường cho ngôn luận [nhằm nghe được lời nói hay nói thẳng]. "Giới cùng mọi người làm điều thiện, thích hỏi, thích quan sát". [Thuấn] thật [là người] có khí tượng như trời cao che chở, như bể rộng bao dung. Xem những lời Thuấn khen Nghiêu như: "Lời nói hay không dễ bị lấp liếm, ở nơi thôn dã không bỏ sót người hiền tài, xét kỹ lời mọi người, bỏ ý riêng theo ý nhiều người" thì thấy những việc làm đầu tiên khi Thuấn lên nắm quyền chính cũng đều là làm theo Nghiêu mà thôi.
- 2-13. [Thuấn] bàn việc cai trị với vua chư hầu bốn phương là [bàn những việc] bên trong [triều đình]; hỏi việc các quan mục bá ở 12 châu là [hỏi những việc của các địa phương] bên ngoài. Các quan mục bá, các vua chư hầu đều là những người có trách nhiệm với việc dân việc nước cả. Coi trọng sự no đủ của dân, thuận theo thời vụ nhà nông là có thể giúp đỡ chính sách nuôi dân; vỗ về nước xa, thương yêu nước gần, là có thể giúp cho việc trị nước có kết quả; hậu đãi người có đức tốt, tin dùng người có lòng nhân, cự tuyệt kẻ gian thì không có sự lầm lỗi; để người quân tử phải [ấn đặt] nơi thôn dã, kẻ tiểu nhân được ở ngôi quý [trong triều]. Như thế thì chẳng riêng các

vua chư hầu ở trung hạ (1), dưới quyền thống trị [của thiên tử] cảm phục, mà các nước man di nghe tiếng cũng sẽ theo nhau phục tùng. [Thuấn chỉ] răn bảo các quan bên ngoài có vài lời mà hết mọi lễ. Thật là lời của bậc thánh nhân.

Chú thích

- (1) *Trung hạ*: theo quan niệm của người Trung Quốc xưa các nước ở trong miền lưu vực sông Hoàng Hà thuộc miền văn hóa Trung Quốc là văn minh, còn ngoài đó ra đều là man di.

2-14. Thuấn ở ngôi vua 28 năm, mà sai Vũ (1) trị thủy mất 13 năm thì việc thủy thổ mới xong xuôi. [Vũ] báo cáo thành công ấy đã lâu. Nhưng Thuấn vẫn ghi lại công tích cũ và khuyên [Vũ] lập công tích mới. [Thuấn] sai [Vũ] giữ việc điều khiển trăm quan, nhưng [Vũ] lập tức nhường cho Tắc (2), Tiết (3), Cao Dao (4). [Từ đó] liền mở ra đầu mối tốt đẹp về sự kính nhường nhau. Đó chính là thể hiện tính khiêm tốn, không tự cho mình là tài giỏi, không tự cho mình là có công.

Chú thích

- (1) *Vũ*: tức sau này là vua thủy tổ của nhà Hạ. Thời vua Thuấn, cha Vũ là Côn trị thủy không thành công, bị giết. Vũ thay công việc của cha, trị thủy thành công, được phong tước bá ở đất Hạ, nên còn gọi là Bá Vũ. Sau được Thuấn truyền ngôi làm thiên tử, lập ra nhà Hạ.
- (2) *Tắc*: tức quan Hậu Tắc giữ việc canh nông.
- (3) *Tiết*: tức quan Tư đồ, giữ việc giáo dục.
- (5) *Cao Dao*: làm quan Sĩ sư coi việc hình ngục.

2-15. Tư đồ, tư không (1) đều là tên các chức quan từ rất cổ, mặc dù [hai chức này] ngang hàng với chức Cửu quan (2). Vũ với chức Tư không điều khiển trăm quan là đã làm nhiệm vụ của thủ tướng rồi. Còn chức tư đồ thì chính Thuấn đã từng làm. Chức quan tư mã tuy chưa thấy nhưng Dận hầu (3) được sai giữ chức lục sư (4) cũng chính là lúc này. Tên các chức quan sử, quan bảo (5) thì mới thấy từ thời nhà Thương. Y Doãn (6) trước làm tướng, sau mới tôn lên bằng cái tên [sư bảo] ấy. Sang đời nhà Chu mới đặt ra quan thái sử, thái phó, thái bảo (7) và gọi là tam công, chức quan này không nhất thiết phải có người chuyên làm mà thường lấy các chức quan khác làm kiêm. Đời sau không đặt ra chức tam sư (8) mà lấy chức tư đồ, tư mã, tư không làm tam công. Chức tế tướng cũng là theo ý xưa. Cho nên các triều đại cứ theo thể dùng mà không thể thay đổi được.

Chú thích

- (1) *Tư đồ, tư không, tư mã*: là ba chức quan do Thiệu Hiệu đặt ra từ thời rất cổ.
- (2) *Cửu quan*: 9 chức quan do Thuấn đặt ra là: Bá Vũ và 8 chức Bách quý (chức này tương đương với chức tế tướng) ông Khí làm quan Hậu Tắc, ông Tiết làm quan tư đồ, Cao Dao làm quan Sĩ, Thù làm quan Cung công, Ích làm quan Hành, Bá Di làm quan Trật tông, Quỷ làm quan Điển nhạc, Long làm quan Nạp ngôn.
- (3) *Dận hầu*: tước hầu ở nước Dận. Dận hầu được vua Trọng Khang nhà Hạ sai giữ chức Lục sư đem quân đi đánh Hậu Nghệ.
- (4) *Lục sư*: sáu đạo quân, mỗi sư gồm 2500 quân.
- (5) *Sư, Bảo*: hai chức quan giữ việc dạy dỗ và phò tá nhà vua.
- (6) *Y Doãn*: một người hiền tài, có công giúp Thành Thang đánh vua Kiệt nhà Hạ, lập ra nhà Thương.

(7) *Thái sự, thái phó, thái bảo*: ba chức quan chăm lo dạy dỗ và giúp đỡ vua.

(8) *Tam sự*: từ thái sự, thái phó, thái bảo.

2-16. Đã phân biệt thổ nghi của ba loại đất thì nên gieo thứ giống tốt trong trăm giống thóc. Đất có chỗ cao chỗ thấp, lúa có lúa sớm lúa muộn. Muốn tính toán điều tiện lợi, thí nghiệm cách trồng trọt thì không thể không đặt quan Hậu tặc (1). Nạn thủy hại trị xong, có nơi cũng phải 13 năm mới thành ruộng [thuần thực]. Như thế chẳng thể nói đời thánh nhân không đói kém. Kinh Thi nói: "Làm cho dân có gạo ăn, không gì không phải là đức tốt của Hậu tặc" (2). Các giống lúa cự, phi, lai, mâu (3) [mà Hậu tặc] ban cho, nay [dân gian] vẫn được nhờ. Vậy việc tu chính chính sách về thóc lúa có thể cho là ích lợi nhỏ bé được ư?

Chú thích

(1) *Hậu tặc*: chức quan coi giữ việc canh nông.

(2) *Lời thơ*: trong bài Tư Văn trong Chu tụng Kinh thi.

(3) *Cự, phi, lai, mâu*: cự là giống lúa nếp đen nhiều nhựa, phi là thứ thóc một phần trấu hai phần gạo, lai là tiểu mạch, mâu là đại mạch.

2-17. Thời vua Nghiêu giáo hóa thấm nhuần đến trăm năm sau. [Thế mà] sang thời Thuấn vẫn còn [năm họ] không thân nhau, [năm đạo thường] không thuận lẽ là vì sao? Trời sinh muôn dân, bản tính vốn thiện nhưng khí chất khác nhau. Người quân tử thì ít mà

kẻ tiểu nhân thì nhiều. Thất tình (1) vây quanh, tư dục (2) bám quanh. [Vi] tí lương khô [không chia cho bạn] mà đến mắc tội (3); [người con gái] biết giữ thân, đêm hôm sương xuống không chịu đi một mình mà bị đứa dâm bạo đem kiêu để lấy ép (4). Chỉ một bộ kinh Dịch đã chép [biết bao việc]: gần, xa, phụng thừa, đối ứng (5), yêu ghét, thân sơ, phúc tạp bất đồng. Tình của sáu hào (6) nào có khác gì tình của dân chúng đâu. Kinh Lễ nói: "Đề phòng đến hết mức mà dân vẫn vượt qua" (7). [Cho nên] người quân tử lấy hình phạt để phòng dân loạn, lấy lễ giáo để đề phòng tư dục". Vì thế thánh nhân dùng cả giáo hóa lẫn hình phạt mà không bỏ mặt nào.

Đặt thành kỷ cương, chỉ bảo bằng lễ nghĩa, công việc giáo hóa, làm đến hết mức, quá lắm cũng chỉ có thể làm cho bảy tám phần mười [số người] theo điều thiện, chứ chưa chắc đã có thể làm cho phong tục đạt tới mười phần mười thuần hậu. Kia như Đan Chu (8) miệng không nói điều trung tín, Tượng (9) [bụng đầy] kiêu ngạo mà còn không thể giáo hóa nổi huống hồ là dân bên dưới.

Chú thích

- (1) *Thất tình* là: mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét, ham muốn.
- (2) *Tư dục*: lòng ham muốn riêng tư, ích kỷ.
- (3) Câu này là lời thơ ở bài Phật mộc trong Tiểu nhã Kinh Thi.
- (4) Câu này là lời thơ ở bài Hành lộ trong Thiệu nam kinh thi.
- (5) *Gần, xa, phụng, thừa, đối, ứng*: các hào trong một quẻ của Kinh Dịch: theo sắp xếp tự nhiên có hiện tượng hào nọ ở gần hào kia, hào này ở xa hào khác, hào âm phụng thừa hào dương trên mình, hào nọ ứng với hào kia.

- (6) *Tình của sáu hào*: ý nói tình yêu ghét thân sơ giữa các hào với nhau (mỗi hào tượng trưng cho một loại người hay một tình huống tâm lý con người).
- (7) *Dân vẫn vượt qua*: ý nói dân vẫn làm cần và mắc vào vòng tội lỗi.
- (8) *Dan Chu*: con vua Nghiêu.
- (9) *Tượng*: em vua Thuấn.

2-18. Người xưa phân biệt nghiêm khắc giữa Trung Hoa với man di là do bắt đầu từ lời răn [Cao Dao] của vua Thuấn: "Các nước Nam man (1), Đông di quấy rối Trung Hoa".

Chú thích

- (1) *Nam man*: ở đây chỉ vào vùng Hồ Nam, Hồ Bắc ngày nay, xưa vốn là vùng Kinh Sở ở miền Nam Trung Quốc.

2-19. Đời cổ xưa binh lính đều ở nông dân mà ra (1). Từ thiên tử đến chư hầu đều có quân đội, khi nào có việc thì mới trưng dụng. Tướng của các đội quân đều là quan khanh, nên không có quan chuyên trách. Kinh thư chép: "Thuấn sai Vũ đánh Tam Miêu". Truyện ký chép: "Nghiêu đánh được Tam Miêu ở Đan Thủy". Lại nói: "Nghiêu đánh hai tướng Tòng Chi và Tư Ngao". Thời bấy giờ, hoặc vua thân đi đánh, hoặc hội chư hầu [đi đánh] chứ chưa bao giờ lấy các quan sĩ su đốc suất quân đội. Cao Dao xử năm loại tội rất công minh: quân man di [quấy rối Trung Hoa] bọn giặc cướp, gian ác, kẻ nào đã bắt được đều giao cho sĩ su để định tội, xem tội nào đáng dùng hình phạt, tội nào đáng cho đi đày, [cốt ý]

mong cho việc xét xử đều được xác đáng thôi. Câu "việc binh việc hình hợp nhất" là không đúng. Còn câu: "Khải triệu sáu quan khanh" (2), "Trọng Khang sai Dận hầu..." " tưởng rằng cũng là dựa theo chế độ thời vua Thuấn, vua Vũ, do sử không chép đầy thôi.

Chú thích

- (1) *Binh lính đều từ nông dân mà ra*: những nông dân ở tuổi binh dịch, ngày thường vừa làm ruộng vừa luyện tập chiến đấu, khi nước có việc thì gọi nhập ngũ.
- (2) *Sáu quan khanh*: thái tử, đại sư đồ, đại tôn bá, đại tư mã, đại tư khấu, đại tư không. Thời, binh thì các quan này ai nấy đều có chức vụ riêng giúp vua trị nước, lúc có việc binh hòa thì sáu quan khanh làm tướng chỉ huy sáu đạo quân (lục sư).

2-20. Với chín quan thì sai bảo, còn riêng với Bá Di [Thuấn] nói: "kính cẩn [mà làm nhé]". [Như thế] đủ rõ ý Thuấn kính trọng ba thứ lễ tế (1).

Chú thích

- (1) *Ba thứ lễ tế*: là lễ trời, lễ đất, lễ bách thần.

2-21. Thuấn nói: "Thơ là để nói rõ chí hướng [của mình]". Bài ca "Hỷ tai, Khi tai" (1) là ["Thuấn"] muốn cho vua tôi tin nhau để triển khai mọi việc. Bài thơ: "Huân hề thì hề" (2) là [Thuấn] mong cho dân hết oán hận để đi tới phồn thịnh. Thuấn để trí vào việc trị [thiên hạ] như vậy đó.

Chú thích

- (1) *Hỷ tai khi tai*: là chữ lấy ở hai câu của bài ca trong thiên 1ch Tắc: "cổ quăng hỷ tai, nguyên thù khi tai, bách công hỷ tai"... nghĩa là: chân tay (chỉ các quan giúp việc vua) vui thay, cái đầu (chỉ vua) phần khởi thay, các quan sáng suốt thay.
- (2) *Huân hễ thi hễ*: là tên bài thơ của Thuần làm, gọi là Nam phong: "Nam phong chi huân hễ, khả dĩ giải ngộ dân chi uẩn hễ, nam phong chi thi hễ, khả dĩ phú ngộ dân chi tài hễ". Nghĩa là: gió nam mát thay, có thể giải nỗi bức tức của dân ta, gió nam phải thổi thay có thể làm giàu thêm của cải của dân ta.

2-22. Tiên nho cho rằng đời thượng cổ chưa nói đến "tính" của khí chất. Tôi xét thấy: Thuần sai [Quỳ] dạy bảo con trưởng của Thiên tử và các khanh đại phu những điều như: chính trực, khoan thứ, cương nghị, giản dị và dẫn giải cho biết những điều như: [chính trực nhưng phải] ôn hòa [khoan thứ nhưng phải] nghiêm ngặt, [cương nghị nhưng chớ] tàn bạo, [giản dị nhưng chớ] ngạo mạn. [Như vậy thì đủ thấy] Thuần để phòng sự nghiêng lệch về một mặt của khí chất rồi.

2-23. [Đặt ra] quan tư đồ để dạy dân, quan điển nhạc để dạy kẻ sĩ [con trưởng của vua và các quan khanh đại phu]. Đức tốt của dân không xây dựng được thì không thể có [phong tục] thuần hậu; bản tính của kẻ sĩ không chính trực thì không đủ người để sai khiến.

Hậu Quỳ dạy con trưởng của vua và của các quan khanh đại phu, mà con mình là Bá Phong lại không sửa được thói tham tàn nhẫn nộ, đến nỗi bị gọi là con lợn rừng, cuối cùng bị mất nước là vì sao? Con của

hai vị thánh (1) như Đan Chu và Thương Quân mà còn chẳng dạy nổi thì còn trách gì được Bá Phong nữa!

Chú thích

- (1) *Hai vị thánh*: chỉ Nghiêu và Thuấn. Đan Chu là con vua Nghiêu, Thương Quân là con vua Thuấn.

- 2-24. Đời các bậc chí thánh lúc thật thịnh trị chỉ chú ý phòng ngừa kẻ tiểu nhân. Như:

Một là, như Thuấn nói: "cự tuyệt kẻ gian ác".

Hai là, "ghét lời gièm pha làm hại công việc của người lành".

Ba là, "Những kẻ ngang ngạnh nói lời gièm pha [không phải là người tốt].

Bốn là, Như Ích Tắc nói: "Trừ bỏ kẻ gian chớ ngần ngại".

Năm là, Như Cao Dao nói: "Sợ gì kẻ khéo nói, kẻ nịnh bợ và kẻ đại gian đại ác".

[Những lời nói trên] chẳng phải [là đã cho rằng]

[Một là]: cách [bảo người ta] bày tỏ lời nói rồi cho làm thử công việc, và lệ thường truất bỏ kẻ xấu, cất nhắc người tài [đã được thi hành]. Như vậy mà kẻ xấu vẫn được lạm dụng [vào việc nước] sao?

[Hai là]: sự rộng rãi của sự thích hỏi han, thích xem xét và sự thành thực tiếp thu điều hay của người,

giúp cho mình làm điều tốt. [Đã được làm] như vậy lại vẫn bị kẻ sàm nịnh làm cho mù quáng sao?

Chỉ vì cố ấy [mà thánh nhân] lúc nào cũng hết sức nơm nớp lo ngại, chỉ sợ mình kém mình mất trong việc hiểu biết người mà dễ bị kẻ gian ton hót, làm mê hoặc. Thuấn thường nói: "Chớ nghe những lời vu vơ không căn cứ, chớ dùng mưu kế chưa bàn [với mọi người]". Đây chính là bí quyết để hiểu người và dùng người mà Thuấn đã thổ lộ với Vũ.

- 2-25. Xem thiên Thuấn diễn thì thấy rõ ngay thể thống rường mối của Thuấn trong việc trị nước. Bách quỷ và tứ nhạc, hai loại người phò tá này kiêm quyền nắm giữ toàn bộ công việc trong và ngoài. Cửu quan chia ra mỗi người một chức năng coi việc bên trong, mười hai quan mục coi việc bên ngoài. Thiên tử giữ việc xem xét công việc của 22 chức quan [kê trên], còn 22 chức quan, mỗi quan lại xem xét công việc của trăm quan chư hầu thuộc về mình. Công việc thật là trôi chảy. [Nói là] không phải làm gì mà thiên hạ vẫn bình trị chẳng đúng sao? Đời cho rằng thời thượng cổ công việc đơn giản không như đời sau công việc phức tạp. Nói thế không đúng. Đã có thiên tử, chư hầu, các quan đại phu, sự trưởng, người nào người nấy ở mỗi phương, làm mỗi việc thì phải có chính sách về các việc binh, dân, giáo dục, hình phạt; có phép tắc về triều hội, cống tiến, thuế khóa. [Nói chung] mọi việc đều có điều lệ sổ sách để giúp cho việc kê cứu khảo sát. [Như thế thì] sao lại nói là đơn giản được? Xem thiên Vũ cống (1) [thấy chép] ti mi tường tận như thế, thì cứ xem đại cương là có thể suy ra từng chi tiết được.

Chú thích

- (1) *Vũ cổng*: tên một thiên trong Kinh Thư, xem 6-1 et.1.

3. ĐẠI VŨ MÔ (1)

3-1. Đại Vũ nói rằng: "Làm vua cho hết đạo làm vua là khó, làm tôi cho hết đạo làm tôi là khó".

Khổng Tử nói rằng: "Làm vua khó, làm tôi cũng chẳng dễ".

Y Doãn nói rằng: "Ở ngôi trời khó lắm".

Chu Công (2) nói rằng: "Làm vua chẳng dễ".

Thành vương (3) nói rằng: "Lúc được yêu chiều thì nên nghĩ đến lúc bị nguy khốn, không có điều gì không nên kính sợ, nếu không biết kính sợ thì thế nào cũng bị hãm vào cảnh bị kính sợ".

Các lời nói trên, có lời khuyên vua, có lời bảo bề tôi nhưng đều cùng một ý răn bảo [vua và tôi] phải cẩn thận.

Chú thích

- (1) *Đại Vũ mô*: một thiên trong Kinh Thư thuộc Ngũ thư thể mô, nói về mưu mô trị nước của vua Đại Vũ, tức Hạ Vũ, người được Thuấn nhường ngôi cho làm vua thiên tử.
- (2) *Chu công*: là con vua Văn vương nhà Chu, có công giúp Vũ vương đánh vua Trụ. Vũ vương chết, con là Thành vương còn nhỏ. Chu Công lại tạm thay nắm quyền chính, dẹp loạn và định lại các chế độ trong nước làm cho thiên hạ được thịnh trị.

- (3) Thành vương: là con Vũ vương nhà Chu, là cháu gọi Chu Công bằng chú ruột.

3-2. "Thuận theo lẽ phải thì tốt lành, làm trái [lẽ phải] thì dữ: "Đức độ của vua Nghiêu rộng lớn, được trời thương mến, cho làm vua thiên hạ. Vua Thuấn cẩn thận ở ngôi vua, chịu mệnh thượng đế, trời ban cho mọi sự tốt lành. Vua Vũ chăm chỉ [việc nước], cần kiệm việc nhà, không tự cho mình là giỏi, không cậy mình là có công, lịch số (1) của trời chuyển đến tay vua Vũ. Đây chính là ứng nghiệm của sự [thuận theo lẽ phải thì] tốt lành.

Dan Chu ngạo mạn, rong chơi vì thể [hòng cả một đời], không được nối dõi làm vua. Thái Khang (2) lười biếng, chơi bời, cuối cùng bị diệt vong. Đây chính là ứng nghiệm của sự [làm trái lẽ phải thì] dữ.

Chú thích

- (1) *Lịch số*: cũng có nghĩa như vận trời, số mệnh, câu này ý nói vận số của Vũ đã đến lúc được làm vua thiên tử.
(2) *Thái Khang*: là con vua Khái nhà Hạ, được nối ngôi, Khái làm vua nhưng vì lười biếng việc nước, chỉ ham mê chơi bời săn bắn ở ngoài sông Lạc nên đã bị Hậu Nghệ lật đổ.

3-3. Chương "Cảnh giới vô ngu" (1) của Bá Ích bao quát hết mọi ý nghĩa của thiên "Vô dật" (2). Câu: "Chớ làm trái pháp luật và chế độ" chính là [chớ làm trái] pháp luật và chế độ của vua. Vua giữ được pháp luật

và chề độ, không ăn không, ngồi rồi, vui thú bừa bãi thì bề tôi cũng sẽ đều giữ được pháp luật và chề độ mà không dám lười biếng trễ nải [công việc].

Chú thích

- (1) *Cảnh giới vô ngu*: Nghĩa là nên đồ chừng lúc chưa có việc gì đáng lo.
(2) *Vô dật*: một thiên trong Kinh Thư; xem ở 42-1 ct.1.

3-4. "Mưu kế còn có chỗ nghỉ ngơi thì chớ làm". Đó là điều có quan hệ đến sự thành hay bại, mất hay còn của cả một nước. Mưu toan điều gì mà còn lo lắng ái ngại thì không nên nhẹ tin lời người, rồi cứ làm bừa".

Vũ đế nhà Lương vốn không muốn dùng Hầu Cảnh⁽¹⁾ vì lo y làm loạn; nhưng tin lời Chu Di lại dùng Hầu Cảnh. Chiêu tông nhà Đường vốn không có ý đánh Lý Khắc Dụng vì nghĩ rằng Lý Khắc Dụng (2) có công lớn, nhưng nghe lời Khổng Vĩ lại đánh Lý Khắc Dụng. Hy tông nhà Tống vì lễ mới đẹp xong giặc ở đất Mục chưa muốn đánh nước Liêu, nhưng vì nghe một lời của Vương Phủ mà lại đem quân đi đánh nước Liêu. Vì miễn cưỡng thực hành các mưu sách nên mọi việc đều lầm lỡ, hối lại không sao kịp nữa, đó chẳng đáng lấy làm răn sao!

Chú thích

- (1) *Hầu Cảnh*: là người thời Nam Bắc triều, trước theo Cao Hoan, sau hàng Tây Ngụy rồi lại xin theo Vũ đế và được phong là Hà Nam

vương, sau làm phán, mang quân vây hãm đô thành, Vũ đế phẫn uất chết.

- (2) *Lý Khắc Dụng*: là người có công phá tan Hoàng Sào vây hãm kinh đô, được phong là Tấn vương. Nhà Đường mất, ông vẫn giữ được tiết tháo của người bề tôi.

- 3-5. Trời sinh ra ngũ tài (1), dân đều dùng cả. [Vây] lục phủ (2) không thể không được sửa sang. Trời sinh ra muôn dân, có con người thì có phép tắc. [Vây] đức hạnh của dân không thể không được tu chỉnh. Trời sinh bốn mùa, đất sinh vật sản, nếu vua dùng chính đáng thì vật dụng của dân có lý gì lại không thỏa mãn, đời sống của dân có lý gì không no đủ.

Câu: "Ai chăm chỉ thì khen ngợi, ai lười biếng thì quở trách" ý là nói: việc thưởng phạt thì hành đúng mức. Quan tư đồ dạy dân năm đạo thường (3): trong thiên Vương chế (4) có đoạn nói: tôn trọng người hiền tài, sùng kính người có đức hạnh. Vậy nên, người hiếu với cha mẹ, tôn trọng anh chị cũng là những người đáng được biểu dương. Việc quan trông coi nghề nông trong bài thơ: "Diễn tuần (5) chí hi" [ở kinh Thi] ra lệnh cho dân gấp rút cày cấy cũng chính là: "ai chăm chỉ thì khen ngợi" thôi. Công việc của quan sĩ sư chỉ là xử tội những quân man di [làm loạn] và bọn cướp bóc gian tham đã bắt được đưa đến kinh sư, còn đối với các hình phạt nhỏ, vụn vặt ở các nước chư hầu và ở trong kinh kỳ thì đâu phải tội nào cũng đến tay quan sĩ sư xử, mà cũng phải do quan sở tại xét xử nữa chứ.

Họ Trương (6) cho rằng: câu: "Ai chăm chỉ thì khen ngợi" cũng giống như điều cấm dấn các quan cất nhắc người hiền tài, nêu rõ công đức của họ, ở trong Chu Lễ; câu "Ai lười biếng thì quở trách" cũng như việc đánh thuế vào những gia đình xung quanh nhà có đất mà không trồng dâu, có ruộng không cấy lúa, và việc đưa tám hình phạt (7) vào trong một hương (8) để trói buộc muôn dân ở trong Chu Lễ. Tưởng rằng đời Đường Ngu cũng nên làm như thế. Những việc quan đã ngu (9) úy lạo nhà nông, khuyến khích dân chúng, quan tư đồ ra lệnh cho dân cố gắng chăm chỉ làm ruộng, và các lệnh cấm vào núi chặt cây phá tổ chim, bắt thú non, lấy trứng, các hình phạt đối với người xâm phạm chiếm đoạt ao chuôm đầm nước, trồng lúa mạch trái mùa ở trong thiên Nguyệt lệnh [Kinh lễ] cũng cùng một ý ấy cả.

Chú thích

- (1) *Ngũ tài*: kim, mộc, thủy, hỏa, thổ.
- (2) *Lục phủ*: Thủy, hỏa, kim, mộc, thổ, cốc.
- (3) *Năm đạo thường*: 1) Tình thân cha con. 2) nghĩa vua tôi, 3) sự phân biệt giữa vợ chồng, 4) thứ tự giữa người già con trẻ, 5) lòng tin đối với bạn bè.
- (4) *Vương chế*: chế độ nhà vua, một thiên trong Kinh lễ.
- (5) *Diễn tuấn*: quan trông coi về nghề nông.
- (6) *Họ Trương*: chưa rõ là Trương nào.
- (7) *Tám hình phạt*: đây là những hình phạt dùng để trị những tội như: bất hiếu, bất mục, bất hòa, bất lễ, bội bạc, ác độc không thương người, phao đồn nhảm, làm rối loạn trong dân.

(8) *Hương*: là một đơn vị hành chính ở nông thôn, thời cổ một hương là 12.500 nhà.

(9) *Quan dã ngư*: quan trông coi ruộng đất núi rừng.

3-6. Cao Dao giữ việc hình phạt mà Bá Vũ lại nói: "[Cao Dao] gây dựng được nhiều phúc đức". Thuấn thì khen: [Cao Dao] xử năm loại tội công minh sáng suốt, lấy đó để giúp việc cho giáo hóa năm đạo thường, xử tội mà vẫn mong [cho dân] không mắc tội".

Thiên Lữ hình cũng nói: "Quan sĩ sư kiểm chế dân ở trong vòng hình phạt để dạy cho dân biết tôn trọng đạo đức. "[Qua đó] thấy quan coi hình pháp giữ được lòng chính trực công bằng, xử tội đúng nặng, nhẹ để cho dân biết tội mà tránh xa, biết điều thiện mà làm theo không dám can phạm nữa. Thế chính là đã gây dựng phúc đức, chứ không phải cứu cho người ta khỏi bị tội để mong được báo đáp lại điều phúc đức.

3-7. Cao Dao dùng cách nêu [cho dân biết] các hình phạt [do luật phát đặt ra] mà kết quả xuống mãi đến các bày tôi và dân chúng không ai phạm vào pháp luật của nhà vua. Vì đang lúc mọi người còn chưa có ai phạm pháp thì các hình phạt đã được nêu ra rõ ràng, đã báo cho mọi người biết những phép tắc đã vạch ra rồi, không thể thay đổi được nữa; đến khi người ta phạm tội thì tội danh đã rõ ràng, cứ thế mà định tội không tha thứ, lại còn làm được [những việc như]

giáo dục cảm hóa ngay trong khi xét xử, chứa đựng lòng nhân hậu ngay trong lúc uy nghiêm. Cho nên dân biết điều cấm, hiểu điều nghĩa mà không dám phạm nữa. Lời nói "Không có hình phạt hợp với đạo trung thì [người ta] không có gì đáng sợ hãi mà phải làm điều thiện", của họ Trần (1) thì cao xa quá mà không gần với lẽ phải. Trần Đại Du nói rằng: "xử nắm loại hình phạt công minh sáng suốt là có tài trí, là theo luật phát giữ lấy chức phận của mình: mong cho người ta không mắc phải hình phạt là người có lòng nhân đức, là ý tốt ngoài pháp luật". [Câu nói này] đúng hơn.

Chú thích

(1) *Họ Trần*: tức Trần Đại Du, người đời Tống, tác giả của bộ "Thượng thư tập truyện hội thông".

* * *

3-8 . Lời bàn đúng đắn của Đỗ Thứ (1) nước Ngụy có câu: "Thánh nhân đặt ra hình phạt không phải để hại dân mà chính là để làm lợi cho dân, cho nên dân theo mà sống yên lành; không phải để hãm hại dân mà chính là để dẫn dắt dân, cho nên dân theo mà được cảm hóa. Xử tội một người mà cả thiên hạ đều cho là hợp với đạo nghĩa, như vậy là dân đã yên [với hình phạt]; xử tội một người mà cả thiên hạ đều phục, như vậy là dân đã được cảm hóa về hình phạt". [Lời nói] đó thực đã đủ để làm rõ cái ý "xử tội công minh để giúp cho sự giáo hóa".

Chú thích

- (1) *Đỗ Thút*: người nước Ngụy thời Tam Quốc, tên là Vũ Bá. Ông là người cương trực, mọi lời bàn của ông về thời thế đều rất thẳng thắn đúng mức, không phe cánh với ai cả.

* * *

3-9. Việc vua xử án thấy từ đời Ngụ Thuấn. Lầm lỡ mà phạm tội thì dù tội lớn mấy cũng tha; cố ý mà phạm tội thì dù tội nhỏ cũng trừng trị; hình phạt không bắt đến những người nổi dòi; tội nào còn ngờ thì xử nhẹ; thà chịu mang tiếng sai lầm còn hơn giết nhầm một kẻ vô tội. Đó đều là những lời lẽ do các quan tâu lên để vua cân nhắc chằm chước. Phạm Tổ Vũ(1) cho rằng: "việc xử năm hình phạt, vua Thuấn không can dự đến". [Câu nói này] không thể coi là phép tắc được.

Chú thích

- (1) *Phạm Tổ Vũ*: người đời Tống, tác giả của bộ "Thái sử tập".

* * *

3-10. Cao Dao khen ngợi đức độ của vua [Thuấn] vua [Thuấn] cũng khen công lao của Cao Dao. Câu: "[Để cho ta thực hiện những điều] theo ý muốn", là tiếp hai ý trên, tức là nói [cai trị dân rộng lòng] khoan thứ, [đối với người dưới hết sức] giản dị, đức hiếu sinh [thấm vào lòng dân] là ý muốn của vua, chứ ý không phải nói là quan sĩ sư sáng suốt cần thận theo

đúng luật pháp để giữ chức phận [của mình] và tuyên dương công đức [nhà vua]. [Như thế] thì lấy gì để có thể làm cho bốn phương biết rõ lòng vua mà cảm hóa thanh giáo của vua như gió lướt trên ngọn cỏ được.

- 3-11. Khi vua Nghiêu truyền ngôi cho vua Thuấn có nói rằng: "Lịch số của trời nay đã đến lượt nhà người"(1). Vua Thuấn cũng lại đem câu ấy nói lại với Bá Vũ.

Bốn mùa lần lượt theo thứ tự thay đổi nhau, ngũ hành (2) cũng theo lẽ thường thay nhau thịnh vượng. Thánh nhân biết rõ điều ấy lắm. Vị quan phong nhân (3) ở đất Hoa đã từng nói với vua Nghiêu rằng: "Thiên hạ "có đạo đức" (4) thì [mình sẽ tham gia] làm cho mọi người tốt đẹp, thiên hạ "không có đạo đức" (5) thì mình rút về tu dưỡng đạo đức bản thân cho được an nhàn". Vua Thuấn cũng nói: "Tinh hoa đã hết, vén áo mà bỏ đi" công đức vua Thuấn vua Vũ to lớn như thế, lòng người quy phục như thế, chính là mệnh trời đã trao cho". Kinh dịch nói: "Nhà lán giếng bên đông giết trâu để tế [nhưng quá thời], không bằng nhà lán giếng bên tây [giết lợn để tế] nhưng đúng thời. Thánh nhân phải biết thời thế và thuận theo vận mệnh như vậy."

Chú thích

(1) *Lịch số*: Xem 3-2, et.1.

(2) *Ngũ hành*: là thủy, hỏa, kim, mộc, thổ.

(3) *Phong nhân*: quan trông nom bờ cõi địa phương.

- (4) *Thiên hạ hữu đạo*: xã hội ổn định thái bình, không rối loạn, theo trật tự phong kiến.
- (5) *Thiên hạ vô đạo*: xã hội rối loạn, chiến tranh, con người thù ghét nhau.

* * *

3-12. Lòng người không phải hoàn toàn chỉ có ý riêng tư, mà có cả ý công lẫn ý riêng tư. Ấy là do ý và tình phát động. Lòng mến đạo thì hoàn toàn chỉ có ý công. Đó là do tính thiện phát sinh. Biết rằng tiền của và sắc đẹp chẳng nên say đắm mà cứ tham tiếc không sửa đổi được [lòng ham muốn], thế chẳng nguy hại lắm sao? Biết rằng nhân nghĩa là chính sách nên làm mà lại cứ mê muội [vì vật dục] không làm được, thế chẳng phải là lòng dạ quá hẹp hòi ư? Thấy vật dục phải như thấy hang sâu ngàn trủng, nên tránh cho xa thì mới đứng vững được ở chỗ đứng của mình, mà cái tâm ấy cũng không bị nguy nữa. Thấy điều thiện như thấy một vật sáng lọt qua khe cửa sổ, phải mở tung ngay ra thì mới có thể làm sáng được đức sáng của mình, mà cái tâm ấy cũng khỏi bị nhỏ nhen. Song điều cốt yếu là phải xét cho kỹ và phải một lòng giữ cái tâm ấy mà thôi. Bá Vũ lấy Đan Chu làm răn nên qua cửa mà không vào nhà (1), chỉ chăm chú lo công việc thủy thổ; xa lánh Nghi Dịch (2), bỏ rượu ngon, để răn đời sau. Thế là đã giữ được cái tâm ấy, không để cho nó buông lỏng nhàn tản chút nào cả. Treo ngũ âm để cầu lời hay (3), diễn cừu trù để nêu rõ phương pháp trị dân (4). Thế

là đã mở mang tâm ấy và làm cho nó ngày thêm sáng suốt.

Chú thích

- (1) *Qua cửa không vào nhà* : Khi Bá Vũ làm công việc trị thủy đã làm rất say sưa, ba lần đi qua cửa mà không vào thăm nhà.
- (2) *Nghi Dịch*: người thời nhà Hạ, nấu rượu rất tài, vua Vũ uống khen ngon, nói: đời sau tất có kẻ sẽ mất nước vì rượu. Thế rồi Vũ xa lánh Nghi Dịch và bỏ rượu ngon.
- (3) *Ngũ âm*: cung, thương, giốc, chú, vũ, là năm loại âm thanh trong âm nhạc thời cổ.
- (4) *Cửu trù*: chín phạm trù gồm: ngũ hành, ngũ sự, bát chính, ngũ kỳ, hoàng cực, tam đức, kê nghi, thú trung, ngũ phúc (lục cực) là những phép tắc tu thân, yên dân và trị nước. Xem thêm ở Hồng Phạm số 32.

* * *

3-13. Câu: "[xét cho] tinh, [giữ đúng] một mực và [tin theo] đạo trung dung" chính là muốn cho lúc xử sự công việc không có sự sai lệch hoặc thái quá hoặc bất cập. Còn những câu sau như: "nghe lời nói", "dùng mưu kế", "soi xét đến dân", "chế ngự quân sĩ" ý đều là nên giữ đạo trung dung cả. Đạo tức là trị, trị tức là đạo chứ có khác gì nhau đâu.

Trần Đại Du (1) cho rằng từ câu: "lòng người [dễ thiên về vật dục nên] rất nguy" trở xuống nêu rõ tâm pháp truyền đạo thống (2); từ câu: "đáng yêu chẳng phải là vua sao?" trở xuống nêu rõ trị pháp truyền trị thống (3). Như thế là đã sa vào thiên học, đã tách "đạo" với "trị" ra làm hai. Đó không phải là ý của thánh nhân.

Tập *Nhật sao* của họ Hoàng (4) đã giải thích về chương này như sau: "Vua Nghiêu bảo Thuấn rằng tin theo đạo trung dung" này vua Thuấn thêm mấy câu [lòng người dễ thiên về vật dục nên] rất nguy, [lòng mẫn đạo khó hiểu về những lẽ] nhỏ bé (vi), [cần phải xét cho] tinh, [giữ đúng] một mực (nhất) vào trước câu: "Tin theo đạo trung dung [không thái quá không bất cập] là để cho vua Vũ xét, lựa chọn và nắm cho được đạo trung dung. Lời vua Thuấn dạy vua Vũ này đều là bắt nguồn từ câu "nắm vững đạo trung dung" của vua Nghiêu cả.

Câu vua Nghiêu bảo vua Thuấn rằng: "để cho bốn bể phải khốn cùng thì lộc trời sẽ hết hẳn". Nay vua Thuấn thêm vào từ câu: "những câu nói vu vơ không can cứ chớ nên nghe" cho đến câu "kính cẩn tu tính những điều mình đang mong muốn" vào trước câu "để cho bốn bể phải khốn cùng thì lộc trời sẽ hết hẳn". Lại là để thức tỉnh vua Vũ để vua Vũ làm cho [bốn bể] khỏi khốn cùng và lộc trời khỏi hết hẳn. Đây là lời Thuấn răn bảo Vũ và cũng đều bắt nguồn từ hai câu: " [để cho bốn bể phải khốn cùng thì lộc trời sẽ] hết hẳn" của vua Nghiêu.

Lời dạy: "tin theo đạo trung dung" là chính thuyết, lời răn "lộc trời sẽ hết hẳn" là phản thuyết. Có lẽ là vua Thuấn đem tất cả những lời dạy bảo răn nhủ mà trước kia đã được vua Nghiêu răn dạy cho, gộp với những điều hay mà hằng ngày Thuấn đã từng dụng công góp nhặt được, truyền bảo lại tất cả cho Vũ, để cho Vũ biết mà tin theo đạo trung

dung và không để cho lộ trời đến nổi hết hần mà thôi, chứ có phải vì nói đến chữ "tâm" mà đặt ra những câu này đâu. Đời gần đây thích nói đến "tâm học" nên đã vút bỏ hết cả ý nghĩa của toàn bộ chương sách này mà chỉ bàn riêng về "nhân tâm" (lòng người) và "đạo tâm" (lòng mến đạo). Thậm chí chỉ trích ra hai chữ "đạo tâm" rồi nói ngay "tâm" tức là "đạo". Có lẽ học đã sa vào thiên học mà họ không tự biết. Điều này khác xa với ý "nhận và truyền thiên hạ cho nhau" của Nghiêu, Thuấn, Vũ nhiều lắm.

Thư truyền của Họ Thái (5) tuy cũng lấy điều ấy để nói rõ cái tâm của đế vương. Nhưng cái tâm ấy chính là gốc của việc trị nước và bình thiên hạ. Thuyết này về lý đúng hơn. Về sau, người dâng Thư truyền này lên triều đình, mới dựa vào đó mà làm ra thuyết "tân thánh truyền tâm" (6). Học giả ở đời bèn chỉ ra mười sáu chữ ở sách này(7) làm cốt lõi của sự truyền tâm, mà người theo thiên học thì mượn đó làm chỗ dựa.

Cổ Viêm Vũ(8) nói: "tâm" chẳng đợi phải truyền. Cái lưu hành ở trong trời đất, quán triệt cả xưa lẫn nay, không cái gì là không chứa đựng tức là "lý". "Lý" có sẵn ở trong tâm ta, mà lại nghiệm ra ở sự vật. [Cho nên] "tâm" sở dĩ tổng hợp được lý ấy mà phân rõ trái phải, người hay người dở, việc được việc hỏng, thiên hạ thịnh trị hay loạn lạc đều phân biệt ở đó. Như vậy là: thánh nhân đã quan sát đến cùng cực những chỗ "nguy", "vi", "tinh", "nhất" (9)

và truyền cho nhau đạo "chấp trung" (10) để làm cho không một điều gì là không hợp với "lý", và không có cái lệch lạc hoặc thái quá hoặc bất cập. Thiền học cho "lý" là chướng ngại, mà chỉ nói riêng về cái "tâm" ấy: "không đặt thành văn chương chữ nghĩa, chỉ truyền tâm cho nhau". Cái học của thánh hiền chỉ từ một chữ "tâm" mà thấu đến cái dụng của thiên hạ của đất nước, không cái gì không phải là chí lý lưu hành; rành mạch sáng suốt, ai ai cũng thế, qua hàng ngàn năm mà không có gì ngăn cách, có gì gọi là "truyền" cơ chứ?

Hai thuyết ấy hợp lý, chính đáng, rất đúng với ý của thánh nhân.

Chú thích

- (1) *Trần Đại Du*: xem ở 3-7. 7, ct 1.
- (2) *Tám pháp truyền đạo thống*: phương pháp truyền thụ hệ thống tư tưởng không dùng sách vở.
- (3) *Trị pháp truyền trị thống*: phương pháp cai trị đời nọ truyền đời kia.
- (4) *Họ Hoàng*: tức Hoàng Chấn người đời Tống, tác giả của tập "Hoàng thị nhật sao" và "Cổ kim ký yếu".
- (5) *Họ Thái*: tức Thái Trầm, người đời Tống, học trò của Chu Hy, được Chu Hy giao cho làm Thư kinh tập truyện (chú giải kinh Thư).
- (6) *Tam thánh truyền tâm*: Tam thánh tức Nghiêu, Thuấn, Vũ, ba vị này truyền tâm cho nhau.
- (7) *Mười sáu chữ ở sách này* là câu: "nhân tâm duy nguy đạo tâm duy vi, duy tình duy nhất, doãn chấp quyết trung", nghĩa là: lòng người dễ thiên về vật dục nên rất nguy, lòng mến đạo khó hiểu nhưng lẽ nhỏ bé (vi), cần phải xét cho tình, giữ cho đúng một mực (nhất), tin theo đạo trung dung.

- (8) *Cổ Viêm Vi*: tức Cổ Ninh Nhân, người cuối Nhà Minh, đầu nhà Thanh, là người học rộng hiểu nhiều, giỏi về khảo chứng và trước thuật.
- (9) *Nguy, Vi, tinh, nhất*: tức giản lược của câu: "nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi, duy tinh duy nhất, doãn chất quyết trung" (xem lại chú thích 7).
- (10) *Chấp trung*: giữ đạo trung dung (xem thêm chú thích số 7 trên).

* * *

3-14. Vua Thuấn lúc mới lên ngôi đã đầy vua nước Tam Miêu đi xa, lại dời tất cả những dân ngang ngạnh đi nữa. Cho nên khi Đại Vũ trị thủy đến châu Ung thì nước Tam Miêu đã rất có trật tự. Còn bọn ngang ngạnh không chịu đi phục dịch chắc là những dân của Tam Miêu sót lại trong nước. Sau này Đại Vũ mang quân đi đánh Tam Miêu, kể tội rằng: "người quân tử phải ở nơi đồng ruộng, không được dùng, kẻ tiểu nhân lại có chức vị đường hoàng". Đây là con vua Tam Miêu nổi nghiệp cha làm vua chư hầu, Vua Thuấn trị tội không trị đến người nổi dôi cho nên lại lập con vua Tam Miêu lên làm vua; còn sau Bá Ích bàn với Đại Vũ rút quân về là vì cho rằng vua cũ đã bị đầy, bọn dân xấu cũng bị dời đi rồi, thì không nên phá hủy cả nước họ và dùng hết sức mạnh của binh đao. Phá tổ, đập vỡ trứng vốn chẳng khó gì, nhưng chỉ e đạo trời vẫn rắn đe [người ta khi ở vào những] lúc [mọi việc] đã thỏa lòng. Hơn nữa vua Thuấn đối xử nhân đức với con cháu họ hàng vua [Tam Miêu] kia như thế, thì lẽ nào đãi người bằng chí thành mà người lại không cảm động? Vua

Vũ cho [Bá Ích nói] như vậy là phải, rồi kéo quân về, vua Thuấn nhân đó tỏ rõ được đức độ của mình. Vua Tam Miêu sợ đi theo đến châu tận sân triều đình là vì đã cảm hóa lòng nhân đức [của vua Thuấn] ngày trước đã "dựng lại nước đã mất, cho con cháu những vua đã bị diệt được nối đời". Và bái phục nghĩa tình đã tha lỗi và khoan dung tội ngày nay, chứ đâu phải một sớm một mai buông lòng uy vũ, chỉ chuộng vắn đức mà đạt được như thế.

4. CAO DAO MÔ (1)

- 4-1. Cao Dao đầu tiên trình bày ý nghĩa của việc tích đức và sửa mình, sau đến việc biết người và làm cho dân được sống yên ổn. Đây là những lời dạy quý báu của hàng vạn đời vua trong việc trị nước. Chín đức (2) không chỉ xem ở lời nói mà phải thể nghiệm ở việc làm. Đây là phương pháp chủ yếu để xem người.

Cao Dao cho rằng [người có đức tốt] mà trước sau vẫn biểu hiện được đức ấy sáng rõ thì là người tốt; Chu Công cũng cho rằng người luôn giữ được đức thường là người tốt; Khổng Tử nói: "Người không giữ được tâm tính lâu bền theo mực thường thì không thể làm được [dù là] thầy cúng thầy thuốc" (3). Như vậy dù biết người không giữ được đức thường là người xấu.

Chú thích

(1) *Cao Dao mô*: xem đã chú ở 1-1, ct 1.

(2) *Chín đức*: khoan dung mà nghiêm nghị, nhu thuận mà vững vàng, thành khẩn mà cung kính, có tài trị dân mà vẫn kính nể dân, phục

tùng mà vẫn cương nghị, chính trực mà vẫn ôn hòa, giản dị mà liêm khiết, cương kiêu mà đức thực, hùng mạnh mà theo điều nghĩa.

(3) Câu này ở sách *Luân ngữ*, thiên Từ Lộ.

4-2. Hồ Quảng (1) không thể gọi là người mềm yếu mà lại vững vàng. Cáp Ấm (2) không thể gọi là người ngay thẳng mà lại ôn hòa.

Người quân tử có dũng lực mà thiếu lòng nhân nghĩa thì rồi sẽ làm loạn. Kẻ tiểu nhân có dũng lực mà thiếu lòng nhân nghĩa thì rồi sẽ thành trộm cướp. Cho nên đạo đức quý ở chỗ có sức mạnh mà lại biết làm điều nhân nghĩa.

Chú thích

- (1) *Hồ Quảng*: người đời Đông Hán, tên tự là Bá Thủy, làm quan đến chức thái phó, mọi việc làm rất tinh thông nhưng kém phần cương nghị.
- (2) *Cáp Ấm*: người đời Tây Hán, tính ngạo mạn, trọng khí tiết, thẳng thắn nghiêm nghị, vua thấy cũng phải nể sợ.

4-3. [Thường thì] Chín đức tốt [người ta] mới có được ba. Nếu có được sáu đức tốt là đã được sai làm quan đại phu và vua chư hầu rồi. Đời xưa lúc hưng thịnh, người tài nhan nhản mà vẫn không cầu toàn trách bị. Đời sau nên lấy đó làm gương.

4-4. Vua là đấng tiêu biểu cho bề tôi, người trên là bậc dẫn dắt cho kẻ dưới. Làm vua, làm người trên mà rong chơi và ham mê vật dục bữa bãi thì không thể trách được bề tôi và kẻ dưới lười biếng. Để cho các quan lo là công việc có nghĩa là đã bỏ chức nghiệp. [Các câu] Răn dè sự rong chơi và ham mê vật dục, trọng thức lo lắng đến công việc, vất vả với hàng vạn việc; bề tôi và kẻ dưới thấy vua cần mẫn, hết lòng chăm lo công việc chính sự thì đã cùng nhau cung kính làm thay công việc của trời, không ai dám lơ là công việc cả. Đoạn văn sau nói về những việc đôn đốc đạo thường, dùng lễ thường cho có trật tự, nêu rõ phẩm phục, dùng hình phạt, đều là những công việc thay trời cả.

4-5. [Các câu có chữ] "tự", "trật", "mệnh", "thảo" (1) là nói con người đã thể nghiệm công việc của trời. [Câu có chữ] "thông minh", "minh úy" (2) là nói trời đã dựa vào con người. Vua và tôi ở đời thịnh trị cùng khuyến khích nhau cố gắng như thế, cũng chỉ là thể theo lẽ trời và thuận theo lòng dân mà thôi.

Chú thích

(1) *Tự, trật, mệnh, thảo:*

- Tự: trời định ra (tự) đạo thường...
- Trật: trời đặt ra (trật) lễ nghi.
- Mệnh: trời sai (mệnh) người có đức tốt.
- Thảo: trời đánh (thảo) kẻ có tội.

(2) *Thông minh, minh úy:*

- Thông minh: trời sáng suốt (thông minh) là do có sự sáng suốt của dân ta.

- Minh úy: trời ra oai với kẻ ác là sự ra oai (minh úy) của dân ta.

Hai câu này đều là trong nguyên văn *Kinh Thư*.

* * *

5. ÍCH TẮC (1)

5-1. Ví [bề tôi] như người lảng giềng thân cận, trông cậy [bề tôi] như chân tay tai mắt. Tình [vua tôi] thật hòa hợp như đối đãi với người thân.

Còn như câu "Người đứng trước mặt chỉ nghe theo, lúc lui về lại có lời chê bai" thì lại thật nghiêm nghị.

Phải ôn hòa như gió xuân, nghiêm túc như sương thu. Đường lối khuyến khích răn bảo như vậy đấy.

Chú thích

(1) *Ích và Tắc*: là tên hai bày tôi vua Thuấn, cũng là tên một thiên thuộc *Ngũ Thư* chép lời vua Thuấn khen ngợi các bề tôi.

5-2. Đoạn "Kẻ ngang ngạnh nói lời gièm pha" tiếp sau đoạn "Phải kính cẩn [chức phận của người] như lảng giềng bốn bên đối với ta", ý nghĩa hai đoạn này không gắn với nhau, Chu tử cho là không thể hiểu được.

5-3. Đặt ra mười hai quan mục để nắm giữ toàn bộ công việc của mười hai châu, lại ở mỗi châu lập ra mười hai chức hầu cho làm quan sự để cho họ giúp quan

mục tập hợp các vua chư hầu. [Như vậy] là mười hai châu phải đặt ra 144 quan su. Ngoài các châu ra, đến bốn bề, mỗi phương lại đặt ra năm người làm quan trưởng. [Như vậy] là bốn phương phải đặt ra 20 quan trưởng. Gộp cả lại với mười hai quan mục, tổng cộng là 176 người. Có lẽ vì hàng vạn nước ở xen kẽ với nhau, nếu không như thế thì không thể chế ngự toàn bộ được. Chế độ phương bá (1), liên súy (2) nhà Chu cũng gần giống chế độ này của nhà Ngụ.

Chú thích

- (1) *Phương bá*: một chức quan đứng đầu các nước chư hầu ở một phương.
(2) *Liên súy*: một chức quan đứng đầu mười nước chư hầu.

5-4. Vua mà rong chơi và ham mê vật dục thì bề tôi cũng lười biếng. Đầu mà phiền toái thì tay chân cũng trễ nải. Không đích thân làm việc cũng như đích thân làm những việc vụn vặt, tệ hại như nhau. Đốc suất [bề tôi] làm việc, cẩn thận giữ pháp luật, luôn xét lại các việc đã thành, giữ vững giường mỗi thì lập tức sẽ hết phiền toái. Đây chỉ là những lời nhắc đi nhắc lại cho rõ mà thôi.

HẠ THU

6. VŨ CỐNG (1)

6-1. Thời thượng cổ, núi rừng chưa khai phá, cỏ cây rậm rạp cho nên nhân dân ít, thú vật nhiều. Vũ đi bằng bốn cách (2) theo thể núi dẫn cây; Bá Ích phóng lửa vào núi vào chằm, đốt cháy cỏ cây, sau đấy việc thủy thổ mới được bình yên. Quan cung công (3), quan ngu hành (4) xếp vào hàng cửu quan. Việc kén dùng người vì thế mà trở nên quan trọng.

Chú thích

- (1) *Vũ cống*: một tên thuộc Hạ thu, thể cáo, ghi chép công việc trị thủy của Đại Vũ và phép thuật khóa, cống tiến, các sản vật của các châu cống nạp cho vua, đồng thời nói về địa thế, các đường thủy hội tụ các châu về kinh kỳ.
- (2) *Đi bằng bốn cách*: đường thủy đi thuyền, đường bộ đi xe, đường bùn lầy đi bằng cái xuân (làm bằng gỗ để trượt trên bùn), đường núi đi bằng đôi guốc dưới cỏ dính sất.
- (3) *Cung công*: quan coi giữ về công nghệ.
- (4) *Ngu hành*: quan coi giữ về rừng núi, sông ngòi, chim thú, cây cỏ.

6-2. Truyện ký nội: "Vũ sửa sang được công việc của Cồn".

Trong Kinh thư, chép về chín châu, duy ở châu Ký thấy có từ "tu trị" (sửa sang lại). [Do đó mà] thấy Cồn chưa làm xong công việc ở châu Ký. Cồn dạy dân xây thành để bảo vệ vua, đắp quách để gìn giữ dân. Các thành quách ấy, lúc đầu gọi là: đặt ra chỗ hiểm để giữ nước nhưng cuối cùng không thành công là vì khi nạn lụt đang hoành hành, vua Nghiêu hỏi: "Ai có tài trị thủy, nhận làm được công việc này không?" thì Cồn lại vội vã đi làm những việc chưa cấp bách trước. Thế là đã trái mệnh vua. Giữa lúc dân muôn nước tan tác, nước to đang bao bọc núi rừng, tràn ngập gò đồng, dân tình mê man chìm đắm, quốc gia không còn là quốc gia, dân chẳng còn ra dân, thì còn đâu thì giờ rồi rã mà đi xây thành. Phá chỗ cao lấp chỗ thấp, ngăn chặn thế nước, làm hao phí sức dân thì sao nên công tích được?

Trong ngũ hành thì hành thứ nhất là "thủy" (nước). Nước chảy chỗ trũng. Vũ trị thủy không xảy ra chuyện gì là do đã thuận theo tính chất của nước [chảy xuống chỗ trũng] mà dẫn nó đi. Hành thứ năm [trong ngũ hành] là "thổ" (đất). Đất dùng để cấy trồng. Vũ chia ra làm ba loại đất để cấy lúa, [nhờ vậy] dân mới có hạt thóc [để sinh sống]. [Vũ] được trời cho thành công thực là có lý lắm!

6-3. Hàng vạn nước trong chín châu, trên đường về cống tiến đều tới sông Hoàng Hà [rồi mới đến kinh đô]. Thiết nghĩ ở mỗi nước, những thú thuộc về thuế ruộng đất như thóc gạo, thuyền bè thì nên tự nộp

cho vua nước mình; nhưng thứ thuộc về thổ sản mang đi cống tiến, như hàng ăn mặc, đồ dùng, thì ủy thác cho quan bá ở trong châu trung thu rồi chuẩn bị thuyền bè chuyển nộp lên kinh đô. [Như thế] mới tránh được mối lo linh tinh phiền phức.

Mạnh Tử (1) nói: [Thời nhà Hạ, mỗi nhà cứ cấy 50 mẫu ruộng [thì phải nộp thuế] theo phép cống. Long Tử (2) nói: "Không gì đỡ bằng phép cống". Đây là nói cống thuế ruộng cho vua hàn quốc.

Hạ Thư (3) nói: "Tùy theo thổ sản mà định phép cống". Đây là nói cống thổ sản cho vua thiên tử.

Chú thích

- (1) *Mạnh Tử*: tên thực là Mạnh Kha, người nước Trâu thời Chiến quốc, làm ra sách Mạnh Tử. Ông là người tiếp thu lối học và đạo đức của Khổng Tử, đề ra thuyết tính thiện, chủ trương coi trọng nhân nghĩa, khinh công danh và lợi lộc.
- (2) *Long Tử*: một người hiền đời thượng cổ, không rõ thân thế cụ thể, chỉ biết Mạnh Tử có dẫn lời nói của ông với Đằng Văn Công trong sách Mạnh Tử, như trên.
- (3) *Hạ thư*: phần nói về nhà Hạ trong Kinh thư.

6-4. Công việc chính sự của người xưa rất rành mạch chu đáo: ruộng chia rõ từng loại, phân rõ từng chất đất, không một loại ruộng màu mỡ hoặc bạc điền nào không được chép trong sổ điền. Thuế chia rõ từng hạng, có so sánh thuế chính thuế tạp, không một thứ

thuế nhẹ hoặc nặng nào không được chép trong sổ thuế. Các đồ cống bằng thổ sản thông thường, các thứ lạ của man di, sự tinh tế của các sọt đựng [đồ cống tiến], sự phân biệt các đường về cống tiến [cho các châu] không gì là không rõ ràng đầy đủ. Thật đáng làm mẫu mực cho hàng vạn đời sau.

Khổng Tử nói: "Nhà Ân dựa theo lễ của nhà Hạ, nhà Chu dựa theo lễ của nhà Ân". Những điều hay của phép tắc chế độ, các bậc thánh đời sau cũng không thể thay đổi được nữa.

6-5. Thuyết [cho rằng] có chín con sông (1) nói: có sông Giản, sông Khiết. *Sách Mạnh Tử tập chú* của Chu Văn Công (2) và sách *Nhĩ nhĩ* (3) cũng giống như *Thái truyện* (4) đều cho rằng sông Giản sông Khiết chỉ là một con sông. Cho rằng chỉ là một con sông thì sông chảy qua những nơi nào, chẳng biết căn cứ vào đâu.

Chú thích

- (1) *Chín con sông*: là các sông Đồ Hải, Thái Sử, Mã Giáp, Phú Phú, Hồ Tô, Giản, Khiết, Câu Bàn, Lịch Tân.
- (2) *Chu Văn Công*: tức Chu Hy, một nhà nho nổi tiếng đời Tống.
- (3) *Nhĩ nhĩ*: là bộ từ điển cổ nhất của Trung Quốc. Về tác giả bộ sách, có nhiều người cho rằng do Chu Công soạn, về sau do thầy trò Khổng Tử hoàn chỉnh, sau nữa lại do nhiều nhà nho đời sau bổ sung và hoàn chỉnh thêm.
- (4) *Thái truyện*: tức *Thư kinh tập truyện* của Thái Trầm người đời Tống soạn. Xem thêm 3-13 et 5.

6-6. Vua Vũ ăn uống đạm bạc nhưng lại hết lòng hiếu thảo với quý thần. Cả châu Từ, quét bụi châu Dương dùng vào việc tế tự là để tỏ rõ đã dùng đầy đủ vật sản các nơi [vào việc cúng tế].

Từ thời Đường Ngu đến nay đã hơn ba ngàn năm. Xưa kia sông Hoàng Hà chảy về phía đông bắc đến núi Kiệt Thạch rồi vào Bắc Hải. Ngày nay sông Hoàng Hà chảy về phía đông nam đến sông Hoài rồi vào Nam Hải. Dấu vết của Đại Vũ xa xôi mờ mịt, có nhiều điều không thể hỏi ra được.

6-7. Bờ cõi đời Đường Ngu rất xa rộng, có những chỗ đời sau không thể tới được. Vì rằng [đời Đường Ngu] chia thành từng khu và khai thác rất xa chứ không phải chỉ [khai thác] ở những nơi đã thấm nhuần thanh giáo của thiên tử mà thôi. Thử xem châu Ký ở về phía bắc, đường đi cống tiến đến tận Bắc Hải, theo phía tay phải núi Kiệt Thạch, rồi sau mới vào sông Hoàng Hà. Núi Kiệt Thạch nay ở phía nam châu Bình. Châu Lương ở về phía tây, đường đi cống tiến [bắt đầu] từ núi Tây Khuynh, theo sông Hoàn, qua sông Tiềm, sông Miện, sông Vy rồi sau mới vào sông Hoàng Hà. Núi Tây Khuynh nay ở phía tây nam châu Thao. Châu Ung ở về phía đông bắc, đường đi cống tiến theo đường thuyền từ sông Tích Thạch đến sông Long Môn ở phía tây Hoàng Hà. Núi Tích Thạch nay ở Khương Trung thuộc châu Thiện.

Ba châu trên, đời Hán, Đường khai phá làm quận huyện ở ngoài biên; đời Tống bỏ làm địa giới nước ngoài, và không thu được thuế vải dẫu thóc

nào để giúp cho công việc trong nước. Thế mà đời Đường Ngu, đường về cổng tiến của các nước đều thông thương cả.

Than ôi! Chu Công khuyên Thành Vương rằng: "Hãy sửa soạn nhưng phục, binh khí, theo vết chân vua Đại Vũ đi khắp thiên hạ đến tận bờ bể, không đâu là không phục tùng"... Thật có ý sâu xa lắm.

- 6-8. Vua Đại Vũ xưa đã phong đất và ban tên họ [cho các quan]: phong cho Khí ở đất Đài, phong cho Ích ở đất Tần. Hai đất này đều thuộc châu Ung, cũng chính là đất thuộc côi Tuy (1), phong cho Tiết ở đất Thương, thuộc địa phận châu Dự. Bá Phong con của Quỷ bị Hậu Nghệ diệt, nước của Bá Phong ở châu Ký. Ngoài ra những đất phong cho Cao Dao, cho Thù, cho Di không thấy chép.

Chú thích

- (1) Côi Tuy: xem 6-9, et 1.

* * *

- 6-9. Thái truyện cho rằng: "Vua Nghiêu đóng đô ở châu Ký, mà phía Bắc châu Ký có gộp cả đất Văn Trung, sông Trác, sông Dịch lại, e rằng cũng không được hai ngàn năm trăm dặm. Giả như có được [diện tích] như thế đi nữa thì đây cũng đều là vùng đất sa mạc không một sợi cỏ. Thế mà phía đông nam là nơi sản ra nhiều của cải tô thuế thì lại vứt bỏ làm côi Yêu côi Hoang(1). Lấy địa thế ra mà xét thì thật là chưa

thể hiểu được. Nhưng ý chừng đất đai xưa và nay, hoặc thịnh hoặc suy không giống nhau".

Tôi xét thấy: "Vua Thuấn chia châu Ký ra làm ba châu là Tinh, U, Doanh, đất đai rất rộng. Các nước chư hầu phía bắc châu Ký, trên đường về cống tiến đều vào Bắc Hải, qua núi Kiệt Thạch, thuyền bè liên tiếp ngược sông Đại Hà. Tưởng rằng như thế thì các vùng ở sa mạc hoang vắng thừa thớt không thể đảm đương nổi [việc vận chuyển].

Bá Di, Thúc Tề con vua nước Cô Trúc, nước của họ nay là Liêu Tây; Cơ Tử được phong ở Triều Tiên, nay là Liêu Đông. Hai đất này đều ở phía đông bắc châu Ký.

Người xưa chưa bao giờ cho [những vùng đất kể trên] là vùng đất biên cương xa xôi cả. Đến như đất Dương đất Việt ở phía đông nam là nơi sản ra nhiều của cải tô thuế, dựng ra nhiều các nước chư hầu, thuế ruộng nộp cho trong nước, thổ sản cống lên kinh sư cũng không khác gì các châu cả.

Vua Thuấn phong cho con là Tạng ở đất Hữu Ty rồi sai quan giúp việc cai trị đất ấy. Đất ấy nay là Hồ Nam thuộc châu Đạo.

Thiếu Khang phong cho con là Vô Du ở đất Việt, nay là tỉnh Triết Giang thuộc châu Việt.

Vua Thuấn đi tuần ở đất Thương Ngô, nay thuộc tỉnh Quảng Tây.

Vua Vũ hội chư hầu ở đất Cối Kê, nay thuộc tỉnh Triết Giang.

[Trên đây đều là những] nơi xe sáu ngựa của nhà vua qua lại, chỗ muôn nước hội thề, chứ chưa bao giờ bỏ làm cõi Yêu, cõi Hoang cả. Cái tên "năm cõi" tưởng cũng chỉ là nêu ra đại cương thôi. Nếu như cứ nhất mực cho bốn mặt ngoài cõi Điện, và cách cõi Điện năm trăm dặm là cõi Hầu thì hàng vạn nước trong thiên hạ, đâu phải trong hai ngàn dặm đất có thể chứa nổi? [Và lại] các nước ngoài cõi đó ra sẽ không được tính là chu hầu ư?

Họ Mã nói: "Các cõi Điện, Hầu, Tuy là Trung Quốc, các cõi Yêu và Hoang đã là di địch rồi. Trị các nước man di thì phép tắc chế độ nên sơ lược, dùng cách không trị để trị, xem hai cõi Yêu và Hoang thì thấy phép tắc chế độ không truyền được đến nơi". Nói như vậy cũng chưa phải: Kinh lược đất Ngung Di, bình đất Tây Nhung, đánh nước Hữu Miêu, diệt nước Phòng Phong, thánh nhân có khi nào không đem phép tắc chế độ để ràng buộc các nước ở vùng biên cương xa xôi đâu?

Chú thích

- (1) *Cõi Yêu và cõi Hoang*: thời Nghiêu, Thuấn chia thiên hạ ra làm năm cõi (ngũ phục). Ở trung tâm là Kỳ (vùng đất do thiên tử trực trị, có kinh thành của vua thiên tử) rồi đến cõi Điện, cõi Hầu, cõi Tuy, cõi Yêu và cõi Hoang (cũng gọi là Điện phục, Hầu phục, Tuy phục, Hoang phục). Theo thứ tự lần lượt, từ gần đến xa vành ngoài ngòai của cõi trong là 500 dặm. Cõi Yêu, cõi Hoang là hai vành đai xa nhất trong năm cõi. Cả năm cõi này đều thần phục vụ thiên tử.

* * *

7. CAM THIỆ (1)

7-1. Nhà Hạ đóng đô ở ấp An, còn nước Hữu Hộ ở huyện Hộ quận Phù Phong, địa thế xa xôi cách trở. Trong địa hạt châu Ung, lẽ nào lại không có quan phương bá xướng đáng để giao cho việc đánh dẹp mà lại phải dùng đến quân của sáu quan khanh ở trong kinh kỳ, và vua phải tự đem quân vượt sông Hoàng Hà vào cửa ải, đích thân giao phong cùng kẻ phản nghịch ở nơi đồng nội. Tuy làm thế có dễ cao được cái oai phong của thiên tử, nhưng cũng phải chăm lo đến mưu lược lâu dài chứ. Vua Khải(2) chỉ biết chú ý đến biên cương phía tây xa xôi, không phòng bị gì về châu Ký ở gần, nên sau hơn mười năm mỗi họa do Hậu Nghệ, vua nước Cùg Thạch gây ra thì không sao ngăn nổi nữa. [Như thế thì vua Khải] cũng chưa được coi là người khéo lo toan việc nước.

Chú thích

- (1) *Cam thiệ*: tên một thiên thuộc Hạ thư, thể thơ, nói về lời thề trước quân đội ở đất Cam của vua nhà Hạ trước khi cất quân đi đánh nước Hữu Hộ.
- (2) *Vua Khải*: là con và là người được nối ngôi vua Vũ nhà Hạ.

* * *

8. NGŨ TỬ CƯU CA (1)

8-1. Vua Thuấn đi tuần ở sông Nguyên, sông Tương, vua Vũ hội [chư hầu] ở Giang Nam, vua Khải tế thần ở Quân Đài thuộc châu Dự, đều là đi xa cả, còn vua Thái Khang(2) đi chơi ở mạn sông Lạc cũng chưa

lấy gì gọi là xa cà. Thế mà dân đã vội sinh hai lòng. Vì [Thái Khang ra ngoài] không phải vì tuần thú, cũng không phải vì việc bổ trợ, mà chỉ vì ham mê săn bắn nên tiếng xấu nổi lên mà hiềm khích sinh ra.

Chú thích

- (1) *Ngũ tử chi ca*: tên một thiên thuộc Hạ thư, thể cáo nói về năm người anh em của Thái Khang thấy Thái Khang ăn chơi vô độ đã đặt ra lời ca nhắc nhở và khuyên bảo Thái Khang.
- (2) *Thái Khang*: con vua Khải nhà Hạ, được nối ngôi cha làm vua thiên tử, sau vì ăn chơi vô độ, chỉ ham săn bắn ở ngoài vùng sông Lạc, nên đã bị Hậu Nghệ là một vua chư hầu cướp ngôi.

* * *

8-2 Truyện nói: "Khi nhà Hạ suy, thì Hậu Nghệ từ nước Sở dời sang nước Cùng Thạch, rồi dựa vào dân nhà Hạ để cướp chính quyền của nhà Hạ". Lại nói: "Khi nhà Hạ suy, đã bỏ chức Hậu tặc không dùng, con quan Hậu tặc là Bất Quật vì mất chức quan mà đã tự trốn sang đất Nhung địch". Nghĩ rằng Hậu Nghệ là quan phương bá ở châu phía bắc, dời đến một ấp lớn, quân và dân ngày một đông mạnh. [Khi ấy] Thái Khang lại ruồng bỏ người hiền tài nên bọn Vũ La, Bá Uyên, Hùng Khôn, Hàng Ngũ(1) đều theo về với Hậu Nghệ. Hậu tặc là chức quan cha truyền con nối, ở tại kinh sư. Vua Thái Khang không lo tu sửa việc dân sự, vì vậy mà Bất Quật đã trả lại nước cho đất Thai.

- (1) *Vũ La, Bá Uyên, Hùng Khôn, Bàng Ngừ*: vốn là các vua chư hầu của nhà Hạ.

* * *

- 8-3. Đại Vũ nói với vua Thuấn rằng: "Đức độ biểu hiện ở chính sự hay, chính sự "hay" là nuôi dân cho no đủ". [Đại Vũ] lại dạy con cháu rằng: "Dân là gốc của nước, gốc vững thì dân mới yên". Trước sau [Đại Vũ] không lúc nào là không để tâm đến dân.
- 8-4. Chín châu trong thiên hạ, hàng vạn nước chư hầu cùng phụng thờ một người, người ấy gọi là vua. Đồ cống tiến, tô thuế mang đi nạp tuy cách sông cách biển nhưng không nơi nào là không mang đến kinh kỳ; ngọc lụa mang đến châu hay vết kiến dù là cội Yêu hay cội Hoang không cội nào là không hội ở các ngọn núi cao của mỗi phương. Sai khiến hay chỉ huy, không nơi nào là không theo mệnh là cốt muốn được yên ổn làm ăn, muốn được thương xót nỗi đau khổ. [Làm vua mà chỉ] buông thả mình theo ý thích riêng, không để ý gì đến dân thì dân sẽ không chịu theo mệnh, bề tôi sẽ hóa thành thù địch. Cho nên vua Nghiêu nói: "Để cho thiên hạ khốn cùng thì lộc trời sẽ hết hẳn". Vua Thuấn nói: "Người đáng sợ chẳng phải là dân ư". Vua Vũ nói: "Đối với dân nên gần gũi mà không nên coi thường". Năm người con [của vua Thái Khang] nói: "Ta cai trị hàng triệu dân, luôn có lòng sợ hãi như dùng dây cương mục, rong chiếc xe sáu ngựa".

Biết sợ dân thì nên kính giữ thân, không rong chơi, không dâm dục, không lười biếng, không hoang toàng. Kính giữ được thân mình là đã nhân ái được với dân.

8-5. Vua Thuấn khi truyền ngôi cho bậc thánh hiền đã dạy câu "Nguy, vi, tinh, nhất"(1). Đây là lời nói với bậc có tư chất cao minh. Vua Vũ khi răn dạy con cháu đã nói những điều "sắc, cầm, tửu, âm, cung thất"(2). Đây là lời nói với người có tư chất tầm thường.

Chú thích

(1) *Nguy, vi, tinh, nhất*: xem 3-13 et 9.

(2) *Sắc, cầm, tửu, âm, cung thất*: đây là những lời răn: không nên say mê sắc đẹp (sắc), say mê săn bắn (cầm: cầm thú), thích rượu ngon (tửu), thích ca hát (âm: âm nhạc), luôn bận tâm với cung thất đài cao.

* * *

8-6. Điển, pháp, đồ tịch(1) là những thứ rất quan trọng của nhà nước. Vua Chiêu Vương nước Sở lánh nạn(2) do nước Ngô [xâm lăng] phải chạy ra nước ngoài. Mông Cốc(3) vào cung lấy "pháp điển kê

thứ"(4) mang xuống thuyền theo dòng sông trốn tới đầm Vân Mộng. Khi Chiêu Vương trở về ấp Dĩnh [là cố đô], các quan bị mất pháp điển, đã để cho muôn dân hôn mê rối loạn [đến khi] Mông Cốc mang pháp điển về dâng, các quan có pháp điển trong tay thì muôn dân lại được rất bình yên. Vua phong cho Mông Cốc khu ruộng 60 chảnh(5) Quốc sách(6) khen: "Công Mông Cốc lớn hơn công người giữ nước".

Vua Cao Tổ nhà Hán khi vào Hàm Dương, Tiêu Hà(7) đi theo trước tiên thu nhặt hết đồ tịch luật lệnh(8) [của nhà Tần] nhờ thế mà Cao Tổ biết được các vùng trong thiên hạ, chỗ nào hiểm yếu, chỗ nào dân nhiều ít mạnh yếu, cuối cùng lấy được cả thiên hạ.

Hạ thư (9) chép: "Có điển chương, có phép tắc để lại cho con cháu đời sau". Thời bấy giờ việc điều khiển các quan, cai trị dân chúng phải có nhiều sổ sách ghi chép. Còn quân và thạch (10) chỉ là một việc nhỏ thôi. Các phép tắc lật vật trong thiên Vũ Cống, Chính Điển (11) trong thiên Dận Chính đều như vậy cả.

Chú thích

- (1) *Điển, pháp, đồ, tịch*: các điển lệ, phép tắc, bản đồ và sổ sách của một triều đại.
- (2) *Chiêu Vương nước Sở lánh nạn*: quân nước Ngô vào đánh chiếm ấp Dĩnh của nước Sở, Chiêu Vương phải chạy lánh nạn sang nước Tùy, sau nhờ có nước Tần giúp nên Chiêu Vương lại lấy được nước Sở.
- (3) *Mông Cốc* : quan đại phu nước Sở thời Xuân Thu.

- (4) *Pháp điển kê thư*: tên cuốn sách ghi chép về điển chương phép tắc của nước Sở.
- (5) *Chấn*: bờ ruộng. Trong phép tính điền đời xưa, một khu ruộng được chia làm nhiều ô nhỏ cho nên có nhiều bờ. Ruộng 60 chấn là khu ruộng có 60 đường bờ ruộng.
- (6) *Quốc sách*: tức Chiến quốc sách, là bộ sách do người đời Tiền Tần ghi chép sự việc của thời Chiến quốc. Sau này đến đời Hán, Lưu Hưởng sưu tập lại thành một bộ hoàn chỉnh.
- (7) *Tiêu Hà*: một danh tướng của nhà Hán. Khi theo Cao Tổ vào Hàm Dương diệt được nhà Tần, các quan tranh nhau vợ vét của cái, riêng Tiêu Hà chỉ đi nhặt nhanh các sổ sách bản đồ và luật lệnh của nhà Tần ở trong tương phú. Nhờ đó nhà Hán biết được các nơi hiểm yếu và dân số, quân sĩ của nhà Tần mà diệt được nhà Tần.
- (8) *Đồ tịch luật lệnh*: bản đồ sổ sách và các điều luật của nhà Tần.
- (9) *Hạ thư*: xem 6-3 et 3.
- (10) *Quân và Thạch*: là đơn vị đo lường thời cổ của Trung Quốc. Một quân là 30 cân (cân Trung Quốc). Một thạch là 4 quân. Theo Kinh Thư, vua Vũ có làm công việc thống nhất đơn vị cân đo.
- (11) *Chính điển*: các phép thường về việc chính sự ở trong thiên Dân chính.

* * *

8-7. Kỳ cương chính là: lễ, pháp, hình, chính. Nó là đầu mối lớn, vốn gốc lớn trong việc trị thiên hạ. Cho nên Thái Khang làm loạn kỳ cương mà nhà Hạ mất. U Vương(1), Lệ Vương(2) không giữ kỳ cương mà nhà Chu bị diệt.

Chú thích

- (1) *U Vương*: là con Tuyên Vương, vì say mê vợ thú là Bao Tự, bỏ chính cung là Thân hậu, bỏ thái tử Nghi Cửu (con Thân hậu) lập

Bá Phục (con Bao Tự). Sau bị Thân hầu (tước hầu nước Thân, anh em của Thân hậu) và Khuyển Nhung đánh và giết chết ở chân núi Ly Sơn.

- (2) *Lệ Vương*: cháu bốn đời của Mục Vương, vì dùng kẻ tiểu nhân và thi hành chính sách bạo ngược nên đã bị người trong nước đánh cho phải chạy ra đất Trệ.

* * *

9. DẶN CIIINH (1)

- 9-1. Chu Từ nói: "Đời vua Thái Khang mất đất Hà Bắc, đến đời vua Đế Tướng(2) mới mất đất Hà Nam". Như vậy là: Thời vua Trọng Khang, Hậu Nghệ đã chia cắt đất Hà Bắc ra để tự xưng đế. Công đức vua Vũ [thấm sâu] trong lòng người, lòng người luôn tưởng nhớ đến vua Vũ, cho nên vua Thái Khang tuy không khôi phục lại được kinh đô ở châu Ký, phải ở lại đất Dương Hạ nhưng các nước [chư hầu] ở các châu Duyện, Dự, Thanh, Từ vẫn giúp đỡ và bảo vệ. [Do đó] Trọng Khang lên nối ngôi [Thái Khang] mới chấn hưng được uy lệnh chút ít. Sau vì Đế Tướng đời về Thương Khâu nên thế nước mới ngày càng suy yếu. Và Hàn Xúc sau khi đã giết được Hậu Nghệ rồi mới qua sông Hoàng Hà diệt nhà Hạ, giết Đế Tướng. Xem trong Tả truyện thấy nói là: "Vua giết Hậu Nghệ". [Như vậy] chính là ứng nghiệm của việc Hậu Nghệ không lập Trọng Khang mà tự lên nắm quyền chính trong nước.

Chú thích

- (1) *Dân chinh*: tên một thiên thuộc Hạ thư thế thế, nói về vua chu hầu nước Dân vâng mệnh vua Trọng Khang đem quân đi đánh họ Hy và họ Hòa làm rối loạn công việc trong nước.
- (2) *Đế Tướng*: là con vua Trọng Khang nhà Hạ. Thế phả của nhà Hạ như sau:

Thủy tổ nhà Hạ là Đại Vũ, Vũ truyền ngôi cho con là Khải, Khải truyền ngôi cho con là Thái Khang. Thái Khang ham chơi vô độ bị Hậu Nghệ cướp ngôi, sau Trọng Khang (con Khải, em Thái Khang) thay Thái Khang làm vua, giành lại được quyền chính trong nước, sai Dân hầu đem quân đi đánh họ Hy và họ Hòa. Trọng Khang truyền ngôi cho con là Đế Tướng, Đế Tướng dời đô đến Thương Khâu, từ đó thế nước suy yếu dần và bị Hàn Xúc giết. Thiệu Khang con Đế Tướng giết Hàn Xúc khôi phục lại cơ nghiệp nhà Hạ.

* * *

- 9-2. Đọc lời Dân Hầu bảo các tướng sĩ mà cảm nghĩ ngay đến nhân tâm thế đạo dưới thời nhà Hạ. Xem xét kỹ ý nghĩa câu: "Người làm tôi phải giữ phép thường" thì thấy chính là nói: nên giữ lấy chế độ phép tắc đã sẵn có. Câu: "Trẫm quan giúp sức" chính là nói: thứ vị có cao thấp, công việc trị nước có lớn nhỏ, mọi người nên làm hết chức năng của mình để giúp thiên tử, đừng có lười biếng. Câu: "Người làm quan và người làm thầy phải cùng khuyên bảo lẫn nhau" chính là nói: hoặc là bạn bè cùng làm quan, hoặc là thống thuộc phải cùng dạy bảo lẫn nhau theo điều hay lẽ phải, đừng có cầu thả a dua theo hùa với nhau. Câu: "Người làm thợ lấy nghề nghiệp của mình ra để can ngăn vua" chính là nói: những người làm thợ địa vị thấp hèn [không bằng các quan] mà còn được dâng lời nói thì trách

nhiệm của bốn bậc bề tôi thân cận không thể cứ lảng lẽ không nói.

Nhà Hạ, giữa chừng bị suy chẳng phải chỉ vì vua lúc bấy giờ chơi bời mà ngay các quan coi giữ trăm việc có lẽ cũng chẳng ai là không lười biếng, bỏ mặc công việc. Xem ngay như các quan họ Hy và họ Hòa chuyên giữ việc làm lịch mà còn rượu chè, hoang toàng ở ấp riêng, bỏ bữa bãi công việc, thì có thể biết được các quan khác. Chư hầu mà đều như thế cả thì vua còn nhờ vào đâu được? Việc săn bắn ở sông Lạc (1), cuộc biến loạn chống lại vua ở bên sông Hoàng Hà (2), ai là người đứng ra can gián vua sửa lại lỗi lầm? Ai là người bảo vệ vua lúc nguy nan, giúp vua chống lại kẻ thù? Mắt trông thấy vua chơi bời khoái lạc, không hề uốn nắn; ngồi nhìn vua long đong lưu lạc mà như chẳng hay biết gì. Đem tội "không kính vua" ra mà trị những người này thì hàng loạt người đều mắc cả.

Lục Chí (3) bàn về cuộc biến loạn đời Kiến trung (4) cho rằng: "các bầy tôi [thân cận] như chân tay, các chức phận [quan trọng] như tai mắt, các quan can gián, các ty phòng bị và bảo vệ thấy vua nguy nan không dốc hết lòng trung, thấy vua hoạn nạn không đem hết công sức phò giúp". Các bầy tôi nhà Hạ lúc bấy giờ thật không thể lẫn tránh được trách nhiệm ấy. Dân hầu phò tá vua mới, rất cảm phần các tập tục tệ hại của thời ấy cho nên trước tiên nếu rõ bốn phận của người làm quan và đạo lý của người làm tôi, sau đó kể tội họ Hy và họ Hòa

để cảnh tỉnh những người bỏ quan bỏ việc khác. Nếu không thì trách một bề tôi nhỏ, đánh một ấp bé làm gì phải dùng đến lời cáo dụ "trường hoàng"!

Nhà Tây Chu suy là vì các quan đại phu không ai chịu sớm khuya [chăm lo công việc], các vua chu hầu không ai chịu hôm sớm [giúp vua Thiên tử]. Xa giá nhà vua ở đất Phong đất Cáo phải dời sang phía đông (5) mà cũng không thể chặn hững lại được. Cái hại do các quan bỏ công bỏ việc, và muôn việc đổ nát [của nhà Tây Chu] cũng còn không thể kể xiết như thế, chứ có riêng gì ở thời nhà Hạ mới như vậy đâu.

Câu: " [trong việc quân] cai nghiêm phải nhiều hơn lòng từ ái" ở thiên này cùng với những câu: "không kính theo mệnh lệnh thì đã có hình phạt" và "kính cần thi hành hình phạt của trời" ở đoạn văn trên thật đã cùng soi sáng cho nhau, ý nói sự nghiêm minh hơn sự cầu thả. Không dung thứ những tệ hại này thì mới có thể dẫn dắt và khuyên nhủ được bề tôi. Cho nên lại nhấn thêm rằng: "Tất cả binh sĩ các người phải gắng sức lên và phải rắn dè nhé". Nếu như cho [những câu này] chú ý nói về việc quân thì hẹp hòi quá.

Chú thích

- (1)*Việc săn bắn ở sông Lạc*: Vua Thái Khang chơi bời vô độ, suốt trăm ngày ham mê săn bắn ở bên sông Lạc không về, bỏ cả việc nước.
- (2)*Cuộc biến loạn chống lại vua ở bên sông Hoàng Hà*: Hậu Nghệ thấy Thái Khang ham mê săn bắn ở bên sông Lạc, đã mang quân chống lại Thái Khang, ngăn Thái Khang ở bên sông Hoàng Hà không cho Thái Khang về kinh đô.

- (3)*Lục Chí*: người thời vua Đức Tông nhà Đường, làm chức Hàn Lâm học sĩ, những lời bàn bạc, tấu nghị, can gián của ông rất sát thực và chính đáng.
- (4)*Kiến trung*: [780-784] niên hiệu của Đức Tông nhà Đường (cuộc biến loạn này xảy ra vào năm thứ 4 niên hiệu Kiến Trung).
- (5)*Xa giá nhà vua ở đất Phong đất Cáo phải dời sang phía đông*: Câu này nói về sự thiên đô của nhà Chu. Thời Văn vương đóng đô ở ấp Phong, đời Vũ Vương dời đô từ ấp Phong sang ấp Cáo, đời Bình vương dời đô từ ấp Cáo sang Lạc ấp ở phía đông.

* * *

9-3. Thái Khang vì phạm lời răn "ham mê săn bắn" mà mất nước. Thế mà Hậu Nghệ lại vẫn mắc lỗi ham săn thú ở ngoài đồng. Hy Hòa lại phạm lời răn "thích uống rượu ngon". Sự chơi bời và lòng ham muốn đã làm hại người ta, thế mà người ta không tự hỏi cái được, như vậy chẳng đáng lấy làm răn sao?

THƯỢNG THƯ

10. THANG THIỆ (1)

10-1. Vua Thang (2) đầu tiên đánh nước Cát, sau đánh nước Vy, nước Cỗ, nước Côn Ngô, phải dùng đến sức dân nhiều lắm, mà dân đất Bạc (3) cũng là dân chưa từng sợ hãi việc chinh chiến bao giờ. Còn người nhà Thương thì cũng biết người nhà Hạ ghét [vua Kiệt] như lúa với cỏ dại, thóc mảy với thóc lép không thể dung nhau, trẻ con người lớn đều nơm nớp không ai là không sợ vô tội mà bị chết oan. Có ai là không biết vua Kiệt bạo ngược đầu. Hơn nữa lại vì vua Thang thờ vua Kiệt rất mực trung thành, năm lần tiến cử Y Doãn là thật lòng muốn uốn nắn lại đức hạnh của vua. [Thế mà] một mai mang quân đánh vua Kiệt, lòng dân không ai là không nghi ngại, trong đó có người phải lấy nghĩa lớn vua tôi để nói: họ thác cứ rằng vua (Thang) đã làm cho dân bỏ cả mùa màng, để kêu ca [việc phải đi đánh vua Kiệt]. Vua Thang biết điều đó, cho nên trong lời thề trước hàng quân, đầu tiên vua Thang nói: "Không phải ta

là đứa tiểu tử dám quấy rối dẫu", để tỏ rõ lòng dạ của mình, sau đó mới nói đến cái ý: sợ mệnh trời, thương người cùng khổ để giải lòng nghi hoặc của quân sĩ. [Cho đến khi] mệnh nhà Hạ đã bị truất bỏ đi rồi, mà vua Thang vẫn thấy không được thoải mái trong lòng, chỉ hổ thẹn rằng sức của mình kém [không bằng tiên vương], và trước khi đem quân [đánh vua Kiệt], phải [kể rõ tội vua Kiệt] trước trăm họ, đó cũng là điều bất đắc dĩ mà thôi. Than ôi! thánh nhân linh hoạt trong việc xử sự đạo vua tôi, đời sau cũng có thể xét cho lòng của họ.

Chú thích

- (1) *Thang thệ*: tên một thiên trong Thương Thư, thể thệ nói về lời thề của vua Thang trước khi đem quân đi đánh vua Kiệt nhà Hạ bạo ngược.
- (2) *Vua Thang*: tức Thành Thang vua thủy tổ của nhà Thương, tên thực là Lý, là con cháu của Tiết.
- (3) *Đất Bạc*: khi còn là vua chư hầu, vua Thang đóng đô ở ấp Bạc. Vua Kiệt nhà Hạ bạo ngược, Thang đã khởi binh từ ấp Bạc đem quân đánh vua Kiệt, lập ra nhà Thương.

* * *

11. TRỌNG HỦY CHÍ CÁO (1)

11-1. Trọng Hủy(2) khi khen đức của vua Thang, không khen gì khác, đầu tiên khen ngay đến dũng (dũng cảm) và trí (trí tuệ). Còn lòng dũng cảm thì quyết đoán [được mọi việc]; có trí tuệ thì mưu toan được [cơ đồ]. Định yên được muôn phương, làm nên được nghiệp lớn đều ở hai chữ "dũng" và "trí" ấy cả.

Lý Cương (3) nói: "Vị vua làm được cho nước đang suy trở nên hưng thịnh, đang loạn trở nên bình yên, nếu không phải là bậc anh minh kiệt xuất thì không thể làm nổi" cũng cùng một ý với đoạn trên

Vua nhà Tống cũng có vị không gần âm nhạc và sắc đẹp, không ham mê tiền của và lợi lộc, có lượng khoan hồng, có lòng nhân ái giống như vua Thành Thang, thế mà không chống nổi giặc ngoại xâm, khôi phục lại trung nguyên chỉ vì thiếu "dũng" và "trí" thôi.

Chú thích

- (1) *Trọng Hiỷ chi cáo*: là tên một thiên trong Thương Thư thể cáo, nói về những lời của Trọng Hiỷ khuyên bảo vua Thang, đồng thời cũng là những lời khuyên bảo dân chúng chớ làm những điều thất đức.
- (2) *Trọng Hiỷ*: quan Tà tướng của vua Thang.
- (3) *Lý Cương*: người đời Tống. Thời vua Cao tông ông được làm tướng, đã mang hết sức ra lo công việc khôi phục nhà Tống, sau bị lời gièm phải bãi chức.

* * *

II-2. Giúp vua Kiệt làm điều bạo ngược, thật có nhiều tay chân lắm. Cứ xem dân Tây đi bắc địch đều phải khổ vì vua của mình và ân hận rằng vua Thang đến [cứu] muộn thì rõ điều ấy: "Làm cho người buồn bán vắn đến chợ, người cày ruộng vắn cày ruộng, giết vua bạo ngược, cứu dân khổ cùng, như trận mưa đúng thời, dân chúng rất vui mừng". Như thế gọi là đội quân nhân nghĩa.

Tôi cho rằng: đời xưa vua chư hầu đều là cha truyền con nối, con cháu của họ không phải là không tàn bạo ngang ngược, chỉ vì có quan Phương bá giám sát, uốn nắn, thiên tử lại có lệ thường đi tuần thú xem xét [công việc] của họ, cho nên kẻ ác không được làm điều bạo ngược bừa bãi với dân. [Đây là do] đạo nhà Hạ đã suy, điển chương không được thi hành; Thang lại là quan phương bá chuyên giữ việc đánh dẹp [hội tội]. Cho nên các nước đều rất chờ đợi mong ngóng, và vui mừng vì Thang đã trừ bỏ kẻ tối tam bạo ngược, cứu dân trong cảnh nước lửa. Nâng đỡ nước hèn yếu, lấy nước rối loạn, cũng là sự thế đương nhiên chứ không phải cố ý tham đất đai của họ. Những kẻ tối tam bạo ngược, trời đã muốn lật đổ thì Thang làm thế nào bởi đắp và dựng họ lại được. Tất cả đều là thuận theo mệnh trời mà thôi.

11-3. Câu: "Theo" *nghĩa* mà xử sự, theo "lẽ" mà sửa tâm", cùng với thuyết "giữ" *nghĩa* để đối xử với bên ngoài, chú trọng "*kính*" khi tự tu dưỡng lòng mình" ở Chu dịch, ý nghĩa giống nhau. Người có học muốn thành bậc hiền tài, người hiền tài muốn thành thánh hiền, công phu đều dồn vào đấy cả.

Các câu: "Ai có đức tốt thì cho làm quan, ai có công to thì trọng thưởng", "giúp đỡ [các vua chư hầu] hiền tài và có đức tốt, cắt nhắc người trung lương, nâng đỡ các nước yếu hèn, đánh kẻ ngu muội, lấy nước loạn lạc, coi khinh nước nguy vong", "gây dựng cho các nước có lễ, đánh đổ kẻ hôn mê tàn bạo" đều là những việc nghĩa nên làm.

Các câu: "Không gần âm nhạc và sắc dục, không ham tiền của và lợi lộc", "sửa lỗi không gần ngại", "tiếp thu lời can ngăn, chứ không cự tuyệt" đều là theo *lễ* để sửa tâm. Thánh nhân không phải không có nhân tâm, chỉ là theo *lễ* mà sửa tâm thôi.

11-4. "[Kẻ nào] cho rằng không ai bằng mình thì sẽ bị diệt vong". Vua Trụ nhà Thương, Linh vương nước Sở, Thủy Hoàng nước Tần, Dạng Đế nước Tùy đều cùng là hạng người này cả.

11-5. Thấy người đất Y xuyên xoa tóc tể ở ngoài đồng, Tân Hữu (1) biết ngay đất ấy sau sẽ thành đất Nhung Dịch. Thấy nước Lỗ còn giữ được lễ nhà Chu, Trọng Tôn(2) biết ngay nước Lỗ còn chưa thể động đến được. Có *lễ* thì trời bồi đắp cho, vô *lễ* thì trời bỏ đi.

Chú thích

(1) *Tân Hữu*: là quan đại phu của nhà Chu, thời vua Bình vương. Khi nhà Chu dời đô qua bên đông, đi qua đất Y Xuyên, ông thấy người Y Xuyên vuốt tóc tể ở ngoài đồng (theo phong tục của Nhung dịch), ông nói: "Không đến 100 năm nữa đất này sẽ thành đất Nhung Dịch, vì ngay từ bây giờ đã không giữ được *lễ* rồi." Quả nhiên sau đó Tần và Tấn đã dời Nhung dịch ở Lục Môn sang Y Xuyên.

(2) *Trọng Tôn*: công tử nước Lỗ, là con cháu của Khánh Phu.

12 THANG CÁO(1)

12-1. Vũ vương nói: "Trời thương dân, lòng dân đã muốn, ý trời phải theo" (2), "trăm họ ở muôn phương đều kêu vô tội với trời đất quý thần" (3), vì vậy mà vua Kiệt bị diệt vong. "[Để cho dân] bằng bể, dất dúi vợ con, đau sót kêu trời"(4), vì vậy mà vua Trụ bị diệt vong. "Từ đất Liêu đất Nhiếp sang phía đông, từ sông Cô sông Vu sang phía tây, miệng quần chúng ai cũng nguyện rửa" vì thế mà nước Tề bị sụp đổ.

Muốn cho dân khỏi oán thù, nguyện rửa thì nên như thế nào? Chỉ có giảm bớt hình phạt, thu nhẹ tô thuế mà thôi.

Chú thích

- (1) *Thang cáo*: tên một thiên trong Thương Thư thể cáo nói về việc vua Thang sau khi diệt nhà Hạ, trở lại đóng đô đất Bắc, đã cáo dụ các nước chư hầu và dân chúng cùng nhau chấn chỉnh lại thiên hạ.
- (2) Câu này ở thiên Thái thệ thượng.
- (3) Câu này ở thiên Thang Cáo đây.
- (4) Câu này ở thiên Thiệu cáo kính Thư.

* * *

12-2. Buổi đầu, khi các nước chư hầu triều kiến vua mới [vua Thang], vua nói với họ rằng: "Chớ nên làm điều phi pháp, chớ nên vui chơi quá độ, mọi người đều phải giữ lấy phép thường của mình, để vâng theo mệnh tốt của trời".

Vĩ đại thay lời nói của vua! Sao giản ước mà tinh tế, nghiêm trang mà ôn hòa thế. Cần thận giữ lấy chế độ phép tắc thì sẽ tôn kính thiên tử mà không dám thay đổi lễ nhạc; không chơi bời vui thú thì sẽ biết coi trăm họ như con mà không để cho đồng ruộng phải bỏ hoang, dân chúng phải ly tán. Đó chẳng là đạo hường lộc trời, giữ ngôi vua sao?

* * *

13. Y HUẤN (1)

13-1. Xây dựng lòng thương yêu [cho dân] phải bắt đầu từ lòng thương yêu cha mẹ trước. Xây dựng lòng tôn kính [cho dân] phải bắt đầu từ lòng tôn kính bậc đàn anh trước. Lòng thương yêu và tôn kính tu tình được từ trong gia đình thì dân sẽ theo đó mà hòa thuận. Tại sao vậy? Vì cương thường là đạo trời vốn thế, nghĩa lý là lòng người ai cũng giống thế. Người làm vua, đối với cha mẹ, tỏ hết được lòng yêu thương, đối với bậc đàn anh tỏ hết được lòng tôn kính, thì trên hợp lẽ trời, dưới thuận lòng người, tổ tông chứng giám, trăm họ tôn thờ. Các quan và dân trong cả nước cùng bắt chước theo. Ai nấy đều thân yêu cha mẹ, đều tôn kính đàn anh thì thói ngang ngược không còn chỗ mà nảy sinh, thói lằng loàn không còn chỗ mà trở dậy, do đấy thiên hạ sẽ được bình yên.

- (1) *Y huấn*: tên một thiên trong Thương Thư, thể huấn, chép những lời Y Doãn dạy bảo vua Thái Giáp lúc mới lên ngôi.

* * *

13-2. Y Doãn cùng vua Thang dẹp yên thiên hạ nên đã đích thân thấy được: dựng nước thật vất vả, giữ nước cũng chẳng dễ gì. Cho nên khi thuật lại nỗi vất vả ấy của tiên vương, khi sửa đức xét mình, và công lao tích lũy bao lâu mới có được muôn nước, lời lẽ rất xúc động, tha thiết, làm người nghe phải cảm động. Chu Từ nói: "Văn từ chữ nghĩa của người xưa như người thợ vẽ vẽ truyền thần". Thật đúng như thế.

"Vua Thang luôn sửa soạn theo mệnh lệnh sáng suốt của trời", tờ mờ sáng đã tỏ rõ đức tốt; ngồi chờ sáng mà làm việc. Bài minh trên chiếc chậu tắm gội của Thang có nói rằng: "Nếu hôm nay đã làm cho mới được đức sáng thì hôm sau sẽ làm cho mới thêm, hôm sau nữa sẽ làm cho càng mới thêm nữa". Dãy đều là công phu kiểm điểm lại mình như luôn sợ mình làm chưa đầy đủ. [Hai đức tốt] thánh triết và cung kính [của Vua Thang] ngày càng được tốt hơn, chẳng phải từ đó sao?

13-3. Nhà Thương cầu người hiền triết cũng như nhà Hạ mời đón người tuần kiệt. Lời răn "tam phong" (1) cũng chính là lời dạy "lục ngôn" (2). Làm ông tổ như Đại Vũ mà cũng có cháu như Thái Khang chơi bời vui thú, làm ông tổ như Thành Thang mà cũng có

con như Thái Giáp ham muốn bừa bãi. Con cháu có được hiền tài hay không, thánh nhân vốn không thể định được. Nhưng nhà Hạ suy yếu mà nhà Thương hưng thịnh [là vì] một bên thì các bậc nguyên lão như Cao Dao, Bá Ích mất hết không còn sót một ai, một bên thì quan a hànhh (3), người cũng có đức như vua Thang vẫn còn nghiêm nhiên giữ trách nhiệm quan sự quan bảo (4). Thế chẳng phải là do trời ư?

Chú thích

- (1) *Tam phong*: (ba thói hư) 1. Thích ca xướng, 2. ham mê tiền của lợi lộc, săn bắn, 3. khinh ghét người trung trực, không nghe lời nói thẳng.
- (2) *Lục ngôn*: ham mê sắc dục, ham mê săn bắn, thích rượu ngon, thích ca xướng, thích đèn đài cung thất nguy nga, thích trang hoàng bằng hội họa.
- (3) *A hànhh*: một chức quan vào đời nhà Thương, giống như chức tế tướng.
- (4) *Sự, Bảo*: xem 2.15 c1 5.

13-4. "Ba thói hư (1) và mười tội xấu" (2), các quan khanh quan sĩ ai mắc phải một điều nào là nhà sẽ tan nát, vua chư hầu mắc phải một điều nào là nước sẽ bị mất. Đây không phải là nói thẳng cái lý như thế, mà chính là xét theo hình pháp để luận các tội. Kẻ bề tôi không uốn nắn [vua để cho vua làm điều tàn ác] còn bị trừng trị bằng hình phạt huống chi là kẻ phạm tội. Cho nên Chu Tử nói: "Vua Thang đặt ra hình phạt cho các quan, chính là đã vâng theo ý trời phạt

kẻ có tội". Đời sau, chế độ phép tắc của nhà vua không được nêu ra, nhưng [vua nào] phạm phải điều răn này đều bị sụp đổ cả. Còn cái hại của người làm tội mắc phải rượu chè, ca xướng, tiền của, sắc đẹp thì lại càng tệ hơn.

Người làm vua mà mắc cả các điều ác như vua Trụ nhà Thương, Linh đên nhà Hán, Hậu chủ nhà Trần, Dạng đế nhà Tùy, Huyền tông nhà Đường, Trang tông nhà Hậu Đường, Huy tông nhà Tống, Hải Lăng nhà Kim, Thuận đế nhà Nguyên thì đều là tự chuốc lấy sự thất bại thật chẳng sai một ly nào cả.

Chú thích

- (1) *Ba thói hư*: xem chú "Tam phong" ở 13. 3, ct 1.
- (2) *Mười tội xấu*: thích hát múa ở cung đình, thích ca xướng ở nhà riêng, thích sắc đẹp, tham của cải, thích rong chơi, thích săn bắn, khinh lời dạy của thánh nhân, ghét người trung trực, xa người có đức tốt, gần gũi bọn thiếu niên cần bậy.

13-5. Học trò nhỏ mới học, đã dạy cho biết các hình phạt dùng cho các quan. [Điều đó] chẳng phải chỉ để cho chúng sau này làm quan biết điều can thẳng, mà còn để cho chúng cẩn thận răn dè để khỏi phải mắc tội lỗi.

13-6. Vua Thang đã răn chư hầu: "chớ làm những điều phi pháp, chớ nên ăn chơi quá độ". Lại răn bảo các khanh sĩ, các vua chư hầu phải xa lìa ba thói hư mười tội xấu. Lời răn dạy thật là nghiêm nghị thiết tha.

Vua Thái tổ nhà Minh (1) đã từng thích bài thơ của Lý Sơn Phủ (2), người đời Đường, và cứ ngâm nga mãi không thôi. Bài thơ ấy rằng:

Nam triều thiên tử ái phong lưu.

Tận thù giang sơn bất đáo đầu.

Tổng vị chiến tranh thu thập đắc.

Khước nhân ca vũ phá từ hưu.

dịch nghĩa:

Nam triều thiên tử (3) thích an nhàn.

Gìn giữ non sông chẳng vẹn toàn.

Cơ nghiệp chiến tranh thu phục được.

Mà do ca vũ phá tan hoang.

Người làm vua mà giữ được lòng tốt như thế thì đâu đến nỗi nguy vong rồi loạn? Quan tham chính Vương Bá Đại (4) có bài minh "tứ lưu" rằng: "Lưu lại cái khéo bắt tội còn thừa trả lại cho tạo hóa, lưu lại lộc trời bắt tội còn thừa trả lại cho triều đình, lưu lại của cải bắt tội còn thừa trả lại cho dân, lưu lại cái phúc bắt tội còn thừa trả lại cho con cháu". Người làm bề tôi mà luôn có những suy nghĩ đó thì đâu đến nỗi suy bại?

Chú thích

- (1) *Thái tổ nhà Minh*: tức Chu Nguyên Chương, người đã diệt nhà Nguyên, sáng lập ra nhà Minh.
(2) *Lý Sơn Phủ*: là người có tài thơ văn nổi tiếng thời vua Ý tông nhà Đường.

- (3) *Thiên tử Nam triều*: tức vua các nước thời Nam triều là Tống, Tề, Lương, Trần.
- (4) *Vương Bá Đại*: người đời Tống, tính thẳng thắn thật thà, dám nói hết sự thật.

14. THÁI GIÁP THƯỢNG (1)

14-1. Vị vua được thừa kế cơ nghiệp do vua cha tích lũy, thường dễ sa vào cảnh xa xỉ, vì đã sẵn có chỗ cậy nhờ, lại tự cho những lỗi lầm nhỏ là không hại gì [nên làm bừa]. Vua Kiệt dựng cung thất bằng ngọc quỳnh, đã tỏ cho chư hầu biết một sự xa hoa quá độ cho nên thiên hạ mới [nổi lên] làm phản. Tấm gương ấy thật không xa. Y Doãn dạy bảo Thái Giáp (2) đầu tiên răn bằng câu: "Điều thất đức dù không lớn cũng đủ làm hại cả tông thống". Lại khuyên bằng câu: "Cẩn thận giữ đức tiết kiệm, nghĩ đến việc lâu dài về sau". Thật đúng là giải bày điều thiện, ngăn cấm điều gian tà. Câu: "Nghĩ đến việc lâu dài về sau, nghĩa là: chăm lo đến mãi sau này và xem xét những điều tệ hại". Thế mà đời sau lại có người nói với vua rằng: "Bệ hạ đã có phần tiền của vốn được hưởng" rồi viện dẫn một câu trong kinh Lễ là: "[Tiền bạc để] thỏa mãn việc ăn uống của nhà vua" để làm toại nguyện lòng ham muốn xa xỉ của vua, như Bùi Duyên Linh (3). Có người viện dẫn một câu ở Chu quan là: chỉ có vua là ẩn tiêu không phải tính toán" để cho vua tha hồ chi dùng xa xỉ như Thái Kinh (4).

- (1) *Thái Giáp (thượng)*: Ba thiên Thái giáp thượng, trung, hạ, là ba thiên của Thương Thu thể cáo nói về những lời dạy bảo khuyên nhủ vua Thái Giáp của Y Doãn và những lời hối lỗi của Thái Giáp sau khi đã sửa chữa lỗi lầm.
- (2) *Thái Giáp*: là con vua Thành Thang nhà Thương, được nối ngôi cha lên làm vua thiên tử, nhưng vì ăn chơi vô độ, Y Doãn khuyên nhủ mãi không được đã đẩy ra ở Đồng cung, sau Thái Giáp hối cải lại được Y Doãn đưa về đất Bắc làm vua.
- (3) *Bùi Duyên Linh*: là quan thị lang bộ hộ thời vua Đức tông nhà Đường, tính tình gian nịnh, chỉ chăm vợ vét của cải và lừa dối vua.
- (4) *Thái Kinh*: là quan thái sư thời vua Hy tông nhà Tống. Có quyền chính trong tay, Thái Kinh đã gây bè đảng, coi thường dân, dùng hết cả của cải trong kho vì vậy sinh ra loạn lớn: nhà Kim vào xâm chiếm kinh đô nhà Tống. Sau Thái Kinh bị đi dây rồi chết.

14-2. Đầu tiên [Y Doãn] nói: "Cẩn thận giữ lấy đức tiết kiệm". Sau nói "Xê dịch lại mũi tên cho đúng độ". "Độ" [ở đây] nghĩa là: tất cả mọi sự việc, không việc gì là không có phép tắc đương nhiên. Như cung thất, xe cộ, phẩm phục, đồ dùng, ăn uống, tiền vương đều đã đặt sẵn thành chế độ. Đời sau không thêm bớt, chỉ nên theo đó mà làm, không được tăng thêm. Đó là: "kính cẩn giữ điều chí thiện theo tiên tổ mà làm". Vì Thái Giáp tham dục, làm hỏng cả chế độ phép tắc; phóng túng làm hỏng cả lễ nghi, nên [Y Doãn] đã khuyên bảo Thái Giáp những điều như thế. Họ Trần phải thích chữ "chí nhân" (1) "chí hiếu" (2) hơi vu khoát (3).

Chú thích

- (1) *Chỉ nhân*: người làm vua thì cái tâm của mình phải dừng lại ở chỗ nhân ái với dân.
- (2) *Chỉ hiếu*: kẻ làm con thì cái tâm của mình phải dừng lại ở chỗ hiếu thảo với cha mẹ.
- (3) *Vu khoát*: xa xôi, viễn vông, không thiết thực.

15. THÁI GIÁP TRUNG

15-1. Y Doãn đưa Thái Giáp ra ở ngoài Đồng Cung (1) rồi lấy [tư cách là] quan chưởng tể [tể tướng], tạm nắm giữ quyền chính. [Thế mà] trong tôn thất, các vua chư hầu các quan công khanh đại phu đều im lặng không ai dị nghị điều gì cả. [Sở dĩ như vậy], một là: chẳng phải chỉ vì phong cách và tiết tháo của ông, trước kia không đoái hoài đến địa vị bổng lộc "muôn chung nghìn tứ" (2) nên đã chiếm được lòng tin của mọi người. [Cũng không phải] lúc bấy giờ ông được ủy thác quyền lực quan trọng đã làm mọi người khâm phục, mà chính là trong ba nam giữ việc nước, không việc gì là ông không bực bực với thiên hạ. Đối với bọn trẻ tuổi ngang ngạnh, bọn nịnh hót ở gần vua ông chỉ đuổi đi xa không giết hại một ai, do đó mọi người thấy ở ông có lòng bao dung. Hai là ông dùng người làm quan, chỉ dùng những người hiền tài, quan tước của trời, chức vị của trời, cho thiên hạ cùng chung hưởng chứ không giành cho một ai trong họ hàng thân thuộc, do đó mọi người

thấy ở ông có lòng công minh chính đại. Ba là ông không xây dựng cơ nghiệp riêng, không tham tiền của lợi lộc, do đó mà mọi người thấy tính ông trong sạch. Bốn là chỉ lấy lòng hiếu kích làm cảm động lòng vua, thờ vua không điều gì là không hết lễ, do đó mọi người thấy ông có lòng thành khẩn. Năm là ông không vì được sùng trọng hưởng lộc nhiều mà cứ tại chức mãi: Khi mọi việc đã thành công, mà ông chỉ đợi khi đức của vua đã khá hẳn, là cời dếp ra về, không hề luyến tiếc, do đó mà người ta thấy ở ông có lòng thanh cao trong sạch. Tâm tính ông như thế thì còn ai dị nghị được nữa. Tuy sử sách không ghi chép điều này nhưng cũng có thể suy ra được.

Chú thích

- (1) *Đồng cung*: là cung thất dựng ở bên mộ vua Thành Thang để đưa Thái Giáp ra đó tu tính sửa chữa lỗi lầm.
- (2) *Muốn chung nghìn tấc*: bổng lộc của công hầu khanh tướng được hưởng hàng vạn "chung" thóc, có hàng ngàn cỗ xe.

15-2. Lời hối hận của Thái Giáp thật là êm đẹp mà có vần về. Trước kia vua Thái Giáp chơi bời ham muốn bừa bãi, không phải là mê tối ngu muội mà chính là nghe lầm đám tiểu nhân thôi. Tuy vua Thái Giáp chỉ tự trách mình là có lỗi mà không hề nói đến người đã dẫn mình đến lỗi lầm. Thế mới là hối lỗi thật sự.

15-3. Các lời của Y Doãn [với Thái Giáp] khi Thái Giáp mắc lỗi lầm như: "Vua mà không ra vua thì chỉ thêm nhục cho tổ tông", "chớ vượt mệnh trời, để chuốc

lấy sự sụp đổ", đều là những lời răn nhủ, chứ không chỉ trích vạch vôi những sai lầm về sự ham muốn bừa bãi. Còn những lời khi Thái Giáp đã sửa chữa được lỗi lầm thì chỉ là lấy những điều sửa mình trau dồi đức hạnh và ý nghĩa bốn điều phải suy nghĩ (1) để khuyên bảo, chứ không hề có ý gì là răn đe. Những lời ôn tồn, mềm mỏng, hòa nhã, trung hậu như thế có thể làm khuôn phép cho việc dạy bảo vua.

Chú thích

(1) *Bốn điều phải suy nghĩ:*

- (a) Phụng thờ tổ tiên cho hiếu kính thì sẽ không trái ý tổ tiên.
- (b) Tiếp đãi kẻ bề tôi cho trang trọng thì sẽ không khinh thường bề tôi.
- (c) Nhìn xa trông rộng thì sẽ không bị mờ tối trước công việc.
- (d) Nghĩ cho thấu nhẽ thì sẽ không bị kẻ gian mê hoặc

16. THÁI GIÁP HẠ

16-1. Người có tài biện bác thì những chứng cứ [do họ] viện dẫn, những điều lợi hại do họ trình bày, những lời quyết đoán mọi công việc, bái bác lại lời bàn của người khác tưởng như có thể nghe được, nhưng cuối cùng lại không giúp được việc gì. Đó là lời nói bẻm mép đã thắng lẽ phải? Làm cho lẽ phải thắng lời nói bẻm mép là tài của bậc kinh bang tế thổ. Lời nói mà thắng lẽ phải là lời nói của kẻ sĩ có tài biện bác. Người làm vua đối với những người này phải nên xem xét cho kỹ. Trong thiên Tắt Mệnh (1) có câu:

"Việc chính sự cốt ở chỗ phải giữ lấy đạo thường, từ mệnh (2) chuộng đơn giản không hiểu kỳ. Phong tục nhà Thương đổ nát nên đã cho kẻ lợi khẩu mà tài giỏi". Tệ hại để lại về cuối sẽ càng quá Y Doãn đã thấy trước được mầm mống của nó nên có lời răn: "chớ dùng lời biện bác làm rối loạn chính thể cũ".

Sử chép: Thương Ương (3) bàn về biện pháp, Cam Long (4) tranh luận không thắng nổi [Thương Ương]. Hàn Phi (5) làm bộ sách hơn mười vạn chữ, vua Tần đọc xong, ân hận không được sống cùng thời với [Hàn Phi] Thương Ương và Hàn Phi đều là kẻ có tài biện bác cả.

Chú thích

- (1) *Tất Mệnh*: tên một thiên trong Kinh Thư, ghi chép lời Khang vương sai Tất công trông coi dân chúng ở đất Thành Chu; xem ở 51, ct 1.
- (2) *Từ mệnh*: các thư từ văn kiện trao đổi giữa các nước.
- (3) *Thương Ương*: người nước Vệ thời Chiến quốc, nên còn gọi là Vệ Ương, là người theo lối học hình danh, chuộng pháp luật, khi làm tướng nước Tần đã dùng pháp luật để cai trị nước Tần, sau lại bị chết do chính luật pháp mà mình đặt ra.
- (4) *Cam Long*: bề tôi của Hiếu Công nước Tần thời Chiến quốc.
- (5) *Hàn Phi*: tác giả của bộ sách *Hàn Phi tử* gồm 20 quyển. Ông vốn là công tử nước Hàn thời Chiến quốc, thích lối học hình danh và chuộng pháp luật. Sau đi sứ nước Tần bị Lý Tư gièm pha tự tử.

17. HÀM HỮU NHẤT ĐỨC (1)

17-1. "Đức tốt không phải chỉ học ở một ông thầy nào nhất định" mà tất cả mọi người, ai có điều gì hay ta

đều nên học hỏi. Cho nên thánh nhân hỏi cả người thường dân, hàn bạc cả với người cất có, kiểm củi, thợ thuyền trăm nghề đều được nói lời can gián. Đó chính là thành thực học hỏi điều hay ở người. Những điều hay trong thiên hạ cũng không có tiêu chuẩn nhất định, chỉ có đem cái tâm thuần nhất của ta để xem xét mọi lẽ thì mới biết rõ điều nào hay nên theo. Nếu tâm ta không thuần nhất thì sẽ hoang mang không biết quyết đoán lựa chọn thế nào, thậm chí những lời không căn cứ, những mưu sách không được bàn định cũng sẽ cho là hay mà làm theo.

Trên đây là Y Doãn đã mở rộng ý nghĩa câu: "Nghe điều hay phải suy nghĩ cho thấu nhé", để bảo vua điều cốt yếu là phải lắng nghe ý kiến [mọi người] trong việc xử sự.

Chú thích

- (1) *Hàm hiếu nhất đức*: tên một thiên trong Thương Thư, thế huấn nói về việc Y Doãn sắp từ quan lui về đồng ruộng nhưng vẫn sợ đức của Thái Giáp không được thuần nhất, sẽ dùng nhằm kẻ bất tài, nên đã nhấn mạnh điều "đức" để dạy bảo thêm Thái Giáp.

18. BÀN CANH (1) THUỢNG

18-1. Tây Bạc ở cách phía đông Lạc dương bảy mươi dặm, tức nay là huyện Yển Su, về diện tích và hình thế giống như Lạc ấp. Bên tả có đất Thành Cao làm can

cứ, bên hữu có hồ Mãnh Trì làm vật che chắn, mặt trước nhìn về núi Tung Cao, mặt sau gối lên sông Đại Hà. Núi Cảnh Sơn ở phía nam Tây Bắc hai mươi dặm. Đúng như Kinh Thi nói: "Núi Cảnh Sơn, xung quanh đều là sông lớn". [Như vậy, Tây Bắc] thuộc đất Châu Dự, và ở vào giữa thiên hạ. [Ở đất này] phong cảnh khí hậu ôn hòa bình yên, dân tình an nhàn thư thái. Vua Thành Thang [bắt đầu khởi nghiệp và] lập đô ấ ở đất Thương, thì đất này chính là đất hưng khởi nghiệp vương, kẻ làm con làm cháu quyết không nên bỏ đất đó mà đi nơi khác. [Vì rằng từ khi từ đất Bắc] dời đến đất Hiêu rồi đất Tương, đất Cảnh, đất Bình, trải qua mấy đời thiên chuyển cũng chỉ cứu được trước mắt, lợi cho dân được nhất thời chứ không định được kể lâu dài. [Thế mà] Bàn Canh ví [đô ấ này] như cái cây nghiêng đổ thì sự suy vi đã đến mức quá lắm. Nếu không trở lại đô ấ cũ thì không sao nổi được nghiệp lớn, và vỗ yên được bốn phương. Việc này chẳng phải chỉ là định kế sách theo hình thể quốc gia mà còn là định kế sách theo phong tục, cuộc sống của dân nữa. Cho nên [vua Bàn Canh] nói rằng: "Trời sẽ ban mệnh cho ta lâu dài ở ấ mới này". Từ sau khi dời đô đến đất Tây Bắc, đạo của nhà Thương lại được hưng thịnh, lại làm chủ được chư hầu hơn hai trăm năm nữa. Nhưng đến khi vua Vũ Ất bỏ đất Bắc, trở lại đóng đô ở đất Triều Ca - Hà Bắc, địa thế vùng này thấp, phong tục của dân thì bạc bèo, hơi hợt cho nên chẳng truyền được mấy đời thì mất. [Sau này] Vì từ được phong ở đất Tống, đóng đô ở Thương

Khâu theo chỗ ở cũ của vua Thành Thang và chỉ được có hai ấp là Bắc Bặc và Nam Bặc mà còn truyền nối nhau được hơn bảy trăm năm . [Thế mới biết] quan hệ việc dựng đô lập ấp chẳng quan trọng lắm sao?

Chú thích

- (1) *Bản Canh*: là tên vua nhà Thương, cũng là tên một thiên trong Thương thư, thể cáo. Có ba thiên là Bản Canh thượng, trung, hạ. Nhà Thương từ khi vua Tổ Ất dời đô đến đất Canh rồi đất Bình, thể nước suy yếu dần. Vua Bản Canh có ý trở lại đất Bắc là cố đô của nhà Thương, nhưng các quan to họ lớn thì ngại đã yên chỗ, dân thì nghi ngờ việc đi và ở, lợi hại chưa biết ra sao. Vì vậy ở thiên Bản Canh thượng, vua cáo dụ các quần thần, ở thiên Bản Canh trung, vua cáo dụ dân chúng những điều lợi và hại của việc dời đô và việc ở lại, ở thiên Bản Canh hạ vua dạy bảo thần dân những điều làm ăn và phép tắc sau khi đã dời đô.

19. BẢN CANH TRUNG

19-1. Đời xưa các quan công, khanh, đại phu người nào cũng có ấp ăn lộc riêng. Sáu hương sáu toại (1) ở trong địa phận của thiên tử trực trị cũng đều đặt quan để cai trị cả. Cho nên lúc chưa thiên đô, [Bản Canh] bảo với các quan nói cho dân chúng biết những điều như: "Phải thận trọng công việc của mình, phải ăn nói cho có mực thước". Nếu như lúc bấy giờ mà nói thẳng ngay với dân [việc thiên đô] thì thể thống sẽ bị khinh nhờn. Người đời xưa, có những mưu sách gì lớn đều bàn cả với thường dân. Nay đã định kế trước rồi thì cũng không thể không

công bố để hiểu dụ [dân chúng]. Cho nên [Bàn Canh] cho gọi tất cả dân chúng cùng đến để nói rõ cái lợi: mọi người cùng vui sống và làm việc thì đời sống sẽ được sinh sôi nảy nở". Nếu như lúc bấy giờ mà không nói với dân thì tình nghĩa [vua tôi] sẽ bị bung bít.

Chú thích

(1) *Sáu hương và sáu toại*: Sáu hương: vùng đất cách kinh đô 100 dặm chia cho 6 quan khanh cai quản.

Sáu toại: vùng đất ở phía ngoài sáu hương.

19-2. "Những kẻ không tốt, không theo bốn phận, hay quấy rối và làm những điều gian hùng thì cắt mũi hoặc giết hết không để cho sót lại một kẻ nổi dôi nào [ở ấp mới]". Đây chính là lấy chính lệnh để uốn nắn chứ không phải dùng lời nói suông đe dọa.

20. BÀN CANH HẠ

20-1. Câu: "[Ta] kính cẩn theo mệnh dân", lời lẽ thật rất khiêm tốn.

Câu: "[Đối với dân] đều có lòng đồng tình thương cảm", tình nghĩa thật là thân thiết.

Câu: "[Ta] không dùng những người ham tiền của", ý thật là nghiêm.

20-2. Nhà Thương lúc thịnh trị, vua lấy việc không ham mê tiền của và lợi lộc để tỏ rõ sự ngay thẳng trong sạch ngay từ trên. Các tướng lấy việc không tham ân huệ bổng lộc để làm gương cho dưới. Các quan công khanh thường lấy điều răn "chết vì tiền của", để dạy các trẻ mới học, và để thức tỉnh các quan. Đến quãng giữa đời đời ran "chứa vàng ngọc [là có tội]" và lệnh cấm tích góp tiền của châu báu, vẫn được chú ý đem ra dạy bảo các quan và dân chúng. Thế cho nên thói tham nhũng lui dần, mà triều đình ngày một trong sạch nghiêm trang. Đến đời vua Trụ khơi ra thói xa xỉ, ham muốn vật dục, tích trữ thật nhiều của riêng, bởi vậy nhà Ân không kể lớn nhỏ đều thích trộm cắp gian nhùng, các quan khanh sĩ bắt chước nhau làm điều phi pháp, do đó mà phong tục giáo hóa rất là hỏng.

21. DUYỆT MỆNH (1) THUỞNG

21-1. Vua Cao Tông lên ngôi không ra sắc lệnh gì lớn, ba năm liền lặng lẽ kín đáo. Cho nên một sớm mai triển khai công việc liền nổi tiếng đến đời sau. Vua nói: "Sợ đức của ta không được như [tiên đế]", đó là một tấm lòng khiêm tốn. Ý vua quả thực cho rằng chân tay hoàn bị mới thành người, có bề tôi giỏi giúp đỡ thì [vua] mới thành được thánh. Phải có người bày tôi làm được việc lớn thì sau mới giúp được chí lớn của vua. Thế mà các quan công khanh ở trong triều, chưa thấy có người nào tài ba xuất chúng, cho nên

vua tâm tâm niệm niệm lúc nào cũng chú ý nghĩ đến người tài giỏi, mà không dám tự cho mình là thông minh, rồi tự đưa ra các chủ trương mệnh lệnh một cách khinh dị. Xem khi tìm được Phó Duyệt, vua biết Phó Duyệt quả là người tài hiền, sai điều khiển cả trăm quan thì thấy ngay điều ấy.

Chú thích

- (1) *Duyệt Mệnh*: tên một thiên trong Thượng Thư. *Thế Mệnh*: Có ba thiên *Duyệt Mệnh* là thượng trung, hạ. Thiên *Duyệt Mệnh* thượng chép việc vua Cao tông tìm được Phó Duyệt cho làm tướng, thiên *Duyệt Mệnh* trung chép lời Phó Duyệt khuyên bảo vua lúc ông đã làm tướng, thiên *Duyệt Mệnh* hạ chép lời bàn của Phó Duyệt về việc học hành.
- (2) *Cao tông*: lúc vua Vũ Đinh, nhà Thương, khi lên ngôi vì muốn làm cho nhà Thương được hưng thịnh trở lại, nhưng chưa tìm được người giúp đỡ, nên ba năm liền không nói năng và đề ra chính sách gì lớn cả, sau tìm được Phó Duyệt, là người cày ruộng ở đất Phó Nham, vua mời về cho làm tướng; nhờ vậy nhà Thương lại được hưng thịnh trở lại. Vua này ở ngôi được 59 năm thì mất.



21-2. Vua Cao tông mộng thấy thượng đế cho một người tướng giỏi, lại được trao nhận rõ ràng, vì vậy mà khi gọi thợ vẽ lại hình dáng, thì vẽ ngay ra hình con cá "kỳ" dựng đứng. Như vậy là cũng có thần. Tà truyện và Sử Ký chép nhùng việc mộng thấy thượng đế ban mệnh, không phải chỉ có một việc Như Mục công nước Tần mộng thấy thượng đế sai dẹp loạn nước Tần. Câu : "[trời cao] trông xuống [thiên hạ] rõ ràng, soi xét bốn phương" (1) có phải là nói sông đâu.

(1) Hai câu này ở Kinh Thi, Đại Nhã, bài Hoàng Hi.

21-3. Đời cổ xưa không có chức quan can gián, cho nên vua Thuấn bảo Đại Vũ: "Có gì sai trái thì giúp đỡ", vua Cao tông bảo Phó Duyệt "dạy cho lời nói hay". [Nhu vậy là] trách nhiệm của người phụ tướng cũng chính là [trách nhiệm] của người bề tôi can gián: Phải như đá để mài dao, như dây mực nẩy trên cây gỗ, chứ không phải đợi cho sự lầm lỗi đã xảy ra rồi sau mới can gián. Việc bàn bạc về đạo lý, giảng cứu về học thuật, bày tỏ điều hay lẽ phải, mong vua làm được những việc khó, là để đề phòng điều sai trái, ngăn điều dục vọng. Công lao uốn nắn vua không gì to hơn thế.

21-4. "Dạy điều hay để giúp cho [ta] có thêm đức tốt, nói hết tâm tư [nhà người] để cho [ta] tiếp thu được nhiều điều hay". [Với Phó Duyệt, Cao tông đã] giao cho trách nhiệm thật quan trọng và mong mỏi thật thiết tha. Nếu người khác ở vào địa vị này thì đã cảm động vì vua biết đến mình mà dốc hết hiểu biết vốn có để dâng vua, không giấu giếm điều gì cả. Nhưng Phó Duyệt trong trường hợp này đã chưa vội nói gì cả, mới chỉ tạm dâng lời can gián để mở rộng độ lượng của vua Cao tông và lấy những điều thừa mệnh vua để cùng cố cho thêm vững vàng lòng vua. [Phó Duyệt đã xử sự] thật là nhẹ nhàng thanh thản

mà lại kín đáo sâu sắc. Cho đến khi được sai giữ việc điều khiển trăm quan, ông mới dần dần nói với vua những lời như: răn về sự an nhàn vui chơi, bắt chước sự thông minh của trời, chọn người hiền tài, không dùng người thân cận [làm quan]. Chỉ có điều là "không bắn thì thôi, đã bắn là trúng", không nói thì thôi, đã nói là làm. Qua đấy thấy ông thực là người bình tĩnh, thận trọng, rộng rãi, sâu sắc, đúng phong cách, đức độ của vị đại thần, chứ không phải là người khinh suất, nóng vội, nông nổi.

22. DUYỆT MỆNH TRUNG

22-1. Những lời Phó Duyệt nói với vua [Cao tông] tuy hình như tàn bạo và không nhất quán, nhưng đại ý đều là "sửa đức" và "dùng người hiền tài" mà thôi. Vua bắt chước trời để xây dựng đạo [làm vua], bầy tôi vâng mệnh vua để thực hành công việc, thì dân sẽ theo mà nước sẽ được thịnh trị. Từ muôn đời xưa, đường lối trị nước không ngoài những ý ấy.

22-2. Áo giáp và mũ chiến là những thứ dùng để giữ nước và chống giặc. [Nhưng thứ đó] được bố trí và sử dụng mỗi khi có việc đáng tiếc xảy ra, nhưng trái lại, nó cũng là đầu mối nổ ra chiến tranh. Như sách Hạng Quan tử (1) nói: "Tăng cường quân đội để giữ mặt ngoài, nhưng họa loạn lại xảy ra ở bên trong". Nhà Hán phong vương cho người cùng họ cốt để trấn yên thiên hạ, nhưng từ đó đã sinh ra loạn bảy nước (2)

lộ hành, kéo quân làm phản về đánh kinh sư. Nhà Đường đặt ra các phương trấn cốt để dẹp yên giặc lớn nhưng các phiên hầu (3) sẵn có quân trong tay cũng đã chống lại mệnh lệnh của triều đình. [Ấy là] cái thế nó như vậy. Nhưng nếu muốn trừ bỏ và ngăn ngừa mầm mống của chiến tranh mà không sửa sang việc vũ bị thì không được.

Chú thích

- (1) *Sách Hạt quan tử*: tác giả của bộ sách là người hay đội chiếc mũ bằng lông chim hạt, nên có biệt hiệu là Hạt quan tử, còn tên thật không rõ là gì, người nước Sở thời nhà Chu, ngụ cư ở núi U Sơn.
- (2) *Loạn bảy nước*: Nhà Hán, thời vua Cảnh đế, phong vương cho con cháu trong nhà ở bảy nước là: Ngô, Sở, Triệu, Giao Tây, Tế Nam, Truy Xuyên, Giao Đông. Sau bảy nước này có binh lực trong tay đã nổi loạn đánh lại triều đình vua thiên tử.
- (3) *Phiên hầu*: các nước chư hầu làm phiên giậu cho vua thiên tử.

22-3. Ở nước chư hầu có việc can qua [chống lại thiên tử] thì [vua thiên tử] phải xem xét lại bản thân và đức độ của mình, nếu thấy không có điều gì thiếu sót thì hãy động binh [đánh kẻ phản nghịch]. Từ Ngư (1) can vua Tương công nước Tống trong việc đánh nước Tào, thật đúng ý Phó Duyệt. Xem tờ chiếu do Lục Chí (2) thảo vào đời Hung Nguyên (3), mà các phiên trấn mạnh và ngạo ngược phải thuận mệnh cũng hợp với ý này.

- (1) *Tiễn Ngự*: bề tôi của Tương công, can Tương công rằng: "Nay đức độ của vua còn thiếu mà lại đi đánh nước chư hầu không phục tùng, thì ai phục nhà vua", điển này ở Tả truyện, Hy công năm thứ 19.
- (2) *Lục Chí*: Xem dẫn chú ở 9-2, ci 3.
- (3) *Hưng nguyên*: xem 9-2, ci4. [năm 784 - 785].

22-4. Trong nước bình yên hay loạn lạc là do ở các quan [tài giỏi hay ươn hèn]. Công việc trị nước từ ngàn xưa không thể vượt ra ngoài ý câu nói ấy. Được người tài giỏi gánh vác công việc thì nước bình yên thịnh trị, bị kẻ thân cận có đức xấu [tranh quyền cướp chức] thì nước loạn. Đời Đường, Ngu sở dĩ cho các quan "tỏ bày điều hay", "thù giao công việc", "xét công tích rồi cất nhắc hoặc truất bỏ" là muốn cho các quan ai cũng đúng là người giỏi. Nhà Thương dùng người đều là cha truyền con nối cho nên quan đại phu, quan sư, quan trưởng, chưa chắc đã đều là người tài, vì vậy mà thói xấu chứa chất vàng ngọc, tích lũy của cải có lúc chưa từ bỏ được hết, cứ lần lần bỏ qua cho ngày thêm hư hỏng, không sửa sang chỉnh đốn lại gì cả. Phó Duyệt là người xem xét rất tinh và cố gắng đủ năng lực, cho nên làm tướng mà đã nêu ra việc lựa chọn các quan. Điều đó đã được thể hiện ra cả ở việc làm chứ không phải chỉ là lời nói suông. Xem việc ông cho vời đón rất rộng rãi các bậc hiền tài và cho họ làm quan thì [dù biết] những kẻ thân cận mà có đức xấu, bị sàng sảy, sa thải không phải là ít. Đạo của nhà Thương được

trung hưng chẳng cũng đáng sao?

- 22-5. "Hành động cần phải đúng thời cơ". Chữ "thời cơ" ở đây nên hiểu là đạo trời và việc của người. Kinh Thi nói: "Ôi! Vĩ đại thay quân của nhà vua [Văn vương], lúc thời cơ còn tăm tối thì bồi dưỡng sức quân, lúc thời cơ đã hoàn toàn sáng sủa thì dùng hết sức quân thu lấy cả thiên hạ" (1). Nếu như lúc đang tăm tối mà động binh, lúc sáng sủa mà để binh nằm yên là đã hành động không đúng thời cơ [ở quê Càn] trong Kinh Dịch [có đoạn] nói: "suốt ngày chăm chỉ, sẵn sàng hành động theo thời cơ", "ở vào địa vị cao quá thì có điều phải ăn năn hối tiếc, thời vận đều đã đến chỗ cùng cực rồi [thì nên lui lại]". Ở vào địa vị hào tam mà lui, ở vào địa vị hào thượng mà tiến (2) là không biết thời cơ.

Chú thích

- (1) Hai câu này ở kinh Thi, Chu tụng, bài "Chuốc".
(2) *Hào tam*: hào thứ 3 trong các quẻ, vị trí này tượng trưng cho tình thế đang lên. *Hào thượng*: hào thứ 6 trong mỗi quẻ, vị trí này tượng trưng cho sự tới cùng, bắt đầu đi xuống.

23. DUYỆT MỆNH HẠ

- 23-1. Lời đại tượng của quẻ Hàm trong Kinh Dịch nói: Người quân tử lấy "hư tâm" [tâm lòng không mang nặng ý riêng tư] mà tiếp thu ý kiến người khác". Vua Cao thông minh như thế, mà lúc đầu còn than vãn, cho đức của mình không bằng [tiên vương] sau lại

giận mình học không được sáng suốt. [Vua Cao Tông] cầu đạo và học hỏi điều hay như người đói [thèm ăn], khát [thèm uống] như thế, lẽ nào lại không trở thành thánh hiền?

- 23-2. Từ ngàn xưa, khi bàn về việc học, đều bắt đầu từ câu của Phó Duyệt: "Người ta cần nghe được nhiều điều hay, để làm được nhiều việc, học những lời dạy của người xưa để có bổ ích về sau". Đây là nói về công phu của việc học hỏi. Câu: "Học là phải khiêm tốn, phải luôn nhảy bên thì mới tu tỉnh được, mới tích lũy được nhiều đạo lý". Đây là công phu coi trọng rèn luyện đức hạnh". Chu từ xem xét đến cùng mọi lẽ để đạt tới đỉnh cao của sự hiểu biết, xét lại bản thân mình để đi tới được sự thực. [Như thế] là đã bao gồm được cả "thế" lẫn "dụng", khái quát được cả trong lẫn ngoài. Đúng là ông đã học được chính truyền của thánh hiền đời xưa. Còn Lục Cửu Uyên (1), Vương Thủ Nhân (2) chỉ nêu riêng việc tôn kính đức hạnh để dạy người học, và cho việc đọc sách mà hiểu đến cùng mọi lẽ là điều cấm. Đó đều là những người có tội với Phó Duyệt cả.

Chú thích

- (1) *Lục Cửu Uyên*: học giả đời Tống tên tự là Tử Tĩnh, người đồng thời với Chu Hy nhưng lối học của hai ông không giống nhau. Chu Hy chú trọng học vấn, Lục Cửu Uyên chú trọng đạo đức.
- (2) *Vương Thủ Nhân*: học giả đời Minh, tự là Bá An, lối học của ông lấy "luong tri lương năng" làm chủ, cho "cách vật chí tri" là nên cầu ở tâm chứ không nên cầu ở sự vật (trường phái duy tâm chủ quan).

23-3. Hiểu nhiều biết rộng mới làm nên việc. Nhưng nếu không học những lời dạy của người xưa thì không thể sao thấy được nguồn gốc của đạo lý. Học lời dạy xưa mà hiểu được nghĩa lý thì mới có thu hoạch. Nhưng nếu không soi vào những phép tắc từ xưa đã đặt ra thì lấy gì làm căn cứ để khảo cứu về chế độ phép tắc. Biết xưa, hiểu nay, thích ứng được với thời thế, phù hợp được với phong tục. Như thế mới gọi là lối học kinh luân (1).

Đời có người hiểu biết nhiều nhưng không học lời dạy xưa thành ra hiểu tràn lan, tản mạn mà không có gì nổi bật. Như Trang tử (2), không sách nào là không xem, Huệ tử (3) có hàng năm xe sách, đều là những người học theo lối này cả. Cũng có người học lời dạy xưa nhưng không soi vào những phép tắc từ xưa đã đặt ra cho nên suy nghĩ viển vông mà khó thực hành. Như Lưu Hâm (4) học Chu Quan (5), Kinh công (6) học kinh thuật (7) là những người theo lối học này.

Chú thích

- (1) *Kinh luân*: điều hành công việc chính trị.
- (2) *Trang tử*: tức Trang Chu, người nước Sở thời Chiến quốc tác giả sách "Trang tử".
- (3) *Huệ tử*: người nước Tống thời Chiến quốc, bạn thân của Trang tử, có tài biện luận.
- (4) *Lưu Hâm*: là con Lưu Hướng người đời Hán. Hai cha con cùng giữ chức Hiệu bí thư, đã tập hợp sáu kinh và các sách khác chia làm bảy loại. Lối học kinh tịch và mục lục sau này, bắt đầu từ Lưu Hâm trước tiên.

- (5) *Chu Quan*: là tên một thiên trong Kinh Thư đời sau khảo chứng ra thấy Lưu Hàm bịa đặt và làm giả ra thiên Chu Quan trong kinh Lễ.
- (6) *Kinh công*: tức Vương An Thạch từng làm tể tướng đời Tống Nhân tông có một số cải cách để cứu vãn sự suy sụp của nhà Tống, nhưng bị bọn địa chủ quý tộc cũ chống đối nên thất bại.
- (7) *Kinh thuật*: giảng cứu các kinh.

23-4. Sách Quân tử (1) nói nhiều về phép trị nước mà không điều nào là không hợp lý. Sách Thương tử (2) chuyên bàn về việc làm ruộng và chinh chiến, ý cũng đều sát thực cả. Hai sách này người lập ngôn phần nhiều chỉ chú ý về công lợi, mà ít nói về đạo đức. Họ Chân (3) nói: "[Hai sách này] nói đến sự việc mà không nói đến lý". [Nói như thế] hầu như chưa ổn. [Thực ra thì] lý nằm ở trong sự việc, sự việc quy kết lại ở lý, chứ không phải có hai thứ. Như nói: ra sức làm ruộng và học tập chiến trận thì có thể làm cho nước giàu mạnh. Ấy là lý đương nhiên. Còn chuyên chú về những việc ấy mà không tu sửa đường nhân nghĩa thì lại là không phải đương nhiên. Tiên nho tách sự việc với lý ra làm hai, cho việc sửa sang binh bị tài chính là "sự", cho việc bàn về tính mệnh là "lý". [Như thế có] được chăng?

Chú thích

- (1) *Quân tử*: tên bộ sách do Quân Trọng, tể tướng nước Tề thời Xuân thu soạn, nội dung sách chủ yếu nói về việc làm cho nước giàu và dân mạnh.

- 2) *Thương tử*: tên bộ sách do Thượng Ương nước Vệ thời Chiến quốc soạn, nội dung sách chủ yếu nói về nghề nông và việc chinh chiến.
- (3) *Họ Chân*: Chân Đức Tú, một học giả có chú giải Kinh Thư.

24. CAO TÔNG DUNG NHẬT (1)

24-1. Người xưa tế lễ rất nghiêm cẩn. Xem ở miếu bày đời có thể thấy được đức hạnh của từng vua. Ai đáng tôn thờ, ai phải đời đi, đều phải căn cứ vào công luận cả. Mỗi vua có một miếu chứ không như đời sau: thờ chung một từ đường nhưng làm riêng bàn thờ khác. Nếu chỉ ở miếu vua cha mới có hậu lễ thì hóa ra bạc với miếu thờ tổ. Cho nên Tổ Kỳ mới can vua Cao Tông, không nên làm như vậy.

Chú thích

- (1) *Cao Tông dung nhật*: tên một thiên trong Thương Thư, thể huấn, ghi lại những lời của Tổ Kỳ là con vua Cao Tông can Cao Tông về việc tế lễ: đã tế cha trọng thể hơn tế tổ.

25. TÂY BÁ KHAM LÊ (1)

25-1. Tây bá (2) tức là Vũ vương (3) chứ không phải Văn vương (4). Nước Sùng, nước Mật, nước Kỳ, nước Vũ đều ở địa phận phía tây. Quan Tây bá được giữ quyền đánh dẹp [các nước ấy]. Còn như nước Lê ở Hà Sóc, kề sát với kinh đô nhà Thương mà Văn Vương đang phụng thờ nhà Thương thì đâu có lý lại

động binh ở ngay trong kinh kỳ. Xem việc Tổ Y (5) sợ hãi chạy đi báo [với vua Trụ] thì thấy tình thế đã cấp bách. [Như thế] có lẽ đây là ngày Vũ Vương đại hội chư hầu ở Mạnh Tân chăng.

Chú thích

- (1) *Tây bá kham Lê*: tên một thiên trong Thượng Thư, thể cáo chép việc quan Tây bá được cử đi đánh nước Lê.
- (2) *Tây bá*: chức quan đứng đầu các nước chư hầu ở phía tây, Tây bá có quyền đi đánh các nước chư hầu vô đạo.
- (3) *Vũ Vương*: người diệt nhà Thương lập ra nhà Chu.
- (4) *Văn Vương*: là bố đẻ ra Vũ vương, vốn là một vua chư hầu của nhà Thương, dựng nước ở dưới chân núi Kỳ Sơn, do thi hành chính thể nhân nghĩa nên phần nhiều thiên hạ về theo.
- (5) *Tổ y*: bày tội hiền của vua Trụ.

25-2. "Mất mùa đói kém" là tỏ ra trời đã ra tai lớn rồi. "Không theo phép thường" là dân đã mất bản tính trời cho rồi. [Như thế thì] nhà Thương nhất định sẽ bị mất. [Điều ấy] người đại người khôn ai cũng biết. Chỉ có vua Trụ là không biết thôi. Thái công (1) đã từng nói: "Đạo trời không có tai ương, không nên tự khơi ra trước, đạo người không có họa loạn, không nên gây ra lấy trước" Đến lúc này [vua Trụ đã rất xấu] chính là lúc người ta nên nhân thời cơ mà hành động.

Chú thích

- (1) *Thái công*: tức Thái Công Vọng hay Lã Vọng, Lã Thượng, là người có công giúp Chu Vũ vương diệt nhà Thương.

- 25-3. Dân của vua Kiệt nói: "Mặt trời kia bao giờ mất?" (1). Dân của vua Trụ chẳng kể lớn nhỏ, không ai là không muốn [nhà Ân] mất. Làm vua mà để cho lòng dân [thù oán] đến thế thì cũng chẳng có lý gì để yên ổn tồn tại được nữa. Đời sau thấy điều này chẳng đáng sợ sao?

Chú thích

- (1) *Mặt trời kia bao giờ mất*: Vua Kiệt tàn ác, kiêu ngạo thường ví mình như mặt trời, nói: "Ta có thiên hạ như trời có mặt trời, mặt trời mất ta mới mất". Vì vậy lòng dân oán ghét vua Kiệt, muốn cho vua Kiệt mất nên đã nói như thế.

26. VI TỬ (1)

- 26-1. Nước sắp mất, ắt là pháp chế hủy hoại, kỳ cương rối loạn, kế sau là nhà nước đổ theo. "Tất cả những kẻ có tội không bị trị tội", "dân chúng tranh giành nhau, coi nhau như thù" vì thế mà vua Trụ bị diệt. "Người này không đáng tội người lại bắt giam, kẻ kia đáng tội người lại thả ra" (2). Vì thế mà U vương bị diệt.

Chú thích

- (1) *Vi Tử*: tên một thiên trong Thượng Thư, thể cáo, chép việc Vi Tử (là anh vua Trụ nhà Ân) thấy vua Trụ hoang dâm bạo ngược, đã cùng hai quan đại thần là Tỷ Can và Cơ Tử bàn cách cứu lại nhà Ân đang có nguy cơ diệt vong, nhưng không được.
- (2) Bốn câu thơ này ở Kinh Thi, Đại Nhã, bài Chiêm ngưỡng.

26-2. Vua Bàn Canh nói với dân chúng: "Kẻ nào gian tà thì cắt mũi và giết chết [cả kẻ nổi đời]". Còn thời vua Trụ kẻ gian nhúng không bị bắt, nhưng kẻ trộm cắp không bị trị tội. Như thế thì vua Trụ đã buông lỏng [pháp luật] quá mức. [Cho nên] lúc vào chiến trận, kẻ quay giáo chống lại có bị ai kiềm thúc dẫu. Như vậy vua Trụ nhà Thương bị diệt không phải chỉ vì thất đức mà còn vì không giữ được luật pháp.

26-3. Vua Trụ vì ham mê rượu chè mà dân sinh ra gian tham trộm cướp, quan khanh quan sĩ làm điều phi pháp, và càn rỡ bừa bãi. Thậm chí đến nỗi có kẻ ăn trộm cả súc vật tế trời tế đất mà cũng không hỏi đến. Đây là do ham mê rượu chè bỏ cả công việc. Sách Chu Tử (1) có nói: "Vua Trụ say quên cả ngày tháng, lúc hỏi các quan đại phu, các quan đều nói không biết; chỉ có Cơ Tử biết nhưng không dám trả lời, cũng chỉ đáp rằng: không biết". Như thế thì vua tôi trên dưới đều say sưa yến ẩm, mà tất cả công việc chính sự chức nghiệp đều bỏ bê hết. Vua Trụ chỉ biết cho rằng mình tài trí hơn người, uy quyền nắm trong tay, các nước chư hầu đều thờ phục thì có thể vui chơi chứ có biết đâu cái hại do đắm đuối rượu chè lại đến mức ấy.

Chú thích

- (1) *Sách chư tử*: Sách của các học giả như Quán Tử, Lão Tử, Thương Tử... ở đây là nói sách của Hàn Phi Tử. Hàn Phi nói như sau: "Vua Trụ yến ẩm suốt ngày đêm, vui thú quên cả ngày tháng, hỏi các quan, các quan đều không nhớ, mới sai người hỏi Cơ Tử. Cơ Tử nói với người hầu rằng: "Làm chúa thiên hạ mà cả nước đều quên mất ngày thì thiên hạ nguy mất rồi. Cả nước đều quên mà ta nhớ thì ta nguy". "Thế rồi từ chối rằng say, không biết".

CHU THƯ

27. THÁI THỆ THƯỢNG (1)

27-1. Trời đất sinh thành, nuôi dưỡng muôn vật, ban cho loài người mọi đức tính(2). Loài vật chỉ được trời phú bẩm cho một cách phiến diện, còn loài người thì được cho thiên tính một cách hoàn toàn(3). Thánh nhân là bậc siêu việt trong loài người, [có sứ mệnh] ức chế sự thái quá, bổ cứu sự bất cập của trời đất, làm cho loài người thỏa mãn đời sống; dạy dân biến hóa khí chất, yên giữ đạo trời, để loài người có thể giữ được chân tính; thế mới là cha mẹ của ức triệu dân. Ở đây nói(4) "Vua làm cha mẹ dân", nên hiểu là gồm cả giáo và dưỡng(5) mới đầy đủ.

Chú thích

(1)*Thái Thệ thượng*: tên một thiên ở Chu Thư, thể thệ , ghi việc Vũ vương đại hội chư hầu ở bến Mạnh Tân răn bảo tướng sĩ trước khi đi đánh vua Trụ nhà Thương. Thái thệ có 3 thiên, thiên đầu là lúc quân chưa qua sông Hà, hai thiên sau làm khi quân đã qua sông Hà.

- (2) Nguyên văn *Giảng trung*: trời ban đức tính tốt đẹp cho loài người, (có đủ cả nhân nghĩa lễ trí tín).
- (3) Câu này ý nói Trời chỉ cho loài vật một vài tính tốt: như ong hay kiến thì có nghĩa vua tôi, chim thư cưu chỉ có nghĩa vợ chồng... còn loài người thì được đủ mọi mặt.
- (4) *Ở đây nói*: ở thiên Thái thê này Vũ vương nói.
- (5) *Giáo và dưỡng*: dạy bảo cho dân giữ được tính trời cho là "giáo", lo liệu cho dân sống được no đủ là "dưỡng", đây là hai trách nhiệm trọng yếu của vua đối với dân.

27-2. Y Doãn có nói "Trời không thân với ai, chỉ thân với người biết "kính". Quý thần không nhất định hưởng tế lễ của ai, chỉ hưởng lễ của người có lòng "thành". Ông lại nói: "Phụng sự tổ tiên, nên nghĩ luôn đến "hiếu". Ba chữ "kính", "thành", "hiếu" là đạo làm người phải nên như thế. Vua Trụ thì lại hàng ngày ngồi xổm(1), chẳng phụng sự Thượng đế và thần thánh trên trời dưới đất(2), quên cả tổ tiên, không tế tông miếu; lại thêm những xoi thịt đem cúng tế, lại để cho bọn hung bạo lấy trộm hết; đáng gọi là hết sức ương lười ngạo mạn, tệ hơn cả Cát bá(3).

Vua Dạng đế nhà Tùy tế Nam giao(4), không chịu trai giới và ở riêng một nơi từ trước, mà đến là làm lễ ngay. Vua Hậu chủ nhà Trần không tự thân đến tế 7 miếu(5), vào vái tam phi(6) thì chỉ đứng ở hiên trước thềm nhà. Vua nhà Nam Đường tên là Cảnh, từ sau khi lên làm vua, chưa từng tế Nam giao. Các vua chúa vô đạo, hầu như cùng đi theo một vết xe.

Chú thích

- (1) *Hàng ngày ngồi xồm*: ngày thường ngồi xồm, đầy về ngạo mạn, mất hết uy nghi của một ông vua.
- (2) *Nguyên văn Thần kỳ*: thần là thần trên trời, kỳ là thần dưới đất.
- (3) *Cát bá*: tước bá làm vua nước Cát, Cát bá phóng túng, không thờ tự tổ tiên, sau bị Thành Thang đánh.
- (4) *Tế Nam giao*: tế trời (hàng năm vào ngày đông chí, tế ở đàn Nam giao).
- (5) *Bảy miếu*: miếu thờ thái tổ và 3 miếu hàng chiều, 3 miếu hàng mục tức là miếu thờ các tổ tiên nhà vua.
- (6) *Tam phi*: ba vị hoàng phi là bà cô, bà nội và mẹ vua.

27-3. Sách đã nói Văn vương chiếm được hai phần ba thiên hạ thế mà lại nói vua Trụ còn có ức vạn thần dân, và y lại có thể "huy động quân đội đông như rừng" là có làm sao? Đó là vì nhà Chu nổi lên ở phía tây, giáo hóa chính lệnh nhà Chu phía tây thì lan đến đất Dung, đất Thục, phía nam lan đến vùng sông Giang sông Hán, phía đông lan đến đất Thiểm, đất Lạc, như thế cố nhiên đã là rộng lớn; nhưng đó mới chỉ là một dải đất phía tây nam. Vua Trụ chiếm giữ thiên hạ, cây mọc ra oai, lại có Hà Bắc, Sơn Đông thuộc khu vực ba châu Ký, Duyện, Thanh. Y đem hết binh mã đến để đánh một trận sống mái, lẽ nào quân chẳng đông, thế chẳng mạnh? Nhớ khi Liễu Nguyên Cảnh (1) dẫn binh đánh Tống Thiệu (2) chính nghĩa sáng ngời như vậy mà còn nói: "nếu chỉ dựa vào lễ phải thôi, thì rất khó thắng địch, vì bọn

hung ác vẫn giúp đỡ nhau. Ta lại khinh thường cú tiến, không phòng bị, thì khác nào mời chúng tấn công ta"... Huống hồ vua Trụ có tài hơn người, thế lực của y vẫn toàn thịnh ? Vũ vương ba lần răn bảo tướng sĩ, chọn đêm ngày giáp tý xuất trận là cần trọng đến cùng. Đến khi đã đánh được vua Trụ rồi bắt và giết hết phe cánh tàn ác, diệt 50 nước, chỉ mới chiếm nốt được đất đai thôi. Về sau cắt đất phân phong dựng thành các nước chư hầu, như Tấn, Ngụy, Cảnh, Hoắc, Hình, Vệ, Yên, Tề. Đó đều là đất của 2 châu Ký, Thanh cả. Đời sau (3) nước Tề, nước Tấn làm bá chủ có đủ sức chống với trước Tần nước Sở hơn 200 năm, như thế đủ rõ tiềm lực về người về của ở những nơi này thật là dồi dào.

Tân Ty đời Ngụy (4) nói : " Giặc cướp 4 phương , không đâu to bằng giặc cướp ở Hà Bắc. Giặc cướp ở Hà Bắc mà dẹp được thì sáu quân của thiên tử thêm lòng danh và càng làm cho thiên hạ kinh sợ".

Đỗ Mục đời Đường nói : "Địa thế Hà Bắc rất là trọng đại, vương giả không có được đất này thì không thành vương nghiệp; bá giả không có được đất này thì không thành bá nghiệp". Hai ông nói trên đều là người hiểu rõ hình thế trong thiên hạ vậy.

Chú thích

- (1) *Liễu Nguyên Cảnh*: người đời Tống (Nam triều); tên tự là Hiếu Nhân, theo vua Hiếu Vũ đế, đánh bọn Tống Thiệu (ở chú thích dưới)

(2)*Tống Thiệu*: Thái tử của Tống Văn đế, giết cha, sau bị Hiếu-Vũ đế, con thứ ba Văn đế nổi lên giết chết.

(3)*Đời sau*: đây chỉ đời Xuân Thu, Chiến Quốc.

(4)*Tân Tỳ đời Ngụy*, (Tam quốc): tên tự là Tả Trị, trước theo Viên Thiệu, sau thờ Ngụy Văn đế (Tào Phi).

28. THÁI THIỆ TRUNG

28-1. Chính phạt là việc lớn, bói để xem mệnh trời lành hay dữ, chỉ là để bói xem lòng người thế nào mà thôi. Đây Vũ vương đem chuyện nằm mộng và chuyện bói được điều tốt ra nói, là để chứng tỏ có sự cảm ứng tự nhiên. Kinh Thi (1) nói : " Đem việc ấy hỏi quan chiêm mộng(2). Kinh Thư(3) nói : "Khi mưu tính việc gì thì phải bói rùa, và bói cò thì". Vậy: khi quyết đoán công việc lớn, giải quyết mỗi nghi ngờ lớn, thật không thể bỏ việc bói được.

Chú thích

(1)*Kinh Thi*: ở đây chỉ thiên Chính nguyệt, Tiểu Nhã.

(2)*Chiêm mộng*: tên một chức quan, chuyên coi việc đoán mộng cho nhà vua.

(3)*Thư*: ở đây chỉ thiên Hồng Phạm, Chu Thư.

28-2. Vua Thành Thang đánh được nhà Hạ rồi, còn ba lần nhường các chư hầu khác làm vua, thế mà Vũ vương đương khi rắn bảo tướng sĩ, đã nói thẳng

rằng: "Trời định đem ta để trị dân". Khí tượng vua Thang vua Vũ khác nhau như thế.

28-3. Vua Vũ vương có mười người bầy tôi(1) dẹp loạn. Thế mà Khổng tử cho rằng nhân tài ở đời Đường đời Ngu nhiều hơn thời Vũ vương. Thêm nữa Khổng tử còn than nhân tài khó kiếm. Vì rằng hạng người phò tá tài giỏi, có thể làm cho nước thịnh thì đời nào cũng có nhưng muốn cho nhân tài đông đúc, mà lại có những người tài đức và công nghiệp biểu hiện cao siêu, cùng nhau phấn khởi làm việc, thì thật hiếm có. Vua Thiệu Khang chỉ có một bầy tôi tài đức tên là Mỹ(2) mà thôi. Vua Thành Thang chỉ có hai bầy tôi tài đức là Y Doãn, Trọng Hù(3) mà thôi. Vua Thái Mậu, vua Tổ Ất, vua Vũ Đinh, mỗi vua được một hai người tài đức như Y Trắc(4), Vu Hàm(5), Cam Bàn, Phó Duyệt(6) mà thôi. Còn có những người khác không thấy chép ở kinh truyện. Nay [đời nhà Chu] ở vùng chân núi Kỳ Sơn(7), đột xuất nhiều người có tài văn học chỉ dẫn luân thường giáo hóa, có thao lược vũ bị, trừ giết quân địch, công trạng giúp vua sáng ngời sử sách. Như thế há không phải từ sau đời Đường, đời Ngu có 5 người bầy tôi(8) thì mãi đến đời nhà Chu mới lại một lần nữa thấy nhân tài đông đúc hay sao ?

Chú thích

(1) *Mười người bầy tôi dẹp loạn*: Chu Công Đán, Thiệu Công Thích, Thái Công Vọng, Tắt Công, Vinh Công, Thái Diên, Hoàng Yêu, Tân Nghi Sinh, Nam Cung Quát và Ấp Khương (vợ Vũ Vương).

(2) *Mỹ*: tức là Bá Mỹ, giúp vua Thiệu Khang khôi phục nhà Hạ và giết được Hân Xúc là kẻ thù mưu giết cha của Thiệu Khang và cướp ngôi.

- (3) *Y Doãn, Trọng Hỷ*: hai vị phò tá của vua Thành Thang, giúp Thành Thang diệt nhà Hạ, lập ra nhà Ân.
- (4) *Y Trắc*: con Y Doãn, là người phò tá giỏi của vua Thái Mậu nhà Ân.
- (5) *Vu Hàm*: bầy tôi giỏi của Vua Tổ Ấi nhà Ân.
- (6) *Cam Bàn, Phó Duyệt*: hai ông đều làm tướng giúp vua Vũ Đinh nhà Ân. Cam Bàn lại còn là thầy học của vua Vũ Đinh.
- (7) *Kỳ Sơn*: tên núi, ở huyện Kỳ Sơn, tỉnh Thiểm Tây. Cuối đời nhà Ân, Thái vương (tăng tổ của Vũ vương) lãnh nạn rợ Di, thiên đô ập đến chân núi Kỳ Sơn, rồi Vương Quý, Văn vương, Vũ vương cũng phát tích từ đây.
- (8) *Năm người bầy tôi*: Vũ, Tắc, Tiết, Cao Dao, Bá Ích.

29. THÁI THỆ HẠ

29-1. Đương thời Vũ vương, Vũ vương đã nhắc lại lời nói của cổ nhân:

"Vỗ vể ta thì là vua của ta, tàn hại ta thì là kẻ thù của ta".

"Bồi dưỡng người có đức, nên chăm chú cho được nảy nở tươi tốt; trừ bỏ kẻ ác, nên làm cho tuyệt sạch gốc rễ".

[Trong thiên Thái Thệ thượng, Vũ vương] nói: "Sức" ngang như nhau, thì dẫn đo so sánh xem "đức ai hơn", "đức ngang như nhau, thì dẫn đo so sánh xem "nghĩa" ai hơn. Đây cũng là dẫn câu nói của cổ nhân.

Sách của những đời Tam hoàng(1), Ngũ đế(2), tưởng không phải là ít. Hai đời nhà Hạ, nhà Thương, làm vua truyền ngôi kế ngàn năm(3), há lại không có những bậc hiền triết trước thư lập

ngôn có thể truyền cho đời sau. Chu công đọc sách trăm thiên, ý chừng loại này(4) vậy.

Chú thích

- (1)*Tam hoàng*: thiên hoàng, địa hoàng, nhân hoàng. Còn có sách cho tam hoàng là Phục Hy, Thần Nông, Toại nhân, có sách cho Phục Hy, Thần Nông, Hoàng đế là tam hoàng.
- (2)*Ngũ đế*: Thiệu Hiệu, Chuyên Húc, Đế Cốc, Đường Nghiêu, Ngu Thuấn.
- (3)*Ngân năm*: nhà Hạ được 400 năm, nhà Thương 600 năm.
- (4)*Loại này*: đây chỉ vào những cổ ngữ và thư tịch của những đời Tam hoàng, Ngũ đế và 2 đời Hạ, Thương.

29-2. Công phu Văn vương tu đức, sửa mình, là cùng một đường lối với Thành Thang. Xem như ông phụng sự thượng đế, có thái độ rất nghiêm trang. Tuy ở chỗ kín đáo riêng tư một mình, cũng vẫn thường như có quý thần soi xét; tuy không ai chê trách, cũng vẫn thường nghiêm khắc với mình; thế là giữ lòng thành vững vàng. Tuy những việc chưa từng được nghe trước, mà làm vẫn hợp pháp độ; tuy không ai can gián, mà vẫn đúng lẽ phải, thế là thực hành đạo thuần thực vững chắc. Làm khuôn phép cho vợ rồi cho cả anh em, suy rộng đến quốc gia; đây là sự thực tu thân tề gia. Học hai vị Quắc công(1), mưu tính với Nam cung(2), phòng văn Sần quân(3) đây là sự thực tôn người hiền, kính đại thần vậy. Dem lòng ơn huệ hòa nhã để trị dân, đem lòng vui vẻ bình dị để tác thành nhân tài; thương yêu bảo vệ nhân dân,

chăm nom chu cấp người góa vợ, góa chồng; rèn luyện người lớn dạy dỗ trẻ em. Nào nhân, nào hiếu, nào kính, nào từ, nào tín, không có gì là không cực kỳ chí thiện. Đức sáng ấy thấu đến trời. Văn vương được mệnh trời, nên các việc triều cận, ngục tụng(4) ở đâu dân cũng hướng về Văn vương. Than ôi! Kinh Thư khen "đức sáng của vua Văn vương như mặt trời mặt trăng chiếu xuống sáng cả bốn phương, rõ ràng nhất là ở vùng lãnh thổ phía tây(5)" há phải do tích lũy một ngày mà được thế đâu?

Chú thích

- (1)*Hai Quốc công*: Quốc Trọng và Quốc Thúc, hai công thần của nhà Chu.
- (2)*Nam cung* tức là Nam Cung Quát, một trong 10 người bầy tôi đẹp loạn của nhà Chu.
- (3)*Sân quân*: chỉ Y Doãn, trước khi ra giúp nhà Chu, thì làm ruộng ở đất Sân.
- (4)*Triều Cận, Ngục tụng*: Triều Cận là chư hầu đến yết kiến Thiên tử. Ngục tụng là những việc kiện cáo to hay nhỏ.
- (5) Nguyên văn *Tây thổ* (khu vực phía Tây), tức là nước của Văn vương ở vùng núi Kỳ Sơn rộng có 100 dặm.

30. MỤC THỊ (1)

30-1. Thiên Mục Thệ có chép tới ba chức quan tư đồ, tư mã, tư không. Thái truyện(2) cho là Vũ vương khi ấy còn làm chư hầu, cho nên chưa có đủ sáu quan khanh(3).

Ngu này thấy(4): sáu quan khanh đầu tiên thấy chép ở sách Chu quan (5), trong có tên 2 chức chung tể, tông bá, trước đây chưa thấy: có thể là đến nhà Chu mới đặt chức quan ấy. Thiên Khúc Lễ chép Thiên tử đặt thiên quan(6) trước có lục thái(7) rồi mới có ngu quan(8), lục phù(9), lục công(10). Trịnh Khang Thành [Trịnh Huyền] cho đây là quan chế nhà Ân, nay không có cách nào để khảo chứng. Khang Thành là đại nho, có khi có chứng cứ. Ông Cơ tử trình bày Cửu trù(11) cũng có nói: "Tư không, tư đồ, tư khấu", như vậy không rõ có phải thời nhà Thương chỉ đặt ba quan khanh ấy hay không. Duy có Y Doãn làm chức a hành, Phó Duyệt làm tướng, thấy chép ở Tả truyện. Cùng việc Chu hầu, Cửu hầu, Ngạc hầu(12) làm tam công(13), thấy chép ở Sử, đều không từng thấy nhà Thương có sáu quan khanh; như thế thì việc cho rằng thiên tử có sáu quan khanh, chư hầu có ba quan khanh là chế độ nhà Chu sau khi lấy được cả thiên hạ, chứ không phải Vũ Vương còn theo chế độ cũ nhà Ân mà không dám đặt đủ sáu quan khanh ấy.

Chú thích

- (1) *Mục thế*: Tên một thiên ở Chu Thư; thế thế. Thiên này ghi chép việc Vũ vương, khi đánh vua Trụ, thế quân ở Mục Dã, nên đặt tên là Mục Thế.
- (2) *Thái truyện*: xem 6-5 et 4.
- (3) *Sáu quan khanh*: Chung tể, tư đồ, tông bá, tư mã, tư khấu, tư không.
- (4) *Ngu ân* (Tôi nhận định): lời tự xưng khiêm tốn của Lê Quý Đôn.

- (5) *Chu quan*: tên sách, tức là sách Chu lễ, do Chu công làm, quy định quan chế của nhà Chu.
- (6) *Thiên Quan*: tên chức quan, tức là quan Chung tế, đứng đầu cả bách quan.
- (7) *Lục Thái*: sáu chức quan to: thái tổ, thái tông, thái sử, thái chức, thái sĩ, thái bộc (chế độ nhà Ân).
- (8) *Ngũ quan*: năm chức quan: Tư đồ, tư mã, tư không, tư sĩ, tư khấu.
- (9) *Lục phủ*: sáu chức quan giữ sáu thứ thuế ở sáu thứ kho tàng: Tư thổ, tư mộc, tư thúy, tư thảo, tư khí, tư hóa.
- (10) *Lục công*: sáu chức quan có tài năng chế tạo khí dụng thổ công, kim công, thạch công, mộc công, thủ công, thảo công.
- (11) *Cơ tử trình bày cửu trù*: Cơ tử, người họ vua Trụ, làm thái sư. Sau vua Vũ vương đã đánh được nhà Thương, hỏi ông về đạo trời; ông làm thiên Hồng Phạm, trình bày 9 phạm trù.
- (12) *Chu hầu, Cửu hầu, Ngọc hầu*: tên 3 vua chu hầu làm quan tam công cho vua Trụ. Chu hầu là Tây Bá Vương (Văn vương), Cửu hầu tức là Quý hầu.
- (13) *Tam công*: Thái sư, thái phó, thái bảo (xem 2-15, et 7).

30-2. Tám nước Dung, Thục, Khương, Mâu, Vy, Lô, Bành, Bộc, đều là nước mọi rợ ở tây nam, cách đô ấp nhà Chu rất xa, Vũ vương trung bình tám nước ấy để làm quân tiên phong đã chọn lựa. Tà truyện nói: "Người nước Dung đem các mọi rợ để làm phản nước Sở"(1). Lại nói: "Quân nước La và quân nước Lô đánh nước Sở, quân Sở thua to". Lại nói: [Khi đánh nước Giáo] quân nước Sở chia một phần sang sông Bành để đánh nước Bành"(2). Lại nói: "Quân trăm rợ Bộc, lý tán xa nhà, sẽ ai nấy đều chạy về ấp của nó"(3). Quốc Ngữ nói: "Vua Phần Mạo nước Sở bấy giờ mới mở rộng đất đai ở nước Bộc". Sử ký

chép: " Nước Tần đánh nước Thục, lấy được xứ ấy càng trở nên giàu mạnh thêm, coi khinh các chư hầu. Cao Tổ nhà Hán đem quân Ba Thục, Khương Tần đánh diệt nhà Tần và nước Sở, về sau nhạc [phủ] có điệu múa Ba Du(4). Vậy thì có thể biết người ở nước này dũng mãnh thiện chiến. Cho nên người nước Sở lấy được các nước này thì giành được địa vị bá chủ ở Trung Nguyên, Hán Cao Tổ dùng quân các nước này thì bình định được thiên hạ, các nước này hùng mạnh không phải chỉ giúp nhà Chu thành công trong trận Mạt Dã mà thôi.

Chú thích

- (1) Câu này ở *Tả truyện Văn công* năm thứ 16.
- (2) Câu này ở *Tả truyện Hoàn công* năm thứ 12.
- (3) Câu này ở *Tả truyện Văn công* năm thứ 16.
- (4) *Nhạc phủ có điệu múa Ba Du*: người nước Ba Du dũng mãnh, thích hát múa, Cao Tổ dùng họ, đánh được nhà Tần, sai Nhạc phủ tập điệu múa ấy gọi là "Ba Du vũ". Trước đây khi Vũ vương đánh vua Trụ, cũng đã có dùng điệu múa Ba Du.

30-3. [Thời vua Trụ] những kẻ có nhiều tội ác ở bốn phương trốn tránh đến, được tin, được dùng, được làm quan đại phu, quan khanh, quan sĩ; như thế đối với lễ phải thực là trái ngược hẳn. Những kẻ ấy có tội với vua nước họ, mà tới đây, chẳng những vua Trụ không trị tội, lại còn thu dùng như thế, thì lấy tư cách gì mà làm chúa tể các nước chư hầu nữa?

"Làm chúa trùm những kẻ có tội ác trốn tránh"(1), vua Trụ làm cho thiên hạ sôi sục căm giận mình, chính là vì thế. "Kẻ có tội trốn tránh đến, tìm bắt cho sạch"(2), Văn vương nhà Chu sở dĩ được lòng thiên hạ chính là nhờ thế. Vua nhà Lương nhận Hầu Cảnh đầu hàng(3), bị nước Ngụy ghét, vua nhà Trần nhận Tiêu Nham đầu hàng(4), bị vua nhà Tùy đánh; nước Liêu thu nhận A Sơ(5), nhà Tống thu dụng Trương Xác(6), đều bị nước Kim đánh cho cả. Gây mối oán thù, chọc chột tức giận, chuốc lấy binh đao, làm cho giặc cướp đến, đều là do chúa chấp kẻ có tội ác trốn tránh đến cả. Còn như Cao Tổ nhà Hán cùng đám anh hùng tranh nhau thiên hạ của nhà Tần, ông chiêu tập những người trốn tránh, thu nhận những người phản nghịch ở các nơi, thì tình hình lại khác hẳn với các việc trên đây.

Chú thích

- (1) Câu này ở thiên Mục thế đây.
- (2) Cả câu này là lời pháp chế của Chu Văn vương lập ra (*Td truyện, Chiêu công năm thứ 7*).
- (3) *Hầu Cảnh*: xem ở 3-4, ct 1.
- (4) *Tiêu Nham*: Nham làm quan thượng thư lệnh với nhà Bắc Chu, y đầu hàng nhà Trần, được cho làm thứ sử ở châu Dương, sau bị nhà Tùy giết.
- (5) *A sơ*: chưa rõ.
- (6) *Trương Xác*: chưa rõ.

31. VŨ THÀNH

31-1. Kinh Dịch nói: "lấy gì để tụ tập nhân dân? Trả lời rằng: lấy tiền của"(1). Tiền của nên phân tán ở nhân dân, không nên chuyên giữ ở mình. Tiền của ở Lộc Đài, thóc gạo ở Cự Kiều mà vua Trụ tích trữ, là đầu mối làm cho dân oán hận và chi tiền cho Chu Vũ vương sắm tiền thóc lấy phân phát để được lòng dân(2). Đến lúc này mới biết câu "Ông cha nhà nguoi"(3) không tích trữ hoa lợi"(4), thật đáng noi theo; mà lời răn "Tham lam tiền của, nước nhất định mất"(5) chứng nghiệm thật rõ ràng. Đời sau còn có những ông vua tích trữ tiền của ở Tây Viên, như Linh Đế nhà Hán; tích trữ thóc gạo ở Lạc Khẩu, như Dạng Đế nhà Tùy. Máu mỡ của dân(6) đã kiệt hết rồi, mà vẫn vơ vét không chán, thì thật cũng ngu dại quá chừng!

Chú thích

- (1) Câu này ở Hệ từ hạ truyện, chương 1.
- (2) *Chu Vũ vương phân phát tiền thóc*: sau khi diệt xong vua Trụ, Vũ vương phân phát tiền của ở Lộc Đài, thóc gạo ở Cự Kiều cho dân chúng, dân chúng vui lòng và cảm phục.
- (3) "*Ông cha nhà nguoi*": tức là chỉ vua Thành Thang, thân phụ của Thái Giáp. Đây trích lời Y Doãn nói với vua Thái Giáp ở thiên *Thái Giáp thượng*.
- (4) *Không tích trữ hoa lợi*: câu này là lời Trọng Hỷ kể đức tính vua Thành Thang, ở thiên *Trọng Hỷ chi cáo*.
- (5) Lời răn này ở thiên Y huấn.
- (6) *Máu mỡ của dân*: nghĩa bóng là tiền của, thành quả lao động, mồ hôi nước mắt của dân.

31-2. Chế độ về đóng góp quân phú(1) của nhà Chu như sau: một "khâu"(2) 16 "tĩnh"(3) nộp 1 con ngựa trận, 3 con trâu; 4 "khâu" là một "điện" nộp 12 con ngựa trận, 12 con trâu, 1 cỗ xe trận; khi có việc quân thì trưng tập sử dụng; đây là số trâu ngựa chăn nuôi ở dân gian. Quan "hiệu nhân" giữ việc trông nom số ngựa nhà vua; Thiên tử có 12 sở nuôi ngựa, 6 tàu ngựa, cộng 3400 con. Tất cả số ngựa dùng về quân sự thì đem phân phát ở các quan phủ và các quan khanh, đại phu cùng các trại binh: Quan "ngưu nhân" giữ việc chăn nuôi trâu công của nhà nước; tất cả số trâu được dùng vào việc chuyên chở quân đến nơi tập kết, để kéo xe trận, để vận tải quân nhu khi giới hành quân. Đây là số trâu ngựa do nhà nước chăn nuôi. Có quan "mục sư" giữ việc trông nom những khu đất chăn ngựa. Lại nói: "Cánh đồng chăn trâu ở khu đất Viễn Giao"(4).

Tôi trộm nghĩ: Phía nam núi Hoa Sơn và cánh đồng Đào Lâm có nước trong, cỏ tốt, đất màu mỡ, chính là nơi ngày thường chăn nuôi trâu ngựa, Vũ vương đương khi đánh nhà Thương, huy động hết số trâu ngựa công ấy để dùng vào việc chinh chiến. Đến bấy giờ thành công, kéo quân về đến ấp Phong(5) Vũ vương mới ra lệnh cho tạm thời thả tất cả số trâu ngựa ấy về nơi chăn nuôi cũ. Cứ xem xét sách chép một chữ "quy"(6) thì rõ. Dẫu lại có lý đem số trâu ngựa của các khâu các điện trong dân gian mà thả đi hết bao giờ, cũng không có lý nào đem hết số trâu ngựa công thả tàn mất ở rừng núi, rồi lại tìm trâu ngựa khác để đưa vào chuồng nuôi

[để thường trực]. Địa điểm chấn trâu ngựa không phải chỉ có một nơi; nay trước hết nuôi thả trâu ngựa ra phía nam núi Hoa Sơn và cánh đồng Đào Lâm đây là vì khoảng đất ở núi Hoa Sơn và sông Đồng Thủy là con đường mà các chư hầu vào cửa quan thường đi qua. Vũ vương muốn tỏ cho thiên hạ biết [nay đã giết quân tàn bạo, dẹp xong loạn] không phải lại dùng trâu vận tải, ngựa ra trận nữa.

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Quần phú*: số tài vật khí cụ của dân đóng góp để dùng vào việc quân.
- (2) *Khâu*: bốn ấp là một khâu, mỗi ấp có 4 tỉnh, mỗi tỉnh có 8 nhà. Vậy thì 128 nhà là 1 khâu.
- (3) *Tỉnh*: 900 mẫu ruộng là một tỉnh, chung quanh 8 khu, mỗi khu 100 mẫu, có một nhà nông ở để cày cấy cho mình, ở giữa là 100 mẫu ruộng công, 8 nhà nông hợp sức cày cấy hoa lợi nộp nhà nước.
- (4) *Viễn giao*: khu đất cách thành nhà vua 100 dặm gọi là giao, viễn là xa, tức là cõi đất xa ngoài 100 dặm.
- (5) *Phong*: tức là ấp Phong, độ ấp cũ của nhà Chu.
- (6) Chữ "Quy" nghĩa là về, cho về. Kinh Thư, thiên này có câu "quy mã vu Hoa Sơn chi nam, phóng ngư vu Đào Lâm chi dã" nghĩa là thả ngựa về phía nam núi Hoa Sơn, thả trâu ở cánh đồng Đào Lâm.

31-3. Sau khi Chu Vũ vương đánh được nhà Thương, thiên hạ thái bình. Các quan ở cõi diện(1), các vua chư hầu ở cõi hầu(2) đều bôn tẩu để cảm tế khí [giúp việc tế tự]. Các quan là con cháu nhà Ân

trước, tươi đẹp nhanh nhẹn đi rót rượu xuống đất để cầu thần giáng xuống(3). Nhân tình thần thiết phục từng đã không có ai dám không chịu thần phục nhà Chu cả, về sau Tam Thúc(4) phao tin xằng bậy(5) trước tiên, làm cho dân nhà Thương bạo động. Vũ Canh(7) mới muốn nổi lại nền thống trị nhà Thương đã bị diệt vong, mà nói rằng "Ta sẽ khôi phục cơ nghiệp nhà Thương(8). Thế nhưng đi theo Vũ Canh lại chỉ có vua nước Yên, còn 3 vua nước Từ Nhung, nước Hoài Di chỉ ở xa hưởng ứng mà thôi. Còn các nước chư hầu phương đông cùng tôn thất nhà Ân vẫn quy phục nhà Chu như thường. Cho nên Chu công đông chinh(9) một lần thì dẹp yên được ngay.

Dời dân đến ấp mới có nhiều lời giáo huấn dụ bảo, đây là cách khu xử đương nhiên như thế. Tiên nho cho rằng: "Tục dân nhà Thương ngang ngạnh, dễ mê hoặc, khó hiểu dụ, coi nhà Chu là kẻ thù, không chịu theo ngay". Nói thế là nhằm. Nếu dân nhà Ân quả thật nhớ mãi đức trạch của tiên vương nhà Ân, không chịu theo ngay nhà Chu, thì dân trong 7 họ mà Vũ vương đem chia cho Khang thúc(10) cũng đều là dân nhà Ân cả, sao cứ ở yên tại Muội bang(11) mà chẳng biến động tí nào cả?

Chú thích

(1) và (2) *Điện phục, hầu phục*: xem 6-9, et 1.

(3) *Rót rượu xuống đất để giáng thần*: khi tế, thấp hương xong, rót rượu xuống đất trước hương án, có ý cầu mong thần giáng xuống để hưởng tế lễ.

- (4) *Tam thúc*: Quân Thúc tên là Tiên, anh Chu Công, Thái Thúc tên là Đồ, Hoắc Thúc tên là Xứ, đều là em Chu Công.
- (5) *Lưu ngôn*: câu nói bịa đặt, không có căn cứ, lưu truyền đi như nước chảy, làm cho người nghe mê hoặc.
- (6) *Xuẩn động*: bạo động ngu dại.
- (7) *Vũ Canh*: con vua Trụ nhà Thương, Vũ vương đánh được nhà Thương, phong cho Vũ Canh ở đất Ân cũ để thờ tự nhà Thương, mà sai Tam thúc giám thị. Sau Vũ Canh cùng Tam Thúc làm loạn. Chu Công dẹp yên ngay.
- (8) Câu này ở thiên Đại cáo Chu Thư.
- (9) *Đổng chinh*: đi sang phía đông đánh Tam Thúc và Vũ Canh.
- (10) *Khang thúc*: con Văn vương, em Vũ vương được phong làm Vệ hầu.
- (11) *Mười bang*: đô ấp cũ của nhà Ân, thuộc đất nước Vệ của Khang thúc được phong.
- Phụ chú*: Trong bài này, chỗ nói Thương, chỗ nói Ân, vì ông Tiết (tổ nhà Thương) được phong ở đất Thương, sau vua Thang đánh được nhà Hạ, thì quốc hiệu gọi là Thương; sau này Bàn Canh thiên đô đến đất nhà Ân, đổi quốc hiệu là Ân, cho nên khi gọi là Thương, khi gọi là Ân, hay gọi gộp là Ân - Thương, vẫn chỉ là tên một triều đại.

31-4. Kinh Thi nói: "Thật mới bắt đầu cắt diệt dân nhà Thương" (1) Tiên nho đời sau nhiều người biện luận cho là Thái vương [là ông tổ nhà Chu] sống vào thời vua Tổ Giáp thì đạo nhà Ân còn thịnh, đâu lại có chí cắt diệt nhà Thương. Ngu này cho rằng Thái vương tránh rợ Dịch (2) từ đất Mân, dời đô đến núi Kỳ Sơn, *nhân dân theo về nơi ông đông gấp năm khi*

trước, nhân đó thành một nước lớn. Đồng thời, các chư hầu ở biên giới phía tây như rợ Nhung, rợ Khương, không ai là không phục tùng. Thế thì có khác gì cắt cảnh bẽ lá đối với nhà Thương.

Kinh Thi nói: "Này nước Kinh sở (3), các người ở phía nam nước ta, (người khác cũng biết) Trước đây đời vua Thành Thang, ngay những nước di dịch ở xa như nước Chi, nước Khương cũng chẳng ai dám không lại châu vua. Họ tự nói rằng: "Đây là theo phép thường của nhà Thương" (4). Thế mà nhà Chu thu phục được hết các nước ấy để làm kẻ phục dịch. Thái Bá (5) đi đến nước Kinh, thì dân man di nước Kinh suy tôn ông làm vua. Khi Vũ vương đánh vua Trụ, nước Khương, nước Mân đều đến họp, các nước ấy quy phục nhà Chu kể đã lâu, không phải một ngày vậy. Thế chẳng phải cắt xén nhà Thương là gì? Kinh Thu nói: "Thái vương bắt đầu xây dựng vương nghiệp" (6), thấy rõ được cơ nghiệp nhà Chu, từ Thái vương sáng tạo ra trước, vì thế Vũ vương mới truy tôn vương hiệu (7).

Chú thích

- (1) Câu này ở thiên Bí Cung Lỗ Tụng, Kinh Thi.
- (2) *Tránh nạn rợ Dịch*: ông Cổ công Bàn phủ (Thái vương) ở đất Mân, bị rợ Dịch xâm lăng, hết cách đối phó không được, bắt buộc phải dời đô đến Kỳ Sơn.
- (3) *Kinh Sở*: nước Sở ở châu Kinh cho nên cũng gọi là Kinh Sở.
- (4) Cả chương này ở thiên Ân vũ, Thương tụng, Kinh Thi.
- (5) *Thái Bá*: con trưởng của Thái vương, tổ nhà Chu, có con thứ hai là Trọng Ung, em út là Quý Lịch, Quý Lịch là người hiền lại có con là Xương là bậc thánh. Thái vương muốn lập Quý Lịch làm

vua để sau này truyền ngôi cho Xương. Bấy giờ Thái Bá cùng Trọng Ung nhường cho em, lánh đến đất Kinh Man. Người Kinh Man cảm phục Thái Bá là người hiếu và nhân, bèn tôn làm vua.

(6) Câu này ở thiên Vũ thành dầy.

(7) *Vũ vương truy tôn vương hiệu*: Vũ vương khi đã diệt nhà Thương lấy được cả thiên hạ, truy tôn ông Cổ Công Đán phủ gọi là Thái vương.

31-5. Tước phong có năm bậc (1), thời nhà Đường nhà Ngu đã có rồi, nhưng đời đế, đời vương khi theo nguyên, khi thay đổi khác nhau, danh hiệu ấy nay không khảo cứu vào đâu được. Hạ thư có chỗ nói chữ "thái" (2), nói chữ "nam bang" (3), nói chữ "chư hầu". Lại có tước bá nước Cát (4) là chư hầu. Nhà Thương có Cửu hầu, Ngạc hầu, Sào bá, Sùng hầu, Vi tử, Cơ tử; còn các tước khác đều gọi bằng tử chi họ, hoặc gọi bằng tên chỗ ở. Đến đời nhà Chu mới định ra làm 5 tước: công, hầu, bá, tử, nam; danh phận, lễ nghi, trật tự, thật là rõ ràng. Nhà Hạ, nhà Thương không phong tước cho người cùng họ, như 5 con vua Khải, cùng ở kinh ấp với vua. Vô Dư (5) ở nước Việt làm quân trưởng đám man di. Vi tử, Cơ tử cũng chỉ là tước tử, coi nước nhỏ. Vi Trọng, Ti Can đều không có đất phong (6); thế là các nước làm phen giậu bảo vệ nhà vua có ít và yếu ớt. Vũ vương và Chu công lấy sự tệ hại ấy làm răn, cho nên phong hầu kiến ấp cho các tôn thất để làm phen giậu bảo vệ nhà vua. Nhưng không thể đem thiên hạ làm của riêng cho thân thích nhà mình. Trước

hết phải phong cho con cháu đời sau của tiên thánh, tiên hiền cùng những công thần mưu sĩ, thế chính là đại nghĩa của việc sùng đức báo công (7) vậy.

Chú thích

- (1) *Năm bắc*: không rõ, tác giả cũng đã nói không khảo cứu vào đâu được.
- (2) *Thái*: tức là thái ấp, đất ăn lộc của các quan khanh, đại phu.
- (3) *Nam bang*: nước nhỏ của tước nam.
- (4) *Tước bá nước Cát*: tức là Cát Bá (xem 27-2, c13).
- (5) *Vô Dư*: con vua Thiệu Khang nhà Hạ.
- (6) Nguyên văn *Mao thổ*: có tranh và đất đời cổ, vua thiên tử đắp đất ngũ sắc làm nền xã. Khi phong cho một nước chư hầu ở phương nào, thì lấy tảng đất có màu sắc và hướng ấy ở nền xã, dùng cỏ mao trắng bọc lại, ban cho để đem về nước lập nền xã, đó là lễ nghi tượng trưng trong việc "phong đất".
- (7) *Sùng đức báo công*: tôn trọng người có đức, báo đền người có công.

31-6. Lời hệ từ (1) của Chu công về hào thượng lục quẻ Sư (2) trong Kinh Dịch có nói: "Mở cơ đồ nước, nối cơ nghiệp nhà, chớ dùng kẻ tiểu nhân" (3), thiên Vũ Thành Kinh Thư trước hết nói việc phong tước, chia đất (4), rồi nói chỉ có người hiền tài mới được làm quan, mới cho chức tước. Xem thế biết được tất phải là người hiền tài mới sai làm chư hầu đại phu.

Chú thích

- (1) *Hệ từ*: lời giải thích rõ ý nghĩa của từng quẻ trong Kinh Dịch. Tương truyền phần Hệ từ do Chu công làm.

- (2) *Hào thượng lục của quẻ Sư*: tức là hào âm ở trên cùng của quẻ Sư.
- (3) Ý câu này nói, tiểu nhân có công chỉ nên thưởng công, không nên tin dùng trao cho chức quan.
- (4) *Phong tước chia đất*: tước phong có 5 bậc: công, hầu, bá, tử, nam; chia đất để lập nước có 3 hạng: tước công, tước hầu được 100 dặm, tước bá được 70 dặm, tước tử, tước nam được 50 dặm.

31-7. Nhà Chu tuy lấy việc thân yêu họ hàng làm trọng, nhưng dùng làm quan nhất định phải kén người tài hiền, cho giữ chức sự nhất định phải chọn người tài năng. Những người cùng trong họ nhà vua được dùng bấy giờ đều là người kén chọn theo lối cộng đồng tuyển cử cả. Thế mà Vũ vương còn để tâm luôn đến việc chọn người, dùng người, là phòng xa sự tệ hại: đời sau cứ đời đời truyền nối làm quan khanh. Đại khái quan tư, chức sự, không câu nệ gì kẻ thân người sơ, chỉ cốt dùng được người hiền tài.

Văn vương đầu tiên tác thành nhân tài, tiếp đó xét rõ tâm tính hiền tài, sau lại làm cho hiền tài phát triển hết tài năng. Đương thời bấy giờ, những hiền tài sinh ở nước nhà vua đều được dùng cả; những hiền tài ở bốn phương lại cũng được dùng cả. Những người bung chén ngọc làm trợ tế cho thiên tử (1) đều là người đã được rèn luyện, những người bề tôi tài giỏi chống xâm lăng và phụ tá bên cạnh vua, đều là những người đã được nhà vua cảm hóa và họ phấn khởi hăng hái làm việc. Dùng những người ấy làm quan trường bá trị dân, làm một che

đỡ làm thành trì bảo vệ quốc gia, chứ chưa hề câu nệ dùng toàn con cháu nhà thế gia. Vũ vương kế tiếp Văn vương, vẫn noi theo cha, tin dùng các đại thần có đức độ, không dám thay bỏ những công thần có đức nghĩa. Người đại thần dẹp loạn đồng tâm, ba nghìn thần hạ đánh giặc tận lực (2). Đó đều là những kẻ sĩ do Văn vương đào tạo khi trước cả. Mở nước xong rồi chia đất đai, phong cho làm chư hầu, tuy người thân thuộc có nhiều hơn người hiền tài, nhưng các ty, các chức làm những việc cai trị đô ấp, giám sát chư hầu, man di, đều có cả người thân thuộc và người hiền tài. Thêm nữa, tuy là người thân thuộc nhưng phải có tài năng mới được dùng, nếu không phải người hiền tài thì chẳng được làm dự chức vị. Hùng Vật Hiên (3) cho rằng "nhà Chu dùng con cháu đại thần, đều cha truyền con nối, đời đời làm tam công lục khanh; người họ khác ít khi được làm", thế là ông đem những tệ hại quăng giữa đời nhà Chu mà bình luận chung vào khi nhà Chu mới mở nước. Vũ vương kể tội vua Trụ, có nói: "Cứ theo dòng dõi mà cho làm quan" (4) thì Vũ vương khi nào lại chịu đi vào con đường sai lầm của Trụ nữa?

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Phụng chương tá hữu* (Những người bung chén bằng ngọc chương ở bên tả, bên hữu): Thời vua Văn vương, các vua chư hầu đến trợ tế, thì bung chén bằng ngọc chương ở bên tả hữu (Kinh Thi, Đại nhã, bài Vực phúc).
- (2) Câu này là ở Kinh Thi, Đại nhã, bài Miên.

- (3) *Hùng Văn Hiên* tức là Hùng Hòa, tên tự là Khử Phi, tên hiệu là Vật Hiên, người cuối đời Tống, đỗ tiến sĩ, ẩn cư ở núi Vũ Di, giảng học, soạn sách, là một đại nho đời Tống.
- (4) Nguyên văn *Quan nhân dĩ thế*: vua Trụ dùng người làm quan, không kén chọn hiền tài, chỉ hể quý cha anh, thì tin dùng con em.

31-8. Tuy giữ lương tâm (1) rất khoan nhân, nhưng không lấy chữ "nghĩa" (2) để chỉ đạo lương tâm ấy thì không được. Xứ sự tuy có quyết đoán nhưng không lấy chữ "tín" (3) để hoàn thành mọi việc thì không được. Làm cho thiên hạ tâm phục, chỉ có "nghĩa" với "tín" mà thôi. Thiên Vũ thành ghi chép việc cuối cùng trong chính sự của Vũ vương, có nói: "Đôn tín minh nghĩa" (4) thật là câu nói có kiến thức sâu xa lắm thay!

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Tồn tâm*: bền lòng, sẵn lòng, thường giữ được lương tâm.
- (2) *Nghĩa*: xử đúng lẽ phải, đúng mức, không thái quá, không bất cập.
- (3) *Tín*: thành thật, nói không sai lời, làm không man trá.
- (4) *Đôn tín minh nghĩa*: *đôn tín* là dốc lòng giữ đạo "tín", (mọi chính sách đều là thực tâm thực sự); *minh nghĩa* là làm tỏ rõ hay là thực hành đúng khái niệm "nghĩa", (tất cả kỳ cương chế độ đều hợp với nghĩa).

32. HỒNG PHẠM (1)

- 2-1. Cuối đời nhà Thương, người nghiên cứu tinh tường đạo trời, đạo người có hai vị: ở phương tây có Văn vương biết rõ Bát quái (2); ở phương bắc có Cơ từ hiểu rõ Cửu trù (3), đều là ông tổ của Lý học, số học (4) ngàn muôn đời. Vua Trụ chẳng những không biết dùng, mà lại còn bắt giam Văn vương (5) để cho Cơ từ phải đi làm nô lệ (6). Câu nói "hạng vua ngu đại hôn mê, không thể cùng họ nói điều phải" thật chẳng sai tí nào!

Văn vương theo dùng đạo "Dịch", tài đức sáng tỏ cả bốn phương, mà rõ rệt nhất là ở vùng phía tây (7). Cơ từ tuy không được địa vị quý hiển, nhưng truyền đạo cho triều đại mới (8), đủ làm một trợ thủ đắc lực cho vị thiên tử có đức độ. Được phong ở Triều Tiên, ông dạy dân tám điều (9) làm cho dân phương đông có phong tục thuần hậu chất phác. Nền giáo hóa nhân đức hiền từ ấy, hơn ngàn năm sau vẫn không thay đổi. Thế mới hay: người có thực học, thế nào cũng có thực dụng vậy!

Chú thích

- (1) *Hồng Phạm*: tên một thiên ở Chu Thư, thể cáo. Hồng phạm là phép lớn của trời đất. Tương truyền khi trước, vua Đại Vũ di trị thủy, tìm được Lạc Thư (sách ở sông Lạc) do trời cho, bèn dựa vào đó trình bày (mọi tư tưởng về triết học chính trị, đạo đức) thành 9 phạm trù lớn (*tức là Hồng phạm cửu trù*), rồi diễn giải 9 phạm trù đó ra để lưu truyền dạy bảo cho đời sau. Khi Vũ vương đã đánh được nhà Thương, đến hỏi đạo trời ở Cơ từ; Cơ từ đem Cửu trù đó để báo cho Vũ vương. Do đó mới có thiên Hồng phạm này.
- (2) *Bát quái*: 8 quẻ (ở Kinh Dịch) gồm: kiền, đoài, ly, chấn, tốn, khảm,坎, khôn, tương truyền do vua Phục Hy thời cổ vạch ra và

Văn vương diễn giải (Tám quẻ này tượng trưng cho các sự vật và quy luật vận động của vũ trụ).

- (3) *Cửu trử*: xem ở 3-12, ct 4.
- (4) *Lý học, số học*: tức toàn bộ hệ thống triết học, chính trị, đạo đức v.v... của nhà nước.
- (5) *Bất giam Văn vương*: Văn vương khi làm chúc tây bá thời vua Trụ do Sùng Cầu gièm pha, mà bị vua Trụ bắt giam vào ngục Dữu Lý.
- (6) *Cơ tử phải làm nô lệ*: Cơ tử, người cùng họ vua Trụ, làm thái sư. Trụ vô đạo. Cơ tử can gián mãi không nghe, sợ bị hại, ông mới giả điên xỏa tóc đi làm nô lệ.
- (7) *Vùng phía Tây*: tức là khu vực Kỳ Sơn, vùng nước cũ của Văn vương.
- (8) *Triều đại mới*: đây chỉ triều đại nhà Chu mới lên thay nhà Thương.
- (9) *Tám điều*: sách Hậu Hán Đông di truyện có chép "Cơ tử được phong ở Triều Tiên, có dạy dân lễ nghĩa, làm ruộng chăn tằm, lại đặt 8 điều để giáo huấn" nhưng không nói rõ tám điều ấy gồm những gì.

32-2. [Vũ vương nói] "Trời im lặng theo dõi nhân dân, giúp đỡ bảo hộ cho an cư", Thái truyện (1) và các tiên nho chú giải đều cho đây hoàn toàn là việc trời cả. Đến khi vua Thái Tổ nhà Minh (2) sai nho thần làm sách *Thư truyện hội tuyển*, mới định lại nghĩa, cho rằng việc im lặng theo dõi dân chúng thuộc về trời, còn việc giúp đỡ bảo hộ cho an cư là thuộc về vua, nghĩa là vua giúp đỡ đạo trời, làm cho dân được sống yên ổn. Nghĩa này rất đúng. Nhưng chữ "Tướng" với chữ "hộ" cùng nghĩa là giúp (3). Thiên Thái Thệ cũng nói "Trời giúp" nhân dân, đặt ra vua,

đặt ra thầy. Vậy di luân [do vua theo lẽ trời mà dạy dân] cũng là lẽ tự nhiên. Thế thì thuyết của Thái truyện [cho là trời] cũng phải.

Chú thích

(1) *Thái truyện*: xem 6-5, ct 4.

(2) *Thái tổ nhà Minh*: xem 13-6, ct 1.

(3) Câu này có nói chữ "tướng" (相) ở câu "duy thiên tướng hiệp quyết cư", ở thiên này, với chữ "hữu" (有) ở câu "Thiên hữu hạ dân" (ở thiên Thái thệ) nghĩa 2 chữ này đều là "giúp".

32-3. Ông Cồn ngăn chặn làm bế tắc nước lụt, thế là dùng đất để ngăn cản nước; nước nhiều thì đất phải trôi; làm thế là trái đạo trời, mệt sức dân; nhân dân bị chìm ngập, vạn quốc mất cả thứ tự, thế là đạo thường bị bại hoại (1). Đại Vũ nổi nghiệp cha làm việc, thuận theo tính chất của dòng nước mà khai thông cho chảy đi, bấy giờ nguồn nước của các sông trong chín châu không bị bế tắc, bốn nơi cao trong thiên hạ có thể ở yên, ba hạng đất (2) đều cày cấy được, nhân dân mới có thóc gạo ăn, thế là đạo thường chính đốn (3). Trời giận ghét ông Cồn mà phù trợ ông Vũ, cái lý cảm ứng thật rõ ràng vậy. Thời Đông Chu, nước sông Cốc Lạc Đẩu (4) lên, sắp phá hủy cung thất của nhà vua, vua định ngăn nước, rồi lấp lại, thái tử là Tấn hết sức can ngăn, vua cũng không nghe. Về sau, nhà Chu suy nhược, đấy cũng là cái loại Cồn làm bế tắc nước lụt vậy.

Chú thích

- (1) *Đạo thường bại hoại*: làm trái ngược lẽ tự nhiên thì kết quả "đạo thường" hỏng hết.
- (2) *Ba hạng đất*: Đất tùy theo cao thấp, tốt xấu, phân biệt làm 3 hạng thượng, trung, hạ.
- (3) *Đạo thường chính đốn*: Làm thuận theo lẽ tự nhiên, thì "đạo thường" được chỉnh đốn.
- (4) Cốc Lạc Dấu: tên sông.

32-4. Họ Khổng đời Hán (1) nói: chương "Sơ nhất viết ngũ hành" (2) là do Đại Vũ bày đặt ra. Từ câu "nhất ngũ hành" (3) trở xuống là lời Cơ tử diễn giảng. Ngu này cho rằng danh hiệu số mục của cửu trù, nếu Đại Vũ không nói ra thì lấy gì mà truyền đến Cơ tử, đời sau do đâu mà biết "ngũ sự", "bát chính" là sự gì, chính gì? Trộm nghĩ: sau câu "nhất ngũ hành", rồi tiếp đó kê ra danh mục của ngũ hành, nói "một là, hai là v.v...", cũng là nguyên văn của Đại Vũ. Từ câu "Thủy viết thuận hạ" (tính chất của nước là ngấm xuống dưới) trở xuống mới là Cơ tử suy diễn. Còn như ba trù: bát chính (4), ngũ kỳ (5), ngũ phúc, lục cực (6), thì vẫn là nguyên văn của Đại Vũ, mà Cơ tử không suy diễn gì. Trù Ngũ sự (7), từ câu "Mạo viết cung" (về dung mạo phải nên kính cẩn) trở xuống, trù Hoàng cực (8), từ câu "Phàm quyết thứ dân, vô hữu dân bằng" (phàm là thứ dân không được bề dân) trở xuống, trù Tam đức (9), từ câu "Bình khang chính trực" (phải có tính bình tĩnh thì

mới cai trị chính trực được) trở xuống, trừ Kê nghi(40) từ câu "Lập thời nhân tác bốc phệ" (khi tổ chức việc bói rùa và bói cò thi) trở xuống, trừ Thứ trung(41) từ câu "Ngũ già lai bị" (nam việc ấy dù cả) trở xuống, đều là lời Cơ tử diễn giảng. Trên các trừ này, những danh hiệu số mục "một là, hai là v.v..." đều là nguyên văn của Đại Vũ. Đây giống như Phục Hy vạch 64 quẻ, cũng trước hết đặt tên các quẻ là kiền, khôn, v.v... rồi các thánh nhân đời sau mới làm thoán từ (12), hào từ (13), tượng từ (14), không thể có lý chỉ vạch ra quẻ mà không đặt tên quẻ vậy.

Chú thích

- (1) *Họ Khổng đời Hán*: tức là Khổng An Quốc, xem thêm bài 2-6. ct.2.
- (2) *Sơ nhất viết ngũ hành*: trừ thứ nhất là trừ ngũ hành (thủy, hỏa, mộc, kim, thổ).
- (3) *Nhất ngũ hành*: một là ngũ hành.
- (4) *Bát chính*: tên trừ thứ 3. *Bát chính* là: thức ăn, tiền của tế tự, tư không (quan trông nom đất đai cho dân an cư), tư đồ (quan giữ việc giáo dục), tư khấu (quan coi việc hình, trị kẻ gian), tân (công việc giao thiệp đi lại với các chư hầu), sư (công việc binh để trừ tàn bạo)
- (5) *Ngũ kỳ*: tên trừ thứ 4; ngũ kỳ là 5 loại: năm, tháng, ngày, tinh thần (trăng sao), lịch số.
- (6) *Ngũ phúc, lục cực*: tên trừ thứ 9. *Ngũ phúc* là 5 phúc lành: sống được lâu, ăn dùng sung túc, bình an mạnh khỏe, thích làm việc tốt, hưởng trọn tuổi đời. *Lục cực* là 6 cảnh cơ cực: bất đắc kỳ tử hay chết non yếu, ốm đau ưu hoạn, túng thiếu, hung ác, uơm hèn bạc nhược.
- (7) *Ngũ sự*: tên trừ thứ 2, gồm dung mạo, lời nói, sự trông, sự nghe, sự suy nghĩ.

- (8) *Hoàng cực*: tên trù thứ 5. Hoàng cực là tiêu chuẩn do vua xây dựng cực kỳ trung chính để thiên hạ lấy làm khuôn mẫu.
- (9) *Tam đức*: tên trù thứ 6. Tam đức là 3 đức: chính trực, cương, nhu.
- (10) *Kê nghi*: tên trù thứ 7. Kê nghi là có việc gì ngờ, thì dùng bosc phê (bói mai rùa và bói cỏ thi) để khảo sát đoán định.
- (11) *Thứ trưng*: tên trù thứ 8. Thứ trưng là các thứ chứng nghiệm về mưa, nắng, nức, rét, gió.
- (12) *Thoán tử* tức là lời đoán cát hung (lành dữ) của từng quẻ (tương truyền do Văn vương làm).
- (13) *Hào từ*: lời giải nghĩa và đoán lành dữ của từng hào trong mỗi quẻ (tương truyền do Chu công làm).
- (14) *Tượng từ* có đại tượng và tiểu tượng: đại tượng giải thích hình tượng cả một quẻ, tiểu tượng giải nghĩa từng hào.
- (15) *Phụ*: Bản đồ Lạc Thư. Muốn biết rõ Cửu trù ở Hồng phạm, nên nhận kỹ Lạc Thư.

Tương truyền đời cổ khi Đại Vũ trị thủy, có con rùa thần hiện lên ở sông Lạc, trên mai có dấu hiệu các số, từ 1 đến 9 (đầu số 9, chân số 1, bên tả số 3, bên hữu số 7, hai vai số 2, số 4, hai chân số 6, số 8, giữa mai số 5). Đại Vũ dựa theo 9 số ấy xếp đặt làm thành Cửu trù, tức là Hồng phạm Cửu trù do Lạc Thư mà sinh ra.

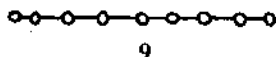
Thực chất kết cấu của Lạc thư là kết cấu các con số trong trò chơi toán học "Hình vuông 9 con số" do con người phát hiện ra. (Các con số từ 1 đến 9 được xếp trong 9 ô của hình vuông, sao cho dù cộng theo chiều dọc, chiều ngang hay cộng chéo ta đều được kết quả là 15 - như hình vẽ trang sau) nhưng thời xưa, do kiến thức ấu trĩ, người ta đã thần thánh hóa phát hiện kỳ dị đó, coi là "trời ban cho".

Lạc thư

Đông Nam
(Tốn)



Nam (Ly)



Tây Nam (Khôn)

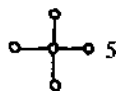


Đông 3
(Chấn)



(Trung ương)

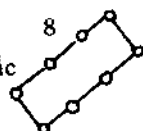
5



7 Tây (Đoài)



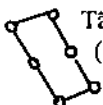
Đông Bắc
(Cấn)



1
Bắc
(Khảm)



6 Tây Bắc
(Kiến)



4	9	2	= 15
3	5	7	= 15
8	1	6	= 15
15	15	15	15

15

32-5. Cửu trù của Đại Vũ và Bát quái của Văn vương phù hợp với nhau vì rằng: số 1 tương ứng với phương "Khảm" (Bắc) số 2 tương ứng với phương "Khôn" (Tây Nam), số 3 tương ứng với phương "Chấn" (Đông), số 4 tương ứng với phương "Tốn" (Đông Nam); số 5 ở trung ương, số 6 tương ứng với phương "Kiến" (Tây Bắc), số 7 tương ứng với phương "Đoài" (Tây), số 8 tương ứng với phương "Cấn" (Đông Bắc), số 9 tương ứng với phương "Ly" (Đông Nam) (1). Đây là bát quái phương vị (2) hậu thiên (3).

Chú thích

- (1) Lấy các con số trong bản đồ Lạc Thư (gồm có 9 con số, tượng trưng cho Cửu trù) gán ghép với 8 hướng, tượng trưng cho Bát quái phương vị thì thấy "phù hợp" (theo quan điểm xưa).
- (2) và (3) Bát quái phương vị là cách sắp xếp 8 quẻ tượng trưng cho 8 hướng theo một trật tự nhất định. Tương truyền: Phục Hy xưa sắp xếp bát quái phương vị theo một cách khác, gọi là "tiên thiên" (cái có trước). Còn Văn vương thì sắp xếp theo trật tự vừa kể trên, đó là cái làm ra về sau, nên gọi là "hậu thiên".

32-6. Hồng phạm nói ngũ hành, không nói âm dương; Chu Dịch nói âm dương, không nói ngũ hành; nhưng cái lý, thực vẫn thông nhau. Sau này Vỹ Thư (1) đầu tiên đem ngũ hành phân phối với bát quái, rồi lại đem ngũ hành phân phối với thập can, thập nhị chi (3), để chia ra cho thuộc vào 6 hào của bát quái. Kinh Phòng (4), Quán Lộ (5), Quách Phác (6) đều theo cách phân phối này; đời sau, người chiêm nghiệm bốc phệ đều học theo ở đây. Vỹ Thư lại đem bát quái phối hợp với Cửu cung (7), lập ra phép tính "Thái nhất du niên" (8). Vì thuyết này tính ra phân dã (phần đất) của chín châu và nói rõ châu nào có tai họa, châu nào được phúc lành, phần nhiều đều chứng nghiệm, nên các triều đại đều lập đền thờ thần Thái Nhất. Cho nên nói rằng: "Hà Đồ, Lạc Thư, cùng làm kinh vĩ cho nhau" (9).

Chú thích

- (1) Vỹ Thư: sách dựa theo nghĩa của "Kinh" để nói về sự báo ứng gọi là "Vỹ", vì vậy có lục kinh, lại có lục vĩ, thực ra đó là sự phụ họa của nho sĩ mê tín đời Hán làm ra, nhưng gán cho Khổng tử làm.

- (2) *Ngũ hành phân phối với bát quái* như sau: Khâm là Thủy, Ly là Hỏa, Chấn, tốn là mộc, Kiền Đoài là kim, Cấn Khôn là thổ.
- (3) *Ngũ hành phân phối với thập can, thập nhị chi*:
- a) *Thập can*: giáp ất là mộc, bính đinh là hỏa, mậu kỷ là thổ, canh tân là kim, nhâm quý là thủy.
- b) *Thập nhị chi*: dần mao là mộc, tị ngọ là hỏa, thân dậu là kim, hợi tý là thủy, thìn tuất Sửu vị là thổ.
- (4) *Kinh phòng*: người đời Tây Hán rất tinh về Chu Dịch, giỏi về biết trước tai biến, cũng vì thế mà bị giết.
- (5) *Quân Lộ*: người nước Ngụy thời Tam Quốc, tên tự là Công Minh, tinh thông về Chu Dịch.
- (6) *Quách Phác*: người đời Đông Tấn tên tự là Cảnh Thuần, học rộng, tài cao, văn chương nổi tiếng đương thời, rất giỏi về thuật âm dương, lịch toán, ngũ hành, bốc phê.
- (7) *Bát quái phối hợp với cửu cung*: Cửu cung (9 cung) là một thuật ngũ về lịch pháp, chỉ vị trí của các nhóm sao trên trời. Các học giả đời Đường đời Tống gán cho mỗi cung một vị thần, mỗi vị coi giữ công việc thủy hạn, tai họa, phúc lành ở một châu. Cung *Thiên bổng tinh* ở Khâm, cung *Thiên nhũ tinh* ở Khôn, cung *Thiên hành tinh* ở Chấn, cung *Thiên phụ tinh* ở Tốn, cung *Thiên cầm tinh* ở trung ương, cung *Thiên tâm tinh* ở Kiền, cung *Thiên trụ tinh* ở Đoài, cung *Thiên nhâm tinh* ở Cấn, cung *Thiên anh tinh* ở Ly.
- (8) *Thái nhất du niên*: sao Thái nhất (tức sao Thái Ất) hàng năm lưu hành đến khu vực nào, thì căn cứ vào đó mà suy ra hạn, lụt, họa phúc ở châu ấy.
- (9) *Kinh*, ví: vốn là thuật ngũ của nghề dệt. *Kinh*: sợi dọc, ví: sợi ngang, sau mở rộng thành các bộ phận cấu thành của một hệ thống, hay cái nọ là *chính* thì cái kia là *phụ* như nghĩa trong bài, hoặc trong thiên văn học hiện đại mượn dùng chỉ các đường tưởng tượng, quy ước chia dọc chia ngang trái đất (là kinh tuyến và vĩ tuyến).

32-7. Trời phân tán "khí", đất hoàn bị "chất", khí chất ấy là ngũ hành. Rồi vạn vật nhờ đó mà thành hình. Người ta bắt thụ khí để thành hình, tu thân để định mệnh (1), thế là ngũ sự, rồi mới *bảo vệ hoàn toàn được khí khí hòa của trời đất*. Người ta sinh ra ở đời, cày cấy, buôn bán, tế lễ, cư xử, ngu dân cần giáo dục, ngang ngạnh cần cấm đoán; thường xuyên là việc giao tế, biến động là việc binh đao; các công việc này đều nhờ có vị vua chấn chỉnh cho chính đáng, thế là bát chính. Do lịch tượng nhật nguyệt, tinh thần (2), *biết được thời vụ, hướng dẫn cho dân biết, dựa theo thời tiết để làm việc, làm việc để nâng cao đời sống, đường lối cho dân sinh sống được cốt ở đây*, thế là ngũ kỳ. Những trù ấy (3) há không phải là đạo thường tự nhiên rõ ràng có thứ tự ư? Vua đứng ở trung tâm thiên hạ, yên định nhân dân bốn bể, vua là người *vâng theo ý trời mà theo dõi nhân dân giúp cho dân an cư*, thì phải giữ lấy đức vô tư (4) của trời, gìn giữ tấm lòng mình cho một mực ngay thẳng (5), *làm cho nhân dân đều theo đạo nghĩa mà không gian tà, để hưởng phúc lành, cùng yên vui cùng sinh dưỡng; Tuyển cử người hiền, tin dùng người tài, sai họ làm quan, cho họ ăn lộc, để cùng làm nên chính sự tốt*, thế là cương vị của hoàng cực.

Tính người thuận nghịch bất thường, cách chế ngự nên theo đạo phải; tính người hoãn cấp có khác nhau, cách sửa trị nên liệu tùy nghi. Người làm vua nên *để phòng quyền hành lọt vào tay thần hạ; kẻ làm tôi nên để phòng sự tiến vượt bề trên*, thế là tam đức.

Việc nước lẽ nào không có việc nghi ngờ, khó giải quyết, tất phải mưu tính với quần thần và dân chúng rồi dùng cách *bói để quyết định*, cầu cho được tốt lành, thế là kê nghi.

Thời tiết lẽ nào không có sự sai lầm bất thường, *vua tất phải tự xét lại bản thân*, đem ngũ sự của mình liên hệ với thời tiết sai trái bất thường thế nào cầu để khỏi sai lầm, thế là thứ trung. Đạo trời thưởng người thiện, phạt người ác, giáng phúc cho người lương thiện, giáng họa cho người dâm loạn. Vua tu sửa đức, cảm hóa dân, tất phải làm cho dân đều được hưởng ngũ phúc mà không rơi vào lục cực. Nhưng ai thiện thì khen thưởng họ bằng ngũ phúc, kẻ ác thì trừng trị bằng lục cực. Thường phạt công minh mới đúng đạo làm vua: thế là phúc cực. Những trù ấy (6) cũng đều là đạo thường tự nhiên có thứ tự vậy. Bốn "trù" trước nói rõ về "thế" là phép thường tự nhiên; bốn trù sau nói rõ về "dụng" là quyền biến tùy thời; một trù ở giữa là trù cốt để chủ trì thống ngự, xếp đặt, chuyển vận cho quán thông cả tám trù kia vậy.

Chú thích

- (1) *Định mệnh*: Định mệnh vốn nghĩa là số mệnh do trời định, không thể di dịch. Đây nói tự mình dụng công tu tính để định lấy số mệnh của mình.
- (2) *Lịch tượng, nhật nguyệt, tinh thần*: Lịch tượng là xem xét mặt trăng mặt trời, các vì sao để định thời tiết; nhật là mặt trời, nguyệt là mặt trăng, tinh là các ngôi sao, thần là nơi mặt trời mặt trăng và trái đất giao hội, cùng đứng trên một đường thẳng.

- (3) *Những trù ấ*: tức là 4 trù ngũ hành, ngũ sự, bát chính, ngũ kỳ, nói ở trên.
- (4) Nguyên văn *Tam vô*: tức là tam vô tu, nghĩa là ba sự không thiên tu, như trời không thiên tu cho riêng một vật nào, đất không thiên tu cho riêng một vật nào, mặt trời, mặt trăng không thiên tu soi sáng cho một chỗ nào. Đoạn này ở *Lễ Ký, Khổng tử nhân cư*. Đây có ý nói vua phải chí công vô tư.
- (5) Nguyên văn *Nhất chính* (một mực ngay thẳng) Lòng vua một khi đã một mực ngay thẳng thì việc dùng người, hành chính, không gì là không ngay thẳng. Đoạn này ở *Mạnh tử Ly lâu thượng*. Đây có ý nói vua phải chính trực.
- (6) *Những trù ấ*: tức là 5 trù nói ở trên: Hoàng cực, tam đức, kẻ nghi, thú trung, ngũ phúc lục cực.

32-8. Dưng mạo phải nên cung kính, lời nói phải nên thuận lễ phải mắt trông phải nên tinh sáng, tai nghe phải nên thấu suốt, tâm nghĩ phải nên tinh vi, đây là đạo tu thân vậy. Ngũ sự (1) là cái trời phú bẩm cho con người. Trí tức là tính. Biết rõ được tính, thì biết được trời. Với tất cả cái tính tốt do trời phú cho, thì hợp với đạo trời (2) vậy.

Chú thích

- (1) *Ngũ sự*: xem 32-4, ct 8.
- (2) *Hợp với đạo trời*: Đoạn này ở phần Thuyết quái trong Kinh Dịch, tức là câu "cùng lý tận tính dĩ chí ư mệnh"

32-9. Dung mạo quan hệ đến uy nghi mẫu mực, cho nên Kinh Thi nói: "Kính cẩn, thận trọng uy nghi, mới có thể làm khuôn phép cho dân chúng"(1). Kinh Thi lại nói: "Ồn tộn êm dịu sắc mặt của người [để tiếp thu lời giáo huấn cẩn dạn] thì mới không đến nỗi có lỗi lầm"(2). Kinh Lễ nói: "Dung mạo nghiêm trang như là đang suy nghĩ"(3).

Lời nói là sự quan hệ như then máy(4), cho nên Kinh Thi nói: "Người quân tử không khinh thường, cứ nói mà không nghĩ"(5). Kinh thi lại nói: "Người nói ra câu gì, thì phải cẩn thận"(6). Kinh Lễ nói: "Lời nói nên cho vững chắc"(7).

Tăng tử nói: "Về cử chỉ, dung mạo, thì nên tránh thói thô bạo, thói khinh nhờn. Nghiêm chỉnh nhan sắc thì mới gần thói "tín thực". Lời nói, giọng nói, nói ra, thì cần tránh những tiếng thô bỉ, những câu vô lý"(8).

Những câu này đều có ý nghĩa là dung mạo phải nên cung kính, lời nói nên theo lẽ phải, [như ở trừ "ngũ sự", trong thiên Hồng phạm này].

Chú thích

(1), (2) và (6): 3 câu này ở thiên Ưc, Đại nhã, Kinh Thi.

(3) và (7): 2 câu này ở thiên Khúc lễ thượng, sách Lễ ký.

(4) *Then máy*: đồ dùng rất lợi hại, dùng đúng lúc đúng chỗ thì tốt, không đúng lúc đúng chỗ thì xấu và có hại; đây ví lời nói của người ta rất lợi hại.

(5) Câu này ở thiên Tiểu biên, Tiểu nhã, Kinh Thi.

(6) và (7) *xem ở trên*.

(8) 3 câu này ở thiên Thái bá, Luận Ngữ.

32-10. Làm vua không thể không mở rộng sự mắt thấy tai nghe cho sáng suốt, cho nên trông xa nghĩ sao cho tỏ tường, nghe điều phải nghĩ sao cho thấu suốt. Nhưng lại không nên cậy thông minh mà dùng hết cả thông minh, cho nên [cái mũ miện vua đội] đằng trước có giải ngọc rủ xuống như là che mắt, hai bên có viền tua bông sắc vàng rủ xuống như là bưng tai [để cho khỏi trông và nghe những chuyện không đâu](1).

Chú thích

(1) Điển này ở Hán Thư và ở bài phú Đồng Kinh của Trương Hành.

32-11. Tâm là chỗ ở của thần minh(1); tâm tư của người thấu suốt trời đất, nắm chắc được muôn vật, thông cảm quý thần, cho nên nói: "Suy nghĩ phải sâu sắc".

Chú thích

(1) *Thần minh*: ở đây chỉ tinh thần của người ta.

32-12. Vua điều khiển chính sự, tất phải căn cứ vào lẽ trời và lòng người. Người ta mỗi ngày không ăn hai bữa thì đói, nên phải chăm làm ruộng, quý thóc gạo để cho có đầy đủ cái ăn. Khuyến dân giao dịch, đem tài hóa ở nơi thừa đến nơi thiếu, bỏ lối tích trữ, thì dân chúng mới đều có thóc gạo ăn, nên đổi công thay việc [cho tiện lợi] để sản xuất nhiều hàng hóa.

Thận trọng việc tống táng cha mẹ, truy niệm tới tổ tiên xa đời; [là để] cầu nguyện điều phúc lành và báo đền công đức; việc tế tự cốt để tỏ lòng kính mến tổ khảo, kính mến quý thần. Do đất lập ấp, đặt ra làng, chia chỗ ở cho nông dân, đây là công việc của quan Tư không cốt để yên định dân cư, lập thành dân sự vậy. Ăn no ngồi rồi, thì phải dạy bảo, cho nên có quan Tư đồ coi việc giáo dục. Trộm cướp gian phi, không thể không cấm đoán, cho nên có quan Tư khấu giữ việc hình phạt. *Lễ quan*, *lễ hôn*, *lễ hương xa*(1) khi triều, khi sinh, khi hội ngộ(2), việc ứng đối thù tạc tân khách không thể bỏ thiếu được. Nghiêm trị những kẻ không theo phép nước để yên định quốc gia thì việc sửa sang chính bị quân sự không thể bỏ phứt. Tất cả các việc ấy(3) đều là đạo người mà thật là đạo trời vậy. Vua chỉ bắt chước đạo trời cẩn thận điều khiển, đặt chế độ, lập kỷ cương, để làm khuôn phép cho thiên hạ mà thôi. *Ngũ hành* là gốc của khí hóa phát sinh(4); *ngũ sự* là chuẩn tắc của động tác lễ nghĩa, uy nghi; *bất chính* là cái lý của nhân luân hàng ngày thường làm. Ba việc ấy(5) đều gọi là "đạo" cả. Tiên nho cho âm dương tính mệnh là *đạo*, cho chính sự là *pháp*, đem phân tách ra làm hai, như thế có được không?

Chú thích

(1) *Lễ quan*, *lễ hôn*, *lễ hương xa*:

a) *Lễ quan* là lễ "đội mũ" dành cho con trai khi lên 20 tuổi (cũng gọi là tuổi "thành nhân"), khi đó người ta đặt tên tự và cho đội mũ (nên gọi là "quan").

b) *Lễ hôn* là lễ kết hôn của nam nữ.

- c) *Lễ hương xa* có 2 thứ: 1) các quan khanh, đại phu, ba năm một lần tiến cử người hiền tài, rồi làm lễ thi bần. 2) các châu huyện hàng năm mùa xuân mùa thu, hội họp nhân dân thi bần.
- (2) *Triều, sinh, hội ngộ*:
- a) Triều là bày tôi hay chư hầu yết kiến vua thiên tử.
 - b) Sinh là vua các chư hầu sai quan đại phu đến thăm nhau.
 - c) Hội ngộ là hội họp giao thiệp với nhau, như hội đồng, hội minh để duy trì hòa bình.
- (3) *Tất cả các việc trên*: thực, hóa, tự, tư không, tư đồ, tư khấu, tân, sự, tức là bất chính.
- (4) *Khí hóa phát sinh*: khí trời đất (âm dương) hóa sinh muôn vật.
- (5) *Ba việc ấy*: ngũ hành, ngũ sự, bất chính.

32-13. Lịch tượng để báo cho người biết khí hậu thời tiết mà làm ăn, để ghi chép phép nhà vua; không biết rõ về năm, bốn mùa, tháng, ngày, thì muôn đời cứ mờ mịt như đêm dài vậy. Cho nên sau "bất chính" thì đặt "ngũ kỳ" tiếp theo, đây là đạo trời, cũng là đạo người vậy.

32-14. Vua ở ngôi chí tôn, dựng ra tiêu chuẩn chí lý. Vua kính cẩn tu thân, kiến lập đạo "trung", làm khuôn phép cho dân chúng; nuôi dân để cho dân đều được thỏa mãn đời sống, dạy dân để cho dân đều theo con đường trung chính, chính sự đều thành tựu, phong hóa lan khắp mọi nơi; việc quân sự, việc hình pháp không phải dùng đến, dân chúng nhân hậu và sống lâu, trong nước phong phú bình yên, thế gọi là "thu lượm năm phúc lành, để ban bố cho dân" [như tru Hoàng cực trong thiên Hồng phạm này nói vậy].

Nhân dân đã được nhờ phúc trạch nhà vua thì việc cày ruộng hay đào giếng, đi làm hay nghỉ ngơi đều thuận theo phép vua(1). Các đồ ăn thức uống cần dùng hằng ngày thảy đều do đức của nhà vua(2). Vua trên cũng được hưởng phúc nhàn hạ ưu du, sống lâu, phúc lớn(3), hưởng lộc trời để giữ ngôi trời, thế gọi là "bấy giờ nhân dân cũng bảo vệ ngôi Hoàng cực, để cho nhà vua lâu dài giữ Hoàng cực" [như trù Hoàng cực trong thiên Hồng phạm này nói vậy]. Lời văn ở đoạn dưới [trù Hoàng cực này] suy rộng ra: ý nói tuyển cử người hiền, thu dụng người tài, giúp người hèn yếu, đề nén kẻ cường bạo, biểu dương người thiện, trừng trị người ác, đem đạo công bằng chính trực chỉ bảo rõ ràng cho thiên hạ, khiến cho dân chúng trong thiên hạ dứt bỏ hẳn lòng thiên tư, phụ họa theo phe cánh, tuân theo con đường đạo nghĩa quang vinh. Bên trên đã thuận được ý trời, thì ngũ hành hợp thứ tự, ngũ khí(4) được điều hòa, và mưa, nắng, nức, rét, gió, không gì là không thuận thời tiết. Bên dưới đã chấn chỉnh được lòng dân, thì ngũ sự(5) tuân theo, ngũ thường(6) mở rộng, và phú, thọ, Khang ninh, không gì là không ứng hợp. Thiên tử làm cha mẹ dân, làm chúa tể cả thiên hạ, có đạo nào hay hơn đạo này(7) nữa.

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Cánh, tạc, tác, tức*: cày ruộng lấy lúa ăn, đào giếng lấy nước uống, mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì về nghỉ. Ý nói được tự do làm ăn (câu này ở bài ca Kịch Nhường trong Đế vương thể ký).
- (2) Câu này ở Kinh Thi, Tiểu nhã, thơ Thiên bảo.

- (3) Tâm chú này ở Thi Đại nhã, thơ Quyền a.
- (4) *Ngũ khí*: khí của 5 phương đông, tây, nam, bắc và trung ương (Sử ký, Ngũ đế ký).
- (5) *Ngũ sự*: xem ở 32-4, ct 8.
- (6) *Ngũ thường*: ở đây tức là ngũ luân: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè. Không nên lẫn với ngũ thường là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.
- (7) *Đạo này*: tức là đạo "kiến cực", nghĩa là lập tiêu chuẩn cực phải.

32-15. Dân chúng không có bề đảng gian tà, quan lại không có thói xấu phe cánh, hết thấy được như thế, là do vua ở trên biết dựng ra tiêu chuẩn cực kỳ chính trực vậy. Cuối đời nhà Ân, bất cứ người lớn người nhỏ đều thích trộm cắp gian phi; thường dân coi nhau như thù hằn, rồi dân phong(1) bại hoại. Các quan khanh sĩ hắt chước nhau làm điều phi pháp, những kẻ có tội ác được dung túng, không bị bắt, rồi phép tắc làm quan(2) hỏng hết. Vua Trụ sở dĩ mất thiên hạ là vì vậy. Cơ tử chính thần đã thấy tệ hại ấy, cho nên nói tường tận cái đạo làm tiêu biểu để chấn chỉnh thần hạ và nhân dân với Vũ vương. Đoạn văn ở bên dưới có nói về "không thiên không lệch" là cùng một ý với đoạn này.

Chú thích

- (1) *Dân phong*: phong tục trong nhân dân.
- (2) Nguyên văn *Quan thường*: chức phận trách nhiệm của người làm quan.

32-16. Hạng người tài năng độ lượng siêu việt xuất chúng thì dễ tâm luôn đến họ mà không quên, hạng người bình thường không có lỗi, cũng thu nhận mà không cự tuyệt, vì rằng có ý định sẽ trước sau thu dụng dần dần. Hạng người bình tĩnh hòa nhã, thích làm việc phải, thủy chung có đức tốt thì ban tước lộc. Đem ba thứ người ấy để phân định nhân cách, thì tất cả người tuần tú ở dân gian đều đặc dụng ở triều nhà vua cả. Trời sinh nhân tài, cốt để cho gánh vác việc đời, đâu lại để cho họ chìm đắm nơi thảo dã, làm mãi việc thấp hèn mà không được hiển đạt. Cho nên người làm bầy tôi, ai che lấp người có tài là không tốt(1), ai cất nhắc người hiền tài thì là theo được đạo hậu thiên(2) vậy.

Vua vâng mệnh trời, dùng người hiền tài, việc cốt yếu chỉ là thu dùng nuôi dưỡng tất cả mọi người có tài năng(3) mà thôi. Những người được dùng ấy [cảm kích phấn khởi] sẽ theo đúng cái tiêu chuẩn rất đúng đắn của vua, y như câu Kinh Thi nói: "Vua Văn vương luôn luôn chăm chỉ tác thành nhân tài, để trị lý bốn phương"(4).

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Tế hiền*: ghen ghét, ngăn trở, dìm người hiền tài, không để cho họ hiển đạt, thì có hại cho quốc gia (Diễn này ở Mạnh tử, thiên Ly Lâu hạ).
- (2) *Đạo hậu thiên*: làm sau trời mà theo đúng lòng trời. Diễn này ở Kinh Dịch, Văn ngôn, quẻ Kiền.
- (3) Nguyên văn *Kiểm thu tịnh súc*: thu nhận và dự trữ tất cả các hạng nhân tài để dùng.
- (4) Câu này ở Kinh Thi, Đại Nhã, bài Vực phước.

32-17. Ác nghiệt đối với dân nghèo khổ cô độc, thì ân trạch không thấm được khắp, cả nể người quyền quý, thì đạo công bằng không thể thực hành, như thế là thất nhân tâm, trái thiên lý vậy.

Tiết này đem cách "dùng phép" mà nói, thì như thời vua Lương Vũ đế(1), thường dân có ai phạm tội, thì già trẻ nhà ấy đều bị tra hỏi giam cầm, còn vương hầu có ai giết người, thì thương khóc rồi tha; dư luận thời bấy giờ cho rằng đối với thường dân thì hà khắc, đối với người quyền quý thì khoan hồng, đó không phải là đạo lâu dài. Đem cách "dùng người" mà nói thì như Ngụy Hiếu văn(2) hạn chế áp bức người hàn vi, chuyên thu dùng con nhà gia thế. Ai là con nhà hèn hạ, thì đời đời phải chịu hèn hạ, ai là dòng dõi quý hiển, thì đời đời cứ được quý hiển. Nhưng cách dùng pháp luật, dùng người của hai vua này đều không phải là đạo Hoàng cực.

Vua Ngụy Thái Vũ(3) thường công không bỏ sót người hèn hạ, phạt tội không kiêng nể người quyền quý. Tống Thái tông(4) trong việc cống cử nhân tài(5), thì gạt bỏ con em nhà thế lực, không để cho cùng tiến lên với người hàn vi. Hai việc này có lẽ hợp với vương đạo chăng?

Chú thích

- (1) Vua Vũ đế nhà Lương ở Nam triều, Trung Quốc (502 - 549).
- (2) Vua Hiếu văn nhà Ngụy ở Bắc triều, Trung Quốc (471 - 504).
- (3) Vua Thái Vũ nhà Ngụy ở Bắc triều, Trung Quốc (424 - 451).
- (4) *Tống Thái tông*: vua Thái tông nhà Tống, họ Triệu tên là Quang Nghĩa, em Tống Thái tổ, làm vua 22 năm (876 - 997).

- (5) *Cống cử*: đòi xua nhân tài do các làng xã tuyển cử, hoặc do chủ hầu cống hiến lên triều đình, đó là hai con đường khác nhau. Đến đời Hán hợp làm một, gọi là cống cử, đời Đường về sau đặt chức quan giữ việc cống cử nhân tài.

32-18. Người làm quan có tài năng, thạo công việc, thì vua làm cho họ phát triển những nét tốt ấy. Đó chính là ngụ cái ý tác thành, biểu dương, và đề bạt nhân tài, và "trăm quan bắt chước nhau làm tốt để phù tá vua Thuấn"(1) "hiền sĩ đông đảo làm yên lòng vua Văn vương"(2), thế chẳng phải là chứng nghiệm nhân tài làm thịnh vượng cho quốc gia ư?

Chú thích

- (1) Điển này ở thiên Cao Dao mô Kinh Thu.
(2) Điển này ở Kinh Thi Đại Nhã, bài Văn vương.

32-19. Dùng làm quan, rồi sau cho ăn lộc; lộc cho người hiền tài chưa được hậu, thì khó lòng buộc họ thanh liêm; lộc cho bừa bãi cả những người xấu, thì chỉ càng làm họ sinh nhiều quái ác, cho nên Cơ tử phải tổng kết về cách dùng người như vậy.

Vũ vương, khi đã đánh được nhà Ân, cho thứ sĩ(1) ăn lộc gấp đôi, không phải là lo cho họ mức sống kém người dân cày(2), chỉ lo những kẻ không có đức tốt có khi lại được làm dự ăn lộc mà thôi.

Chú thích

- (1) *Thức sĩ*: chức quan nhỏ, còn có nghĩa là những kẻ sĩ có đức tốt được làm quan.
(2) Nguyên văn "*Bất túc đại canh*": Kinh Lễ, thiên Vương chế có nói: "Lộc của quan hạ sĩ phải ngang với mức thu nhập của hạng thượng nông phu [nuôi được gia đình] thế là lộc ấy thay vào, không phải cày cấy mà đủ ăn".

32-20. "[Hết thảy thân hạ, dân chúng] chớ thiên tư, chớ đảng phái, [hãy nhìn xem] đạo nhà vua quảng đại lâu dài. Chớ đảng phái, chớ thiên tư, [hãy nhìn xem] đạo nhà vua công bằng giản dị. Chớ giáo giới, chớ phân trác, [hãy nhìn xem] đạo nhà vua chính trực". Đó là đạo Nghiêu Thuấn Vũ Thang Văn Vũ dùng trị thiên hạ vậy. Vương đạo đại khái như thế, bá đạo thì trái ngược lại; nếu muốn phân biệt vương với bá khác nhau thế nào, thì cứ dùng chương này(1) để khảo sát việc làm [của người cai trị] là đủ.

Chú thích

- (1) *Chương này*: chương "Vô thiên vô bi" (không thiên không lệch) ở trù Hoàng cực trong thiên Hồng phạm này.

32-21. Câu "Những mực thước của vua phụ diễn ra lời nói"...(1) là câu tổng quát cả đoạn văn ở trên, để làm lẽ thường(2) phép lớn, đó không phải là lời giáo huấn riêng của vua mà đều là lời giáo huấn của trời. Đạo trời chỉ có "Thành"(3) mà thôi; mặt trời mặt trăng lưu hành có cung độ nhất định (thường độ)

bốn mùa vận hành theo nhịp độ cố định (thường hậu), muôn vật sinh ra, có hình thái nhất định (thường hình), người ta sinh ra vốn có tính tốt (thường tính) thế là "thành" đấy.

Vua thể theo lòng trời, lập ra chính trị, tuyên dương giáo hóa, chấn chỉnh phong tục, tác thành nhân tài, tuyển lựa, quý chuộng(4) người hiền năng, thương người nghèo yếu mà dẹp kẻ cường hào, bồi dưỡng người thiện mà gạt bỏ kẻ ác, hết thầy đều là đạo công bình chính trực, không gì không phải là lẽ thường phép lớn vậy.

Chú thích

- (1) Toàn văn của câu này là: "những mực thước của vua phụ diễn ra lời nói, ấy là lẽ thường của thiên hạ, ấy là lời huấn thị của thiên hạ, không phải lời huấn thị của vua, ấy là lời huấn thị của trời vậy".
- (2) *Thường*: lâu dài (vĩnh viễn.)
- (3) *Thành*: chân thật, thiên chân (thuần nhất.)
- (4) Nguyên văn *Tân hưng*: tuyển lựa người hiền tài mà đối xử như quý khách.

32-22. [Đối xử với kẻ dưới: nếu họ không chống đối] thì dùng đức chính trực, không cần phải "cương", không cần phải "nhu", như vua Thành vương, vua Khang vương giáo huấn cảm hóa dân nhà Ân vậy.

Kẻ nào ngang ngược, không chịu thuận theo lẽ phải, thì dùng đức cương quyết để trị kẻ ấy. Lời Tiểu tượng hào Lục ngũ(1) quẻ Khiêm ở Kinh Dịch

nói: "Dùng việc chinh phạt cũng có lợi, là vì để đánh kẻ không phục tùng", cũng là ý này(2).

Cuối đời Đông Chu, đối đãi các nước chư hầu một cách e nể, dung túng, cuối đời Đường đối đãi các phiên trấn(3) một cách tạm bợ, uy quyền không chấn khởi, kỷ cương không đề cao, hoàn toàn bỏ mất hết phép cai trị bằng tam đức(4).

Chú thích

- (1) *Hào Lục ngũ*: tượng trưng cho địa vị của vua. Quê Khiêm là quê thể hiện rất khoan nhu khiêm nhượng, nhưng lúc cần cương quyết thì vẫn cương quyết.
- (2) *Ý này*: ý dùng đức "cương" ở trừ "tam đức".
- (3) *Phiên trấn*: đời Đường xem ở 22-2, ct 3.)
- (4) *Tam đức* (3 đức) là chính trực, cương, nhu để tùy thời trị dân.

32-23. Chỉ có vua được tác phúc, chỉ có vua được tác oai. Đây là chiếu theo câu "Thượng thì ngũ phúc, phạt thì dùng lục cực"(1) mà nói.

Sách Chu Quan nói vua có tám quyền bính: 1) ban tước [cho sang]; 2) ban lộc [cho giàu]; 3) gạt bỏ [kẻ gian tà]; 4) cất dấy cho [người tài đức]; 5) bảo toàn [người lương thiện]; 6) Giết chết [kẻ hung ác]; 7) [Đáng cho thì] cho; 8) [Không đáng cho nữa thì] đoạt lại. Tà truyện nói: "Giữ được quyền thưởng phạt mới là vua" cũng đều là ý này(2) cả.

Chú thích

- (1) Câu này ở tiết thứ 4 thiên Hồng Phạm.
(2) Ý này: tức là câu "Chỉ có vua được tác phúc (thường) chỉ có vua được tá oai (phạt)."

32-24. "Bầy tôi không được tác phúc, tác oai, ăn đồ ngọc thực"(1) Lời răn này thật sâu xa vậy. không chỉ đến đời sau những triều đại suy nhược, cường thần(2) chuyên quyền tiếm vượt(3) mà vua không chế ngự nổi, như thời Vũ đế nhà Tấn, gia nô của Thạch Sùng(4) đông tới hàng ngàn người đều mặc áo bào gấm, Vương Khải(5) trong tiệc rượu, giết mấy người hầu rượu, Hà Tang(6) bữa ăn hàng ngày tốn phí đến hàng vạn đồng tiền. Thế là trong nước không còn có chính thể gì nữa. [Vua không giữ được quyền thưởng phạt] quan lại nhân đó mới tiếm lạm làm càn, mà phạm pháp; đó đều là duyên cớ cùng bất chước nhau theo thói xấu.

Chú thích

- (1) Ngọc thực: các đồ ăn quý báu kỳ lạ.
(2) cường thần: người bầy tôi có quyền lực lấn át cả vua.
(3) Nguyên văn Tiếm nghi: lộng quyền, làm thay vua.
(4) Thạch sùng: người đời Tấn, làm thứ sử châu Kinh, cho người nhà đi buôn nên rất giàu có, sinh hoạt cực kỳ xa xỉ, về sau bị giết.
(5) Vương Khải: người đời Tấn, làm tướng quân, sống rất xa xỉ, chẳng sợ nề ai, từng thi của với Thạch Sùng.)
(6) Hà Tang: người đời Tấn, làm thái úy, tính xa hoa hào phóng, hàng ngày bữa ăn phí đến hàng vạn đồng tiền, còn rằng: "không có món nào đáng thờ dũa".)

32-25. Câu nói "Bầy tôi không được tác oai, tác phúc" chỉ có công việc trong quân đội là không nên cố chấp câu nói ấy. Vì rằng quan đại tướng nhận mệnh vua, được toàn quyền thống chế từ ngoài cửa ra khốn (1) trở ra; mọi việc thưởng phạt sinh sát, lúc lâm thời được tùy nghi xử đoán, mới có công hiệu. Quyết định trước rồi sau mới tâu vua biết, đấy cũng là theo đạo "quyền" mà vẫn giữ được "kinh" (2).

Chú thích

- (1) *Ngoài cửa khốn*: ngoài quốc đô. Sử Ký, truyện Phùng Đường chép: Đời thượng cổ, khi sai tướng ra trận, vua nói: "Từ cửa khốn vào trong quả nhân này chế ngự, từ cửa khốn ra ngoài, tướng quân chế ngự".
(2) *Quyền*: linh động, *Kinh*: nguyên tắc.

32-26. Sách Chu Lễ chép việc quan thái bốc(1) giữ pháp thức về tam triệu(2), tam dịch(3) đại khái trong nước có những việc phong tước lớn, động binh lớn, thiên đô lớn, lập vua mới, thì mới chiêm bốc. Gọi là "trong nước có việc ngờ lớn, tính đến việc bốc phê" tức là thế.

Chú thích

- (1) *Thái bốc*: quan giữ việc bói rùa, bói cỏ thi.
(2) *Tam triệu* là 3 điềm: ngọc triệu (điềm tốt), ngỗ triệu (điềm xấu), nguyên triệu (điềm xem lại). Triệu là lấy lửa hơ nóng mai con rùa cho có vết nứt ra, theo vết đó mà xem là tốt, xấu, hay phải xem lại.

- (3) *Tam Dịch*: ba thứ Dịch (sách để bói): Liên Sơn là Dịch nhà Hạ, quẻ Cấn ở đầu, Quy Tông là Dịch nhà Thương, quẻ Không ở đầu, Chu Dịch là Dịch nhà Chu, quẻ Kiền ở đầu.

32-27. Trong nước có việc nghi ngờ lớn, tự tâm vua suy tính trước, rồi bàn tính với các quan khanh sĩ, kể đã đủ rồi, lại tất phải bàn định với dân chúng, là vì dân chúng là nguồn gốc mệnh mạch của nước, rất có quan hệ, không thể coi thường bỏ qua được. Sách Chu Lễ chép quan tiểu tư khấu giữ việc vị thứ ở ngoài triều, để triệu tập muôn dân bàn hỏi công việc: một là bàn hỏi việc nguy cấp của nước; hai là bàn hỏi việc thiên đô của nước; ba là bàn hỏi việc lập vua mới. Vua ngồi quay mặt về hướng nam; các hương lão, quan tam công và các quan chân trường đem dân chúng quay mặt hướng bắc; quần thần quan lại chia ban đứng 2 bên, cứ theo thứ tự tiến lên để hỏi. Đó đều là việc lớn trong nước, không việc gì là không cùng dân bàn định, nhất định trước hết phải hợp với dư luận, thỏa hiệp lòng dân, tuy ý kiến có khi khác nhau, cũng cùng nhau phân tích biện bạch, cốt tìm ra lẽ phải, thì việc gì cũng thành công và quốc gia an ninh. Nếu vua chuyên theo ý riêng mình, một mực nghe những người có chức vị, mà để cho dân ca thán rằng: "Con người trắng trẻo ở gần Trạch môn, thật chỉ sinh sự cho ta phục dịch"(1) hoặc như câu: "Kề hay ăn cơm thịt, kiến thức ngu lâu, không thể mưu tính sâu xa cho nước"(2), như thế há lại chẳng hỏng việc ư?

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Trạch môn chi tích, thực hưng ngã dịch*: Con người trắng trẻo đây chỉ vào Hoàng Quốc Phụ. Hoàng Quốc Phụ làm thái tử, nhà ở gần Trạch môn, đang mùa làm ruộng, y bắt dân làm một cái dài cho vua Tống Bình công, nên dân có câu ca than này (diễn này ở Tả truyện Tương công năm thứ 17).
- (2) Nguyên văn *Nhục thực giả bí, vị năng viễn mưu*: "kẻ hay ăn cơm thịt" tức là bọn quan to, bổng lộc nhiều. Đây là câu nói của thường dân nước Lỗ tên là Tào Quê (Tả truyện Trang công năm thứ 10).

32-28. Mưa, nắng, nực, rét, gió là thiên thời không thể không có được, quý ở chỗ hợp thứ tự từng mùa và đúng thời tiết mà thôi; cho nên một khí hậu nào nhiều quá cũng xấu, một khí hậu nào ít quá cũng xấu. [Nếu vua có năm đức tốt là:] nghiêm chỉnh, nề nếp, khôn ngoan, mưu trí, sáng suốt thì mưa, nắng, nực, rét, gió đúng với thời tiết sẽ xảy ra ngay, [nếu vua có năm đức xấu:]phóng đảng, lăm lăm, lừa dối, nóng nảy, ngu muội, thì mưa, nắng, nực, rét, gió trái thời tiết xảy ra ngay. Lấy đó mà suy ra thì cái lý rất là rộng. Thiên Nguyệt lệnh(1) nói: "Mùa xuân mà thời tiết như mùa đông là ứng với đức xấu nào đó, mùa thu mà thời tiết như mùa hạ là ứng với đức xấu nào đó" [Nói thế cũng là ý hay].

Chú thích

- (1) *Nguyệt lệnh*: tên một thiên ở kinh Lễ.

32-29. Đầy trong trời đất đều là khí cả. Núi sông loài người, loài vật, cỏ cây, cầm thú, côn trùng đều là loại hữu hình mà có đủ khí ấy vậy. Khí ấy điều hòa thì là tốt lành, khí ấy ngang trái không hợp thì là quái lạ. Lời nói từ miệng vua nói ra, truyền bá đến dân; việc làm được thực hiện ở nơi gần, và có ảnh hưởng đến phương xa. Nếu lời nói nào cũng phải, chính lệnh nào cũng đúng đắn, thì dân yên, của lắm, trẻ già vui sướng, chim muông của cá cũng yên lành, sông núi quỷ thần không nơi nào không ổn, mà hòa khí đầy rẫy mọi nơi ngay vậy. Vì thế mà mùa xuân không có dương khí sai lầm(1), mùa hạ không có âm khí ảm phục(2), mùa thu không có gió rét lạnh, mùa đông không có mưa rào; bốn mùa thuận thời tiết, trăm thứ lúa được mùa; dân gian nhà nào nhà ấy bình yên. Nếu tiền tệ không có chuẩn đích, trưng cầu ở dân không có hạn định, dân và vật bị quấy nhiễu, trong lòng bực tức oán giận, mọi người đều nguyện rửa, thì khí ngang trái sẽ đầy rẫy, phát ra thành những điềm xấu, mưa gió không phải thời, bốn mùa trái tiết, tai dị xảy ra luôn, trăm thứ lúa mất mùa, ấy là lý cảm ứng tự nhiên vậy.

Chú thích

- (1) *Dương khí sai lầm*: dương khí không đúng, thiếu khí ôn hòa, hoặc rét, hoặc bức.
- (2) *Âm khí ảm phục*: âm khí không lưu hành, thiếu mưa thiếu gió giải nồng.

32-30. Căn cứ vào thời tiết tốt hay xấu vua tự xét công việc mình làm được làm hay hỏng trong một năm, quan khanh quan sĩ tự xét công việc mình làm đúng hay sai trong một tháng, quan sự đoãn tự xét công việc mình làm đúng hay sai trong một ngày. Hàng năm tự xét công việc, hàng tháng hàng ngày tự khảo lại công việc, không phải chỉ căn cứ vào một năm, một tháng, một ngày mà vội đoán ngay điềm tốt điềm xấu. Những điều cần phải đem ra tự xét là những điều gì? Là ngũ sự(1) có tu sửa hay không; dung mạo nên nghiêm trang, ngôn ngữ nên theo lễ phải, xét việc nên tinh vi; đây đều là những việc làm để trở lại thiên tính, giữ đạo làm người(2), vua tôi trên dưới đều nên kính cẩn, giữ công việc ấy.

Vua Thuấn gà gáy đã trở dậy, chăm chăm làm việc thiện. Vua Thang tang tàng sáng đã tu thân, làm cho rất sáng đức tốt, ngồi đợi trời sáng để thực hành. Đế vương không thể không cẩn thận từng ngày. Đây nói tự xét công việc được, hỏng trong một năm là nói đại cương mà thôi. Thường xuyên, phải có đức tốt để giữ ngôi vua, thực hành đạo lâu dài để hóa dục vạn vật; hòa khí nung đúc, tiếng tốt vang lừng; không tích lũy lâu ngày thì làm sao được như vậy. Quan khanh, quan sĩ, quan sự đoãn giữ chức phận để thờ vua trị dân, nên tự xét mình trong mỗi tháng, mỗi ngày, sớm khuya chẳng trễ nải, không làm việc phi pháp, ai nấy đều giữ đạo thường, để hưởng phúc trời. Ngày tháng tích lũy, sự nghiệp rộng lớn, công trạng cao cả, như thế mới có thể có điềm tốt hiện ra, không thể thì sẽ mắc phải điềm xấu.

Câu "Tuế, nguyệt, nhật thời vô dịch"(3) là nói ngũ sự không sai lầm, mà đến được trình độ nghiêm chỉnh, nề nếp khôn ngoan, mưu trí sáng suốt. Câu "Nhật nguyệt tuế thời ký dịch"(4) là nói ngũ sự sai lầm mà có những cái xấu xa như phóng đảng, sai lầm, lừa dối, nóng nảy, mê muội. Được điềm tốt, thời tiết thuận, thì nêu chữ "Tuế"(5) lên trước. Bị điềm xấu, thời tiết trái thì nêu chữ "nhật"(6) lên trước là vì sao? Vì điềm tốt thì quy công vào cho vua, mà điềm xấu thì trách ở bầy tôi vậy. Bầy tôi nên giữ phép thường, thế mà gây bẽ cánh, phản trắc, thiên tư, tác oai tác phúc, tài nào không chuốc lấy thiên tai, mà lại có thể chuyên đổ lỗi cho vua không giữ mẫu mực được?

Chú thích

- (1) *Ngũ sự*: xem ở 32-4, ci 8.
- (2) Nguyên văn *Phục tính tiến hình*: giữ lại được chân tính, và làm người cho ra người, không phải hình dáng người mà tâm địa cầm thú.
- (3) *Tuế, nguyệt, nhật, thời vô dịch*: trong một năm, một tháng, một ngày, các việc nắng, mưa, nức, rét, gió, đều "phải thời" mà không có biến đổi dị thường.
- (4) *Nhật nguyệt tuế thời ký dịch*: trong một ngày, một tháng, một năm, sự nắng, mưa, rét, nức, gió đều trái thời tiết mà đã biến đổi thất thường.
- (5) *Tuế*: tuế thuộc về nhân sự của vua trong một năm.
- (6) *Nhật*: nhật thuộc về nhân sự của quan doãn trong một ngày.

32-31. Thứ dân [ở mặt đất] cũng như sao [la liệt ở trên trời]. Sao mà ưa gió, ưa mưa thì không phải là "chính"(1); không phải ngôi sao nào cũng đều ưa gió, ưa mưa, chỉ có sao Cơ và sao Tất là ưa thôi. Dân cũng thế, không phải ai cũng đều thích thiên tư tà khúc cả đâu, bất quá trong mười phần dân chỉ có ba bốn phần thôi.

Khi mặt trăng trông như đi sát vào sao Cơ sao Tất thì hay gió nhiều, hay mưa nhiều, không hợp thời tiết, thế không phải là "chính". Các quan khanh sĩ đi sát với dân (2), mà để cho dân sai lầm, do phóng đảng ngu mê, cũng không phải là "chính"; đây là việc vua nên xét vậy.

Chú thích

- (1) *Chính*: ở đây chữ chính nghĩa là tốt, ngay thẳng, đúng đắn, trái với tà, xấu, không phải là "chính" đối lập với "phụ".
- (2) Nguyên văn *Khang sĩ nần dân*: các quan khanh sĩ ở sát gần với dân chiều theo ý muốn của dân.

33. LỮ NGAO(1)

33-1 Vua Đại Vũ kinh lý thiên hạ, phía đông lấy Ngung Di, phía tây bình định được Tây Nhung(2), phía nam đến Đào Di (3).

Khuyên bảo vua Thành vương, Chu công có nói "cổ lần lại dấu vết đất đai cũ mà vua Đại Vũ đã mở mang ra ở khắp bốn phương trong thiên hạ, cho đến ngoài bốn bể, để biểu dương công nghiệp rất thịnh của Vũ vương". Câu này Chu Thư có chép rõ: Bấy giờ mới làm cho đường lối đi lại thông suốt đến tận

chín nước di, tám nước man(5). Đây là vua Vũ vương, sau khi nhân đánh được nhà Thương, sai tướng đi kinh lược biên thùy, khai thông đường sá vậy. Phía đông thì nước Cô Trúc thần phục đã lâu. Triều Tiên mới bắt đầu phong là một nước. Nước Túc Thận mới đến cống hiến, phía nam thì vua nước Kinh, nước Ngô là người cùng họ(6), nước Bành, nước Bộc vốn vẫn phục dịch. Sào Bá mới tới châu; nhân dịp các nước ấy thành tâm triều non vượt bể để tới triều cống, mới sai bảo làm công việc tu sửa đường sá.

Đời sau như vua Thái tông nhà Đường đã bình định được Bắc hoang(7), từ các bộ lạc Sắc Lặc đến kinh đô đặt 48 trạm dịch, gọi là con đường Thông tin khả hãn thì cũng giống như ở đây. Thái truyện cho là: "Các nước mọi rợ bốn phương lại châu, đường xá tự nhiên được thông". Lời giải thích ấy không đúng sự thực. Nếu Vũ vương quả thật có ý mở rộng đất đai, cũng là mưu tính sâu xa về trị nước, lo toan lâu dài về yên dân, cần gì phải biện luận về điều ấy?

Chú thích

- (1) *Lữ Ngao*: tên một thiên ở Chu Thu, thể huấn. Thiên này ghi chép việc nước Tây Lữ cống con chó ngao, Thiệu công cho là không nên nhận, làm thư để răn bảo Vũ vương. Nhân thể đặt tên là thiên Lữ Ngao.
- (2) *Tây Nhung*: tên gọi chung các nước "rợ" ở phía tây Trung Quốc.
- (3) *Đáo di*: các nước "rợ" ở hải đảo.
- (4) *Chu Thư*: đây chỉ thiên Lập chính.

(5) *chín nước rợ di, tám nước rợ man*: chữ "chín", chữ "tám" đây là nói số nhiều, có ý chỉ tất cả các nước man, di ở ngoài 9 châu.

(6) Nguyên văn *Đồng tính*: cùng một họ Cơ với Vũ vương.

(7) *Bắc hoang*: các nước xa xôi ngoài biên thùy phía bắc.

33-2. Nước Tây Lữ(1) Cống con chó ngao(2), chó ngao không phải là loại thức ăn vật dùng, chẳng qua chỉ dùng để đem đi săn bắn thôi, nhưng cần nhận làm gì. Vũ vương không phải là người tai mắt ham mê của quý vật lạ ở phương xa, quan thái bảo(3) há lại không biết thế đâu, nhưng e lòng vua quá nhân hậu bao dung, không nỡ làm phật ý người ta mà nhận con chó ngao ấy. Rồi sau các nước ngoài nghe thấy thế lại đua nhau cống hiến. Những vật vô ích, những đồ làm cho người ta ham mê đăng trí, sẽ được đưa tới luôn luôn. Rồi sau sẽ không thể ngăn cản được. Đây, bậc lão thần tha thiết khuyên răn là vì thế.

Chú thích

(1) *Tây Lữ*: tên một nước man di ở phía Tây Trung Quốc.

(2) *Ngao*: loại chó cao to dữ tợn, có thể hiểu ý người sai khiến đánh hơi rất giỏi.

(3) *Thái bảo*: tên quan chức cao cấp trực tiếp phò tá nhà vua, ở đây chỉ Thiệu Công Thích.

33-3. Thức ăn tuy là thứ nên cống hiến, nhưng về phần các nước mọi rợ ở xa, cả đời mới có một lần đến

chầu, đem đến tiến cống cốt để tỏ lòng thành đối với vua, cũng chẳng hại gì, về phần Trung Quốc thì cho là lao khổ và phí tổn.

Vua Thái tổ nhà Hậu Chu(1) sai bãi bớt những thức ăn quý báu do bốn phương cống hiến. Những loại như rượu ngon ở Lương Triết(2), kẹo sữa ở Hồ Nam, măng tươi ở Tương Châu, cá trắng ở sông Giang, sông Hoài đều bãi đi hết. Tờ chiếu của vua Thái tổ có nói: "Sự cung phụng thì để cho một mình trẫm, mà sự phí tổn hại cho cả nhân dân", Tờ chiếu ấy lại nói: "Những thức ăn dâng tiến chúa ở trong kho, thật là thứ vô dụng". Đây đáng gọi là hợp lý câu "Không quý chuộng những vật kỳ lạ".

Chú thích

- (1) *Thái tổ nhà Hậu Chu* (951-954) thuộc đời Ngũ Đại, họ Quách, tên là Uy, giết vua Ấn để đời Hậu Hán, tự lập làm vua.
(2) *Lương Triết*: Triết Giang đồng đạo và Triết Giang tây đạo.

33-4. Câu "Chớ làm tôi tớ cho sự ham mê của tai mắt; say đắm vật quý, dễ mất chí khí"(1), là lời cảnh giới rất khẩn thiết. Quảng giữa lại chêm vào một đoạn "có đức rất tốt, rồi sau mới không có tính khinh nhờn [người dưới]"(2) lời nói ấy tựa hồ vô vị. Nhưng tôi trộm nghĩ: chớ ngạo có thể hiểu ý người, nuôi nó không phải để giữ nhà canh đêm, chẳng qua là để nó quanh quẩn bên thềm nhà như kiểu vua Linh công nước Tấn(3) mà thôi. Quần thần vào

chầu, rất có lễ độ, [để chó ngao đi lại trên thềm]
xem ra rất là bất nhã, đấy gọi là khinh nhờn(4) vậy.

Chú thích

- (1) Câu này là lời Thiệu công khuyên răn Vũ vương.
- (2) Cả đoạn này nói: có đức tốt, sau mới có lòng không khinh nhờn ai. (Khinh nhờn người có tài đức, thì người ta không tận tâm; khinh nhờn dân chúng, thì người ta không tận lực).
- (3) Vua Linh công nước Tấn muốn giết Triệu Thuần, Thuần vội vàng nhảy qua thềm để chạy. Vua Linh Công xuyt cho ngao đuổi bắt, chó ngao cũng vội vàng nhảy qua thềm chạy theo, đuổi ngoạm giữ Triệu Thuần lại.
- (4) *Khinh nhờn*: câu "khinh nhờn" do Thiệu Công nói, tác giả dẫn chuyện vua Tấn Linh Công ở chú thích 3 trên đây để chứng thực cho ý "người không có đức tốt thì hay khinh nhờn người ta" của Thiệu Công là đúng.

33-5. "Loài chim quý báu, loài thú kỳ lạ, chẳng nên nuôi ở trong nước, chẳng quý báu nhưng vật quý ở phương xa, thì người phương xa mới cảm mộ mà đến". Lời giáo huấn này của vị bầy tôi thánh hiền(1) thật là sâu sắc.

Nuôi chó, ngựa, chim, muông, hàng ngày chúng ăn rất tốn, chi dùng không đủ, phải điều động lấy đến thức ăn của các quận huyện ở đó, vua Nhị thế làm mất nhà Tần là vì thế. Vườn tược nhà vua tức là lấy đất ở của dân quốc mà lập ra; chim quý báu, muông thú kỳ lạ nuôi đầy trong vườn, kể có hàng trăm hàng ngàn con. Vua Huy Tông làm mất nhà Tống là vì thế. Vua nước Ngụy sai sứ đi đòi chim trả dục, chim trả cái, con

gà gáy tiếng rất dai, con tê, con tượng, toàn là thú không kê ở điển lệ cống hiến của nước Ngô; bấy giờ Tôn Quyền mới khinh vua nước Ngụy.

Vua nước Liêu sai sứ đi đòi chim cất có tiếng, chim Hải đông thanh(2) ở nước Nữ Trục, yêu sách vô hạn, vua Nữ Trục bấy giờ mới làm phản nước Liêu.

Chú thích

(1) Bấy tới thánh hiền: ở đây chỉ Thiệu công.

(2) Chim Hải đông thanh: một loại chim diều, là giống chim dữ, thân hình to, cánh dài, mỏ quặp, chân có lông phủ kín. Chim này sinh sản ở Liêu Đông. Loại đẹp nhất gọi là Hải đông thanh. Lông nó chế làm áo cừu rất quý. Có sách chép chim cất có tiếng ở bể Đông gọi là Hải đông thanh.

33-6. "Không kiên trì giữ gìn nét nhỏ, kết cục làm hỏng đức lớn". Câu này của thánh nhân, thật là bài thuốc hay cho ngàn đời. Hết thấy kẻ trên người dưới, đều nên để tâm luôn đến câu nói ấy.

Nói về các bậc sĩ quân tử(1), cho đến các quan khanh đại phu, sự cư xử tế vi ở trong khuê môn, sự thù ứng vụn vặt ở nơi hương đảng, khi từ chối, khi nhận, khi lấy, khi cho một vật gì, đi lại giao tiếp, một việc gì nhỏ không cẩn thận, đến nỗi làng nước bêu diếu, thanh nghị(2) chê cười, tiếng xấu không thể rửa sạch. Nhưng việc này ghi chép ở truyện ký, rất rõ ràng đáng lấy làm răn: đầy đều là cái lỗi coi thường nét nhỏ không để ý giữ gìn vậy.

Chú thích

- (1) *Sĩ quân tử*: *Sĩ* là người không có kim, biết phân biệt phải trái; *quân tử* là người có tài có đức. Tóm lại là chỉ tầng lớp thượng lưu trong xã hội.
- (2) *Thanh nghị*: lời nghị luận của hạng người trong sạch.

34. KIM ĐĂNG (1)

34-1. Tục nhà Ân chuộng quý thần, tôn kính tổ khảo, cho nên vua Bàn Canh (khi hiệu dụ thần dân), thường dùng tiếng "Cao hậu" (2) để nói. Chu công cúng tế, cầu khẩn tam vương(3), cũng là cái ý tôn kính tổ khảo của tục nhà Ân còn lại. Xin đem thân chết thay cho vua dương ốm, tình rất thống thiết, việc rất quan trọng, ông chỉ cáo với tổ khảo mà không dám cáo với trời đất quý thần, dù thấy rõ ông là người giữ lễ mà không dám tiến vượt vậy (4).

Chú thích

- (1) *Kim Đăng*: tên một thiên ở Chu Thư, thể cáo. Vũ vương ốm đau, Chu công nghĩ rằng nhà Chu chưa được yên, dân nhà Ân còn chưa phục, thì cỡi rê dao động cho nên cầu khẩn với tổ tiên, xin chết thay Vũ vương. Nhà làm sử chép bài văn khẩn ấy về thuật lại cả đầu đuôi sự việc, làm thành thiên này. Vì bài văn khẩn cất ở trong hộp, niêm phong bằng dây vàng cho nên gọi là kim đăng.
- (2) *Cao hậu*: danh hiệu tôn kính để gọi vua Thành Thang là ông tổ của vua Bàn Canh.

(3)*Tam vương*: ba vua tức là Thái vương, Vương Quý, Văn vương, là cụ, ông và cha của Vũ vương, Chu công.

(4) Câu này ý nói Chu công theo lễ giữ phân bày tôi không dám vượt phân, cáo với trời đất quý thần là việc thiên tử mới được làm.

34-2. Quản Thúc, Thái Thúc(1) là người nông nổi, cho mình cũng là chí thân với vua mà lại phải ở ngoài, không được tham dự quốc chính; thấy Chu công chủ trương việc nước, đem lòng bực tức oán hận bất bình, nên Vũ Canh mới được dịp quấy rối xúi bẩy Quản Thúc, Thái Thúc làm bậy. Lời nói phao đồn là lời nói vô can cứ lưu truyền khắp nơi mà không biết từ đâu dựng đứng lên như vậy. Chu công nói "Ngã chi phát tích"(2) nên theo cách giải thích của Chu Tử thì phải hơn: ông giải nghĩa chữ "tích" là "tị vị" nghĩa là "lui tránh khỏi địa vị của mình", ra ở Đông đô. Việc ra ở Đông Đô, vốn là Chu công theo mệnh của Vũ vương, ra cai trị các nước chư hầu ở phía đông đất Thiểm; nay nhân có việc, xin đi ra kinh lý, đại khái như chức việc của quan hành đài (3) đời sau. Bắt được tội nhân là do dò hỏi lâu ngày mới biết được kẻ đặt điều vu cáo. Chu công làm thơ(4), mượn lời cho chim, làm ví dụ để phúng gián vua, đây là xử lý trong cảnh ngộ quân thần huynh đệ(5) có sự "trục trặc" suy nghĩ rồi mà chưa dám nói thẳng ra vậy. Khi vua Thành vương còn nửa tin nửa ngờ, bấy giờ Tam Thúc(6) còn muốn kiếm cớ dèm pha phi báng lẫn nữa.

Từ khi vua Thành vương cảm động, giác ngộ, đón Chu công về, thì Tam Thúc không yên tâm, mới làm phản thật. Chu công ở Đông Đô hai năm, trong nước không xảy ra biến cố gì, chẳng những do ông hành động quang minh chính đại, không bị vết tích gì, mà cũng là do sức điều hòa ủng hộ của các lão thần là Thiệu công và Tắt công vậy.

Chú thích

- (1) *Quân Thúc, Thái Thúc* là anh em với Vũ vương và Chu công. Sau khi đánh được nhà Thương, Vũ vương phong cho con vua Trụ là Vũ Canh ở đất Ân rồi sai Quân Thúc, Thái Thúc giám sát đất nước của Vũ Canh. Sau Quân Thúc, Thái Thúc đã phao tin rằng Chu công mưu cướp ngôi của Thành Vương, lại về hòa với Vũ Canh làm phản, nên bị giết.
Xem thêm 31-3, ct 4.
- (2) Câu "Ngã chi phát tích", các tiên nho đời trước giải nghĩa là "ta nếu không giết Quân Thúc, Thái Thúc thì..." thế là giải nghĩa chữ "tích" 積 là giết. Về sau Chu tứ giải nghĩa chữ tích như chữ "tị" 忌 là "tránh di", thì câu ấy nghĩa là "Ta nếu không rút lui tránh xa địa vị của mình, thì...", tác giả cho cách giải thích của Chu tứ phải hơn.
- (3) *Hành đài*: tên một thứ dinh thự, đặt ở châu hay ở tỉnh, để cho quan ở trong triều ra đóng và làm việc ở đấy, khi có việc.
- (4) *Thư*: tức bài thơ "Chi hào" ở Mãn phong Kinh Thi. Chu công làm thơ này thắc lời con chim nói: người (chỉ Vũ Canh) đã bắt con tao (chỉ làm hại Quân Thái), chớ phá hủy nhà tao (chỉ làm hại nhà Chu).
- (5) *Quân thần huynh đệ*: Chu công đối với Thanh vương là vua với bầy tôi. Chu công đối với Quân Thái là anh em.
- (6) Tam thúc: xem 31-3, ct 4.

35. ĐẠI CÁO (1)

35-1. Vua Thành Thang đánh nhà Hạ, vua Kiệt nhà Hạ chạy trốn ra đất Nam Sào, rồi chết ở Đình Sơn, con vua Kiệt là Thuần Duy trốn lên ở Mạc Bắc (2); vì thế dân nhà Hạ chịu phục nhà Thương. Vua Vũ vương đánh nhà Ân, vua Trụ nhà Ân tự thiêu chết, Vũ vương thương Trụ, lại phong Vũ Canh [con Trụ] cho ở đất Ân. Vũ Canh thừa cơ lúc Thành vương mới lên ngôi, quyến rũ Tam Thúc (3) nổi loạn cùng rợ Hoài Di và nước Yêm, bấy giờ Vũ Canh mới dám khôi phục lại thể thống đã mất mà nói: "Ta sẽ khôi phục nhà Ân". Di dân(4) nhà Hạ với nhà Ân, một đảng yên tĩnh, một đảng không yên tĩnh là do sự thể không giống nhau vậy.

Chú thích

(1)*Đại Cáo*: tên một thiên ở Chu Thư, thể cáo. Vũ vương đã đánh được nhà Ân, phong cho con vua Trụ là Vũ Canh ở đất nhà Ân, sai Tam Thúc giám sát đất Ân. Vũ vương mất, Thành vương nối ngôi, Chu công phụ chính. Bọn Tam Thúc phao lên rằng Chu công định cướp ngôi của Thành vương. Chu công bèn rút lui, tránh ra ở Đông đô, sau Thành vương cảm ngộ, đón Chu công về. Tam thúc sợ, mới cùng Vũ Canh làm phản. Thành vương sai Chu công đồng đi đánh bọn đó, bớ cáo rộng rãi cho thiên hạ biết, cho nên gọi là thiên Đại cáo.

(2)*Mạc Bắc*: phía bắc bãi sa mạc lớn; tức là ngoại Mông Cổ ngày nay.

(3)*Tam Thúc*: xem 31-3, ct 4.

(4)*Di dân*: những dân còn sót lại, chưa chịu phục tùng triều đại mới.

35-2. [Vua Thành vương nói] "Ta đem nước các người đi đánh những bầy tôi trốn tránh(1) ở đất Ân", đó là trưng dụng binh sĩ của chư hầu vậy.

Các vua chư hầu và quan coi việc lại kêu ca, nói: "Việc này khó khăn gian khổ lắm", như thế thì chưa chắc người ta đã không hoài nghi. Xem ở chỗ vua Thành vương nói: "Có mười người hiền tài trong dân chúng giúp ta đi đánh trận". Lại nói: "Ta cũng có mười vị hiền triết(2) đã thực hành và biết rõ mệnh của thượng đế(3) "Thế là lời tán thành việc đông chinh(4) đã dứt khoát. Nước Tấn có ba quan khanh(5) làm chủ, còn cho là nhiều, huống chi có những mười vị hiền triết ư?

Chú thích

(1)*Những bầy tôi nhà Ân trốn tránh*: đây chỉ những đồ đảng của Vũ Canh theo Vũ Canh làm phản nhà Chu.

(2)*Mười vị hiền triết*, tức là mười bầy tôi đẹp loạn: xem 28-3, ct1.

(3)*Mệnh của thượng đế*: mệnh thượng đế giáng truất vua Trụ nhà Thương.

(4)*Đông chinh*: đi sang phía đông đánh Vũ Canh và các nước Yêm, Hoài Di.

(5) Ba quan khanh: Hàn Kiên, Triệu Giám, Ngụy Tư.

35-3. Thiên Đại cáo thuật lại vương nghiệp gian nan trong việc vì sự mệnh trời [nên phải đánh kẻ có tội], không thể làm khác được; nói rõ con cháu nên kế thuật(1), coi trọng cái nghĩa nuôi dân phải nên cứu giúp. Hết sức nói cái lý và cái thế: trời đã chán bỏ

nhà Thương, Vũ Canh quyết không thể khôi phục được. Đối với nhân sự, nói rất tường tận. Trong thiên Đại cáo này nói đi nói lại việc bói, không phải là dựa vào quỷ thần để trấn áp lòng người đầu.

Vua Văn công nước Tấn định đưa vua Chu trở về(2), bói rùa được điềm đánh ở Bàn Tuyền, rồi lại sai bói cỏ thi. Vua Vũ đế nhà Hán, trong tờ chiếu Luân Đài, còn nói: Đòi xưa quan khanh, quan đại phu dự mưu tính việc gì cũng tham bác bói rùa, bói cỏ thi, nếu không được điềm tốt thì không làm. [Việc bói] thời nhà Chu, nhà Hán đều như thế cả.

Chú thích

- (1) *Kế thuật*: tức là "kế chí thuật sự", nghĩa là kế tiếp chí hướng của ông cha, truyền thuật sự nghiệp của ông cha mà làm cho đầy đủ.
- (2) Chỉ việc Tấn Văn công (thời Xuân Thu) đem quân đánh công tử Đới, đưa Chu Tương vương về, lên ngôi vua.

36. VI TỬ CHI MỆNH (1)

36-1. Cũng là một ông Vi tử, thế mà có chỗ nói ông mang tể khí(2) về với nhà Chu có chỗ nói ông tự trời mình và ngậm ngọc bích ra đón vua Vũ vương. Thuyết trước có thể là đúng, vì rằng đó là "người quân tử" thấy thời cơ đến thì hành động", còn thuyết sau e không có lý vì Vi tử không phải là vua bị thua trận mà làm lễ đầu hàng.

Vua Vũ vương phong cho Vũ Canh, cũng là để cho nối dõi tiên vương(4), làm tân khách nhà vua(5) cho nên thiên Vương Hội ở Chu Thư có nói: "bên tả ở dưới thêm là chỗ đứng của tước Công nhà Ân(6)". Danh hiệu tuy tụt xuống nhưng vẫn ở kinh đô cũ, ở chốn triều đình không thay đổi gì. Đến khi vua Thành vương giết Vũ Canh, mới hạ đất Triều Ca làm một ấp bình thường cho nên sách "Thư tự" nói: "Vua Thành vương phế bỏ mệnh lệnh của nhà Ân, giết Vũ Canh". Đương khi vua Vũ vương phong cho các chư hầu, Cơ tử cũng được phong, Vi tử lẽ nào lại bị bỏ sót, tước Vi tử đã được phong ở đất Bạc là nơi có ấp Tường(7) là kinh đô cũ; cho nên thiên Nhạc Ký nói "để con cháu nhà Ân ở nước Tống". Đến khi con vua Trụ [là Vũ Canh] bị giết, vua Thành vương mới cho Vi tử thừa kế đại tông(8) để phụng thờ vua Thành Thang, bấy giờ làm sách thư, phong cho Vi tử làm thượng công(9) để thay tước Ân công trước, đó là làm cho hoàn bị tam khác(10) vậy.

Cho Vi tử trị lý vùng đông hạ, sung vào chức phương bá, mà không đặt lại chức giám sát để kiểm soát như trước nữa.

Chú thích

- (1) *Vi tử chi mệnh*: tên một thiên ở Chu Thư, thế "mệnh". Vi là nước Vi, tử là tước tử. Vua Thành vương đã giết Vũ Canh, phong Vi tử ở nước Tống để phụng thờ vua Thành Thang. Nhà làm sử chép lời cáo mệnh để làm thiên này.
- (2) *Tế khí*: đồ thờ tự ở tông miếu nhà Ân.
- (3) *Nguyễn văn Kiển cơ nhi tác*: thấy thời cơ đến thì hành động.

- (4) *Nối dõi tiên vương*: ở đây là cho thờ phụng vua Thành Thang.
- (5) *Làm tân khách nhà vua*: làm vị khách quý của nhà Chu chứ không phải làm hề tôi.
- (6) *Nguyên văn Ân công*: đây chỉ Vũ Canh.
- (7) *Ấp Tương*: kinh đô của vua Hạ Dân Giáp nhà Thương đóng.
- (8) *Đại tông*: dòng dõi con trưởng.
- (9) *Thượng công*: chức cao hơn tam công một bậc.
- (10) *Tam khác*: nhà Chu lấy được thiên hạ, phong cho con cháu vua Ngu Thuấn ở nước Trần, con cháu vua Hạ Vũ ở nước Kỳ, con cháu vua Thương Thang ở nước Tống, gọi là Tam Khác. Chữ "Khác" nghĩa là kính trọng, vì họ là ba người khách, con cháu của tiên thánh vương, đáng kính (*Tả truyện*, Tương công năm thứ 25).

36-2. Nhà Thương có nhiều vua thánh hiền, từ vua Thành Thang đến vua Đế Ất, không vua nào là không tu dưỡng đức tốt, thờ kính quý thần. Vì từ là con cả vua Đế Ất, kính cẩn hiếu thảo, tôn kính thần và người, truyền nước(1) cho em là Vi Trọng, đến Tống công kể là ba đời, vẫn còn theo tục cũ nhà Thương, không đặt tên thụy. Cháu nội là Phất Phủ Hà có nghĩa khí: nhường nước cho Lệ Công(2), cháu xa rồi là Chính Khảo Phú có thành tâm: ba lần được thăng quan, lại càng cung kính(3), Khổng Phú có khí tiết: gặp cảnh nguy hiểm vẫn son sắt một lòng (4); đời đời kế tiếp có đức sáng, mới sinh được bậc đại thánh(5), làm công tổ văn giáo đạo học. Nhà Thương có thiên hạ 600 năm, nước Tống có đất nước 800 năm, còn Tuyên Thánh(6) thì lấy muôn đời làm đất nước(7). Than ôi! Dài lâu biết là nhường nào!

Chú thích

- (1)*Truyền nước*: truyền lại nước Tống, so nhà Chu phong cho đế phụng thờ vua Thành Thang.
- (2) và (3) Hai điển này ở Tả truyện, Chiêu công năm thứ 7.
- (4)*Khổng Phủ*: tức Khổng Phủ Gia, là tổ tiên Khổng Tử, làm quan Tư mã nước Tống, bị Hoa Đốc giết.
- (5)*Dại thánh hay Tuyên thánh*: chỉ Khổng Tử. Khổng Tử còn gọi là Tổ vương (vua "mộc", không có nước để cai trị).
- (7) Nguyên văn *Vạn thế vi thổ*: lấy thời gian muôn đời làm không gian đất nước. Ý: đất nước này ở trong lòng người không bao giờ mất được, khác với đất nước của các đế vương, triều đại sau nổi lên, thì triều đại trước mất đất nước.

37. KANG CÁO (1)

37-1. Tiên nhô cho thiên Khang cáo là cáo mệnh của Vũ vương phong Khang Thúc. Bào là phong cho ở thành cũ Triều Ca, là kinh đô của vua Trụ; như thế thì Vũ Canh được phong ở chỗ nào? Nếu cho là từ thành vua Trụ trở về phía bắc gọi là nước Bội, trở về phía nam gọi là nước Dung, trở về phía đông gọi là nước Vệ, thì nước Bội là chỗ ở của Vũ Canh chăng? Nước Dung là chỗ ở của Tam Giám(2) chăng? Tôi tường Tam thúc (3) mỗi người có một nước, khi giám sát đất Ân (4) là vâng mệnh vua, thỉnh thoảng đến xem xét việc quản trị mà thôi.

Chú thích

- (1)*Khang cáo*: lên một thiên ở Chu Thư, thể cáo.
- Khang Thúc con Văn vương, em Vũ vương. Vũ vương cho Khang

Thúc làm vua nước Vệ, phong tước hầu. Nhà làm sử chép lời cáo mệnh ấy làm thành thiên Khang cáo.

(2)*Tam giám*: ba quan giám sát cũng tức là Tam thúc.

(3)*Tam thúc*: xem 31-3, ct 4 và 34-2, ct 2.

(4)*Đất Ân*: nước của Vũ Canh mà Vũ vương phong cho để phụng thờ Thành Thang.

37-2. Tiên nhò đời Hán cho rằng thời Vũ vương, Khang thúc còn nhỏ, chưa được phong, mà cho Khang cáo là lời của Thành vương; nhưng đến chỗ giải thích hai câu: câu "Trăm kỳ đệ tiểu tử Phong" (nghĩa là em ruột ta, chú bé kia tên là Phong), với câu "Nãi quả huynh hức" (nghĩa là người anh ít đức này của em cũng cố gắng hết sức) thì cắt nghĩa không thể thông được(1). Họ lại cho là [trong thiên Khang cáo], Chu công trước hết nói lời của Thành vương sau thuật câu nói của mình; giải nghĩa như thế cũng là khiên cưỡng.

Ngu này xét: Thiên Tác lạc ở Chu Thư nói: "Sai Khang Thúc đến ở đất Ân". Sách Tả truyện chép Chúc Đà nước Vệ nói: "Vũ vương đánh được nhà Ân, Thành vương dẹp yên dân nhà Ân; Chu công phò tá nhà vua, để trị thiên hạ. Chia cho Lỗ công sáu tộc (2) dân nhà Ân, cho Bá Cầm trông nom, và phong cho khu thành cũ của vua Thiệu Hạo trước; chia cho Khang Thúc bảy tộc dân nhà Ân, lấy bài Khang cáo này làm cáo mệnh, và phong cho ở khu thành cũ nhà Ân; chia cho Đường Thúc chín tông

nam chính (3), lấy bài Đường cáo làm cáo mệnh, và phong cho ở khu thành cũ nhà Hạ. Phú Thần cũng nói: "Chu công thương cho nhị thúc [Quản thúc, Thái thúc] không thông cảm hòa thuận, nên phong các tôn thất để bảo vệ nhà Chu: nước Quản, nước Thái, nước Thành, nước Hoắc, nước Lỗ, nước Vệ, đều thuộc dòng dõi Văn vương, ở hàng miếu chiêu (4), nước Hình, nước Tấn, nước Ứng, nước Hàn, đều thuộc dòng dõi Vũ vương ở hàng miếu mục(5). Hai thuyết này đều quy công vào Chu công.

Tôi thiết nghĩ vua Vũ vương mới làm vua được bảy năm đã mất, các pháp chế chưa kịp hoàn chỉnh, các công việc đều do Chu công chế tác. Phân phong đất đai, cương giới các nước chư hầu, ban đầu tưởng cũng mới chỉ là thảo sáng. Việc làm cáo mệnh phong cho Khang Thúc làm Vệ hầu chắc chắn ở thời vua Vũ vương. Tuy có nói câu "Hãy đến [cai trị nơi đó]"(6) nhưng Khang Thúc vẫn được giữ lại, làm chức tư khấu nhà Chu, như Chu công được lưu lại để phò tá. Đến đời vua Thành vương khi đã truất bỏ Vũ Canh, sai Khang Thúc ra ở đất Ân, mới gộp cả nước Bội, nước Dung làm một để phong cho ông ta, đem lời các mệnh này [Khang cáo] ra nhắc lại, mà không làm tờ sách phong khác, cho nên kinh Thư xếp đặt thiên này ở dưới thiên "Vi tử chi mệnh". Chúc Đà nói "Ban cáo mệnh cho cả 3 nước cùng một lúc". Nói thế thì dân dám nói vu cho tổ tiên mình.

Xem sách Hán thư địa chí nói: Tam giám(7) làm phần, Chu công giết đi, đem cả đất của Tam giám phong cho Khang Thúc, di dân ở đất Bội và đất Dung đến Lạc ấp, vì vậy Quý Trát nước Ngô, khi đến thăm nước Lỗ, xin nghe âm nhạc nhà Chu; xem thơ ca của nước Bội, nước Dung, nước Vệ, có khen ngợi đức tốt của Khang Thúc, đây là chứng cứ rất đáng tham khảo. Trịnh Khang Thành(8) cho rằng đến đời cháu Khang Thúc mới kiêm tính đất nước Bội, nước Dung. Đây là lời phỏng đoán không có căn cứ. Vì rằng con cháu sau của nhà Ân đã phong riêng ra ở nước Tống, thì thành cũ nhà Ân nên để Vệ hầu chuyên trị, không cần cắt ra làm 3 nước như trước. Nếu đem đất ấy phong cho người khác thì sao không thấy chép ở kinh truyện nào cả; và lại dân ở Bội Dung đã dời đến Lạc ấp, thì cần lập riêng ra vua khác làm gì?

Chú thích

- (1)*Cđt nghĩa không thể thông được*: Khang Thúc (em Vũ vương) đối với Thành vương (con Vũ vương) thì là chú, cháu gọi chú bằng em, tự xưng là anh, thì vô nghĩa. Thế thì Khang cáo là lời nói của Vũ vương mới phải.
- (2)*Tộc*: bốn làng là một tộc, mỗi tộc 100 nhà (Chu Lễ chú).
- (3)*Chín tông năm chính*: Tông là cùng họ, chín tông tức là chín họ. Chính là quan trưởng, năm chính là năm vị quan trưởng: mộc chính, hỏa chính, kim chính, thủy chính, thổ chính. Chu hầu cũng có năm quan chính.
- (4) Câu này ý nói sáu chư hầu được phong ở sáu nước Quán, Thái, Thành, Hoắc, Lỗ, Vệ đều là con vua Văn vương. Miếu thờ Văn vương thuộc hàng miếu chiêu. (Kinh Lễ nói: Thiên tử được lập bảy miếu, miếu ở giữa thờ Thái tổ, ba miếu bên tả gọi là miếu

chiêu và ba miếu bên hữu gọi là ba miếu mục, để phụng thờ sáu đời từ đời cha trở lên).

- (5) Câu này có nói bốn chư hầu được phong ở bốn nước Hình, Tấn, Ứng, Hàn đều là con vua Vũ vương. Miếu thờ Vũ vương thuộc hàng miếu mục.
- (6) Nguyên văn "*Vãng tại*". Hai chữ "vãng tại" nói ở trong bài cáo mệnh [Khang cáo], nghĩa là "đi đến nước Vệ đi".
- (7) *Tam giám* tức là Tam thức, xem 31-3 et 4 và 34-2 et 1.
- (8) Trịnh Khang Thành tức Trịnh Huyền, một học giả nổi tiếng đời Đông Hán, từng chú giải các kinh điển nhà nho.

37-3. Phong đất cho nhiều người cùng họ là cốt để chế ngự những người khác họ. Khang Thúc cai trị nước Vệ, cho nên Vũ Canh không thể cưỡng bức dân bảy họ(1) theo mình làm phản, rồi thế lực ở vùng Hà Bắc mới vững bền. Bá Cầm cai trị nước Lỗ cho nên các vua nước Hoài di, nước Tề, nước Yên không thể liên kết với Vũ Canh, rồi thế lực ở vùng Sơn Đông mới vững bền. Khi quân nhà vua đến (2) thì bọn phản nghịch tan rã ngay (3). Vũ vương để lại mưu mô cho con cháu thật là sâu xa vậy!

Chú thích

- (1) *Dân bảy họ*: nhân dân ở đất Ân.
- (2) Đây chỉ quân nhà Chu, do Chu công đem đi đánh miền đông.
- (3) Đây chỉ quân nhà Vũ Canh và các nước Hoài di, Tề, Yên tan rã.

37-4. Ngôn ngữ của cổ nhân, bày tỏ rất là tình tường, răn giới rất sâu sắc, xem như:

Trong thiên Y Huấn, Y Doãn nói: "[Thời vua Kiệt cương thường rối loạn], vua Thành Thang mới nổi dậy dựng lại cương thường. Vua sẵn lòng nghe lời can gián mà không cưỡng lại [để duy trì cương thường]". Đối với bậc kỳ cựu có đức vọng thì vua cung kính thuận theo; [Vua nói] làm người trên phải sáng suốt; làm người dưới phải trung thành; đối với người thì không cầu toàn trách bị; tự xét mình thì luôn luôn nghiêm khắc; công lao xây dựng cương thường từ khi còn là chú hầu cho đến khi làm thiên tử thật là gian nan lắm thay!

Trong thiên Khang cáo này, Vũ vương nói: "Người cha vĩ đại của anh em ta đã làm sáng tỏ đức tốt, đã cẩn thận hình phạt, không dám khinh rẻ những người không nơi nương tựa (1); Dùng người có tài đáng dùng, kính người có đức đáng kính, trị tội đích đáng người có tội; nhân dân cảm mộ đức tốt, sợ hình phạt công minh. Vì thế mới mở mang xây dựng được quốc gia ta. Sau trời mới sai Văn vương ta trừ diệt nhà Ân, cả nhận lấy mệnh trời, người anh ít đức của em là ta đây cũng cố hết sức vào đấy. Nhờ thế, cho nên chú bé Phong là em ngày nay mới được cai trị khu đất phía đông (2) này".

[Xem những lời răn giới trên], ta nhận rõ được người đời trước cần lao vất vả, người đời sau ngồi hưởng phú quý có sẵn, thì phải nên nghĩ cách làm sao để kế tục công trình, mở rộng cơ nghiệp của

ông cha đời trước. [Những lời răn bảo trên đây], có ý vị cảm khái vô cùng, ai nghe mà chẳng cảm động?

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Quan quá*: *quan* là người góa vợ, *quá* là người góa chồng. Đời cổ cho những người góa vợ, góa chồng cùng các trẻ em mồ côi cha mẹ và người già không có con cái đều là dân cùng khổ, vì họ không biết trông cậy vào đâu.
- (2) Nguyên văn *Đổng thổ*: đây chỉ nước Vệ. Kể từ thành cũ của vua Trụ là đất Triều Ca về phía đông, nên gọi là Đông thổ.

37-5. Giả Nghi (1), Lý Giáng (2) đều nói "Chính sách của Vương giả là dùng đức, không dùng hình".

Ngư này cho rằng hai chữ "đức" và "hình" giống như âm với dương không thể bỏ đi một bên được. Chỉ có thể là dùng đức nặng hơn và dùng hình nhẹ hơn mà thôi, chuyên chú làm cho người ta thấm nhuần đạo đức, khỏi sa ngã vào tội lỗi, đến khi cần dùng hình phạt, lại đem lòng khoan hậu nhân từ mà thi hành, đấy là vương đạo.

Xem Vũ vương khen ngợi Văn vương là "làm sáng đức tốt, cẩn thận hình phạt", mà Tả truyện giải thích câu ấy rằng: "Làm sáng đức tốt nghĩa là cham tôn sùng đức tốt. Cẩn thận hình phạt nghĩa là cham trừ bỏ hình phạt", thì đủ rõ [ý nặng về dùng đức hơn dùng hình] vậy.

Chú thích

- (1) *Giả Nghi*: xem 2-4 et 1.

(2) *Lý Giác* : người đời Đường, làm tướng thời vua Hiển tông, hay nói thẳng và can gián đến cùng, vua phải e nể.

37-6. Kinh Thư nói "Van vương trừ diệt nhà Ân" cùng với kinh Thi nói "Thái vương cất xén [diệt dân] nhà Thương" cùng đều là lời nói quy công cho đời trước, nay ta không cần phải biện luận sâu nữa làm gì.

37-7. Tiên nho cho rằng "Khang Thúc làm quan tư khấu (1) nhà Chu, cho nên thiên Khang cáo nói nhiều đến việc dùng hình", nói thế không phải, đó là sai đi cai trị nước Vệ chứ có can hệ gì đến công việc ở triều đình nhà Chu.

Chú thích

(1) *Tư khấu* : một trong sáu chức quan khanh, giữ việc hình.

37-8. Người đất Triều Ca, tính nết khinh bạc, nông nổi, lại thêm nhiễm thói xấu của vua Trụ, dân ở đây thì trộm cắp gian giảo, bầy tôi ở đây thì bè đảng thù hằn, cậy quyền thế ức hiếp, giết hại lẫn nhau. Có kẻ bắt hiều, bắt mực, có kẻ phản nghịch bề trên, lập riêng phe cánh; phong tục đồi bại hết mức. Lúc đầu Vũ vương mới đánh được nhà Ân, nhân dân Triều Ca kéo nhau hàng phục, Vua vỗ về và an ủi họ, để cùng đổi mới (1). Nhưng thói cũ của họ chưa thể nào trừ bỏ hết được. Dân ở đất Ân dời đến Lạc ấp, giáo hóa đến ba kỳ (2), thế mà tàn tích phong tục

xấu vẫn chưa tuyệt hẳn, hưởng chi những người còn lưu ở lại Muội bang (3). Cho nên Vũ vương đem đạo trị nước mà răn bảo Vệ hầu (4). Nói rất cặn kẽ về những điều "bảo ngội" (5) "Khang bảo" (6) và cốt yếu ở câu "tác tân dân" (7), rồi kể đến việc "minh phạt dụng hình" (8). Nhân với nghĩa đi đôi, khoan với nghiêm cùng vận dụng. Đại thể trị dân, cố nhiên phải như thế. Cuối cùng nói: "Nay dân không được hướng dẫn thì không biết theo đâu; nếu không có hướng dẫn thì không còn chính sự gì ở trong nước nữa". Xem thế có thể thấy rõ đại ý vậy. Than ôi! Đức hóa và hình phạt nhà Chu như thế mà phong tục kiêu bạc [của nước Vệ] vẫn không thay đổi được hết. Sau khi dời đô sang phía đông (9), những thói xấu hiện ra ở Quốc Phong (10), nào dâm dăng, nào lười biếng, nào phi báng người trên, làm việc ích kỷ; đến thời Tây Hán, sách Ban thư địa lý chí (11) nói: "Phong tục tốt của thời Khanh Thúc đã hết, mà những thói xấu tiếm nhiễm từ thời vua Trụ trước đây vẫn còn, cho nên tục ở xứ ấy lắm kẻ cường hào xâm đoạt [nhân dân], vô ân và vô lễ". Như thế thì công hiệu "Đổi mới nhân dân", đâu có thể nói là dễ làm.

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Duy tấn*: cải cách pháp độ cũ xấu để thi hành chính sách mới tốt hơn.
- (2) *Ba kỳ*: 36 năm (mỗi kỳ 12 năm).
- (3) *Muội bang*: xem 31-3 ct 11.
- (4) *Vệ hầu*: đây chỉ Khang Thúc.

- (5) *Bảo ngôi* : do câu "dụng bảo ngôi dân", nghĩa là [noi theo đức hạnh chính sự của Văn vương cùng những vua thánh hiền nhà Thương để] bảo vệ cai trị dân.
- (6) *Khang bảo*: do câu "Dụng khang bảo dân", nghĩa là [nghe giáo huấn của lão thành, lại học lấy những ngôn hành tốt của tiên vương đời cổ] để bảo vệ dân.
- (7) *Tác tôn dân*: cổ vũ nhân dân bỏ thói xấu cũ, trau dồi tư tưởng mới để tiến lên mãi.
- (8) *Minh phạt dụng hình* : sáng suốt việc phạt tội, cẩn thận việc dùng hình.
- (9) *Đời đô sang phía đông* : Vua Bình vương dời đô sang phía đông, đóng ở Lạc ấp gọi là nhà Đông Chu, thế nước suy yếu, chiến tranh nội bộ ngày càng sinh ra.
- (10) *Quốc Phong*: thời Chu, các nước chư hầu đem những câu ca dao ở dân gian, dâng lên thiên tử để thiên tử xem đó mà biết được chính sự từng nước hay dở ra sao. Về sau các bài ca dao ấy được tập hợp lại trong phần "Quốc phong" ở Kinh Thi. Chữ "Quốc phong" ở đây chỉ vào vào thơ ca của ba nước Bội, Dung, Vệ.
- (11) *Ban thư địa lý chí* : có lẽ là chỉ sách Hân Thư (địa lý chí) của Ban Cố.

37-9. Noi theo và thực hành những lời nói nhân đức của Văn Khảo (1), lại rộng tìm những đức chính của các vua trước nhà Ân, kính nhớ những giáo huấn của các bậc lão thành, lại sưu tầm thêm những đạo pháp của các vua hiền đời cổ, chăm chú việc cố kim (2), phòng vãn điều tiện lợi, như thế thì cái hay cái phải của thiên hạ còn sót điều gì nữa.

Chú thích

- (1) *Văn Khảo* : tức là Văn vương.

- (2) *Châm chước cổ kim* : cần nhắc lựa chọn, thêm bớt trong cái hay cái dở từ xưa tới nay.

37-10. Phục Tử Tiễn (1) làm quan tế ấp Thiên Phủ. Ông kính trọng hai người như cha mình và coi năm người khác như anh mình: những người ấy đều đem phương pháp trị dân mà dạy ông. Nhân thế ông không tốn sức (2) mà ấp Thiên Phủ được yên ổn.

Tào Tham(3) làm tướng nước Tề, đón Cái Công(4) về phụng sự như thầy học. Ông dùng những câu nói thanh tịnh (5) của Cái Công, mà nước Tề được thịnh trị. Những lời giáo huấn của bậc lão thành địa phương, há có thể coi thường được ư?

Chú thích

- (1) *Phục Tử Tiễn* : người nước Lỗ, thời Xuân Thu, tên chính là Bát Tề, học trò Khổng Tử, Khổng Tử khen là quân tử, từng làm quan tế ấp Thiên Phủ.
- (2) Nguyên văn *Minh cầm* (gậy đàn cầm): ý nói ung dung, dùng đạo cầm hóa dân, không phải vất vả lao khổ mà trong ấp được thịnh trị.
- (3) *Tào Tham* : người đất Bái, cùng Tiều Hà giúp Hán Cao tổ định thiên hạ, trước làm tướng nước Tề, sau thay Tiều Hà làm tướng nhà Hán.
- (4) *Cái Công*: người đời Tây Hán học theo đạo Hoàng đế và Lão tử, chủ trương thanh tịnh vô vi.
- (5) *Thanh tịnh* : trong sạch bình tĩnh không phiền nhiễu sinh sự, cũng tức là vô vi.

37-11. Câu "Coi dân mà dân khổ sở không được yên vui, thì như thân mình có bệnh tật" (1), ý nói chẳng nên lấy ngôi vị làm vui sướng. Trời soi xét người, tuy rất đáng sợ, nhưng thường phù hộ người thành thật. Trị dân, xử sự, tự mình nên một mực trung tín; nếu lỡ có sai lầm, do tai mắt không tốt, suy nghĩ chưa thấu thì trời cao soi xét đến, cũng còn rủ lòng tha thứ. Chỉ người nào quỷ quyệt gian trá, không thành thật thì không thể tránh khỏi ác báo của trời. Lòng dân, ai cũng muốn no đủ, muốn sống lâu, muốn bình yên, muốn nhàn rảnh, sao ta lại không thấy rõ? Vậy làm thuận lòng dân thì dân theo, làm trái lòng dân thì dân oán; những dân nhỏ mọn cùng khổ, lại càng khó giữ chắc cho lòng họ theo hay không, thật là đáng sợ. Không tận tâm thì chính sự hòng, đến nỗi đồng ruộng bỏ hoang, nhân dân ly tán; nếu vui chơi phóng dăng, thì ngoài cửa có tân khách chờ đợi, trong dinh có công việc bỏ bê, trại giam có người bị giam giữ mãi không được xét đến; chính sự vì thế mà bại hoại. Vũ vương bảo Khang Thúc: "Em đi đến nước Vệ, phải tận tâm để trị dân, chớ có chơi bời phóng dăng, đấy cách trị dân nên như thế". Đây là lời giáo huấn mẫu mực muôn đời cho những người làm vua làm quan. Câu "Oán giận bất kể do nguyên nhân lớn hay nhỏ, chỉ do là đáng thuận lẽ phải mà lại không thuận, có thể cố gắng làm mà không chịu cố gắng làm." Hãy thử xem con cháu sau của nước Vệ: vua Ý công thích chơi chim hạc, thậm chí chim hạc được ngồi xe. Đến khi nước狄 đến đánh nước Vệ, Ý công sai quân lính trong nước ra trận, quân lính đều

nói: "Nên sai chim hạc ra trận, chim hạc mới thật có bổng lộc, có chức vị, chúng tôi đánh trận thế nào được", vì thế nước Vệ bị nước狄 diệt.

Vua Hiến công bảo Tôn Văn Tử và Ninh Huệ Tử đến ăn tiệc. Hai người đều bận áo mũ mà vào; quá trưa vua cũng chẳng gọi đến, rồi vua lại đi bắn chim hồng ở vườn; hai người này theo ra nơi săn bắn, vua không bỏ mũ da (2) mà cứ nói chuyện với họ, hai người này cảm giận, rồi sau mới nổi lên đuổi vua Hiến công (3). Thế chẳng phải là những việc không thuận lẽ phải và không cố gắng giữ gìn ư? Hai đảng so sánh với nhau thì thái độ khinh trọng thể hiện rõ ra, rồi từ đó oán ghét sinh ra ngay, cố nhiên không cứ là ở việc to hay việc nhỏ.

Vua Thành công ghét thúc Vũ rồi giết đi, Nguyên Huyễn đem việc ấy tố cáo với Tấn hầu, suýt nữa mất nước.

Vua Trang công cho [quan trưởng] Nhung Châu không phải họ Cơ (4) nên tước bỏ đi; sau vua bị người trong nước trục xuất phải chạy vào Nhung Châu thì bị hại ở đó. Đây chính là tự chuốc lấy thù oán. Há chẳng đáng lấy làm răn hay sao?

Chú thích

- (1) Đây là lời Vũ vương dặn Khang Thúc.
- (2) *Mũ da* : thú mũ đội để đi săn bắn. Khi tiếp ai mà không bỏ xuống, cứ đội, là vô lễ.
- (3) Diễn này ở Tả truyện Tương công năm thứ 14.
- (4) *Họ Cơ* : họ nhà Chu. Vua Trang công đây là con cháu Khang Thúc, vốn là họ Cơ.

37-12. Câu "Giúp nhà vua yên định mệnh trời" đối mới nhân dân, đây nói tiếp đoạn trên, nói rõ ý cuối cùng của việc làm sáng đức tốt, rồi xuống dưới nói luôn sự bắt đầu cẩn thận dùng hình phạt. Đoạn dưới nói "dân sẽ bảo nhau hòa thuận cả, dân sẽ từ bỏ hết tội lỗi", đây là hiệu nghiệm làm cho dân đối mới. Làm cho dân đối mới, không phải chỉ chuyện có giáo hóa, cũng phải có hình phạt để giúp vào mới được, cho nên sau đó thì nói đến sáng suốt dùng hình phạt để cho dân phục, đem cái chí trừ bỏ bệnh tật ở bản thân mình để trừ bỏ cái xấu. Sau lại nói câu: "Ta bảo người cái thuyết dùng đức trước đã, rồi sau mới thì hành hình phạt. Nếu không như thế, thì [ngoan dân đất Ân] đã được hướng dẫn hiểu dụ nhiều lần, mà vẫn chưa chịu đi theo đường lối cai trị của ta, có thể nào ta lại cứ (đối xử) mềm mại nuông chiều với với họ mãi được"?

Chú thích

- (1) Câu này và các câu nói sau đây đều là lời Vũ vương khuyên bảo Khang Thúc.

37-13. Đầu tiên nói "rất sáng suốt việc hình phạt để cho dân cảm phục", rồi nói đến "trừ bỏ cái xấu như trừ bỏ tật bệnh ở bản thân", lại nói tiếp "bảo vệ dân như bảo toàn con đồ", dù thấy rõ dùng đức để thì hành hình phạt, chứ không phải chỉ chuyện dùng hình phạt vậy.

37-14. Xử những tội nặng [tội trạng tuy đã rõ ràng] còn nên để tâm nghĩ lại đến 10 ngày, đến 3 tháng (1) đây là một việc xử thật hết lòng.

Chú thích

- (1) Câu này ý nói hết sức suy đi nghĩ lại, tìm xem còn có tình ý gì có thể để cho sống được không, không sao được nữa, bấy giờ mới xử, thì sau không hối.

37-15. Câu Vũ vương khuyên bảo Khang Thúc "Bày tỏ những phép ấy, việc ấy, rồi dùng phép thường của nhà Ân trước để quyết đoán hình phạt". Đây tức là việc rộng tìm đạo phải của những vua thánh hiền nhà Ân để trị dân. Câu ở truyện nói "dùng chính sách nhà Ân để cai trị dân đất Ân", cũng là ý ấy. Thiên Vũ Thành vốn đã có nói: "Làm khác hẳn chính sách tàn bạo của vua Trụ nhà Thương, noi theo chính sách hay của thiên vương nhà Thương khi xưa". Chính sách cũ của nhà Ân, mới là đạo kinh thường (1) vậy.

Chú thích

- (1) *Đạo kinh thường* : đạo rất phải không thể thay đổi, và có thể thi hành được mãi.

37-16. Chúc ngoại thứ tứ (1) và chúc trưởng thứ quan (2) cùng những quan nhỏ có ấn tín [làm trái luật] cốt mua chuộc lấy tiếng khen của dân mà lại hại vua,

hình như chưa đến nỗi là tội ác lớn, thế mà Vũ vương đã rất ghét. Vua nói: "Lấy chính nghĩa đem giết những hạng ấy đi". Cách chế ngự thần hạ, như thế đáng gọi là nghiêm khắc. Xem như:

- Thái công giết Hoa Sĩ, Hoa Duật (3), vì hai người này ra thuyết "chẳng làm tôi Thiên tử, chẳng làm bạn với vua chưa hầu, cày ruộng lấy thóc ăn, đào giếng lấy nước uống, không cần gì ai".

- Khổng Tử giết Thiệu Chính Mão (4), vì Thiệu Chính Mão tâm địa phản nghịch và nham hiểm, hành vi gian tà mà ngoan cố, câu nói trá ngụy mà biện bác, nghĩ những điều phi nghĩa mà học rất rộng, thích làm những việc trái đạo mà khéo tô vẽ cho trơn tru.

- Thiên Vương chế [Kinh Lễ] có bài nói về giết bốn hạng người (5) không cần phải xét đi xét lại. Ba việc này đều giống với ý của Vũ vương ở đây cả.

Chú thích

- (1) *Ngoại thứ tử*: tên một chức quan, chuyên giữ việc giáo huấn.
- (2) *Trưởng thứ quan*: quan đứng đầu một nha môn.
- (3) *Hoa Sĩ, Hoa Duật*: người nước Tề, hai người này chủ trương thuyết vô chính phủ như nói ở câu sau đó.
- (4) *Thiệu Chính Mão*: quan đại phu nước Lỗ, hay làm rối loạn quốc chính, cho nên bị giết.
- (5) *Bốn hạng người nên giết* [theo Thiên Vương chế].

1) Xuyên tạc câu nói biển phải thành trái, phá bỏ luật lệ để hủy phép nước, làm rối loạn khái niệm cho mất sự thực, sửa đổi bày cho mất đạo thường; đem dị đoan tà đạo để làm rối loạn chính thể.

- 2) Chế tạo âm nhạc dâm dăng, y phục kỳ quái, những kỳ xảo và khí cụ quái gở để làm mê hoặc tai mắt và lòng dân.
- 3) Hành vi trá ngụy mà lại ngoan cố, khó phá được, ngôn ngữ trá ngụy mà lại tài biện bác, học thuật sai trái mà rất rộng, việc làm trái mà có tài tò vò để làm mê hoặc lòng dân.
- 4) Giả thác vào việc quý thần giáng phúc, giáng họa; vào ngày tháng tốt xấu; vào bói toán cát hung, để làm mê hoặc lòng dân.

37-17. Câu "Nãi biệt bá phu" có nghĩa là không tuân lễ độ làm riêng biệt theo tự ý của mình; ban bố ân huệ riêng, để mua tiếng khen của dân". Những kẻ phạm tội lớn như thế thì có: tên Bão ở nước Tống, bố thí rất nhiều cho dân trong nước(1), họ Trần ở nước Tề ban ơn rất hậu cho dân chúng, đều được lòng người trong nước cả (2). Vương Âm (3) đời Hán thông hiếu nhân tình, dốc hết tiền của ra làm ơn cho thiên hạ; tân khách đầy cửa, gậy thanh thế tiếng tốt cho Vương Âm. Vương Mãng (4) đời Hán thu nạp và tôn trọng những danh sĩ, giao du và kết hợp với tướng võ tướng văn, rồi hư danh lưng lầy; cho nên phải dùng hình phạt nặng để nghiêm trị bọn họ đi. Thái truyện thích nghĩa câu "Nãi biệt bá phu" chỉ là "lập riêng về điều lệ giáo hóa" như thế, e rằng nghĩa hơi hẹp.

Chú thích

- (1) Ý cả câu: công tử Bão nước Tống, rất có lễ độ với người trong nước. Nước Tống gặp năm đói kém, công tử Bão đem hết thóc

của nhà cho dân vay. Đối với người già lão từ 70 tuổi trở lên, đều có quà tặng biếu, thỉnh thoảng lại cho thêm của ngon vật lạ... Về sau Bảo giết vua nước Tống rồi lên làm vua (Tả truyện Văn công năm thứ 16).

- (2) *Ý cả câu*: nhân vua nước Tề vợ vét bóc lột quá mức, nhân dân đau khổ vì chính sách tàn bạo đó. Họ Trần ở nước Tề cho dân vay thóc nhiều mà thu lại nhẹ, gổ lại thì bán như giá ở cửa rừng, cá mẫm thì bán như giá ở gần bể (giá rẻ), thương yêu vỗ về dân, nên dân chán ghét vua Tề, quý mến họ Trần như cha mẹ. Dân theo họ Trần như nước chảy. Về sau họ Trần làm vua nước Tề (Tả truyện Chiêu công năm thứ 3).

- (3) *Vương Âm*: chưa rõ.

- (4) *Vương Mãng*: tên tự là Tự Quân, thời vua Bình đế nhà Hán, làm đại tư mã, vờ tỏ ra cung khiêm tốn, giao kết với những người tài giỏi và bỏn quyền quý để nuôi danh vọng. Về sau Mãng giết vua Bình đế, tự xưng là Hoàng đế, đổi quốc hiệu là Tân, ở ngôi vua được 15 năm, bị Quang Vũ nổi lên đánh giết.

37-18. Làm bề tôi mà cứ tìm cách cho người ta khen ngợi riêng mình để hại đến vua. Việc này vua Vũ vương ghét lắm. Vậy thì câu vua Thành vương bảo Quân Trần: "Người có mưu gì hay, phép gì tốt, thì nên quy công cho vua của mình, thế mới là bày tôi trung lương", đại khái cũng hợp với ý vua Vũ vương ở đây. Đó là cái ý phòng xa ngăn sớm, không nên cho đó là Thành vương lỡ lời.

37-19. Hình phạt về tội làm theo ý riêng để cầu lấy tiếng khen thì trong phép cũ của nhà Ân và hình pháp do Văn vương đặt ra, tưởng không có điều lệ ấy. Đây thật là hình luật Vũ vương mới sáng lập ra, cho nên

Vũ vương nói: "Kíp dùng ngay hình phạt hợp với chính nghĩa mà giết những hạng bất lương ấy đi" (1).

Chú thích

- (1) Ý câu này nói: đối với hạng bầy tôi dùng tư tâm, tư ý, cầu tiếng khen riêng cho mình, mà làm hại đến vua, thì nên kíp dùng hình phạt hợp chính nghĩa của Văn vương lập ra, để giết ngay đi.

37-20. Kính giữ phép thường của nước mới có cách làm cho dân được thoải mái. Không theo phép thường, thay đổi rồi bời, làm náo động phiền nhiễu luôn luôn, thì dân thoải mái làm sao được? Đoạn dưới nói: "Chớ dùng mưu bất thiện, phép bất thường", đây chính là thực sự kính trọng phép thường vậy. Cho nên lại nói tiếp luôn: "Khoan dung đừng cấp bách, để cho dân được yên".

Nhà Hán dùng Tang Hoảng Dương (1) mà thi hành phép xác cô (2), quân thâu (3); nhà Tống dùng Vương An Thạch (4) mà sáng lập phép thanh miếu, miễn dịch (5), như thế thì đâu có hiểu được nghĩa câu "Kính giữ phép thường".

Chú thích

- (1) *Tang Hoảng Dương*: người thời Hán Vũ đế, làm quan đại nông thừa, quản lý hết muối và sắt trong thiên hạ; đặt phép bình chuẩn, mưu tính hết cách làm lợi cho nhà vua, không để sót tí gì.
(2) *Xác cô*: nhà nước độc quyền bán rượu để lấy lợi.

- (3) *Quân thâu*: tên một chức quan. Vua Vũ đế nhà Hán dùng mưu kế Tang Hoàng Dương, mỗi quận đặt một viên quan "quân thâu" để người ở xa chuyển vận hàng hóa đến cho tiện. Các quan đại nông bao hết hàng hóa ấy, để giữ cho việc mua bán quân bình.
- (4) *Vương An Thạch*: tên tự là Giới Phủ, hiệu là Ban Sơn, làm tướng thời vua Tống Thần tông, có thực hiện một số cải cách chính trị.
- (5) *Thanh miêu, miễn dịch*: thanh miêu là bố tiền cho dân vay khi lúa còn non, khi lúa chín thì trả lấy lãi 2 phần. Miễn dịch là cho phép dân được bỏ tiền ra thuê người đi phu dịch thay, thì bản thân được miễn.

38. TỬU CÁO(1)

38-1. Thiên tửu cáo, Thái truyện cho là vua Vũ vương làm ra, Chu Tử cho rằng đây chắc hẳn vì Vũ Canh cùng đám dân ngoan cố đem rượu cho Quản Thúc, Thái Thúc uống say sưa, rồi dùng điều này tiếng khác để ly gián, nên Chu Công mới làm thiên Tửu cáo để răn bảo kỹ càng như thế. Nay nghĩ lại thì nên theo thuyết Chu Tử.

Chú thích

- (1) *Tửu cáo*: tên một thiên ở Chu Thu, thể cáo. Tương truyền vì vua Trụ nhà Thương hay say rượu làm càn, thiên hạ học theo thói xấu ấy, ở Muội thổ là đô ấp nhà Thương, lại càng bị tiếm nhiễm nhiều; vua Vũ vương lấy đất này phong cho Khang Thúc nên làm thư này để nhắc bảo Khang Thúc, sù thần chép lại làm thiên Tửu cáo.

38-2. Có rượu mới thành lễ, nhưng dùng rượu quá độ thì lại sinh ra thất lễ, tiên vương lấy đó làm răn, cho rằng dân thất đức, không ai là không do ham mê rượu, vua mất nước không ai là không do ham mê rượu; rõ ràng cho rượu là thứ thuốc độc bảo người ta nên cảnh giác; thế mà những vua đời sau thường không tỉnh ngộ như: Vua Lệ vương nhà Chu say sưa rồi hò hét suốt ngày suốt đêm; Vua Thành đế nhà Hán ăn yến, uống rượu ở trong cung cấm, bắt mọi người đã rót phải đầy, đã uống phải cạn; Vua Hiếu Vũ nhà Tần cùng anh em ngày đêm chè chén liên miên; Vua nhà Trần tên là Thúc Bảo (1), vua tôi thường say sưa ca xướng suốt đêm đến sáng, Vua nhà Tề tên là Văn Tuyên (2) thường uống rượu li bì; Vua Dạng đế nhà Tùy, miệng không lúc nào rời khỏi chén rượu; Vua Mục Tông nhà Đường, yến ẩm bữa bãi, không còn gì là tiết độ; Vua Kính Tông nhà Đường thường cùng với quân sĩ tướng soái uống rượu cả đêm; Vua Huy Tông nhà Tống thường say khướt ở nhà ông Vương Phủ; Vua Độ Tông nhà Tống thường uống rượu say và hát xướng ở thâm cung; Vua Vũ Tông nhà Nguyên say mê chè chén. Những vua này đều đánh đổ quốc gia của mình lấy sự phóng túng ham mê, an nhàn dật lạc mà không biết quốc gia lâm nguy. Hoặc cũng có người biết mà không sửa được. Than ôi, thế cũng là ngu muội thật! Người làm bầy tôi cũng thế. Lớn thì như Trúc Lâm thất hiền(3), thà sức uống rượu, say sưa mê mẩn, bỏ cả việc đời, lại hoại lễ giáo. Nhỏ thì như Từ Phán (4) nhận rượu của kẻ hầu cận, Bá Hữu(5) làm nhà hầm

dưới đất uống rượu vui chơi trần. Những hạng này đều vì rượu mà làm cho tan nát nước mình, khổ hại thân mình. Than ôi! Trời ra oai đối với kẻ say sưa càn rỡ, chẳng đáng sợ ư?

Chú thích

- (1) *Thúc Bão*: tên vua Hậu chủ, con vua Tuyền đế nhà Trần, vì ăn chơi để nhà Tùy diệt mất nước.
- (2) *Vua nhà Tề tên là Văn Tuyên*: nhà Tề đây là Bắc Tề (550 - 560) không phải như Tề thuộc Nam triều. Văn Tuyên tức là Tuyền đế, họ Cao tên Dương.
- (3) *Trúc Lâm thất hiền* (bảy người hiền ở rừng trúc): Đồi Tẩn có Sơn Đào, Nguyễn Tịch, Kê Khang, Hương Tú, Lưu Linh, Nguyễn Hàm, Vương Nhung, gồm bảy người thường tụ tập ăn chơi ở rừng trúc. Theo quan điểm nhà nho cho họ là phóng túng say sưa quên cả danh giáo. Sự thực bọn này tiêu biểu cho xu hướng bất mãn thoát ly của sĩ phu đương thời đối với nhà Tần.
- (4) *Tử Phán*: người thời Xuân Thu, tức là công tử Trắc nước Sở.
- (5) *Bá Hưu*: người nước Trịnh, thời Xuân Thu.

38-3. Vua Đại Vũ rắn; không được thích rượu ngon (1), vua Thành Thang rắn; không được rượu chè hát xướng (2), vua Văn vương dạy bảo những người niên thiếu có quan chức, có chức nghiệp, không được luôn luôn uống rượu; cho đến cả bọn con em các vua chư hầu, chỉ khi nào có tế tự, mới được uống rượu, nhưng không được say sưa, bỏ cả công việc (3). Ý ba vua này rắn về uống rượu đều nhất trí với nhau. Người có chức vị chăm giữ lễ độ, người thường dân hết sức làm ăn, mới có thể giữ cho phong tục thuần

hậu, làm cho đất nước trị bình. Nếu chỉ say mê về an nhàn vui chơi, thì bỏ cả công việc và bại hoại cả đức tốt vậy.

Tiêu Hà (4) nhà Hán định pháp luật: hễ ba người vô cố mà tụ tập uống rượu thì phạt bốn lạng vàng. Vũ Hầu (5) cai trị nước Thục (cấm nấu rượu), ở chợ không có người say rượu. Vua Văn tông nhà Đường, mỗi khi có viên quan thứ sử đến chào từ biệt, di nhậm chức thì đều răn bảo rằng: "Chớ có uống rượu". Thời vua Thái tông nhà Tống, có lệnh cấm binh sĩ, ai mua rượu đem vào doanh trại thì có tội. Các vị Tiêu Hà, Vũ Hầu, Văn tông, Thái tông há không phải là những người hiểu thấu lời răn bảo cần thận đó của Văn vương ư?

Chú thích

- (1) Diễn này ở Hạ thư, Ngũ tử chi ca.
- (2) Diễn này ở Thương thư, Y Huấn.
- (3) Diễn này ở Chu thư, Túc cáo.
- (4) *Tiêu Hà*: người đất Bái, có công đầu trong việc giúp Hán Cao tổ bình định Trung Quốc. Luật lệnh nhà Hán, phần nhiều do Tiêu Hà đặt ra.
- (5) *Vũ hầu*: tức là Gia Cát Lượng, tên tự là Khổng Minh, người thời Tam Quốc từng giúp Lưu Bị khôi phục nhà Hán. Khi cầm quyền ở nước Thục có ra lệnh cấm nấu rượu.

- 38-4. Cha mẹ có việc vui mừng thì có thể uống cho vui (1).
Các người già cả (2) thì mời rượu được [đó là tò ý kính lão]. Khi tế tự thì uống rượu được, [để thừa

huệ thụ phúc của thần thánh ban cho]. Các việc này đều là nhân tình thiên lý như thế. Thánh nhân lập ra giáo huấn, cốt làm cho người ta dễ hiểu và dễ theo mà thôi.

Chú thích

- (1) Câu này là lời răn bảo dân chúng ở Muội bang. Còn 2 câu sau là lời răn bảo quan lại ở Muội bang.
- (2) Nguyên văn *Dưỡng lão*: quốc lão được phụng dưỡng (quan già cả có công đức) và *thứ lão* tức là thường dân già lão.

38-5. Người có chức sự không dám thích uống rượu, vua các nước chư hầu, bách quan, dân chúng ở hương thôn, hết thầy đều chẳng dám ham mê uống rượu; phong hóa sao mà tốt đến thế. "Thường giữ lấy đức tốt, nắm vững trí khôn ngoan" (1), điều then chốt ấy tùy quan hệ ở vua trên, nhưng điều cốt yếu hơn lại là "lất cả mọi người chẳng những không dám thích rượu mà cũng chẳng thể nhàn rỗi để uống rượu". Sách Quốc ngữ nói: "Dân có khó nhọc thì mới hay suy nghĩ, suy nghĩ thì thiện tâm nảy ra. Dân nhàn thì hay dâm dật, dâm dật thì tính ác sinh ra". Vua chư hầu là người có trách nhiệm trị dân giữ nước, các quan khanh, đại phu, quan sĩ là người có quan chức có nhiệm vụ; dân chúng là người có bốn phận nặng nề: trên phụng dưỡng cha mẹ, dưới chăm nuôi vợ con, có công việc phu dịch phải gánh vác vất vả. Hãy làm cho ai nấy đều suy nghĩ đến chức phận của mình, phải làm như vua chư hầu buổi sáng xem

mệnh lệnh của thiên tử, ban ngày khảo sát việc nước, buổi chiều xét lại pháp luật đã thi hành, buổi tối rảnh bảo trăm quan, không để cho ai được phóng túng vô độ, rồi sau đó mới đi nằm nghỉ. Quan khanh, quan đại phu buổi sáng xét chức vụ của mình, ban ngày giải quyết các công việc, buổi chiều xếp đặt các công việc cho có thứ tự, đêm tối giúp đỡ việc nhà, rồi sau mới đi nằm nghỉ. Quan sĩ [quan nhỏ] buổi sáng nhận công việc, ban ngày giải quyết cho thông suốt, buổi chiều tổng kết lại, đêm đến tính lại xem có gì sai lầm không. Không còn gì ân hận nữa, mới đi nằm nghỉ ngơi. Kẻ thứ dân thì sáng ra đã làm việc, tối đến mới được nghỉ, không có ngày nào trễ biếng; người có chức vụ thì lao tâm, bình dân thì lao lực, lại còn rảnh lúc nào mà vui chơi yến ẩm. Cho nên cấm uống rượu chỉ là việc ngọn để trị người, khuyến khích cổ vũ sự cho người ta chăm lao động mới là việc gốc để cảm hóa người vậy.

Chú thích:

(1) và (2) Hai câu này đều là lời Vũ vương khuyên bảo Khang Thúc.

38-6. Người làm bầy tôi mà không dám say mê uống rượu, thật có thể giúp nên đức tốt cho vua. Xem như: Trần Kính Trọng (1) hầu rượu vua Hoàn Công [ở nhà riêng của mình] tiệc rất vui, Hoàn Công nói: "[Trời mau tối quá, chén vui chưa xong] thắp đèn được lên để tiếp tục uống". Trần Kính Trọng từ tạ nói: "Thần

chỉ chuẩn bị rượu uống ban ngày, chưa chuẩn bị rượu uống ban đêm, không dám vâng mệnh đối duốc". Lý Cảnh Bá (2) hầu yến vua Trung tông | cùng với các bề tôi thân quý, rượu say rồi lần lượt ca hát } ông ca rằng: "Các người cầm chén rượu ca điệu từ "hồi ba"; tiểu thần này chúc trách cốt ở can gián (3). Theo lễ, uống rượu chỉ nên uống 3 chén; ca hát âm i e mất cả lễ nghi". Hai người bày tôi này đều chính thân biết giữ lễ mà không để cho vua phạm lỗi hoang dâm (4) vậy.

Chú thích

- (1) *Trần Kính Trọng*: tức là công Tử Hoàn nước Trần, lánh nạn, chạy sang nước Tề, vua Tề cho làm quan khanh, ông từ chối không làm, về sau bắt dắc dĩ mới nhận chức coi trăm thợ. Tề Hoàn công coi ông là người hiền, hay tới nhà chơi uống rượu (Tả truyện, Trang công năm thứ 22).
- (2) *Lý Cảnh Bá*: người đời Đường làm quan gián nghị đại phu thời vua Trung tông. Vua cho thị thần ăn yến, bảo mỗi người đều làm một bài từ theo điệu "hồi ba". Người thì đặt lời ca nịnh hót, người thì đặt lời ca cầu xin, riêng Cảnh Bá đặt lời ca can gián để cho vua tỉnh ngộ (Đường thư).
- (3) *Chức trách cốt ở can gián*: Lý Cảnh Bá làm chức gián nghị đại phu có trách nhiệm can gián.
- (4) *Hoang dâm*: uống rượu say sưa quá độ, nói càn làm hậy.

38-7. Câu "Dân chúng vô cố mà quần tụ uống rượu, người chó tha thứ". Thái truyện cho *dân chúng* đây là chỉ dân chúng nhà Thương, Họ Trần, Họ Sù cho chữ *dân chúng* là chỉ thần dân nhà Chu. Thuyết của họ

Trần, họ Sứ phải hơn, vì rằng dân nhà Chu (1) vốn trước đã tuân theo giáo hóa của Văn vương, nay đến Muội bang, nếu không cảm hoá được người [nhà Thương] lại bị tiêm nhiễm vết xấu của người [nhà Thương] thì thật đáng ghét. Lại chẳng đáng bắt đưa về quê cũ để luận tội hay sao?

Chú thích

(1) *Dân nhà Chu*: tức dân ở vùng Cáo kinh, nơi quê cũ của Văn vương, Vũ vương.

38-8. Câu "Nếu chẳng chịu tuân theo lời giáo huấn của ta [thì ta không thương xót nữa] để tiếp ngay dưới câu "Hãy cứ dạy họ đã" - chữ [không thương xót] là chỉ vào các bề tôi nhà Ân đã được răn bảo cẩn thận hai ba lần rồi mà vẫn còn quen thói xấu cũ, phạm quốc cấm, thì không thể tha, sẽ bị tội giết. Vì rằng đã được dạy bảo rồi mà lại cứ phạm thì không phải là vô tình hay không may mà lầm lỡ, đó chính là cố ý làm càn để phạm pháp; tội tuy nhỏ, cũng không thể nào không giết được.

39. TỬ TÀI(1)

39-1. [Vua Vũ vương bảo Khang Thúc rằng: các vua chư hầu có trách nhiệm] đem tình hình của dân và của các bề tôi thông đạt đến các nhà quan to: khanh, đại

phu, đem tình của bầy tôi thông đạt với thiên tử [Như vậy] chẳng những là làm cho tình trên dưới thông cảm nhau, mà cũng còn có kỳ cương thứ tự ở trong đó.

Chú thích

- (1) *Từ tài*: tên một thiên ở Chu Thư, thể cáo. Thiên này cũng là thư của Vũ vương khuyên Khang Thúc. Vũ vương đem đạo lý trị nước để khuyên bảo muốn cho Khang Thúc làm thông đạt tình giữa trên và dưới; khoan nói việc dùng hình phạt. Vì trong thư có 2 chữ: "Từ tài" (là gỗ tốt dùng làm đồ được) nên mới gọi là thiên Từ Tài.

39-2. Câu "Thương xót người góa bụa" ở thiên này cũng giống như ý của Văn vương không dám khinh thường người "cùng dân" góa vợ góa chồng vậy. Câu "Thương xót phụ nữ khốn cùng cô độc" ở thiên này ý nghĩa cũng như loại chính sách cứu đói trong năm mất mùa, và bỏ bớt lễ nghi cho nhiều người có thể kết hôn được (1).

Chú thích

- (1) *Cứu đói và bỏ bớt lễ nghi*: điển này ở Chu lễ (về nhiệm vụ của quan đại tư đồ).

40. THIỆU CÁO(1)

40-1. Việc đóng đô ở Lạc ấp là do Vũ vương bảo làm, rồi Thanh vương hoàn thành. Họ Vương cho rằng:

"Cảnh giác cái nạn ba quan giám (2), cẩn thận để phòng đám dân ngoan ngoan nhà Ân, thì Lạc Ấp ở gần Muội Bang có thể dễ dàng trấn áp số dân ấy". Lại cho rằng: "Cảo kinh là nơi có tông miếu cung thất, không nên dời đi, cho nên Lạc Ấp chỉ để hội họp các nước chư hầu mà thôi", nói thế thì hình như chưa hiểu rõ ý đồ của Vũ vương và Chu công vậy. Từ ấp Kỳ dời đến ấp Trình, từ ấp Trình dời đến ấp Phong, từ ấp Phong dời đến đất Cảo, chỗ nào là không có tông miếu cung thất, đâu phải vì thế mà ngại thiên đô đâu? Dựng đô lập ấp là việc trọng đại. Nhà Thương lần lượt đóng đô ở đất Hinh rồi đất Hiệ, đất Cảnh, đất Tương, luôn luôn bị vỡ đê ngập lụt, ở đất Triều Ca Hà Bắc thì không được lâu dài. [Nhà Chu] thật đã có gương sáng rõ ràng của đời trước. Đô ấp nhà Chu thường bị rợ Huân Dục, rợ Côn Di xâm lăng luôn. Từ đất Mân buộc phải dời đến đất Kỳ. Từ đất Kỳ phải dời đến đất Trình. Từ đất Trình lại phải dời đến đất Phong. Đó là việc phải luôn luôn lo tính, để phòng trong đời Chu. Nay xem vùng sông Y, sông Lạc là trung tâm của thiên hạ, phong khí thuần hòa, địa thế hùng vĩ, bên tả là đất Yên Sư, đất Cảnh, đất Bặc, tức là kinh đô cũ nhà Thương, nơi vua Bàn Canh ở trước và đã là nơi kinh đô có dân chúng tụ cư, bên hữu thì núi Hào, đất Thiểm chỉ cách Cảo kinh nhà Chu độ 300 dặm, lại là nơi đường thủy, đường bộ, thuyền bè xe ngựa đi lại tụ tập rất tiện lợi. Đặt vững ngôi vua, triều hội chư hầu, cổ kết lòng dân, kéo dài phúc nước, tất cả đều nhờ ở đất này, cho nên Vũ vương dời ngay 9 cái

định (3) đến Lạc Ấp, thực là muốn sửa sang chỗ ở để xây dựng cơ nghiệp lâu dài, vô cùng lo liệu cho sự yên ổn muôn đời chứ không phải chỉ để làm nơi triều hội các nước chư hầu mà thôi.

Chu thư nói: "Vũ vương suốt đêm không ngủ, dậy sớm đem việc ấy bảo Chu công. Chu công khóc nức nở, không thể nào đáp lại được". Tình nghĩa giữa chỗ vua tôi anh em (4) mưu sâu kế mật có lẽ đến như thế thực.

Vũ vương chưa kịp xây dựng Lạc Ấp [thì đã mất], Thành vương [nổi ngôi] lại lưu luyện Cáo kinh, chỉ sai quan lưu lại để quản trị đô ấp mới, không quả quyết theo câu nói "Vua đến Lạc Ấp để vâng mệnh trời trị dân" của Thiệu công, và câu nói "Ơ giữa thiên hạ để lo toan trị dân" của Chu công. Do đó, người đời sau mới cho việc xây dựng Lạc Ấp, chuyên để an trí dân ngoan ngạnh nhà Ân. Kế về dân nhà Ân thì bảy tộc đã giao cho Vệ hầu, sáu tộc đã giao cho Lỗ hầu, số dân nhà Ân còn sót lại ở ấp Bội ấp Dung tưởng chẳng qua chỉ là hai ba ấp, thì sự liệu lý có khó gì, mà phải làm cho thiên hạ vất vả để làm ra một đô ấp lớn cho chúng ở. Khi Vũ vương phong cho Vũ Canh có phải đã biết trước nó sẽ làm phản, do đó muốn xây dựng Lạc Ấp để chế ngự nó chăng? Nếu quả là định phòng bị như thế thì phải dời hết các dân nước Hoài di, Từ, Yêm (5), đến Lạc Ấp, chứ sao vua lại không làm như vậy? Đó thật là ý kiến nông cạn. Như vậy thì việc di dân nhà Ân đến Lạc Ấp là có ý nghĩa gì? Tôi xét: đời

sau lập đô ấp, phần nhiều di dân đến ở cho đông, cũng có khi còn chiêu mộ dân đến ở, đó là việc rất thường. Xem như câu Quản tử nói: "Xây dựng đô ấp tất phải ở chân núi có tiếng, ở bên cạnh sông to", đất rộng lại bỏ hoang, không thể nào không có dân, cho nên nhân lúc trừ bỏ nước Ân, bèn di ngay dân nhà Ân đến, để cho ở ngoại ô Lạc Ấp. Nếu Vũ Canh không làm phản cũng phải dời dân chỗ khác đến ở, quyết không thể để ruộng đất xóm làng ở đây bỏ trống không. Xem như vua Bàn Canh thiên đô đến đất Bặc, cũng dời dân ấp Canh đến, mà bảo dân ấy rằng: "Đi đến ấp mới đi! Xây dựng cơ nghiệp lâu dài của các người ở đây". Đâu có gì là cảnh giặc muốn trấn áp dân? Ngu này cho rằng khi vua Bàn Canh thiên đô đến đất Bặc, dân ấp Canh phao tin đồn nhảm, làm dao động lẫn nhau không chịu đến chỗ ở mới, thì vua bèn khuyên bảo mãi, nói đến ba thiên (6). Vua bảo đảm thần hạ rằng: "Phải kính cẩn công việc của các người, chỉnh tề chức vị của các người, cẩn thận lời nói của các người". Vua Thành vương di dân đến Lạc Ấp, cuộc manh động của dân nhà Ân vừa mới chấm dứt, họ chưa thấm lời dạy của vua, thì vua phải khuyên bảo đến 2 thiên (7). Vua bảo dân ấy rằng: "Đi đến ở nhà của các người, cày cấy ruộng của các người". Sự việc ở hai đời tuy khác nhau nhưng ý nghĩa thì là một, đều là thực hành đạo thường để chỉnh tề muôn dân. Nói là vì [lo đề phòng, lo trấn áp] mà xây dựng kinh đô ở Lạc Ấp thì không đúng.

Chú thích

- (1) *Thiệu cáo*: tên một thiên ở Chu Thư, thể cáo. Tả truyện nói: "Vũ vương đã đánh được nhà Thương di chuyển 9 cái đỉnh đến Lạc Ấp", thì việc định đóng đô ở Lạc Ấp là dự định của Vũ vương nhưng do Chu công và Thành vương thực hiện. Thiệu công xây dựng xong Lạc Ấp rồi Thành vương mới lên ngôi. Nhân có Chu công đồng chinh về, Thiệu công viết thư báo với Thành vương, nhờ Chu công chuyển. Trong thư thiết tha mong muốn vua thu phục được lòng dân để làm bền gốc nước. Sứ thần chép lại thư của Thiệu công, gọi là thiên Thiệu cáo.
- (2) *Ba quan giám*: Quan Thúc, Thái Thúc, Hoắc Thúc (xem thêm ở 31-3 ct 4 và 34-2 ct 1).
- (3) *Chín cái đỉnh*: tương truyền vua Đại Vũ nhà Hạ thu số "vàng" của chín quan mục ở chín châu, đúc chín cái đỉnh để tượng trưng cho chín châu. Thành Thang sau khi đánh được nhà Hạ, đem chín đỉnh ấy về Thương Ấp, Vũ vương sau khi đánh được nhà Thương, dời chín đỉnh ấy về Lạc Ấp. Dời xưa cho rằng nhà nào giữ được chín cái đỉnh ấy là tượng trưng cho sự thống trị toàn bộ Trung Quốc.
- (4) *Tình nghĩa giữa chỗ vua tôi anh em*: lấy nghĩa mà nói thì Vũ vương là vua, Chu công là bày tôi, lấy tình mà thôi thì Vũ vương là anh, Chu công là em.
- (5) *Các nước Hoài di, Tì, Yêm*: ba nước này là phe cánh của Vũ Canh, làm phản nhà Chu.
- (6) *Ba thiên*: thiên Bàn Canh thượng, Bàn Canh trung và Bàn Canh hạ, toàn là lời khuyên bảo tuần dân về việc thiên đô.
- (7) *Hai thiên*: thiên Lạc cáo và thiên Đa sĩ.

40-2. Quan thái bảo [Thiệu công] đi đến đất lạc, bói việc đặt đô ấp, được quẻ tốt thì xây dựng ngay, lập tức chia đặt vị trí (1) các ngôi tòa, chưa từng xin mệnh

nhà vua. Nhất thời tự tiện làm ngay như vậy e không khỏi là khinh suất. Ý chừng khi Chu công đông chinh (2) và trong những ngày ông lánh ra ở phía đông (3), đã có ý chọn lấy chỗ đất này và đã từng về thành địa đồ; quan thái bảo cũng đã biết rõ từ lâu, đến lúc này mới được quẻ tốt, thì lập tức xây dựng, chỉ đợi Chu công đến xem mà thôi.

tú thích

- (1) *Chia đặt các vị trí*: [tại đô ấp] theo Kinh Thư thì vị trí như sau: bên tả lập nhà tông miếu thờ tổ tiên, bên hữu lập nền xã thờ thần hậu thổ, đằng trước đặt triều đình, cung điện v.v... đằng sau đặt thành thị.
- (2) *Đông chinh*: xem 31-3 et 4, 35-1 et 1.
- (3) *Lánh xa ở phía đông*: Vũ vương mất, Thành vương nối ngôi; làm vua, còn nhỏ, Chu công nhiếp chính. Quán Thúc, Thái Thúc và Vũ Canh lại phao tin Chu Công sẽ cướp ngôi vua, làm cho Thành vương lo sợ. Chu công phải lánh ra ở Đông Đô để tránh hiềm nghi (việc này xảy ra trước việc đánh Vũ Canh và Tam Thúc) (xem thêm 35-1 et 1).

40-3. Lúc đầu, Thành Vương mới lên ngôi, Chu công [tránh hiềm nghi] lánh ra ở Đông đô (1) hai năm mới về; lại đi đánh miền đông (2) trải qua ba năm mới kéo quân về rồi lại hai năm nữa mới làm đô ấp, trưng tập [dân phu ở] các nước chư hầu đến phân phối công việc, ngày Canh Tuất đem dân chúng đất Ân đi phục dịch việc chia đặt các vị trí (3). Thái truyện cho là "ý chừng lúc ấy dân đất Ân đã được dời đến đất Lạc cho nên mới đến phục dịch". Ngu

này xem một tiết ở sau có nói: "Ngày Giáp Tí, Chu công mới dùng tờ thư sai các quan bang bá (4), ở hầu phục, diện phục và nam phục (5) [đến phục dịch]". Đó là chúng tỏ các nước chư hầu đã đến chỗ triệu tập. Ý chừng cho dân sĩ nhà Ân ở kinh đô cũ nhà Ân là một ấp to nên cho đứng trước các nước chư hầu, đó là giữ thể diện cho chúng. Họ Ngô cho rằng: "Dân chư hầu bốn phương chưa đến, chỉ có dân chúng đất Ân đã dời đến đất Lạc từ trước, là có thể sai khiến phục dịch được". Nói thể rất là không đúng. Xem thiên Khang cáo nói: "Tháng ba xây dựng đô ấp mới, dân chúng bốn phương tụ hội rất hòa hợp". Đâu có lẽ công việc trọng đại như thế mà lại không định trước thời hạn tập trung? Các nhà nghị luận cho rằng "Dời dân đất Ân ở từ trước khi xây dựng Lạc Ấp". Nhưng xét ra vùng sông Lạc vốn là khu đất bỏ không. Chu công, Thiệu công mới bói được vùng đất phía đông sông Giản, phía tây sông Triều, để làm Đông đô (6). Thành nhà vua đặt thần cục (7) ở đây. Hai ông lại bói được khu đất ở phía đông sông Triều, để làm hạ ấp [ấp dưới] ở đất Thành Chu (8), dời dân nhà Ân đến ở đấy.

Triều Thổ dời Hán nói: "Dời cổ muốn di dân đến đâu, trước hết phải xem khí âm khí dương ở đấy có hòa không nên xem nước mạch ở đấy có tốt không, rồi mới xây dựng đô ấp, đắp thành quách, chia vạch làng xóm và nhà ở. Đầu tiên giúp dân xây dựng nhà cửa, đặt sẵn khí vật ở đấy. Dân đến là có chỗ ở, cần làm việc là có đồ dùng ngay. Trước khi Chu công và Thiệu công chưa xem đất đóng đô, thì

vua không biết sai quan nào đi xem địa thế và chưa biết dời dân nhà Ân đến an trí ở chỗ nào". Ngu này tưởng rằng dân đất Ân, ngay lúc xây dựng Lạc Ấp đã được triệu tập đến phục dịch, và ngay lúc đó đã chia vạch vùng hạ ấp, làm nhà cửa, định vị trí cho họ ở rồi, như thế thì mới hợp lý. Xem xét văn trong kinh Thư chép, cũng có thể thấy rõ. Vì rằng thiên Thiệu cáo, thiên Lạc cáo đều không nói gì đến việc dời sổ dân ngoan ngạch nhà Ân; đến thiên Đà sĩ chép việc Chu công lưu lại trị lý Lạc Ấp mới thấy có mệnh lệnh nói: "Chỉ vì cơ ấy (9), mới dời các người đến đây, ở phía tây Lạc Ấp".

Thái truyện theo thuyết của họ Ngô, cho rằng "Kinh đô của vua Trụ cách Lạc Ấp hơn 400 dặm; Thiệu công đâu có bỏ rơi những dân bạn bè ở gần, lại đi gọi bọn dân đối địch ở nơi xa đến phục dịch". Rồi ông ta đoán rằng: người phục dịch việc chia đặt vị trí tức là sổ dân đã dời đến Lạc Ấp. Tôi thiết tưởng rằng vua hiệu triệu dân khắp thiên hạ, có phân biệt gì chỗ gần, chỗ xa, yên định cả vùng phía đông, có hỏi gì dân thù dân bạn. Viết thư ra lệnh cho các quan bang bá ở dân bạn bè thân cận. Xem như câu "Thành nước Hán rộng lớn kia, do quân nước Yên xây dựng" (10) thì có phải là sai dân ở gần phục dịch đâu? Sách *Thư tự* cho là "kinh đô ở Thành Chu đã làm xong, mới dời ngoan dân nhà Ân đến" thì chẳng nên ngờ lời nói ấy là sai. Xem như thiên Đa sĩ nói: "Trăm xây dựng đô ấp lớn ở đất Lạc này... cũng có các người có chức vị của nhà Ân cũ, đã bỏn tấu phục dịch và thần phục nhà Chu ta.

Nhiều người có đức tính tốt khiêm tốn thuận theo [nên để ở yên đây]". Đó cũng là câu nói công bằng. Những chữ "bôn tẩu phục dịch", chỉ vào khi chúng ở Muội Bang cũng được, hà tất cứ phải cho là đời dân ngoan ngoãn đến từ trước khi xây dựng Lạc Ấp.

Chú thích

- (1) *Lánh ra ở Đống Đố*: xem 40-2 ct3.
- (2) *Đi đánh miền đông*: tức đồng chinh, xem 31-3 ct 4 và 35-1 ct 1.
- (3) *Chia đặt các vị trí*: xem 40-2 ct 1.
- (4) *Quan bang bá*: chức quan trưởng coi một địa phương tức là quan phương bá hay châu mục.
- (5) *Hầu phục, diện phục, nam phục*: xem 6-9 ct 1.
- (6) *Đống đố*: tức là Lạc Ấp (còn Tây Đô là Cáo kinh).
- (7) *Thần cực*: nơi thiên tử ở.
- (8) *Làm hạ ấp ở đất Thành Chu*: Lập một ấp nhỏ cho thường dân ở tại đất Thành Chu (tức là ở Lạc Ấp).
- (9) *Chỉ vì cơ ấy*: vì cơ trời giáng tai họa lớn cho nhà Ân (nói rõ ở tiết trên Da Sĩ).
- (10) Hai câu này ở Kinh Thi, Đại Nhã, Hàn Dịch (Thành nước Hàn do Thiệu công đem quân nước Yên đến xây dựng).

40-4. Chu công từ Lạc Ấp về đến đất Chu (1), Thiệu công nhờ có Chu công dâng lời khuyên lên vua Thành vương. Các bậc nguyên lão đại thần tả hữu phù trì như thế, thảo nào Thành vương chả thành vua hiền.

Chu công, nhân thấy con cháu nhà Thương quy phục nhà Chu, cảm thấy mệnh trời là không cố định

[chỉ cho một dòng họ nào làm vua] bấy giờ mới làm thơ (3) khuyên Thành Vương tu đức. Thiệu Công nhận thấy dân chúng đất Ân hết sức phục dịch đất Lạc, cảm thấy mệnh trời hết sức thương mến nhà Chu; bấy giờ mới làm tờ cáo (4) khuyên Thành vương cố gắng rút tu sửa đức tốt. Ý của hai ông là một vậy.

Chú thích

- (1) *Đất Chu* : Cáo Kinh, chỗ Thành Vương đóng đô, thường gọi là Tồn Chu.
- (2) *Nguyên lão đại thần* : bậc đại thần cổ cựu, tư cách danh vọng rất cao.
- (3) *Thơ* : thơ *Văn vương* ở Đại Nhã, Kinh Thi.
- (4) *Tờ cáo* : tức thiên Thiệu cáo (thư của Thiệu công dâng lên Thành vương, nói đã xây dựng xong Lạc Ấp).

40-5. [Thiệu công nói]: "Răn bảo dân nhà Ân, nên bắt đầu từ các quan ngự sự" (1) có nghĩa là muốn điều khiển dân nhà Ân thì trước hết phải thu phục được các quan chức cũ nhà Ân. Đoạn dưới nói: "Nhà vua trước hết làm sao cho các viên ngự sự nhà Ân cảm phục, để họ thân cận giúp đỡ các ngự sự nhà Chu ta". Đại khái [ý hai câu ấy] cũng như nhau. Dân chúng đất Ân đến phục dịch, đâu phải chỉ có thường dân, còn có cả những là quan Khanh, đại phu, thế tộc đến đốc suất công việc, tức là những người có chức vị của nhà Thương trước. Thái truyện cho rằng "Thiệu công không dám chỉ vào Thành vương mà

nói; gọi là "ngự sự" cũng như ngày nay gọi là "chấp sự". Nếu vậy thì câu nói ở đoạn trên không hợp với ở đoạn dưới.

Chú thích

- (1) *Ngự sự* : người có chức sự (quan lại) gần giống như chữ "chấp sự" là người giữ công việc do nhà vua sai phái.

- 40-6. Thiệu công báo vua Thành vương " đến ở đô ấp mới (1) này để vâng mệnh trời trị dân". Chu công báo Thành vương "mệnh trời thương mến nhà Chu đã thành, công hiệu trị dân từ nay chắc chắn sẽ tốt đẹp". Cũng giống ý câu vua Bàn Canh nói với nhân dân: trời sẽ để kéo dài vận mệnh của ta ở ấp mới (2) này".

Chú thích

- (1) *Ấp mới* : Lạc ấp mới xây dựng xong.
(2) *Ấp mới* : ấp Bạc, nơi vua Bàn Canh mới dời đến.

- 40-7. "Không quên bỏ lão thần", thế là tôn trọng bậc kỳ cựu có đức vọng. "Nhìn nhận và sợ dân là nham hiểm" (1) thế là biết cội rễ cái gốc của nước (2). "Trước hết làm cho các viên ngự sự nhà Ân cảm phục", thế là cẩn thận chấn chỉnh quần thần bách quan. "Chớ sát hại thường dân", thế là giảm bớt hình phạt. Điều hòa tiểu dân, kéo dài mệnh trời há lại chẳng lấy các điều ấy (3) làm gốc ư?

Chú thích

- (1) *Dân là nham hiểm* : dân tuy rất nhỏ mà rất đáng sợ , "vì họ quyết định sự tồn vong của các triều đại.
- (2) Kinh Thư có câu "Dân là gốc của nước".
- (3) *Các điều ấy* : bốn điều Thiệu công khuyên vua Thành vương đã kể trên.

40-8. Làm cho những di thần (1) nhà Ân cẩn thận giúp đỡ bầy tôi nhà Chu. Đó thật là làm cho các bề tôi cùng trở nên tốt, có ý coi họ như người cùng một nhà, có nghĩa đại đồng (2), có lượng bao dung (3), và có phương pháp giáo huấn không dùng lời nói.

Chú thích

- (1) *Di thần* : bầy tôi của một triều đại đã mất còn lưu lại.
- (2) *Đại đồng* : xã hội cực kỳ thái bình thịnh trị (hai chữ này ở Lễ Ký thiên Lễ vận).
- (3) Nguyên văn là *Bao hoang*: dung nạp cả những thứ ứ tạp, tức là bao dung cả kẻ xấu để giáo huấn dần (hai chữ này ở quẻ Thái, Kinh Dịch).

40-9. Triều đại nhà Hạ, cha truyền con nối, niên đại lâu dài, thế mà khi gặp phải vua cháu chắt (1) thất đức, thì mất nước ngay, đó là sự việc rõ ràng ở trước mắt. Thiệu công nói: "Nhà Chu ta không thể không trông gương nhà Hạ [mất nước], cũng không thể không trông gương nhà Ân [mất nước], lời nói của ông thật

là sâu sắc thống thiết. Giả Sơn (2) mượn việc nhà Tần [bị diệt] làm ví dụ; Ngụy Trưng (3) lấy việc nhà Tùy [bị diệt] làm lời răn. Vua Thái tông nhà Đường nói: "Trẫm thường nghĩ đến Dạng đế [nhà Tùy, vị] kiêu ngạo bạo ngược mà mất nước". Vua Thái tổ nhà Liêu bảo sứ giả nhà Đường rằng: "ta nghe nói vua Trang tông nhà Đường ham mê thanh sắc, ăn chơi, săn bắn, không thương binh sĩ và nhân dân cho nên mới đến nỗi thế. Từ khi ta nghe biết chuyện ấy thì cả nhà ta thôi uống rượu, bãi bỏ phường chèo hát, thả hết chim mồi, chó săn, vì nếu ta bắt chước hành vi của Trang tông thì ta sẽ tự làm ta mất nước thôi".

Đây là những người biết trông gương người trước mà tự răn mình vậy.

Chú thích

- (1) *Nguyên văn Mạt tôn* : người cháu đời sau rất xấu xa. Sau vua Đại Vũ nhà Hạ 10 đời thì có "mạt tôn" là chúa Kiệt. Sau vua Vũ Đinh nhà Ân 9 đời thì có "mạt tôn" là chúa Trụ.
- (2) *Giả Sơn* : người đời Tây Hán, thời vua Văn đế, dâng thư nói về đạo trị loạn, có mượn việc nhà Tần bị diệt làm ví dụ.
- (3) *Ngụy Trưng*: người đời Đường, tên tự là Huyền Thành, thời vua Thái tông, ông làm gián nghị đại phu, tính cương trực dám nói, vua cũng kính sợ.

40-10. Tiểu dân hay làm những điều phi pháp thì phải nên nghĩ cách để dạy bảo họ, không nên giết hại quá nhiều, làm tổn thương đến hòa khí [của trời đất] và tổn hại đức tốt [của bản thân]. Vì đạo trời là thần

minh, đạo người là không giết càn. Nay xem như dân chúng nước Miêu vừa kêu oan với trời thì dòng vua nước Miêu bị tuyệt diệt ngay (1). Dân nhà Hạ đều kêu oan với thần trời thần đất, thì vận mệnh nhà Hạ bị truất bỏ ngay (2).

Ra oai tàn sát, làm thiên hạ đau khổ, vua Trụ nhà Thương vì thế mà mất nước. Giết người như làm cò, vua Thủy Hoàng nhà Tần vì thế mà nguy vong. Dùng quan lại tàn ác cho tha hồ tàn sát, nhà Hán mắc ngay cái vạ vu cổ (3). Chỉ dựa vào hình pháp đặt ra luật rất nặng, vận mệnh nhà Tùy cũng ngắn ngủi. Cuối đời nhà Đường xử trí đám binh sĩ nổi loạn, giết hại quá nhiều: giết quân ở Vạn Thành 2000 người, giết lính mộ ở phủ Hưng Nguyên 800 người. Giết hết lính Ngàn đao (4) ở Từ Châu gồm mấy ngàn người. Số người bị chết oan nhiều vô kể, họ Lý (5) vì thế mới diệt vong. Năm triều đại: Lương, Đường, Tấn, Hán, Chu, đều chỉ vì tàn sát thái quá nên vận nước đều không được dài lâu (6). Xem thế mới biết Thiệu công khuyên vua Thành vương dùng đức chính, giảm hình phạt, đó là phương pháp căn bản để cầu trời cho vận mệnh quốc gia được lâu dài.

Thú thích

- (1) *Nước Miêu* : tức là Hữu Miêu hay Tam Miêu. Vua nước Miêu hôn mê, ngạo mạn, tàn hại dân, bị Đại Vũ trừ bỏ.
- (2) Chỉ việc Thành Thang nhà Thương đánh vua Kiệt nhà Hạ.
- (3) *Vu Cổ* : thầy cúng dân bà dùng phù phép nguyên rú để hại người. Vua Vũ đế nhà Hán tin bọn phương sĩ nên các thầy cúng hay tụ hội ở kinh sư, bọn thầy cúng dân bà thường đi lại trong cung, dạy

cung nhân cách giải ách, mỗi nhà chôn một người gỗ để lễ bái cầu đảo. Khi vua có bệnh, Giang Sung nói bệnh nhà vua do ở Vu Cổ. Sai đào thấy người gỗ ở trong cung, vua liền trị tội các cung nữ, thái tử cũng bị chết lây.

(4) *Quân ngân dao* : Vương Trí Hưng đời Đường đánh được Từ Châu, chiêu mộ ở đó 2000 quân hung bạo cho thay phiên giữ thành, đặt những danh hiệu như đội Ngân dao, đội Điều kỳ v.v... về sau họ chống đối nên bị giết sạch.

(5) *Họ Lý* tức là nhà Đường, vì vua nhà Đường họ Lý.

(6) *Vận nước đều chẳng được dài lâu* : triều đại Lương (2 vua) 17 năm [907 - 923], triều đại Đường (2 vua) 12 năm [923-934], triều đại Tấn (2 vua) 10 năm [936-945], triều đại Hán (2 vua) 4 năm [947-950], triều đại Chu (3 vua) 9 năm [951 - 960].

40-11. Vua Thành vương định đình (1) ở Giáp Nhục, bói số đời làm vua: được 30 đời, bói số năm có quốc gia: được 700 năm. Thiệu công e sợ Thành vương cậy có mệnh trời mà không tu sửa nhân sự, mới nói rằng: "Nhà Hạ, nhà Ân làm vua số năm dài hay ngắn, tôi không dám biết đến, tôi chỉ biết làm vua nếu không kính [tu dưỡng] đức tốt, thì làm sụp đổ ngay thiên mệnh của mình mà thôi". Sao mà câu nói uyển chuyển mà chính trực, rõ ràng mà thiết đáng đến thế. Đạo trời xa, đạo người gần (2), cho nên Đan thư (3) nói: "Dùng đức nhân ái mà lấy thiên hạ, dùng chính sách nhân ái mà trị thiên hạ thì thời gian làm vua dài tới trăm đời, dùng cách bắt nhân mà chiếm thiên hạ, dùng cách bắt nhân để giữ thiên hạ, thì ngay một đời cũng không được trọn vẹn". Thiên Khang cáo nói: "Mệnh trời rất không nhất định".

Tang Tử giải thích nghĩa câu ấy, nói rằng: "Đạo người mà thiện thì được mệnh trời; đạo người mà bất thiện thì mất mệnh trời; thế đại dài hay ngắn, vốn chẳng có gì là nhất định". Đức tức là "nhân", là "thiện", có "kính" thì mới bảo tồn được lương tâm ấy.

Chú thích

- (1) *Định đỉnh*: đặt yên vung 9 cái đỉnh, tức là đóng đồ.
- (2) *Đạo trời xa, đạo người gần*: đạo trời xa và huyền bí khôn lường, đạo người gần và rõ ràng dễ biết. Câu này ở Tả truyện Chiêu công năm thứ 17. Ý nói phải chú trọng tu sửa đạo người.
- (3) *Dan thư*: sách chép đạo trị nước của Hoàng đế Chuẩn Húc, do Lã Thương mách bảo cho Vũ vương.

40-12. [Xem câu Thiệu công khuyên Thành vương] dùng cách thương yêu dân (1) để được hưởng mệnh trời dài lâu (2), ta thấy được rõ cái gốc để hưởng mệnh trời lâu dài, là ở thương dân. Đời sau có những vua dùng trâu, dê lợn và ngọc lụa để cầu đảo cúng tế; nấu đan (3) luyện thuốc để cầu sống lâu, thật là không biết lẽ phải vậy.

Chú thích

- (1) *Thương yêu dân*: ở đây tức là chăm dùng đức để giáo hóa dân, tình giảm hình phạt để cho dân không làm điều phi pháp như đã nói trên.
- (2) *Hưởng mệnh trời dài lâu*: ở đây tức là giữ được ngôi vua lâu bằng cả 400 năm của nhà Hạ và 600 năm của nhà Thương cộng lại.
- (3) *Nấu đan*: nấu thuốc trường sinh.

41. LẠC CÁO (1)

41-1. [Câu Chu công nói] "Dư nãi dân bảo, đại tướng đông thổ", nghĩa là: tôi và "dân bảo", xem xét kỹ lưỡng vùng Đông Thổ (1).

Thái Truyên giải thích 2 chữ "dân bảo" là "kế tiếp quan thái bảo" để đi xem xét. Tôi thiết tưởng bấy tôi nói với vua, không nên dùng chữ "thái bảo".

Chu từ giải thích nghĩa 2 chữ "dân bảo" là "kế tiếp quyền giữ chính sự, phù trì nhà vua". Tôi tưởng nên theo nghĩa của Chu từ.

Chú thích

(1) *Lạc cáo*: tên một thiên ở Chu Thư, thể cáo. Lạc Ấp đã làm xong, Chu công sai sứ giả cáo với Thành vương rằng việc bói Đông Đô ở Lạc Ấp được điềm tốt. Nhà làm sử chép việc này làm thiên Lạc Cáo, lại ghi thêm cả những lời vua tôi vấn đáp và việc Thành vương sai Chu công ở lại để cai trị Lạc Ấp.

(2) *Đông Thổ*: tức là Lạc Ấp.

41-2. Công việc xây dựng Lạc Ấp, có 2 lần xem bói rùa:

Thiệu công đến trước, bói được nơi đất tốt, mới bắt đầu xây dựng, thế là lần bói thứ nhất [xây dựng xong], Chu công kế tiếp đến, bói được điềm đóng đô đúng vào Lạc Ấp rất tốt; thế là lần bói thứ hai.

41-3. [Cứ như địa thế] Vương Thành (1) là cục đệ nhất, Thành Chu (2) là cục đệ nhị. Hà Sóc vùng sông Lê Thủy thì địa thế không có gì đáng khen. Vua Bình

vương thiên đô đến Vương Thành hơn 200 năm mà các nước chư hầu vẫn tôn phục nhà Chu. Từ khi vua Kính vương thiên đô đến Thành Chu, thế lực nhà Chu đã suy yếu, nhưng cũng còn có thể kéo dài được 270 năm mới mất nước.

Thành Chu là hạ đô (3), thành trì nhỏ hẹp, đủ dung số ngao dân nhà Ân. Đến đời vua Kính vương mới sai nước Tấn tập hợp các nước chư hầu sửa sang xây đắp, theo như mẫu mực Vương Thành.

Chú thích

- (1) *Vương Thành*: tức là Lạc Ấp, do Thiệu công, Chu công xây dựng, đến đời vua Bình vương mới thiên cô đến đấy, gọi là Vương Thành, ở huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay.
- (2) *Thành Chu*: tên đất, thành ở đây do Chu công xây dựng, đến đời vua Kính vương mới thiên đô đến đây, cũng ở phía bắc huyện Lạc Dương, tỉnh Hà Nam ngày nay.
- (3) *Hạ đô*: nhà Chu đã xây dựng Lạc Ấp làm đông đô và xây dựng ở phía đông sông Triều làm hạ đô, gọi là Thành Chu, dời ngao dân nhà Ân cho đến đấy ở. Về sau vua Kính vương thiên đô đến Thành Chu.

41-4. Hai chương đầu ở thiên Lạc cáo là những lời [Chu công ở Lạc Ấp gửi về], rồi vua Thành vương ở Cảo kinh đáp lại. Từ chương có câu "Chu công nói: "Mới cử hành lễ rất long trọng, tế ở tân ấp" trở xuống, đây là ghi việc của Thành vương đã đến Lạc Ấp. Câu nói: "Ta chính tề bách quan để theo vua từ đất Chu" (1) [đến Lạc Ấp] đây là Chu Công trở về Cảo Kinh đem bách quan đi theo xa giá đến Lạc Ấp vậy.

Chú thích

(1) *Chu* tức là Cáo Kinh cũ, còn gọi là Tôn Chu.

41-5. Vua Bàn Canh, khi đại tế tiên vương nhà Thương thì tổ tiên các bầy tôi cũng được theo đó mà dự hưởng. Vua Thành vương tế ở Tân Ấp, sai ghi chép những công thần có công lao, cứ ai có công to thì được đứng trước. Việc này không những chỉ là báo đáp người có công, mà cũng ngụ ý giáo hóa ở đấy nữa. Vì rằng: Con cháu mà thấy tiên tổ được vẻ vang thì cũng phấn khởi làm việc tốt hơn, kẻ bầy tôi mà được thấy công đức của người trước được nhà nước đãi ngộ kính trọng thì cũng phấn khởi làm việc tốt hơn. Việc này có bổ ích cho thể đạo nhân tâm không phải là ít vậy.

41-6. Câu "Nhụ từ kỳ bằng" (1) để ngay dưới đoạn có câu "Phi thị công tái"(2). Tôi tuyệt không thể hiểu được nghĩa là thế nào.

Chú thích

(1) *Nhụ từ kỳ bằng*: Thái truyện giải nghĩa là "con người (họ ấu) (chỉ Thành vương còn nhỏ) [nếu cứ theo tư tâm mà thưởng phạt sẽ gây thành] phe cánh.

(2) *Phi thị công tái*: Thái truyện giải nghĩa là công bố rộng rãi quyền sở ghi công cho mọi người đều biết.

41-7. [Chu công khuyên vua Thành vương có nói] "Sáng suốt phần chẵn làm việc, trung hậu quảng đại để gây nên phong tục tốt". Đây là điều đại thể cốt yếu của việc trị dân trị nước.

Truyện nói: "Khoan hòa để giúp cho nghiêm khắc, nghiêm khắc để giúp cho khoan hòa, chính sự phải thế mới điều hòa"(1) ý cũng như vậy.

Vua Thành vương đốc suất chinh đồn bách quan làm việc, răn bảo các quan khanh sĩ: Dúng kỳ hạn thì đi tuần thú(2) các nước chư hầu, khảo sát chế độ, làm rõ rệt việc thăng giáng(3). Thế là sáng suốt phần chẵn làm việc vậy. Vua Thành vương bảo ông Quân Trần có câu: "Khoan không nên một mực khoan, phải có hạn chế, hòa không nên một mực hòa, phải hòa một cách thung dung" và câu "chớ bực tức căm ghét kẻ ngoan cố" hay câu: "có khoan dung, đức mới quảng đại", thế là trung hậu quảng đại để gây nên phong tục tốt vậy.

Chú thích

- (1) Câu này là lời Khổng Tử khen Tử Sản, chép ở Tả truyện Chiêu công năm thứ 20.
- (2) *Tuần thú*: Thiên tử tuần hành các nước chư hầu để xem xét chính trị các nơi tối xấu ra sao.
- (3) Nguyên văn *truat trức*: Giáng chức, thăng chức, có ý nghĩa thưởng phạt đối với các chư hầu.

41-8. Xem câu "Phẩm vật tuy nhiều, nhưng lễ nghi thành kính ít, thì cũng như là không phụng thờ gì cả", thấy

rở cổ nhân trọng lễ khinh tài. Nhưng những phẩm vật cống hiến và những vải lụa (1) để làm lễ chí kiến (2) đã có cách thức nhất định, nếu không đưa đến đủ số, thì lấy gì tỏ lòng thành phụng sự người trên.

Các vương hầu đời Hán, vì số vàng "trụ kim" (3) cân thiếu và xấu nên bị mất chức tước đến 106 người. Đây là phẩm vật cống hiến không đầy đủ vậy. Vua Cảnh vương nhà Chu đãi yến sứ giả nước Tấn, dùng bình của nước Lỗ đựng rượu rồi trách rằng: "Chư hầu đều có cống hiến để tỏ tình nghĩa với nhà vua, riêng nước Tấn là không có gì!" Đây là cả đến vật cống hiến cũng không nốt. [Xem hai việc trên đây] thì chẳng phải là "chư hầu không để tâm chí vào việc phụng sự người trên" (4) hay sao?

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Tợ bạch* (tơ lụa): đời xưa coi là của quý dùng để biếu tặng.
- (2) *Chí kiến*: Lễ vật đem biếu trong lễ chào mừng hay yết kiến lần đầu để tỏ tình kính mến.
- (3) *Trụ kim*: Là số vàng do vương hầu cống vào để tế tự nhà tông miếu.
- (4) Câu này là câu Chu công khuyên bảo Thành vương cách giá ngự chư hầu mà Lê Quý Đôn nhắc lại.

41-9. Trong tiết [mở đầu bằng câu] "Này con người trẻ tuổi kia" (1), ở đây Chu công trước hết nói đạo dạy dân giữ lấy thường tính (tính thiện), thứ hai nói đến nên nhớ luôn và nhớ kỹ pháp độ của cha người là

Vũ vương; rồi sau, nói "dư kỳ minh nông" nghĩa là tôi liệu chăm nom việc canh nông cho dân sinh được cải thiện, thì tự khắc dân ở xa cũng sẽ quy phục. Ông chỉ có một ý khuyên răn Thành vương. Mạch lạc câu nói rất rõ ràng. Ý câu "Chăm nom việc canh nông" cũng như nghĩa câu "Nên biết việc cấy gặt gian nan" và câu "chuyên tâm vào công việc đồng áng" ở thiên Vô Dật, chưa từng có ý gì là cáo lão. Họ Lã giải thích nghĩa câu ấy là: "Ta sẽ về hưu, lui ở nơi thôn quê, chỉ chăm làm ruộng, vì ông có ý cáo lão". Giải thích như thế thật là xuyên tạc. Người đời xưa làm quan, bổng lộc ăn đủ không phải cày ruộng mới có ăn. 70 tuổi nghỉ việc về hưu vẫn được tôn kính, chưa hề có ai làm quan đến khi già, về hưu mà đi làm lão nông cả. Và lại đoạn sau nói "Vua Thành vương trở về kinh đô Chu, sai Chu công ở lại cai trị Lạc Ấp" thì tiết này nói "Nhữ vãng kính tai!" (Người hãy làm đi! Phải kính cẩn đấy). Không nên câu nệ vào chữ "vãng" (đi), vì Chu công đã nói "Ta chính tề bách quan, đi theo vua", tất là nhân đó ông theo vua Thành vương đến Lạc Ấp. Họ Lã lại giải thích rằng: "Nhà vua đi đến đóng ở Lạc Ấp, mong kính cẩn việc đó nhé! Tôi sẽ lui về hưu ở nơi điền dã". Đâu có lẽ buổi đầu mới xây dựng kinh đô ở giữa thiên hạ để lo toan trị dân mà đã vội vàng xin về hưu ngay tức khắc. Lời nói như thế không có cơ sở, so với bản tâm Chu công cho việc thiên hạ là trách nhiệm của mình, cố lưu Thiệu công ở lại cộng sự, thì thật trái ngược nhau. Thái truyền lại thuyết của họ Lã, Chu Tử không cho thế là phải.

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Nội suy nhự tử*: chữ "nhự tử" đây chỉ vua Thành vương còn ít tuổi.

41-10. Nhà Chu lấy được thiên hạ, một điều nói rằng: "Làm cho bốn phương hòa hợp lâu dài"(1), hai điều nói rằng: "tu sửa chính giáo để hòa hợp các nước ta đã có"(2) thường nói luôn đến chữ "hòa". Vì [đối với dân] nhà Chu có ý dạy dỗ dần để giữ cho yên, và điều hòa mềm dẻo. So với [chính sách của] vua Thang và "hòa mục an ninh"(3) thì cùng một ý nghĩa.

Chú Thích

- (1) Câu này ở thiên Lạc Cáo đây.
(2) Câu này ở thiên Quân Thích, Chu thư.
(3) *Vua Thang hòa mục an ninh*: Vua Thang đánh được nhà Hạ, bố cáo chư hầu, có câu "Ti dư nhất nhân, tập ninh nhĩ bang gia", nghĩa là trời sai một người là ta, làm cho bang gia các người hòa mục an ninh (Thương Thư, Thang Cáo).

41-11. Vua Thành vương khen Chu công chăm chỉ thi thố đức tốt ra bốn phương, lại khen công to giúp đỡ dạy bảo của ông, thật ca ngợi và tôn kính đến hết mức, Thái truyện theo thuyết...của họ Lã(1), lại cho rằng: "[Thành vương biết ý Chu công muốn về hưu, cho nên] tỏ ý khen ngợi cốt để giữ ông ở lại", lại cho rằng: "[Chu công nên ở lại giúp, chưa nên nói đến

chuyện về hưu", [giải thích nhu thế] rất là thừa. Cứ bình tâm mà nhận xét, mạch lạc câu nói trong sách tự nhiên hiện ra ngay.

Chú thích

- (1) *Thuyết của họ Lã*: Thuyết giải thích câu "Dư kỳ minh nông" là "Ta sẽ về hưu, lui ở nơi thôn quê, chăm lo làm ruộng" của họ Lã.

41-12. Vua Thành vương nói với Chu công rằng: "Công to của ông, mọi người đều nghiêm chỉnh kể thừa, kính trọng và vui sướng(1); ông chớ tự lao khổ quá nữa. Tôi thì không dám trễ nải công việc yên dân". Chu tử cho rằng: "Đây vua Thành vương nói Chu công chớ quá chăm việc mà tự lao khổ thân mình", như ý nghĩa câu đời Hán nói: "đem công việc quan làm cho ông khó nhọc", còn về phần vua Thành vương thì tự nói không dám chán nản mệt mỏi công việc yên nước yên dân. Thuyết này của Chu tử rất rõ ràng.

Thái truyện lại giải nghĩa rằng: "Ông chớ xin về hưu để làm khổ tôi". Giải nghĩa thế cũng không phải. Tóm lại, Thái truyện chỉ nhân vì theo họ Lã giải nghĩa sau hai chữ "Minh nông" mà phụ diễn ra đến thế.

Chú thích

- (1) Ý câu nói này nói công đức Chu công thấm vào người ta rất sâu, ai ai cũng được nhờ và lấy làm sung sướng.

41-13. Y Doãn nói: "Tiếp người dưới luôn nghĩ đến kính cẩn"(1) Chu công nói: "Khiêm cung đối với thần hạ, để làm mẫu cho các vua sau này của nhà Chu ta"(2) Vua Vũ công nước Vệ nói: "Người khiêm cung hòa nhã, thật là nền tảng của đức tốt"(3), ba ý này nhu nhau. Cung tức là kính. Hồng Phạm nói: "có cung kính thì mới nghiêm chỉnh. Tả Truyện nói: "Người quân tử nhận xét vận mệnh của vua nước chư hầu dài hay ngắn, thịnh hay suy, thường căn cứ vào các vua ấy có đức cung kính hay không, để đoán trước.

Chú thích

- (1) Câu này ở thiên thái giáp trung, Thương Thư.
- (2) Câu này ở thiên Lạc cáo đây.
- (3) Câu này ở Thư Ưc, Đại Nhã, Kinh Thi.

41-14. Công đức Chu công to vô cùng, vua Thành vương tôn kính Chu công hết mức, vua sai người kính thắm Chu công, chỉ biểu hai bình rượu cự sường(1), thế đã là dùng lễ vật thờ thần để phụng sự Chu công. Hán nho căn cứ vào Vĩ Thu(2) xuyên tạc đặt ra một đoạn "Cửu tích"(3) mới khơi ra cái mối tiếm thiết(4) của bọn quyền thần. Quá tệ lắm vậy! Câu nói xuyên tạc trái hẳn với nghĩa trong kinh của thánh nhân và làm cho người đời sau sai lầm.

Chú thích

- (1) *Rượu cự sường*: Rượu nấu bằng thứ lúa nếp đen, và ngâm thứ cỏ thơm uất kim, dùng để tế thần.

(2) *Vị Thư*: Xem 32-6 ct 1.

(3) *Cửu thích*: 9 thứ khí vật đặc biệt, thiên tử đời cổ ban cho đại thần để tỏ lòng ưu đãi và tôn kính: 1) Xe ngựa; 2) Y phục; 3) Nhạc khí; 4) Cửa sơn son; 5) Đắt bệ riêng ở trên diện cho ngồi; 6) Quân hổ bôn để hộ vệ; 7) Cung và tên; 8) Lưỡi phủ việt; 9) Rượu cụ sương (giải thích ở ct 1).

(4) *Tiếnm thiết*: Mượn danh hiệu khí vật để làm dụng quá địa vị của mình đáng được.

41-15. Vua Thành vương, sai Chu công ở lại [để trị Lạc ấp], sứ Dật(1) làm cáo mệnh vào tháng 12, tức tháng 12 của năm xây dựng Lạc ấp. Tháng 2 cáo [việc lập Lạc Ấp] ở tông miếu, tháng 3 khởi công, tập hợp lực lượng của chư hầu để xây dựng Lạc Ấp, bất quá vài tháng thì xong. Từ quãng tháng 3 đến tháng 12, Chu công sai sứ tâu báo kết quả lên nhà vua, vua Thành vương kính cẩn đáp thư; Chu công trở về triều, rồi chỉnh tề bách quan [đi hộ giá] vua Thành vương tới triều hưởng(2) bốn phương lại mừng, Chu công dâng lời khuyên giới; vua Thành vương hết lòng tôn kính [Chu công]; sai Chu công ở lại trị Lạc Ấp tế tổ miếu rất long trọng, công việc rất nhiều, cứ xem ngay hai thiên Thiệu Cáo và Lạc Cáo cũng có thể biết được những nét lớn.

Chú thích

(1) *Sứ Dật*: quan thái sư tên là Dật, người thời vua Vũ vương nhà Chu.

(2) *Triều hưởng*: đến châu và có lễ vật hiến dâng.

42. ĐA SĨ(1)

42-1. Chu công ở lại tại kinh đô Lạc Ấp, đầu nam sau mới hiểu dụ các người có chức vị cũ của nhà Thương, cũng như những loại quan lưu thủ(2) quan tiết lộ(3) ở đời sau, lúc mới tới nhậm chức có lời hiểu dụ những người thuộc quyền cai trị của mình. Đó là thể thống hành chính nên như thế, không phải vì sợ người ta không phục mà phải bảo ban phiền phức vậy.

Chú thích

- (1) *Đa sĩ*: Tên một thiên ở Chu Thu, thể cáo. Dân nhà Thương bị dời đến Lạc Ấp, trong đó có những người làm quan với nhà Thương cũ. Chu công lúc mới trị Lạc Ấp, gọi những người có chức vị ấy [tức là "đa sĩ"] đến báo ban. Nhà viết sử nhân thế mới đặt tên là thiên Đa sĩ.
- (2) *Lưu thủ*: tên một chức quan thay vua ở lại để giữ kinh sự khi vua đi ra ngoài.
- (3) *Tiết lộ*: tên một chức quan cai trị một đạo hay một châu, nắm cả việc quân sự và dân sự.

42-2. Thiên Đa sĩ nói: "Tất cả các nước nhỏ nước lớn ở bốn phương sở dĩ bị diệt vong, không nước nào là không [tự gây ra] để cho người ta có cớ đến trị tội". Đây là những nước chư hầu giúp vua Trụ làm điều ác gồm 50 nước đã bị diệt.

42-3. Người xưa nói: "Đánh được nước nào, thì tôn kính người hiền nước ấy, đó là đạo đời cổ". Thành Thang

đánh được nhà Hạ, đối với thần dân nhà Hạ [ai là người hiền tài thì được vua] dẫn dụ tuyển cử lên ở Vương triều(1), có người được dùng trong hàng quan to. Vua Quang Vũ nhà Đông Hán đánh được nước Thục, thì cất nhắc dùng những hiền sĩ ở Tây Thố(2).

Vua Vũ đế nhà Tấn bình định được nước Ngô, đối với tướng sĩ, quan lại nước Ngô đều tùy tài lực dụng. Vua Văn đế nhà Tùy bình định được nước Trần, đối với con em và công khanh nhà Trần, đều cho làm quan. Vua Thái tổ nhà Tống bình định được nước Nam Đường thù dùng những danh sĩ cho làm ở quán các(3). Vua Thế tổ nhà Nguyên bình định xong đất Giang Nam, tìm hỏi tôn thất họ Triệu(4) và các nhân tài, rồi đều cất nhắc để dùng cả. Vì rằng không làm như thế thì không đủ để tỏ ý nghĩa *chí công đại đồng vậy*. Nhà Chu đối với những người có chức vị nhà Thương, chưa nghe thấy tuyển cử đề bạt, để đến nỗi đám ngoan dân có lời chê trách. Đó là do khi vua Vũ vương đánh được vua Trụ, còn lập ngay Vũ Canh (con vua Trụ) triều đình vẫn không thay đổi, không giống như vua Kiệt nhà Hạ khi trước, phải đẩy đi xa nên chưa tiện tuyển cử vào vương triều. Chưa bao lâu những người nhà Thương lại theo Vũ Canh làm phản; bình định vừa xong, mới được xá tội, đâu có lý vội vàng tuyển dụng họ ngay được. Sau khi đã dời ngoan dân đến Lạc Ấp, thì mới kén chọn thu dùng người hiền lương, theo như nhà Thương trước(5).

- (1) *Vương triều*: Triều đình nhà Thương.
- (2) *Tây thổ*: Địa phương phía tây, tức là nước Thục.
- (3) *Quán các*: Viện hàn lâm.
- (4) *Họ triều*: Nhà Tống, vì nhà Tống họ Triệu cho nên cũng gọi là Triệu Tống.
- (5) *Theo như nhà Thương trước*: làm như vua Thang chọn thần dân nhà Hạ để dùng.

42-4. Vua Thành vương nói: "Đa sĩ(1)! Trước kia ta từ nước Yêm lại đây, xử nhẹ với tội ác của dân bốn nước(2) [không nổi giết các người], thực hành rõ ràng việc trời phạt, ta chỉ di cư các người đến chỗ [Lạc Ấp] xa xôi này? Đó là khi đông chinh, riêng Chu công đánh Vũ Canh và Quản Thúc; còn vua Thành vương chính thân đi đánh nước Yêm. Bá Cầm thế sư (3) ở đất Phí, chính là đem quân đánh Từ Nhung, Hoài Di. Ông phối hợp với quân nhà vua, làm thế ý giốc. Bốn nước là Thương, Yêm, Hoài, Di(4).

Còn Quản Thúc, Thái Thúc ở Hà Nam, Hoắc Thúc ở Sơn Tây, ba người ấy là ba quan được cử đến giám sát đất Ân, nhân cùng với Vũ Canh làm phản, nguyên không phải là kẻ hùng cứ một nước để khởi binh lên. "Di cư các người đến chỗ xa xôi" tức là dời vua nước Yêm (5) đến ở Bồ Cô, dời dân đất Ân đến ở Lạc Ấp vậy. Họ Trần cho bốn nước là Ân, Quản, Thái, Hoắc; nói thế không đúng (6).

- (1) *Đa sĩ*: các quan chức vũ nhà Thương (xem thêm ở 42-1 et 1).
- (2) *Bốn nước*: Quận, Thái, Thương, Yêm.
- (3) *Thọ sự*: răn bảo tướng sĩ, trước khi đem quân đi đánh giặc.
- (4) *Bốn nước là*: Thương, Yêm, Hoài, Di; chữ "Di" phải là chữ "Tư" thì mới đủ bốn nước, có lẽ nguyên bản viết lầm.
- (5) *Vua nước Yêm*: vua một nước chư hầu về hòa với vua Trụ làm những sự tàn ác.
- (6) *Theo ý tác giả cho 4 nước là*: Thương, Yêm, Hoài Di, Tư Nhung.

42-5. Dời dân [ngoan ngạnh] đến Thành Chu (1) cấp cho ruộng đất, chia cho nhà ở, lập thành làng xóm, bấy giờ mới bảo rằng "các người có ruộng đất, nhà cửa, hãy yên tâm làm ăn cư trú". Thái truyện theo thuyết của họ Ngô cho việc dời ngoan dân đến là trước khi làm Lạc Ấp, rồi thường thường phụ hội thêm vào, bảo rằng: " Xem kỹ lời nói chương này đều là lời hiểu dụ với số dân vẫn có ruộng đất, nhà ở từ trước, do đó có thể tin là ngoan dân nhà Thương bị dời đến đây đã lâu rồi". Kể ra tháng 3 năm trước sửa sang ấp mới, rồi dời dân tới; tháng 3 năm sau, làm thư hiểu dụ, nói cho họ biết đã có ruộng đất ấy, có gì là không được? Sao lại cứ cho là di dân đến ở từ trước khi làm Lạc Ấp mới được(2).

Chú thích

- (1) *Thành Chu*: tên hạ đô ở Lạc Ấp.
- (2) *Cđ đoạn này, tác giả đoán định thời gian dời ngoan dân mà Thái truyện nói sai.*

43. VỎ DẬY(1)

43-1. Thiên tử cùng các quan khanh đại phu, hàng ngày ăn mặc, đều lấy ở dân. Người nông dân suốt năm cần cù lao động, không được nghỉ ngơi chút nào, đến mùa thì mới có sự vui mừng thu hoạch. Mỗi hạt cơm ở trên mâm đều là mồ hôi nước mắt của nông dân vậy. Thóc gạo đem nộp vào kho nhà nước, chứa đầy ở kho nhà vua, người ta chỉ thấy đem đến đó dễ dàng chứ mấy ai biết nghĩ từ đâu mới có thóc gạo ấy ? Cho nên đã biết được sự cấy gặt là gian nan, nghĩ đến của cải không phải dễ kiếm, thì tất sẽ tiếc chi dùng tiết kiệm, bỏ hết xa hoa, giảm bớt hoang phí, không làm việc vô ích, không chuộng vật kỳ lạ, bản thân thực hành kiệm ước. Còn có đâu những thói ham sắc, thích của ngon vật lạ chơi bời sẵn bản nữa. Nếu không hiểu biết và suy nghĩ như thế, thì tha hồ phóng dăng: ở trên nhân dân, cho rằng người dưới cung nộp thuế cho người trên là lẽ thường, lấy cả thiên hạ làm của riêng, chắc rằng tiền của chả thiếu, bấy giờ mới đánh thuế tàn ác, trưng thu ngang ngược, để thỏa mãn nhu cầu của mình, đến nỗi ở ngoài đường có chỗ thấy người chết đói, nhân dân đói khát xanh xao, cũng không rỗi và nghĩ đến nữa. Chu công trước hết đem điều này (2) báo vua Thành vương, đoạn dưới liền nói ngay đến "chớ quá độ về sự nghỉ ngơi, sự đi chơi, đi xem, sẵn bản và chỉ dùng thuế chính cung (4) của dân thôi". Ý nghĩa ấy rất rõ ràng.

Vì rằng không hiểu biết nỗi gian khổ của dân thì phóng túng, phóng túng thì tiêu dùng xa xỉ, tiêu dùng xa xỉ thì hại của, hại của thì nhất định hại dân, sao có thể chỉ dùng thuế chính cung mà đủ được.

Chú thích

- (1) *Vô đạo*: tên một thiên ở Chu Thu, chép lời khuyên của Chu công đối với Thành vương: không nên an nhàn dật lực, bỏ bê chính sự.
- (2) *Điều này*: việc cấy gặt gian nan, của cải không dễ kiếm, nói ở trên.
- (3) Ý câu này là có làm việc nhiều, mệt mỏi, thì mới nghỉ ngơi cho thư nhàn; có cần thăm nom dân cày bừa gặt hái, thì mới đi chơi; cần quan sát chính sự trong nước, mới đi xem; cần giảng tập vũ bị mới đi săn. Làm đúng mục đích ấy, là vua có lòng chăm việc và thương dân, làm quá, làm sai là vua chỉ biết khoái lạc, không nghĩ đến hại dân hại của.
- (4) *Thuế chính cung*: tức thuế ruộng.

43-2. Vua ở trên cả ức triệu dân, nếu không biết sợ thì việc gì mà chẳng làm. Biết sợ mệnh trời, sợ tổ tông, sợ lòng dân, thì không dám phóng túng tí nào; như thế mới có thể được trời đất giáng phúc, quý thần phù hộ, nhân dân vui theo.

Vua Thái Mậu (1) biết kính cẩn lo sợ, các vua Thái vương, Vương Quý (2) biết tự mình khiêm cung kính sợ, vì thế ba ông làm vua được lâu dài. Người làm bầy tôi cũng thế, nên biết sợ trời, sợ vua, sợ dân. Cho nên Kinh Thư (3) có câu răn rằng: "Nếu không biết kính sợ (úy) thì sa ngã vào con đường rất đáng sợ" thế thì một chữ "úy" (sợ), là chữ

mà vua tôi muôn đời nên cùng phải giữ lấy chẳng?
Kìa những người phạm vào giáo huấn "Lục ngôn"
(4) của vua Đại Vũ, lời cảnh giới "Tam phong thập
khiên" (5) của vua Thành Thang đều là người
không biết sợ vậy.

Chú thích

(1)*Thái Mậu*: vua hiền nhà Thương, làm vua 75 năm.

(2)*Thái vương, Vương Quý*: ông và cha Văn vương nhà Chu.

(3)*Thư*: đây chỉ vào thiên Chu Quan ở Chu Thu.

(4)*Lục ngôn*: xem 13-3 ct 2.

(5)Nguyên văn *Tam phong thập khiên*: ba thói hư; mười tội xấu. Xem
13-4 ct 1 và 2.

43-3. Câu "Vua Văn vương từ sáng sớm đến lúc mặt trời
đứng bóng, rồi xế bóng, vẫn chưa rảnh việc để ăn
cơm, chỉ dụng tâm làm cho muôn dân bình an hòa
mục", giống như ý câu "vua Đại Vũ trong một bữa
ăn, 10 lần đứng dậy để ủy lạo thiên hạ".

Ngày nay ta xem qua, thì tưởng rằng dân ở Kỳ
Chu (1) đã được sống trong cảnh thái bình thịnh trị (2)
rồi, hầu như nhà vua còn có gì mà tư lự lao khổ
nữa. Nhưng với con mắt của thánh nhân thời cổ mà
xem xét, thì thấy thời ấy dân chưa ổn định, chưa
bình trị, nên việc to, việc nhỏ, đều phải mưu tính
hỏi han, sớm tối phải chăm chú suy nghĩ nên vội vội
vàng vàng chỉ sợ có việc làm nào chưa ổn, có câu
nói nào chưa tốt khiến cho dân không được an cư.

Thiệu công nói: "Không lao khổ một thân mình mà để cho muôn dân phải lao khổ, đó không phải là chí nguyện của Văn vương". Mạnh tử nói: "Vua Văn vương ra hiệu lệnh, thi hành nhân chính, tất nhiên nghĩ đến bốn hạng dân cùng đinh (3) trước". Xem thế thì Văn vương chú ý tới dân biết là nhường nào! Dân vùng Tây Thố (4) ơn Văn vương như trời đất, dân vùng sông Nhữ sông Hán (5) yêu mến Văn vương như cha mẹ, thật là phải lắm vậy.

Chú thích

- (1) Kỳ Chu: Nhà chu buổi đầu là một nước nhỏ ở đất Kỳ Sơn nên gọi là Kỳ chu.
- (2) Nguyên văn *Xuân phong hòa khí*: gió mùa xuân và khí trời đầm ấm, (làm cho muôn vật phát sinh tươi tốt). Đây ví với ân trạch thấm nhuần, dịch thoát là "thái bình thịnh trị".
- (3) *Bốn hạng dân cùng đinh*: Người già mà không có vợ, người già mà không có chồng, người già mà không có con, người thơ ấu mà mồ côi cha mẹ. Bốn hạng người này là dân cùng khổ vì không trông cậy vào ai được.
- (4) *Tây thố*: đất ở phía tây, tức là Kỳ Chu.
- (5) *Vùng sông Nhữ sông Hán*: địa phương ở phía nam Kỳ Chu mới được thấm nhuần giáo hóa Văn vương.

43-4 [Chu công nói: "có người bảo người rằng] "tiểu dân họ oán trách, mắng nhiếc người" thì người càng phải tu tính, tang lòng kính cẩn, nhận lỗi, nói "đó là lỗi của ta", đây là đường lối làm cho tiêu tan sự oán trách, và thu được lòng thân ái vậy". Truyện có nói: "Vua Đại Vũ, vua Thành Thang cho tội lỗi của thiên

hạ là tội của mình, cho nên hưng thịnh rất chóng; vua Kiệt, vua Trụ có tội lỗi lại đổ cho người khác nên nguy vong rất mau (1).

Chu Công nói ở tiết này, ý nghĩa thật là tường tận. Vua Lê vương sai dò xét người phi báng (2) thật là không biết lời răn này. Về sau dân trong nước làm phản, Lê vương phải chạy trốn ra đất Trệ, đến 14 năm không dám về. Đó là vì dân chúng đã công phần thì không thể phạm đến được vậy. Vua Trang tông nhà Hậu Đường ham mê thanh sắc, sẵn bản, quân sĩ và nhân dân khắp nơi ta thán oán hận vua vẫn còn chẳng biết lo nghĩ, đến khi các đạo quân ở các nơi làm phản, vua mới dọ dỗ sẽ thưởng cấp cho họ. Bầy tôi thưa rằng: "Bệ hạ nay mới thưởng thì đã muộn lắm rồi, người ta cũng không dám nhận thưởng nữa". Bấy giờ vua chỉ sa lệ mà thôi. [Xem thế thì biết] cái tai hại của sự thù oán tập trung vào thân [vua] há chẳng đáng lấy làm răn ư?

Chú thích

- (1) Điển này ở Tả truyện Tương công năm thứ 11.
- (2) Vua Lê Vương tàn bạo, bị dân trong nước oán trách, vua ra lệnh dò xét, người nào "phi báng" thì bắt giết ngay (Quốc ngữ, Chu ngữ).

43-5. Dân trong lòng căm thù, ngoài miệng nguyên rủa đó là do vua biến loạn pháp độ để tai hại đến nhân dân. Biến loạn pháp độ là để tha hồ dâm dật chơi

bời sẵn sẵn. Như những loại vua Cảnh công nước Tề thi hành chính sự không có chuẩn đích, trưng thu vơ vét không có hạn độ, rồi dân chúng đều nguyên rủa. Sau Cảnh công biết nghe lời An tử can ngăn: bỏ bớt các trạm kiểm soát, bãi lệnh cấm đi lại, thu thuế nhẹ, xóa sổ thuế dân còn thiếu đọng. Vua Cảnh công có thể gọi là vua hơi biết kính dức vậy.

QUYỂN 3

CHU THƯ

44 - QUÂN THÍCH (1)

44 - 1. Việc "Chu công ở lại làm phụ chính cho vua Thành vương, Thiệu công không bằng lòng" các nhà biện luận đã bàn kỹ lắm rồi Ngu này xét: Thiên Lạc cáo chép "Chu công ở lại trị Lạc Ấp được 7 năm rồi mất". Ông chưa từng về làm quan tại triều. Thiệu công giữ chức thái bảo, phụ chính (2) ở Cáo kinh. Không kể Thiệu công là bậc đại thánh nhân, dù cho là hạng người bình thường đi nữa, cũng không có gì đáng áy náy. Chu công ở Lạc Ấp, đưa thư để khuyên Thiệu công. Thấy mấy câu trong thư của Chu công, nói rằng: "Ông nên về từ từ thôi. "Lại nói: "Ông hay cất nhắc những người hiền tài trong dân ta, rồi đến khi mọi việc đi vào nề nếp, ông hãy nhường chức cho người sau". Thư khuyên cũng nói: "Hãy ở lại giữ chức vị, kính cẩn mà trị dân", tuyệt không thấy Thiệu công có ý gì thôi không làm quan và cáo lão. (tr. 174). Kinh Lễ tuy có nói 70 tuổi thì trả việc về nghỉ, tưởng đây chỉ là nói về các quan đại phu ở triều đình thiên tử và các nước chư hầu thôi, cho

nên các bậc lão thần thời Tây chu, chưa nghe thấy ai vin vào lệ này mà về hưu cả. Vì các ông Thái công, Thiệu công, Tất công đều là vua chư hầu ở ngoài vào kinh đô, làm chức Sư bảo (3) phò tá thiên tử, không phải như quan khanh, quan đại phu chỉ có ấp ăn lộc, có thể so sánh được. Thiệu công trong thời vua Khang vương vẫn làm quan tại triều; đâu có lẽ ông muốn về hưu trong thời vua Thành vương, mà lại không xin về hưu trong thời Khang vương (là con Thành vương) Tôi trộm nghĩ: thời ấy, Thành vương làm vua, thiên hạ vô sự, Lã Thượng tới ở nước Tề là nước ông ta được phong, Chu công lưu lại, sau ở Lạc ấp. Bá Cầm, Thúc Ngự tới ở nước Lỗ, nước Tấn là nước họ được phong. Thiệu công cũng muốn đến ở nước Yên là nước được phong. Chu công nghe thấy tin ấy, nhân đó đưa thư cho Thiệu công, nói rõ cái ý: "Hai người chúng ta, nên một người ở trong triều, một người ở bên ngoài, hợp sức lại phò tá nhà vua, như tay phải, tay trái, không nên cáo lão bỏ về! Chu công là bậc "thánh chi nhâm" (4), là họ hàng chỉ thân với nhà vua, giúp vua thơ ấu, đoàn kết được cả bên trong, bên ngoài, sớm hôm lo lắng, coi việc nước như việc nhà. Xem lời ông khuyến khích Thiệu công và giữ ông ta ở lại, nào nói đến cảm mệnh trời, nào là vì thương dân tình, ý tứ của lời nói chu chỉ thiết tha như thế, đâu lại có lẽ ông muốn về hưu trước? Nếu cho rằng ông cứ nói lời xin về hưu ấy ra, rồi lại đợi vua Thành vương an ủi dụ dỗ, ông mới ở lại, thì như thế là ông không thành thật. Nếu cho rằng ông tự thấy ban khoan về sự quá thịnh mãn (5) của mình, vốn muốn về hưu nhưng vì vua cố giữ lại mới thôi, thế thì ông là người không có chủ định, cứ

theo tùy người ta mà thay đổi ý kiến, cũng không phải là thực tâm vì nước. Cho nên biết rằng giải thích chữ "minh nông" (6) là "cáo hưu về làm ruộng" là cách giải thích khiến cường vậy.

Chú thích:

- (1) *Quân thích*: Tên một thiên ở Chu Thu, viết theo thể cáo. Nội dung kể việc Thiệu công cáo lão xin về hưu, Chu công khuyên ông nên ở lại. Trong chính văn Kinh Thu, thiên này chép lại lời Chu công khuyên bảo Thiệu công. Lê Quý Đôn bình luận việc đó.
- (2) *Phụ chính*: giúp vua lo liệu việc cả nước; đây là chức trách của bậc lão thân có đức vọng (Thành vương lúc ấy còn nhỏ).
- (3) *Sư bảo*: 2 chức làm thầy vua, hay coi vua, vừa dạy bảo, vừa giúp việc.
- (4) *Thánh chi nhậm*: đó là lời Mạnh tử khen Y Doãn, nghĩa là bậc thánh nhân coi việc thiên hạ là trách nhiệm của mình phải gánh vác.
- (5) *Thịnh mãn*: cảnh ngộ phú quý tới bậc. Thịnh quá thì suy, đã đầy thì khuyết, người xưa cho đó là quy luật, là tất nhiên, cho nên những người cao kiến thường hay lo xa, đề phòng.
- (6) *Minh nông*: Sách Thái truyện, theo thuyết của họ Lã, giải thích là "cáo hưu về làm ruộng". Tác giả bác lời giải thích ấy mà chú thích là: "mở mang việc canh nông cho dân".

44 - 2 Sáu người bày tôi hiền giúp [các vua] nhà Thương (1) dắt dẫn, tiến cử những người đồng loại; [ở bên trong] thì trăm quan cùng họ hàng nhà vua, không ai là không giữ đức tốt; [ở bên ngoài] thì những quan nhỏ và chư hầu ở gần, ở xa (2) cũng đều vâng lệnh thiên tử, chăm chỉ công việc. Trong ngoài trật tự, hiền tài đông đúc, cho nên nhà Thương làm vua lâu dài đến sáu trăm năm. Đây, Chu công biểu dương nhà Thương có nhiều hiền tài, chắc ông cũng nghĩ đến cái tâm chí: "đùng người hiền tài không câu nệ

về một loại nào "(lập hiên vô phương" của vua Thành Thang nhà Thương chang.

Chú thích:

(1) Sáu người bầy tôi hiền giúp các vua nhà Thương:

- Y Doãn giúp vua Thành Thang và vua Thái Giáp,
- Y Trắc, Thần Hổ, Vu Hàm giúp vua Thái Mậu,
- Vu Hiền giúp vua Tổ Ất,
- Cam Bàn giúp vua Vũ Đinh (Xem Kinh Thư, thiên Quân thích) [Kinh văn 44.8].

(2) Nguyên văn *Hầu-Điện*, tên hai vùng ở vành đai gần sát kinh đô nhà Chu, trong đó có các nước chư hầu của nhà Chu.

44- 3. Đức hóa của vua Văn vương, kể đã rất cao, thế mà Chu công quy công cho tâm lực của năm người bầy tôi (1), ông hết sức nói rõ rằng, nếu không có những người bầy tôi này giúp đỡ, đi lại tuyên dương đức giáo thì đức giáo của Văn vương cũng không cảm hóa được người nào cả. Như thế thì người làm vua liệu có thể cậy tài tự làm một mình mà không cần đến kẻ hiền tài phò tá được không? Lại có thể không kén chọn hiền tài mà cứ dùng toàn kẻ bất tài được không? Vua Minh Hoàng (2) nhà Đường nói: "Trước đây ta sai sứ thần chia nhau đi tuần hành các đạo, hỏi han tình trạng đau khổ của dân, nay ta nhân đi tế Trời tế Đất, qua các châu, mới biết các sứ thần phụ lòng ta nhiều lắm". Đây là sự chứng nghiệm cho câu: "[không có bầy tôi hiền thì] không có đức hóa thấm nhuần đến người trong nước" [ở trong thiên Quân thích này] (3).

Chú thích

- (1) *Năm bảy tôi hiền phụ bệT vua Văn vương* [Kinh văn 44.5]
 - Hoắc Thúc (em vua Văn vương),
 - Hoành Yêu,
 - Tàn Nghi Sinh,
 - Thái Diên và Nam Cung Quát.
- (2) *Minh Hoàng* tức là vua Huyền Tôn nhà Đường, làm vua từ năm 712 đến năm 755.
- (3) Xem Kinh Văn 44.13.

44 - 4. Câu "biểu dương đề bạt những người dân tuần tú, sau mới có thể thoái nhượng" (1) [ở trong thiên Quân thích này] cũng như ý câu: "dự bị sẵn tam hữu trạch" (2) ở thiên Lập chính [thế là tỏ rõ những người] trung hậu, chính trực, cùng một khí vị lại yêu chuộng nhau, đức vọng tài trí, cùng một chí phách lại nối tiếp nhau, thì trước sau đều kính giữ lời dạy này, noi theo phép thường này. Chính trị tuy có khác nhau giữa đời xưa và đời nay nhưng cùng đi con đường phải thì xã tắc nhân dân mới được lâu dài hưởng phúc..

Lã công Trú [tr.177] nhận được thư của Trường An Dân (3) kết cục vẫn không thể tìm kiếm được người hiền tài trong thiên hạ, để tập trung ở triều đình. Phạm Thuần Nhân, Lã Đại Phòng cũng vậy. Về sau vua Triết Tông lại chuyên dùng một bọn người xấu (4), chính sự nhà Tống mới suy kém đi. Vậy người làm bậc đại thần vì nước lo tính sâu xa, có thể nào không lấy việc cầu nhân tài làm căn bản để giữ cơ nghiệp được không

Chú thích:

- (1) *Thodi nhượng*: Cáo lão lui về, nhường chức vị cho người khác.
- (2) *Tam hiếu trách*: Những người ở ba chức vụ:
 - Thường bá: tức là quan đầu địa phương trị dân.
 - Thường nhân: tức là công khanh coi mọi việc tại triều.
 - Chuẩn nhân: Tức là quan tư pháp.
- (3) *Thường An Dân*: Người đời Tống, tên tự là Hy Cổ, làm quan ngự sử, thường khuyên những danh thần đương thời tiến cử người để công sự.
- (4) Chỉ vua Tống Triết Tông tin dùng bọn siểm nịnh, gian tà như Chương Đôn, Thái Kinh.

45- THÁI TRỌNG CHI MỆNH (1)

45 - 1. Hai chữ "trung", "hiếu" được nối liền với nhau bắt đầu từ thiên Thái Trọng Chi Mệnh này đây (2).

Chú thích:

- (1) *Thái Trọng chi mệnh*: Tên một thiên ở Chu Thư, thể mệnh (lời mệnh lệnh). Thái là tên nước Thái, Trọng là tên người. Thái Trọng là con Thái Thúc, khi Thái Thúc đã chết, Chu công nhận thấy Thái Trọng là người hiền, mới xin vua Thành vương lại phong cho nước Thái. Đây là lời cáo mệnh phong đất cho Thái Trọng, cho nên gọi là Thái Trọng chi mệnh.
- (2) Ý Lê Quý Đôn muốn ca ngợi Thái Trọng là người đã xóa bỏ được lỗi cho cha y là Thái Thúc, thì vừa làm được đạo "trung" và đạo "hiếu".

45 - 2. Chu công phò tá hai triều(1), tùy trời đặt ra thể chế thích hợp, căn cứ phong tục mà thi hành chính

sách. Chính sự từ lớn đến nhỏ, từ gốc đến ngọn, không gì là không thích hợp với đạo trung (2). Vua quan các nước chu hầu đều nên dời dời theo thể chế ấy mà thi hành; vì vậy vua Thành vương răn Thái Trọng chớ cậy thông minh làm càn, biến loạn hiến chương đời trước. Nước Lỗ là nước có danh vọng (3) thể mà lại là nước bỏ điển chương của Chu công trước nhất: nước ấy đánh thuế ruộng đầu tiên (4). Quá tệ lắm! thật là không biết theo đạo trung vậy.

Chú thích

- (1) Hai triều: Vua Vũ vương và vua Thành vương nhà Chu.
- (2) Trung: Vừa phải, đúng mức, không thái quá, không bất cập.
- (3) Nguyên văn *Vọng quốc*: nước có danh vọng, được các nước khác tôn trọng. Vì nước Lỗ là nước giữ lễ nhạc nhà Chu hơn các nước khác, cho nên được coi là nước có danh vọng.
- (4) Nguyên văn: *Sơ thu thuế mẫu*, đầu tiên đánh thuế ruộng tính theo từng mẫu, cả công điền, tư điền. Theo phép "tính điền" thời cổ: thì cứ mỗi tỉnh điền là 900 mẫu, lấy 100 mẫu ở giữa là công điền. Hàng năm nông gia phải cày cấy, gặt hái 100 mẫu ruộng công, lấy hoa lợi nộp nhà nước, thế đã là có nộp thuế ruộng rồi. Còn ruộng tư không phải nộp gì nữa. Vua Tuyên công nước Lỗ là người đầu tiên biến đổi pháp chế cũ: đánh thuế ruộng theo số mẫu cả công và tư, thế là đã thu hoa lợi 100 mẫu ruộng công, lại đánh thuế cả 800 mẫu ruộng tư của nông gia, là người hàng năm đã tận lực làm ruộng công (Xuân Thu cốt lưong truyện, Tuyên công năm thứ 15).

45 - 3. Hiến chương [thích trung] của đời trước không nên thay đổi, thể mà người cậy thông minh thường hay làm rối loạn hiến chương ấy; đây là họ thích tỏ trí khôn vặt và theo ý riêng của mình làm càn mà

thôi. Tự cậy sức mình mà làm thì nhỏ hẹp, chuyên chú vô tư dục thì khó thành công. Lễ nào thoát khỏi được lăm lỏi và sinh sự nhiễu dân. Nếu không tự cậy mình thông minh, tham khảo ý kiến người khác, chăm giữ đạo công bằng, thì tuy có thêm bớt chút ít, bù đắp chỗ lệch, chữa lại chỗ hỏng, cũng vẫn theo cái nghĩa "làm việc phải theo thời, không khi nào rối loạn".

45 - 4. Phép của nhà Chu, giảng giải pháp luật rất kỹ càng, cấm phòng rất nghiêm khắc, hàng năm tuyên bố luật pháp, có tụ hội dân để đọc cho nghe. Thiên tử đi tuần thú, xem xét chính đốn; có nước chư hầu nào biến đổi lễ nhạc, thì vua nước ấy bị tội "lưu" (1). Nước chư hầu nào thay đổi chế độ, y phục, thì vua nước ấy bị tội "thảo" (2). Răn bảo các quan khanh sĩ nên dùng điển thường để làm gương mẫu, răn các vua chư hầu chớ biến loạn hiến chương cũ. Ở thiên Đại Nhã, lại có câu: "Làm không sai lầm, nhớ kỹ không quên, noi theo điển chương cũ" (3). Giáo huấn khuyên bảo thật là chu đáo, tường tận. Vì thế cho nên đến thời Tử Tư (4), cả thiên hạ vẫn "xe cùng một cỗ trục, chữ viết cùng một kiểu", hành động cùng theo một đạo thường, các vua chư hầu không ai dám tiếm lạm quyền "tam trọng" (5). Còn như nước Tề đặt chính sách riêng, cho dân đều tập quân sự (6), nước Tấn lập châu binh (7), nước Lỗ dùng điền phú (8) bất quá chỉ là thói thích chiến tranh, thích dùng binh, thích vơ vét của cải mà thôi.

Chú thích

(1) *Lưu*: Tên một thứ hình phạt đem đi an trí ở phương xa.

(2) *Thảo*: Trị tội.

- (3) Câu này ở thiên Giả Lạc-Kinh Thi.
- (4) *Thời Tử Tư*: Tử Tư là cháu Khổng Tử, tên là Cấp, làm sách Trung Dung. Thời Tử Tư tức cuối thời Xuân Thu.
- (5) *Tam trọng*: Ba việc trọng đại: bàn định lễ nghi, chế định pháp độ, khảo định văn tự. 3 Việc này chỉ thiên tử mới có đủ tư cách để làm.
- (6) Nguyên văn: *Đặt nội chính*, tức đặt chính sách riêng trong nước nhân dân đều luyện tập và thông hiểu quân sự. Điển này ở sách Quân Tử, thiên Tiểu khuông.
- (7) *Lập châu binh*: Lập quân đội tại các châu, mỗi châu 2500 nhà, đặt một châu trường, giao cho tổ chức trông nom giáp binh. Điển này ở Tà truyện, Hy công năm thứ 5.
- (8) *Dùng diên phú*: Lấy thuế cả ruộng công, ruộng tư (xem 45 - 2, chú thích 4).

46 - ĐA PHƯƠNG (1)

46 - 1. Tô My Sơn (2) nghị luận thiên lệch, Chu Tử (Chu Hy) đã chê. May xem lời My Sơn nói: "Ở các thiên Đại cáo, Khang cáo, Tề cáo, Tử tài, Thiên cáo, Lạc cáo, Đa sĩ, Đa phương tuy những lời cáo thị nhiều và khác nhau, đại khái toàn là vì lòng dân nhà Ân không phục mà làm ra cả. Đọc tám thiên này, thấy rõ nhà Chu đẹp yên được dân nhà Ân quả thật là gian nan. Lời hiểu dụ ở thiên Đa Phương, chẳng phải chỉ để bào riêng cho người nhà Ân, thế thì trong số những người gây rối lung tung và không chịu tâm phục nhà Chu, chẳng phải chỉ riêng có dân nhà Ân mà thôi. "Nói thế rất là không phải. Văn vương, Vũ vương tích đức tu nhân, bốn phương quy

phục, rồi sau đó bắt đắ dĩ mới có việc khởi binh diệt nhà Thương. Người ta đều biết Vũ vương không có lòng tham lấy thiên hạ làm giàu. Cứ lời Mạnh Tử khen Vũ vương rằng: "Lấy thiên hạ mà dân hà lòng" thì đâu có chuyện nhân tâm bất phục. Chu công giúp Thành vương đánh Vũ Canh và bọn Tam Thúc (4), trị tội phản nghịch của các người ấy. Kinh Thi có bài (5) ca tụng Chu công rằng: "Bốn nước (6) đã chinh đốn" thì đâu lại có người không tâm phục? Nếu bốn phương đều rối loạn không tâm phục thì sao gọi được là nước thánh nhân? Kể ra, dùng binh đi đánh kẻ phản nghịch, chọn đất để lập đô ấp, vua tôi cùng khuyên răn lẫn nhau; tỏ rõ hình phạt để chấm dứt thói tục bạc ác, nghiêm cấm trừng trị bọn say đắm rượu chè, cùng là bảo ban các hầu bá (7) bằng đạo cai trị thần hạ và nhân dân, đó đều là những công việc nên làm cả. Quan Lưu Thủ (8) buổi đầu nhận việc, hiểu thị đám dân mới ấy phải yên ổn mà làm ăn, lại bảo cho dân bốn nước bị cầm tù biết rõ ý muốn khoan tha lầm lỗi, để họ được ở yên; đấy cũng là điều tất nhiên, thế mà My Sơn cứ nhất loạt cho là "vì nhân dân bất phục mới làm ra tám thiên ấy", như thế có đúng không. Bờ cô Thương Yêm đều là bè đảng hung ác; duy chỉ có 4 nước ấy làm phản thế mà My Sơn bảo là "4 phương nổi loạn lung tung và đều không tâm phục", như thế có đúng hay không? Còn như làm dân mà bất hiếu, bất mục; làm bầy tôi mà phản chủ, lập phe cánh riêng, quần tụ rượu chè, quên thói xa xỉ, bỏ cả lễ nghĩa và những người đã thần phục, rồi lại phản trắc, đó đều là những hạng, chiếu theo pháp luật phải trừng trị cả. Thế mà My Sơn lại cho rằng "những người ấy nhớ ân đức tiên vương nhà Ân"! Nhà Chu không

dùng hình phạt nghiêm trị dân nhà Ân, chỉ dùng đức giáo để cảm hóa. Hết một trăm năm mới tiêu trừ được sự tàn bạo, hết một đời (30 năm) rồi sau mới đạt đến đạo nhân(9). Đạo (trị nước trị dân) cố nhiên phải như vậy, thế mà My Sơn lại than phiền "nhà Chu vô yên được dân nhà Ân rất là gian nan", thì thật là không hợp lý. Cho nên ngu này phải biện bạch cho rõ.

Chú thích

- (1) *Đa Phương*: tên một thiên ở Chu Thư, thể cáo. Khi Thành vương lên ngôi thì nước Yêm cùng nước Hoài đi lại làm phản. Vua Thành vương đi đánh, diệt được nước Yêm trở về làm lời cáo thị này. Xét thiên Phỉ thể nói đánh Hoài đi Từ Nhung, tức là việc này. Vì rằng những cuộc "phiến loạn" lúc ấy không phải chỉ riêng do con cháu nhà Ân gây ra, mà còn do nhiều bộ lạc khác như Từ Nhung, Hoài đi... gây ra nữa. Do đó gọi là đa phương (nhiều phương).
- (2) *Tô My Sơn*: tức là Tô Tuấn, người đời Tống, ở đất My Sơn, tên tự là Minh Doãn, nổi tiếng học rộng tài cao. Ông là thân sinh của Tô Đông Pha (Tô Thức) và Tô Triệt, hai danh sĩ đương thời.
- (3) Câu này ở sách Mạnh Tử.
- (4) *Vũ Canh*: con vua Trụ nhà Thương.
Tam thức: bọn Quán Thức, Thái Thức, Hoắc Thức... cùng theo Vũ Canh nổi loạn chống nhà Chu.
- (5) Kinh thi đây chỉ bài "Phá phủ" ở Mân Phong, bài này ca tụng Chu công đồng chinh.
- (6) *Bến nước*: Quán, Thái, Thương, Yêm.
- (7) *Hầu bá*: các vua chư hầu, các quan phương bá.
- (8) *Lưu thủ*: tên một chức quan, thường là đại thần được cử ở lại để trông nom đô ấp hay kinh sư khi thiên tử đi vắng.
- (9) Ý này ở sách Luận Ngữ, thiên Tử Lộ.

46-2. Vua Thành vương đến Lạc ấp, sau khi lưu Chu công ở lại, vua trở về Cảo kinh, tháng 3 năm sau, Chu công hiểu dụ các kè sĩ(1); cũng năm ấy vua Thành vương tuần hành phía đông, diệt nước Yêm, tháng 5 vua từ nước Yêm đi về Cảo kinh, lại sai Chu công hiểu dụ các địa phương. Hai thiên(2) này chỉ là công việc trong một năm. Cứ xem thể có thể thấy rõ quy mô lớn, thủ đoạn lớn của vua Thành vương, trong việc tuần hành, vỗ về, đánh dẹp, an ủi; cũng có thể thấy rõ công sức to lớn của Chu công giúp đỡ, mở mang, tán trợ, hoàn thành công việc ấy.

Chú thích

(1) Nguyên văn *Đa sĩ*: ở đây chỉ các người có chức vị của nhà Thương trước.

(2) *Hai thiên*: thiên *Đa Sĩ* và thiên *Đa Phương*.

46-3. "Tự làm sáng đức tốt, rất cẩn thận hình phạt", thiên *Khang cáo* đem câu ấy khen ngợi vua Văn vương, thiên *Đa Phương* đem câu ấy khen ngợi từ vua Thang đến vua Đế Ất nhà Ân, vì rằng đạo trị dân không ra ngoài được điều ấy(1).

Chú thích

(1) Điều ấy: "Làm sáng đức tốt, rất cẩn thận hình phạt".

46-4. Trừng trị kẻ có tội, tha cho người oan uổng, vô tội, đều có thể làm cho dân biết sự khuyến khích; đó không có gì lạ, do xử trí đúng lẽ phải mà thôi. Dân biết sự khuyến khích thì cùng nhau cố gắng làm

thiện, không dám làm ác; đây tức là công dụng của sự "minh hình bất giáo"(1) vậy.

Chú thích

- (1) *Minh hình bất giáo*: là nói gọn của câu "Minh vu ngũ hình dĩ bất ngũ giáo" ở thiên Đại Vũ mô, có nghĩa là sáng suốt dùng hình phạt cho công bằng và nghiêm túc để dân biết sửa đổi thói xấu, chăm làm điều thiện, thế là giúp cho việc giáo dục năm đức thường (năm mối quan hệ: vua tôi, cha con, vợ chồng, anh em, bạn bè).

46-5. "Thánh" nghĩa là thông minh, "cuồng" nghĩa là mê muội. Dù làm thánh thực nhưng nếu phóng đảng không suy nghĩ thì cũng hóa ra cuồng và trở thành kẻ "lúc đầu sáng suốt về sau lại mờ ám"; tức như vua Minh Hoàng(1), nhà Đường vậy. Dù là cuồng thực, nhưng nếu cố gắng chịu suy nghĩ thì có thể thành ra thánh ngay, vì trước mê muội nhưng sau giác ngộ, tức như vua Thái Giáp(2), nhà Thương vậy.

Chú thích

- (1) Minh Hoàng tức vua Huyền tông, làm vua 45 năm, 31 năm trước là vua giỏi có nhiều công lao, nhưng 14 năm cuối đời lại hóa ra vua xấu. Trong giai đoạn sau, nhà Đường bị suy vì loạn An Lộc Sơn.
(2) *Thái Giáp* làm vua 33 năm, giai đoạn trước làm nhiều điều bất nghĩa, mất hết lễ độ, về sau hối cải trở thành vua thánh hiền.

46-6. "Biết chăm lo dùng đức"(1) mới có thể làm chủ tế được thần và trời. Điều cốt yếu việc này chỉ ở sự "tự cường không nghĩ"(2) mà thôi, cho nên có câu nói rằng: "chữ "đức" này, ai không có nghị lực thì không thể làm nổi".

Chú thích

- (1) Nguyên văn "Khắc kham dụng đức" (Biết chăm lo dùng "đức") nghĩa là đối với hết thảy công việc tu dưỡng và thực hành đức tốt đều làm triệt để.
- (2) Nguyên văn "Tự cường bất túc", tự mình cố gắng hằng hái mà không gián đoạn. Bốn chữ này ở quê Kiên, Kinh Dịch.

* * *

46-7. Thiên Đa phương mở đầu nói với tất cả bốn nước cùng những viên quan của nhà Ân trước, lúc này vẫn có trách nhiệm trông coi dân. Cuối thiên mới nói: "Từ nay các người ở tại Lạc ấp đây, sẽ mãi mãi được đem sức lực cày ruộng của các người", thế là chú ý bảo ban cho dân nhà Ân mới được dời đến vậy.

* * *

47. LẬP CHÍNH (1)

47-1. Dã vương giả vâng nhận mệnh trời, đặt ra quan chức, mỗi quan chức chuyên giữ một việc, danh hiệu tuy nhiều, nhưng muốn nêu rõ được những chức quan trọng, thì một thiên Lập Chính nói đủ hết rồi. Quan cai trị dân một châu(2) cũng như quan thứ sử, quan thừa tuyên đời sau; các quan công khanh làm việc(3) cũng như các quan ở Trung thư, ở nội các, ở bộ đời sau; quan giữ pháp luật(4) cũng như quan ngự sử, quan bộ Hình đời sau- đây đều là đại thần cả. Quan giữ y phục khi dụng(5) cũng như quan thiếu phủ, các quan giám đời sau; quan giữ thị vệ(6) cũng như mười sáu vệ, ba nha, mười hai vệ cấm y đời sau - đây đều là cận thần cả(7).

Quan truể y là người hầu cận thiên tử, quan hổ bôn là thân binh(8) của thiên tử, hai chức này rất là trọng yếu, nếu không được là người trung thành cẩn thận giữ chức ấy thì có khi ngấm ngầm lộng quyền, tác oai tác phúc phản bội vua trên, làm việc tư lợi, tệ hại ấy không thể nói hết được, há những chỉ làm cho vua tập nhiễm thói xấu mà thôi đâu!

Chú thích

- (1)**Lập chính**: tên một thiên ở Chu Thư, thể cáo. Thiên này là lời Chu công răn bảo vua Thành vương về đường lối sử dụng hiền tài, cốt ý khuyên vua chú ý lựa chọn những trưởng quan trong số bách quan hữu tư vì nếu được trưởng quan là người hiền tài, thì liêu thuộc trở thành khá cả.
- (2) Chức quan này gọi là: Thường bá.
- (3) Chức quan này gọi là: Thường nhâm.
- (4) Chức quan này gọi là: Chuẩn nhân.
- (5) Chức quan này gọi là: Truể y.
- (6) Chức quan này gọi là: Hổ bôn.
- (7)**Cận thân**: Bầy tôi hàng ngày ở gần vua.
- (8)**Thân binh**: binh sĩ tùy thân để hộ vệ vua.

47-2. Ở thiên Lập Chính [Chu công] đầu tiên nêu ra năm chức quan(1), đem câu "Việc đặt năm chức quan ấy thì tốt thật, nhưng lo kiếm cho được người tốt thì [ít lắm](2) để khuyên răn. Rồi dẫn phương pháp dùng người của các đời nhà Hạ, nhà Thương, nhà Chu. Chỉ nói đến Tam trạch(3), vì rằng các chức Truể y, Hổ bôn đều thống thuộc vào Tam trạch cả.

Chú thích

- (1) *Năm chúc quan*: đã nói ở trên (chú thích 2-6, 47-1).
- (2) Nguyên bản sót hai chữ "tiển tai" (ít lắm).
- (3) *Tam trạch*: ba người cho tại chúc để dùng, tức là ba thứ quan Thường bá, Thường nhậm, Chuẩn nhân.

47-3. Chu công nói bầy tôi nhà Hạ rất sáng suốt, thành tín, thực hành chín đức(1), sau khuyên vua Thành vương dùng kẻ sĩ giỏi, giữ bền đức tốt, thật là ông lấy cái ý câu "thực hành có 9 đức, đức ấy thể hiện ở bản thân; mà thủy chung vẫn giữ được thì thật là kẻ sĩ giỏi" ở thiên Cao Dao mô. Phương pháp trị nước ấy đem truyền cho nhau, trước sau vẫn một lối.

Quan ngoại sử(2) giữ thư tịch đời Ngũ đế(3), cùng với sách Chu công đọc được có tới trăm thiên; những sách ấy giúp cho Chu công khảo sát và đem ra thi hành kể cũng là nhiều.

Chú thích

- (1) *Chín đức*: xem số 3, tiết 1, thiên Cao Dao mô, Ngũ Thư.
- (2) *Ngoại sử*: lên chúc quan đời cổ chuyên giữ những chính lệnh của vua thiên từ ban bố ra vùng xa ở bên ngoài, sách vở ghi chép về các nơi và thư tịch cổ của thời xưa.
- (3) *Ngũ đế*: Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Thiệu Hạo, Chuyên Húc.

47-4. Tam trạch(1) là quan chính khanh, tam tuần(2) là quan phó khanh, có lẽ là để theo thứ tự mà dùng dần, không phải tam tuần chỉ là chúc để dự trữ sẵn,

đội về sau mới dùng chứ chưa cất nhắc cho làm việc ngay. Cho nên Kinh mới khen vua Thang rằng: "khéo biết dùng Tam trạch, Tam tuần".

Chú thích

(1) *Tam trạch*: xem chú thích số 2, tiết 2 ở trên.

(2) *Tam tuần*: ba đức tốt: cương (cứng rắn), nhu (mềm dẻo), chính trực. Tam tuần cũng chỉ người có ba đức tốt đó; cũng có thể hiểu đây là ba người quan tốt.

47-5. Vua Văn vương biết rõ tấm lòng của Tam trạch, thấy rõ tấm lòng của Tam tuần. Thái truyện lại chú thích "Tam tuần chưa được giao việc". Nói thế, e có thể chưa thông. Vì rằng, Tam tuần tất phải trải qua nhiều năm tập làm chính sự, rồi sau mới có thể lần lần bổ vào địa vị Tam trạch. Nếu chưa từng nhậm chức mà lại thăng ngay lên cương vị tam công tể phụ(1) thì như đó là điều vô lý.

Chú thích

(1) Nguyên văn: *Công phụ*, địa vị quan Tam công cỡ Tể tướng như thái sư, thái phó, thái bảo đời sau có chức trách phụ tá nhà vua.

47-6. Tất cả bầy tôi ở triều và bầy tôi ở ngoài, không ai không phải là kẻ giữ bền đức tốt. Bài dưới nói "nghĩa đức dung đức(1)" tức là nói về thực chất của kẻ sĩ giữ bền đức tốt đấy. Xử sự mà có tính quyết đoán đúng mức, sẵn lòng mà hay khoan dung, thế chẳng phải đức tốt là gì?

Chú thích

- (1) *Nghĩa đức, cung đức*: người có đức trung nghĩa thì thường có tài dẹp loạn cứu dân, người có đức bao dung thì thường ham làm việc thiện.

47-7. Thiên Mục thệ nói nước Vi, nước Lô đến hội chiến(1), thiên Lập chính lại nói rõ có quan Doãn(2) của nước Vi, nước Lô, nước Bản. Đây là vua đã sai các quan Doãn cai trị những nước hiểm trở rồi.

Câu: "Có thể biết rõ cái tâm của Tam trạch" đó là [vua Văn vương] biết người, câu: "Có thể lập được các chức quan Thường nhậm, Từ mục (thường bá), Chuẩn nhân" là nói [vua Văn vương] dùng người.

Chú thích

- (1) *Hội chiến*: ở đây là nói các nước trên đến họp ở Mục đã để đánh vua Trụ nhà Thương.
(2) *Doãn*: chức quan của nhà vua, cử ra để giám sát cai trị các nước hiểm trở xa xôi.

47-8. Câu "Chẳng kiêm làm cả(1), chẳng dám biết đến"(2) thế là nói vua [Văn vương] không xâm phạm đến chức sự quan đại thần và quan hữu tư vậy. Lã Tổ Khiêm(3) bảo vua Hiếu Tông: "Thế thống của đường lối trị dân trị nước, cốt ở trên dưới trong ngoài mỗi người mỗi việc, không xâm phạm tranh đoạt lẫn nhau, rồi sau mới có thể yên ổn. Nếu bề hạ cho là đại thần không làm nổi, rồi sau kiêm cả việc

của đại thần; đại thần cũng đều thân hành làm các việc nhỏ mọn, kể cả công việc của quan Hữu tư; cho đến những chức sự của các giám ty, thú, lệnh, cũng bị quan trên xâm lấn, rồi họ không thể nào sai khiến được người dưới quyền nữa, cho nên bọn cường hào gian lại khinh phù quan(4), quan ở quận ở huyện coi thường quan tỉnh, đám ty thuộc lấn quyền của trưởng sử(5), người hèn hạ khinh đại thần cầm quyền". Câu nói này đáng gọi là sâu sắc thiết đáng.

Ngụ này cho rằng vua Văn vương dùng người, nhất định, trước hết có thể biết rõ, thấy rõ cái tâm người ấy, rồi sau mới có thể để cho làm việc, mà mình không cần ôm đồm, không cần bận tâm, vì rằng Văn vương đã đích xác thấy rõ người ấy có thể làm nổi trách nhiệm rồi. Nếu cứ dùng phiếm, chiếu lệ, theo tư cách nghe người tiến cử, thì nhớ không được người tốt, dùng nhầm phải kẻ gian nịnh mà lại nói rằng: "Đây là bất chước thể thống dùng người của vua Văn vương". Như thế thì sao có thể tránh khỏi đổ vỡ được?

Chú thích

- (1) *Chẳng kiêm làm cả*: Kinh Thư nói: "Vua Văn vương không khi nào làm kiêm cả việc ban hành sắc lệnh và xử kiện v.v... có ý là cử để cho các quan làm, vua chỉ kiểm tra, khuyên bảo chứ không can thiệp đến công việc của họ.
- (2) *Chẳng dám biết đến*: Kinh Thư nói: "Các việc kiện cáo, cấm lệnh trong nước vua "chẳng dám biết đến", ý nói: tuy có biết việc ấy, nhưng vì tín nhiệm các quan nên không cần xét nét đối với họ.
- (3) *Lã Tổ Khiêm*: người đời Tống, tên tự là Bá Cung, học rất rộng, văn hay, có viết quyển bình luận lịch sử nổi tiếng gọi là "Đông lai bác nghị".

- (4) *Phủ quan*: tiếng để gọi trưởng quan tức là quan đầu một bộ, một ty, một hạ v.v...
- (5) *Trưởng sự*: tên một chức quan ở vương phủ, bộ, viện, tỉnh, hạt, đều có chức này, làm công việc như của thư ký sau này.

47-9. Câu "Vong cảm tri vu từ" (chẳng dám biết đến những việc ấy)(1). Chữ "tri" (知) ở câu này, nếu giải thích như chữ "tri" (知) ở câu "kiến tri đại thủy"(2) (quê Kiên chủ trì cái gốc lớn ban đầu) mà Chu Tử đã chú giải: "tri" (知) là đồng lý, là chủ trì. Nếu cho rằng "bất tri" (不知) là không biết đến, thì hình ngục là việc trọng đại, quan hệ đến mạng người, những lệnh cấm răn, những việc dự trữ, phòng bị, can hệ đến chính sự quốc gia. Công việc lúc đầu, cũng có thể có những việc vụn vặt không biết, nhưng đến khi hình ngục đã xử đoán xong, dâng lên để xét định, hay cuối năm hội bàn công việc, đâu lại có lẽ không biết mà được ư? Những thánh đế đời nhà Đường, nhà Ngu còn nói: "Thường xem xét đến, mới thành công". Nếu vua mà không biết rõ việc làm của các quan, thì làm thế nào để biết được ai là người tuân mệnh, làm tốt, ai là người trái mệnh, làm xấu. Khảo công ký(3) nói rằng: "Người ngồi mà thảo luận đường lối làm việc, đó là quan Tam công (4). Người bắt tay vào làm việc, đó là quan sĩ, quan đại phu. Lấy lý mà nói quan Tam công còn chẳng thân hành đi làm mọi việc, hưởng chỉ là vua. Không kiêm cả chức sự của người ta, không "biết" đến công việc của người ta, thế là không nhúng tay vào việc, cốt để giao phó cho quan hữu tư mà thôi, còn như ngồi để nghị luận công việc thì vua và tể tướng cố nhiên chưa bao giờ bỏ mặc không làm.

Chú thích

- (1) *Kiếp ấy*: tức là các việc ngục tụng, việc cấm giới, trừ bị.
- (2) *Kiến trị đại thủy*: trời chủ trị phần "khí", là cái mầm bắt đầu sinh ra muôn vật, cho nên gọi là cái gốc lớn ban đầu.
- (3) *Khảo công ký*: tên sách, tức là thiên thứ sáu của sách Chu Lễ, do người nước Tề đời Đông Chu bổ sung thêm vào.
- (4) *Tam công*: Thái sư, Thái phó, Thái bảo.

47-10. Đối với công việc ngục tụng và cấm giới, trừ bị của quốc gia Chu Công dạy bảo vua Thành vương đã chú ý rất kỹ càng.

Lần thứ nhất, ông nói: "Hãy chú ý thích đáng đến những việc ngục tụng, việc cấm giới, trừ bị của ta".

Lần thứ hai, ông nói: "Hãy chớ phạm sai lầm trong những việc ngục tụng"

Lần thứ tư, ông nói: "Kính cẩn những việc ngục tụng xử đoán".

Nay nói thiết lập chính sách, mà lấy việc "dùng được người tốt" làm đầu, nói "được người tốt, rồi đem việc hình ngục, cấm giới, trừ bị để kỷ trách cho". Đường lối trị dân, trị nước, liệu có ra ngoài được những việc này không.

Ngũ hình (2), ngũ phạt (3), ngũ quá (4), đều là việc về luật pháp cả. Những việc tài hóa, cống hiến, thuế khóa, canh nông, quân sự, học chính, thì hai chữ "thứ thận" [thận trọng mọi việc] đã bao quát tất cả rồi [tr.189]. Chữ "hòa" có nghĩa là điều hòa thích đáng. Chữ "vật ngộ" [chớ lầm] có ý là truy xét cho

tường tận kỹ càng, chữ "thức kính" [hãy kính cẩn] có ý là e dè, cẩn thận. Giữ được ba điều này thì chính sự sẽ tốt ngay.

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Ngục thận*: việc ngục tụng và các việc cấm giới, trừ bị của quốc gia.
- (2) *Ngũ hình*: năm thứ hình pháp:
 - Mặc: thích chữ vào trán rồi bôi mực.
 - Tị: cắt mũi.
 - Phì: chặt chân.
 - Cung: thiến.
 - Đại tích: xử tù.
- (3) *Ngũ phạt*: Năm thứ tội phạt bằng tiền, nặng nhất là 1000 hoàn, nhẹ nhất 100 hoàn (mỗi hoàn là 6 lạng) chia làm 5 bậc. Khi những người phạm tội ngũ hình, mà xét kỹ còn nghi ngờ chưa đích xác, thì hạ xuống làm ngũ phạt.
- (4) *Ngũ quá*: Năm thứ lầm lỡ mà phạm lỗi được tha, không phải phạt. Khi những người phạm tội ngũ phạt mà còn nghi ngờ thì giảm xuống còn ngũ quá.

47-11 Lời nói là do ý nghĩ phát ra, trong khi nghe một lời nói, một câu chuyện, ta nên luôn luôn liên hệ xem người đó có phải là kẻ sĩ có đức tốt không. Đó là cái thuật để biết rõ tâm tư của kẻ sĩ ấy luôn để ý vào việc gì. Hễ thấy lời nói thiết thực và giản dị thì biết ngay đây là người ít thay đổi? (1) Hễ thấy lời nói tỏ ra biện bác, lém lỉnh, phù phiếm văn hoa, thì biết ngay đây là người gian nịnh, xảo trá. Cái đạo xét người, trước hết là lắng nghe lời nói để biết rõ "tâm" sau lại xét kỹ việc làm để nghiệm lại cái "lích", thế là đủ.

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Hiếu thường*: người thủy chung, giữ được đức tốt.
(2) *Tích*: dấu vết, kết quả thực sự của hành động đã làm, ai cũng biết.

47-12. Câu "Khắc trạch chi" là trước tiên chọn cho được người hiền tài trao cho họ một chúc, câu "Khắc do dịch chi" (2) là để người hiền tại chúc, làm hết trách nhiệm để xét thành quả vậy. Chữ "dịch" (役) ở đây như chữ "dịch" (役) ở câu "thứ ngôn đồng tác dịch" [nghĩa là các câu nói đã như nhau, thì suy tầm đến cái đầu mối của lẽ phải ấy]. Họ Trần cho rằng "biết tường tận công việc người tại chúc làm, khảo sát kỹ công việc người tại chúc đã làm nên như vua Nghiêu hỏi công việc đã làm, lại so với câu nói ngày trước [Làm được đúng là có thành tích]; như vua Thuấn khảo kỹ những việc thủ giao cho có làm được không, rồi xét định công lao". Câu nói này rất phải. Vì rằng, tuy biết người ấy là người hiền tài nhưng cũng phải khảo sát tình tường, đấy là đạo làm vua nên như thế. Trần Thị Nhã Ngôn giải cho là "vua Văn vương lấy tình cảm mà đối xử với quan, cách đãi người thật là chân thành". Nói thế hình như chưa được sát.

Chú thích

- (1) *Khắc trạch chi*: biết để người giỏi ở một địa vị xứng đáng.
(2) *Khắc do dịch chi*: biết làm cho họ tận lực phát triển hết tài năng.

47-13. Kẻ tiểu nhân gian nịnh háms lợi, khéo chiều ý bề trên lại biện bác nhanh nhẹn, hình như đáng ưa

chuộng, kỳ thực không có tí đức nào; những việc nó làm đều là việc hại dân, hại nước. Chu Công bảo vua Thành vương rằng: "Từ cổ trị nước, không có ai lập chính sự mà dùng kẻ tiểu nhân gian nịnh hám tài lợi", rồi lại răn rằng: "Từ nay về sau lập chính sự, hãy chớ dùng kẻ gian nịnh". Ông nói đi nói lại thật là kỹ càng khẩn thiết. Vua Lệ vương dùng Di Công là người tham lợi, vua U vương dùng Hoàng Phủ là kẻ tự cho mình là thánh lắm, chắc họ không đọc thơ này chẳng?

Chú thích

- (1) *Lệ vương*: vua thứ 10 nhà Chu hôn mê dùng kẻ gian nịnh tham lợi, cả nước phỉ hâng, sau người trong nước nổi dậy, đẩy Lệ vương ra ở đất Trệ.
- (2) *U vương*: vua thứ 12 nhà Chu, tàn ngược hoang dâm, dùng người tham tài, hại dân hại nước, sau bị rợ Khuyển Nhung giết.
- (3) *Hoàng Phủ* tự đắc cho mình là thánh lắm, điển này ở Kinh Thi, Tiểu Nhã, bài Thập nguyệt chi giáo.

* * *

47-14. Đời cổ binh lấy ra ở dân (1), ngày thường mọi việc đều được lòng dân thì khi ra trận, trao cho khí giới, dân vui vẻ tuân mệnh. Xuân Thu truyện nói: "Lòng nhân từ, thương yêu hàng ngày là sự tích lũy để dành cho khi chiến đấu"; lại nói: "Đức tốt, hình phạt công minh là vũ khí để chiến đấu". Vua Trang Công nước Lỗ khi xét hình ngục là cố tìm ra sự thực. Tào Uế (2) khen đây là một sự trung thực tận tâm, có thể để đưa dân vào một cuộc chiến đấu. Đây, Chu Công trước hết nói: "Chớ phạm sai lầm trong việc ngục tụng", rồi nói tiếp theo: "Hãy tu sửa giáp binh". Hai người

nói trên đây [Chu Công và Tào Uế] là cùng một ý kiến. Vì rằng, hình ngục là việc quan trọng, đã biết hết sức xem xét cẩn thận và có lòng thương xót, thì đến khi dụng binh chiến đấu là làm công việc nguy hiểm đâu lại có thể coi thường mà hành động không suy nghĩ? Việc hình ngục [dân sự] đã có thể điều tiết đúng mức thì hình phạt trong quân sự, đâu lại có thể làm tràn lan bừa bãi. Cho nên trước hết phải làm được việc "không phạm sai lầm trong ngục tụng" rồi sau mới có thể biết "chỉnh đốn tu sửa giáp binh". Hai tiết này liên lạc với nhau, không nên phân tách chỉ xem có một tiết.

Chú thích

- (1) *Binh lấy ra ở dân*: ngày thường dân vẫn làm ăn sinh sống bằng nghề nghiệp của mình, nhưng đều được luyện tập quân sự, khi có chiến tranh thì lấy dân ra làm lính.
- (2) *Tào Uế*: (cũng gọi là Tào Quế) người dân thường nước Lỗ, thời vua Trang Công, hay lo tính sâu xa; trong việc chinh chiến thường chê những người có chức vị không biết vì nước lo xa (Tả truyện Trang Công năm thứ 10).

47-15. Vua Đại Vũ sửa sang 9 châu (1), giúp vua Thuấn đặt thành 5 phục (2) lập vua chư hầu, đặt quan trường (3), chế độ phân minh đâu ra đấy. Nay xét một thiên Vũ Công, không điều gì là không tỏ rõ ý chỉ nhất thống cho thiên hạ thấy. Nhà Hạ rất cường thịnh là do ở chế độ ấy. Đời sau có bậc Vương giả (4) nổi lên chỉnh đốn tu sửa lục sự (5), để đi tuần dò lại dấu vết của vua Vũ (6), đi thăm bốn phương trong thiên hạ, đến mãi ngoài bốn bể; đấy là đường lối làm cho yên, làm cho miễn, vỗ về chế ngự dân ở gần xa phải

nên như vậy. Lễ nào có thể chèn đó là "hiếu đại lý công" (7) được. Trong những đất đai có vết tích Đại Vũ kinh lý trước mà còn có chỗ nào không phục thì nơi đó cũng suy đồi, sút kém (8) đâu còn xứng đáng là một nước. Từ Từ tự xưng là vương (9), vua Mục vương nhà Chu cử binh diệt ngay. Do đó, oai quyền cường thịnh, không bị tổn hại. Sau, vua Di vương thấy rõ Hùng Cừ (10) đánh nước Dung, nước Dương, nước Việt lan đến cả nước Ngạc, thế mà chẳng hỏi tội kẻ xâm lăng. Do đó, các nước man di xung quanh này lòng khinh nhờn nhà vua, rồi nhà Chu mới suy yếu dần. Vua Tuyên vương bình định rợ Hoài Di, sửa sang bờ cõi đến tận bể nam; phương nam được yên ổn lâu dài. Riêng đối với Tây Nhung và Bắc狄 đến xâm lược, nhà vua chỉ đuổi chúng ra khỏi biên giới thôi, không thể thống nhất, chinh đồn được đất đai của chúng, nên đến thời U vương quả nhiên mắc phải tai họa (11). Nhà Tống đương lúc thịnh thời, chia vạch đất đai [với rợ Kim], để làm kế phòng thủ, bỏ cả đất Yên, đất Vân, đất Bình hạ ra ngoài biên giới, tình hình yếu đuối đã hiển hiện ra; về sau rút cục, vì bỏ mất nơi hiểm trở mà đến nỗi mất nước. Xem thế, mới biết việc chinh đồn binh bị, tuần tra lại dấu vết cũ của Đại Vũ thật là việc mưu tính xa để giữ nước, há có phải sự cầu thả đâu! Nhưng những nơi nằm ngoài vết tích cũ của Đại Vũ mà cứ cố nhất định cứ muốn khai thác, thì lại là cùng binh độc vũ (12), lại thành ra chuốc lấy rối loạn. Cho nên Dịch Nhân Kiệt (13) nói rằng: "[Địa giới Trung Quốc] phía đông đến biển, phía tây đến Lưu Sa (14), phía bắc đến bãi sa mạc lớn chặn ngang, phía nam đến Ngũ Lĩnh (15), đây là ranh giới trời vạch ra để giới

hạn di địch vũ phân cách Trung Hoa với nước ngoài. Nếu dùng vũ lực ở ngoài địa phương của mình, lập công ở nơi xa tít, dùng hết sạch tiền của kho tàng, tranh chiếm lấy đất đai không trồng cây gì được, hao huyền cau lấy cái tiếng "khai hóa các nước mọi rợ xa", không chăm chú đến phương pháp giữ vững nơi căn bản, và yên nhân dân, đây là việc làm của Thủy Hoàng nhà Tần, Vũ Đế nhà Hán (16), không phải sự nghiệp của Ngũ đế Tam vương (17) vậy.

Chú thích

- (1) *Chín châu*: châu Duyện, châu Kỳ, châu Thanh, châu Từ, châu Dự, châu Kinh, châu Dương, châu Ung, châu Lương.
- (2) *Nguyên văn An phục*: yên, hầu, tuy, yếu, hoàng. Xem lại số 3, tiết 9, thiên V công hạ.
- (3) *Quan trường*: quan phương hà, đứng đầu coi một châu.
- (4) *Vương giả*: vị vua thực hành chính sách nhân đạo.
- (5) *Lục sự*: 6 đạo căn của thiên tử. *Mỗ* đạo quân có 125.000 người.
- (6) Tức là những đất đai cũ mà *Đại Vũ* đã xếp đặt (gồm 9 châu nói trên).
- (7) *Hiếu đại lý côn*: thể hành làm to chuyện, thích lập công không cần thiết.
- (8) *Lãng di tủy mỵ*: sự thất bại, một ngày một suy nhược.
- (9) *Từ Tiê*: tự xưng là vua. Từ Từ vốn là vua một nước chư hầu, phẩm trật chỉ là bậc tử, dám tự xưng vương như thiên tử, thế là tiềm loạn, coi thường thiên tử nhà Chu.
- (10) *Hùng Cừ*: vua nước Sở, chỉ là chư hầu đương thời vua Di vương nhà Chu suy vì Hùng Cừ đã đem binh đánh các nước lân cận, rồi cho ba con mình làm vua các nước đó.
- (11) U vương quả nhiên mắc phải tai họa: Rợ Khuyển Nhung đem quân đến giết kinh đô nhà Chu và giết vua U vương.

- (12) *Cung binh độc vũ*: hiểu chiến, dùng binh không biết chán, đem vũ lực xâm phạm hầu hết các nước ở xa.
- (13) *Địch Nhân Kiệt*: người đời Đường, tên tự là Hoài Anh, khi làm quan có chú trọng cất nhắc người hiền tài, ngôi vua nhà Đường khỏi phục được, phần lớn nhờ sức của ông.
- (14) Nguyên văn *Lưu Sa*: bãi sa mạc, ở phía tây Mông Cổ ngày nay.
- (15) *Ngũ Lĩnh*: những núi giáp giới Giao Chỉ và Hợp Phố.
- (16) Câu này ý nói Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ đế "cung binh độc vũ" [dùng vũ lực đến mức nhăm chán].
- (17) *Ngũ đế Tam vương*: Ngũ đế là Phục Hy, Thần Nông, Hoàng Đế, Thiệu Hạo, Cự Nguyên Húc. Tam vương là vua Vũ nhà Hạ, vua Thang nhà Thương và vua Văn, vua Vũ nhà Chu. Các vị vua này được sử sách xưa khen là vua tốt, thi hành chính sách đúng mức.

47-16. Kinh Thư nói: "Khắc dụng thường nhân" (1) tức như thiên Cao Dao mô gọi là "hữu thường" (2), và sách Luận Ngữ gọi là "hữu hằng" (3) vậy. Phải có đủ 9 đức (4), hoặc 3 đức, hoặc 6 đức (5) mới có thể gọi là "hữu thường", nhất định không có những tình trạng nông nổi, khoe khoang: "không" mà cứ cho là "có", rộng tuếch mà cứ tưởng là chứa đầy, nghèo nàn mà cứ cho là phong phú (6), vậy mới có thể gọi là "hữu hằng".

Chú thích

- (1) *Khắc dụng thường nhân*: biết dùng người giữ bền đức tốt.
- (2) *Hữu thường*: người thủy chung, lúc nào cũng có đức tốt.
- (3) *Hữu hằng*: chuyên tâm nhất quán, làm mãi mà không gián đoạn.
- (4) *Chín đức*: xem số 3, tiết 1, ở thiên Cao Dao mô, Ngũ thư.
- (5) *Hoặc 3 đức, hoặc 6 đức*: trong 9 đức, người được 3 đức cũng làm đại phu, người có được 6 đức, cũng làm chư hầu.
- (6) Ba tình trạng này là nói về học vấn và đạo đức của các quân thần.

47-17. Tô Phấn Sinh biết kính cẩn xét việc hình ngục, thật đáng gọi là người làm tốt trách nhiệm tư pháp. Chu Công sai quan Thái sử ghi việc Tô Phấn Sinh làm tư pháp ở thiên Lập chính này để cho những người làm quan tư pháp sau này lấy đấy làm gương. Ý Chu Công khen ngợi khuyến miến biểu dương người có đức tốt, thật là đầm ấm, có thể tường tượng được.

Chú thích

- (1) *Tô Phấn Sinh*: ông Phấn Sinh nước Tô, làm quan tư khấu thời vua Văn vương và Vũ vương nhà Chu, có tiếng là công minh, cẩn thận.

48 - CHU QUAN (1)

48-1. Những chức Tam công, Tam cô (2) ghi ở thiên Chu Quan này, sách Chu Lễ không thấy chép đến. Có người bảo rằng: "Những chức Tam công, Tam cô là kiêm quan (3), không có chính chức (4), cho nên sách Chu Lễ không chép". Thuyết này nói phải. Vì rằng, Tam công, Tam cô, tuy là "luận đạo, hoàng hóa" (5), chức trách nhiệm vụ rất to, nhưng vua chỉ dùng lục khanh (6) kiêm làm chức ấy. Tam công, Tam cô chỉ có việc dùng đạo làm thầy (7) giúp thiên tử, không cai quản việc gì, cũng không có thuộc quan, và lại chưa từng có đủ số quan viên ấy (8) cho nên sách Chu Lễ không nói đến.

Chú thích

- (1) *Chu Quan*: tên một thiên ở Chu Thư, thế huấn, sử gia chép lại những lời vua Thành vương giáo huấn bá quan.

- (2) *Tam công, Tam cô*: Tam công là Thái sư, Thái phó, Thái bảo. Tam cô là Thiếu sư, Thiếu phó, Thiếu bảo.
- (3) *Kiểm quan*: một chức quan do một chức quan chính thức làm thêm cấp vào.
- (4) *Chính chức*: chức quan chính thức có chức trách nhiệm vụ.
- (5) *Luân đạo, hoằng hóa*: Tam công thì bàn luận đạo lý để lo liệu công việc trị quốc gia, Tam cô thì giúp Tam công để mở rộng đức hóa.
- (6) *Lục khanh*: tức là 6 chức quan, Thiên quan chủng tể, Địa quan tư đồ, Xuân quan tông bả, Hạ quan tư mã, Thư quan tư khấu, Đông quan tư không.
- (7) Nguyên văn *Sư đạo*: đạo làm thầy hướng dẫn thiên tử.
- (8) Nguyên văn *Bị viên*: có đủ viên số, cũng có thể hiểu là chức quan gọi là cho có đủ số người thực tế thì không có việc, hay không được việc.

48-2. Chu Lễ là sách chép việc Chu Công chia đặt các quan chức để làm việc, cho nên chỉ nói đến lục khanh, lục điển (1). Thiên Chu quan đây ghi lời vua Thành vương nhuận súc (2) phép của Chu Công, cho nên đầu tiên lập Tam công, Tam cô. Theo Chu Lễ thì các nước chư hầu ở lục phục (3), có nước một năm, hai năm đến châu một lần, có nước ba năm, bốn năm, năm năm đến châu một lần. Việc triều cậ (4) này, căn cứ mức độ ở xa hay gần, việc đi lại có vất vả hay không, mà định kỳ triều cống thưa hay mau. Theo Chu Quan thì các vua chư hầu ở ngũ phục (5) cứ 6 năm một lần đến châu, đây là nói chung về kỳ hạn đến triều hội (6). Chu Lễ và Chu Quan ghi chép tuy có khác nhau một chút, nhưng đại ý giống nhau. Cứ một câu "lục khanh phân chức, các suất kỳ thuộc" (7) ở Chu quan, cũng đủ bao quát được cả ý nghĩa của bộ Chu Lễ rồi.

Chú thích

- (1) *Lục khanh, Lục điển*: lục khanh, xem số 6, tiết 1 ở liên trên đây. Lục điển, sáu phép thường: Trị điển, Lễ điển, Giáo điển, Chính điển, Hình điển, Sù điển. Sáu điển này do quan Thái tử đặt ra để giúp vua trị nước mà sáu quan khanh mỗi quan chủ trương giữ một điển.
- (2) *Nhuận sắc*: tô điểm cho hay, cho đẹp hơn.
- (3) *Lục phục*: hầu phục, diện phục, nam phục, thái phục, vệ phục, man phục. Phục là đất đai phụ thuộc nhà vua. (Theo từ nguyên).
- (4) *Triều cận*: triều là đến chầu thiên tử, cận là đến yết kiến thiên tử.
- (5) *Ngự phục*: diện, hầu, tuy, yêu, hoang. Xem số 3, tiết 9, thiên Vũ công, Hạ thư.
- (6) *Triều hội*: đến chầu đến họp.
- (7) *Lục khanh phân chức, các suất kỳ thuộc*: sáu quan khanh chia nhau mỗi quan một chức trách, ai nấy đều suất lĩnh lĩnh thuộc của mình để làm nhiệm vụ.

* * *

48 - 3. Vua Thành vương khi mới lên ngôi, Chu công đã từng chinh dẫn bách quan, sai họ hồ giả ở Tôn Chu đi Lạc Ấp. Lục điển của Chu Lễ thấy đã được thi hành rồi. Đến đây vua Thành vương mới chính thân chinh dẫn đốc suất các quan làm việc. Đồ đủ thấy rõ vua Thành vương lịch duyệt đã nhiều, thành thạo đã lâu; giương cứu việc kiến lập bách quan, đại để chỉ là mở rộng quy mô của Chu công và suy rộng cái ý lớn về đặt quan chia chức ở sách Chu Lễ mà thôi. Họ Vương cho rằng: "Trước không phải không có quan ấy, có quan ấy nhưng kỷ cương chưa định; trước không phải không có chức ấy, có chức ấy, nhưng thể thống chưa rõ". Nói thể rất là không phải. Chu công đặt chính sách mà lại còn có điều chưa ổn định, chưa phân minh ư?

48 - 4. Dời Đường, dời Ngụ đặt quan chức có 100 vị; dời Hạ dời Thương đặt quan chức có 200 vị; đây chỉ là nêu ra số quan đại thần làm việc ở trong triều và quan đại thần giám lâm (1), sư trưởng (2) ở bên ngoài mà thôi; còn các chức nhỏ, các thuộc quan thì kể sao cho hết. Không tính những quan chức khác, chỉ tính riêng các vua chư hầu vạn quốc, cầm ngọc lụa (3) đến chầu, được xếp vào các tước vương, công, hầu, bá, tử, nam, cũng đã có hàng vạn viên rồi, huống chi ở mỗi nước lại đều có các quan khanh, đại phu, sĩ nữa.

Chú thích

- (1) *Giám lâm*: chức quan có trách nhiệm kiểm tra, giám sát (như khâm sai, phái viên đến sau).
- (2) *Sư trưởng*: quan đứng đầu một địa phương.
- (3) *Ngọc lụa*: hai thứ quý, khi vua chư hầu triều cận thiên tử, thì cầm đến để làm lễ yết kiến.

48 - 5. Vua có kính cẩn tu dưỡng đạo đức, mới có thể giáo huấn chỉ đạo được bách quan. Quan khanh, quan sĩ, có chí công vô tư, cung kiệm thực sự, để chí vào thành công, hết sức với chức nghiệp hay không đều trông vào vua trên có kính cẩn tu dưỡng đạo đức hay không để làm gốc mà bắt chước. Nếu sự kính cẩn tu dưỡng đạo đức của vua hơi có gián đoạn, thì kẻ dưới sẽ trễ nải, sao nhãng, bỏ cả chính sự và kiêu ngạo xa xỉ, làm những điều đối trá. Như thế thì dầu hàng ngày có nhắc nhở khuyên bảo cũng chỉ là nói suông vô ích thôi. Vua Huệ đế nhà Tấn tối tam mê muội rồi, bấy giờ những người tự tiến cử mình lên mới lấy

việc cầu may được lộc vị một cách cầu thả làm quý, những người đã ra làm quan lại lấy sự hư vô nhàn tản làm thanh cao. Rồi đua nhau chuộng sự hao huyền phù phiếm, trề nài bỏ bê chúc nghiệp. Vua Huyền tông, vua Mục tông nhà Đường cũng hoang dâm chơi bời, rồi các quan công khanh, đại phu mới đua nhau ăn chơi yến ẩm; ngày đêm say sưa phường chèo con hát, các công việc đều bỏ không làm. Đó là điều đời sau rất nên lấy làm răn. Cho nên Kinh Thi có khen: "Tram vua chu hầu và các quan khanh sĩ, chẳng có ai trề nài chúc vị của mình" (1), thế là có vị vua giỏi cai trị bốn phương làm gốc.

Chú thích:

- (1) *Khen*: đây là vua Thành vương nhà Chu biết kính cẩn tu đức, trị lý bốn phương, để làm gương cho chu hầu và bách quan. Câu này ở Kinh Thi, Đại Nhã, Thiên Gia lục.

48 - 6. Các chức tam công, tam cô không đặt thành quan riêng, thường dùng sáu quan khanh làm kiêm ở chức ấy (1). Tam công bàn luận đạo trị nước, tam cô mở rộng giáo hóa; tức là những việc trị lý và giáo hóa trong lục điển không phải chuyện đàm luận viễn vông và chỉ riêng lập điều chương (2), câu "nhiếp lý âm dương" (3), "đi lượng thiên địa" (4) là hết sức đề cao công dụng to lớn của các chức đó mà thôi. Như quan chúng tể kiêm chức thái sư, khi nói năng, khi bàn luận, không việc gì không phải là những loại: lễ giáo, chính, hình, cốt để: trong thì thông suốt bách quan, ngoài thì trị bình bốn bể. Quan tư đồ kiêm chức thái bảo (5), công việc cũng cứ như thế mà suy ra.

Chú thích

(1) *Sáu quan khanh kiêm chức ấy:*

- quan Chúng tể kiêm chức: Thái sư
- quan Tư đồ kiêm chức: Thái phó
- quan Tông bả kiêm chức: Thái bảo
- quan Tư mã kiêm chức: Thiếu sư
- quan Tư khấu kiêm chức: Thiếu phó
- quan Tư không kiêm chức: Thiếu bảo

(2) *Điều chương:* điều lệ và chương trình.

(3) *Nhiếp lý âm dương:* điều hòa âm dương, người xưa quan niệm các người lãnh đạo nhà nước có trách nhiệm và có thể tham gia vào sự "sinh thành và nuôi nấng vạn vật" của trời đất, mỗi khi có thiên tai hạn hán (âm dương không hòa) thì vua và các đại thần tự cho đó là trách nhiệm của mình.

(4) *Dư lượng thiên địa:* kính cần giúp đỡ trời đất, ý nghĩa gần như ý trên.

(5) *Thái bảo:* ngờ là Thái phó viết lầm.

48 - 7. Quan chúng tể kiêm chức thái sư, có trách nhiệm của vị thượng tướng (1), Kinh Thư khen "Điều hòa bốn bề được quân bình". Kinh Thi nói: "Họ Doãn (2) nắm quyền trị nước phải công bằng". Rồi lại trách "họ Doãn cai trị không công bằng". Quan tể tướng sở dĩ thu phục được nhân tâm thiên hạ, chỉ cốt ở sự quân bình (3) mà thôi.

Chú thích:

(1) *Thượng tướng:* chức tể tướng cao tột bậc vì đã là tể tướng lại kiêm chức thái sư.

- (2) *Doãn thị*: tức là quan thái sư họ Doãn, đời vua U vương nhà Chu, không công bằng cho nên dùng người thi hành chính sự đều hỏng, gây rối loạn.
- (3) *Quân binh*: điều hòa cho bốn bề được hòa bình, cũng có thể hiểu là công bằng, cân đối, hài hòa, nhịp nhàng giữa các mặt phát triển của xã hội.

48 - 8. Quan Tư mã thống lĩnh sáu quân, bình định trong nước, cùng với quan chủng tể thống nhất bách quan, quân binh bốn bề, tương xứng với nhau, thế là chúng tôi tướng võ với tướng văn có chia riêng chức vụ. Tuy rằng thời thịnh, đời cổ có rất nhiều người toàn tài, làm việc gì cũng được, nhưng chính sách nhà binh, quyền hành quân sự, nên có người để ký thác; và việc đặt quan chia chức làm cho ai nấy đều cẩn thận công việc của mình, cũng phải có người chuyên lo. Còn như lúc lâm thời cần sai tướng đi đánh dẹp thì Chu công là quan chủng tể cũng thân hành đông chinh, vốn không hề câu nệ phải là tướng võ.

48 - 9. Sáu quan khanh chia riêng chức vụ, ai nấy thống suất thuộc viên của mình. Quan chủng tể đứng đầu các quan khanh, tức là thủ tướng. Các quan khanh khác tuy không phải là tướng, nhưng có gia quan (1), kiêm chức "cộng", "cô", thì cũng là á tướng (2). Như Chu công là thái sư, Thiệu công là thái bảo. Kinh văn có nói rõ "tướng ngã nhị nhân" (3) (hai người chúng ta) vậy không thể nói được Thiệu công không phải phụ tướng (4). Cứ xem thế, biết được nhà Thành Chu dùng người làm tướng, vốn không phải chỉ có một người, ước chừng hai ba người. Như thiên Cổ Mệnh có nói việc "triệu sáu quan khanh đến" thì Thiệu công, Tắc công, Mao công tức là ba quan tể

tướng, Vua Đại Vũ dùng cả Cao Dao và Bá Ích làm tướng, vua Thang dùng cả Y Doãn, Trọng Hù làm tướng, nhà Chu dùng cả Chu công và Thiệu công làm tướng, việc này chép ở Kinh truyện rất là rõ ràng. Từ khi Vương Hoa, người đời Nam Tống nói: "Tể tướng có đến vài người, thiên hạ làm thế nào mà trị an được". Rồi những người nghị luận mới thường có thuyết "quyền lực nên quy vào một người". Nói tóm lại, việc cả thiên hạ, không phải là việc tư của một nhà; làm cho nước được thái bình không phải trí mưu của một người. Cho nên vua Thành vương nhờ công sức hai người đồng tâm hết lòng phụ bật (5), vua Tuyên vương nhờ được các quan công khanh hợp sức cộng hòa (6) phò tá. Người đời sau luận bàn về việc làm của tể tướng, nên bắt chước đời cổ thì phải.

Chú thích

- (1) *Gia quan*: ngoài quan chức chính thức, lĩnh thêm một quan chức khác nữa.
- (2) *Á tướng*: phó tể tướng.
- (3) *Nguyễn văn Tương ngã nhĩ nhân*: [giúp vua giữ được vương nghiệp] do hai người chúng ta thôi. Câu này lời Chu công nói với Thiệu công ở thiên Quân Thịch.
- (4) *Phụ vương*: tể tướng phụ tá vua.
- (5) *Nguyễn văn Húc ngẩu*: hai người đồng tâm hết lòng phụ bật. Đây là lời Vũ vương bảo Thiệu công cùng Chu công tận tâm đi đòi giúp vua Thành vương ở thiên Quân Thịch.
- (6) *Cộng hòa*: [các quan công khanh cùng nhau] hòa hợp giúp vua cai trị. Sử Ký lại cho là vua Tuyên vương còn nhỏ, nhờ có hai người con của Chu công, Thiệu công giúp đỡ, do đó gọi là "cộng hòa".

48 - 10. Từ ngàn xưa việc chấn huấn chính bách quan, cai trị dân chúng, không ra ngoài câu "đem nghĩa công tiêu diệt tư tâm". Ham tiền của, thích gái đẹp, vì cảm tình, vì thế diện, đều là tư tâm cả; cây thông minh, chỉ theo ý kiến riêng của mình, tin nghe lời nói của người khác một cách thiên lệch, cũng đều là tư tâm cả. Sự nghiệp làm tướng của Vũ hầu (2) lớn lao, sáng láng cũng chỉ do ông biết mở hết lòng thành truyền bá đạo công, tập trung suy nghĩ, mở rộng các điều ích quốc lợi dân mà thôi.

Chú thích

(1) Câu này nghĩa tương đương như "chỉ công vô tư" đời sau.

Vũ hầu: tức là Gia Cát Lượng, tên tự là Khổng Minh, có công lớn trong việc giúp con cháu nhà Hán thời Tam Quốc.

48 - 11. Học là để thi thố vào việc chính sự, cho nên thiên này nói: "Học tập thông hiểu phép hay đời trước, bàn xử công việc phải có dẫn do trước cùng với ý câu nghe biết cho rộng để làm công việc, học tập lời dạy đời xưa, mới có bổ ích" (1) là giống nhau. Còn hai câu "điển chương [của nhà Chu ta] là thầy của các người đây" và "không nên đem miệng lưỡi lém lỉnh mà làm rối loạn việc quan". Thế là hai câu hai ý. Lém lỉnh hẳn là sẽ thay đổi về chuyện làm rối loạn. Chỉ là biện bác xảo quyết để dối phó mọi người. Như Hoàng Phủ (2) bắt dân phục dịch mà lại nói: "Ta không làm hại dân, theo đúng lễ thì người dưới phải phục dịch người trên" (3). Từ Bì sai Doãn Hà làm quan tế ở một ấp mà nói: "tạm sai người ấy đi học tập làm quan" (4). Đây toàn loại bẻm mép cả. Câu nói "Làm nhà bên đường,

gặp ai cũng bàn thì không bao giờ xong" (5), đây là làm gì cũng nghĩ ngờ do dự thì mưu đồ tất hòng. Câu "Chân tay lười biếng, vạn sự hòng hết"(6), đây là nói lười biếng sao nhãng, thì chính sự bỏ bê vậy. Tiết sau tiết này đem câu "xử sự cầm cương quả quyết đoán", và câu "sự nghiệp quảng đại được là do ở cần lao", để răn bách quan. Ý này tiếp tục với ý ở trên. Sách Luận Ngữ nói: "không học thiên Chu nam, thiên Thiệu nam(7) thì cũng như quay mặt vào tường mà đứng" (8) nghĩa như câu "không học thì quay mặt vào tường" ở thiên này. Đời vua Cảnh vương nhà Chu, Nguyên Bá Lễ không thích nói đến học, người nước Lỗ biết trước Nguyên Bá Lễ vô học thì việc làm đều cầu thả. Triều nhà Chu sẽ xảy ra cái họa "kẻ dưới lấn người trên, người trên bỏ bê công việc". Há phải chỉ là vẽ chuyện phiến hà mà thôi đâu!

Chú thích

- (1) Hai câu này là lời của Phó Duyệt khuyên vua Vũ Đinh nhà Thương ở thiên Duyệt Mệnh hạ, Thương thư.
- (2) *Hoàng phi*: hạng tiểu nhân lợi khẩu được U vương nhà Chu tin dùng, nên hại dân hai nước. Xem thiên 47 - 13, ch.th.3.
- (3) Câu này ở Kinh Thi, Tiểu Nhã, bài Thập Nguyệt chi giao.
- (4) Điển này ở Tả Truyện, Tương công năm thứ 31.
- (5) Câu này ở Kinh Thi, Tiểu Nhã, bài Tiểu Mân.
- (6) Câu này ở Ngụ Thư, Ích Tắc. Chân tay dầy chỉ bách quan.
- (7) Hai thiên: Chu Nam, Thiệu Nam ở Kinh Thi.
- (8) Quay mặt vào tường mà đứng, ý nói quay nhìn chỗ rất gần mà không trông thấy một vật gì, không tiến lên được một bước.

(9) *Nguyên Bá Lỗ*: quan đại phu đời vua Cảnh vương nhà Chu, là hạng người vô học làm hỏng công việc.

48 - 12. "Chỉ" đây nghĩa là để tâm vào việc sửa sang sắp đặt, "cần" đây nghĩa là dốc hết sức vào chức trách phận sự. Tô Uy (1) đời Tùy nghe thấy cha nói: "Các thứ thuế, đánh khí quá không phải là pháp độ thời thái bình! Người có chức vị sau này, ai có thể giảm bớt đi được?" Tô Uy có chí, thường cho việc ấy là trách nhiệm của mình. Đến khi được phong làm tướng cho vua Văn đế, ông đã xin giảm bớt tô thuế, làm cho mọi việc nhẹ nhàng đơn giản, thiên hạ ca tụng là tiện lợi, gọi ông là tể tướng nhân hiền. Hàn Kỳ (2) đời Tống làm chức thôi quan (3) phủ Khai Phong, mùa hè làm việc mồ hôi chảy ướt đầm cả lưng. Quan phủ Doãn là Vương Bác Văn khen ông rằng: "Người này làm to đến nơi mà chăm việc đến như thế này thật là khí độ của tể tướng". Hàn Kỳ sau quả là bậc danh thần. Công được cao, nghiệp được lớn do ở mình mà thôi, đâu phải đợi cầu ở bên ngoài?

Chú thích

- (1) *Tô Uy*: con Tô Sước, tên tự là Vô Uy, làm quan nhà Bắc Chu, đến chức khai phủ, sau Văn đế nhà Tùy thay nhà Chu, mời ra làm thái tử thiếu bảo, thiên hạ khen ông là người công bằng.
- (2) *Hàn Kỳ*: Người đời Tống Nhân Tông, tên tự là Tri Khuê, đỗ tiến sĩ, làm quan tể tướng, được triều đình ý trọng, nước ngoài khâm phục, cũng nổi danh như Phạm Trọng Yêm.
- (3) *Thôi quan*: một chức quan thấp, giúp việc cho quan phủ hay quan châu.

48 - 13. Chúc vị cao mà kiêu căng là do "tâm" bị "khí" nó làm cho biến đổi, bổng lộc hậu mà xa xỉ là do "tính" bị thói xấu nhiễm vào. Người ta nếu biết học được như Chính khảo phủ lần thứ ba được thăng chức càng cung kính hơn (1), thì không bao giờ làm như Khích Chí luôn tìm cách dìm công lao bảy người ở trên mình (2). Người ta nếu biết mong được như Ân Bình Trọng cúng tổ tiên chỉ bằng con lợn nhỏ (3), thì không bao giờ như Hà Tang mỗi ngày ăn đến hàng vạn đồng (4).

Kiêu căng xa xỉ là bệnh, cung kính tiết kiệm là phương thuốc để chữa; nhưng nếu cung kính tiết kiệm không do thực tâm mà chỉ là giả bộ bề ngoài thì ít khi không bại lộ. Vốn mình có thực tâm, thực sự thì tâm thần thư thái mà ngày càng rõ đức tốt cung kiệm; giả vờ cung kiệm, thì tâm thần vất vả mà ngày càng bộc lộ sự kém hèn đối trá ra. Cung kiệm như Vương Mang (5), Công Tôn Hoàng (6) thì người ta ai tin được, như thế há chẳng vất vả mà hèn kém ư?

Chú thích

- (1) *Chính khảo phủ*: lần thứ ba được thăng làm quan khanh càng cung kính lắm, cung kính hơn lần đầu được làm quan sĩ và lần thứ hai được làm quan khanh đại phu. Điển này ở Tả truyện, Chiêu công năm thứ 7.
- (2) *Khích Chí*: làm đại phu thời vua Cảnh công nước Tấn, vị thứ ở dưới 7 người, mà tìm cách im công lao của 7 người ấy. Điển này ở Tả truyện, Thành công năm thứ 16.
- (3) *Ân Bình Trọng*: làm tướng vua Cảnh công nước Tề, tính tiết kiệm, tế tiên tổ dùng con lợn nhỏ, vái không ra ngoài thành cái mâm, Điển này ở Gia Ngũ, khúc lễ Tử Cống vấn đề tú thập nhị.

- (4) *Hà Tăng*: tên tự là Dịch Hiếu, trước làm quan tư đồ nhà Ngụy sau làm quan thái úy thời vua Vũ đế nhà Tấn, tính xa xỉ hào hoa, hàng ngày chỉ kể tiền ăn đã tiêu đến hàng vạn đồng, mà còn nói "chả có gì ngon đáng thù dưa lấy ăn".
- (5) *Vương Mãng*: tên tự là Cự Quân, làm đại tư đồ thời vua Hinh đế nhà Hán, giả làm khiêm cung tiết kiệm để mua chuộc danh vọng, sau cướp ngôi nhà Hán, gọi giả là Giả hoàng đế, quốc hiệu là Tân, ở ngôi 15 năm rồi bị giết.
- (6) *Cổng Tôn Hoảng*: làm thừa tướng thời vua Vũ đế nhà Hán, thường vờ ăn cơm gạo xay, đắp chăn vải để cho vua khen, kỳ thực ác ngầm; y đã chủ mưu giết Chủ Phù Yển, đày Đồng Trọng Thư, Cáp Âm, người nổi tiếng trung trực, đã từng chê Hoảng là già trá.

* * *

48-14. Hiếu kinh (1) nói: "Làm người trên nếu chẳng kiêu ngạo, thì chức vị tuy cao mà không nguy, thế là cốt để giữ được tôn quý lâu dài vậy. Tiều dùng tiết kiệm, cần giữ pháp độ, thì tiền của tuy dư thừa mà không phiền lạm, thế là cốt để giữ được giàu có lâu dài vậy". Người ta sống trong cảnh vinh hoa cũng đã phải nghĩ đến lúc nguy lúc nhục(2) không dám kiêu căng xa xỉ, thì chức vị bổng lộc có thể giữ được mãi vậy.

Chú thích

- (1) *Hiếu kinh* tên sách, Khổng Tử vì Tăng Tử bày tỏ đạo hiếu mà làm ra, có 18 chương.
- (2) Nguyên văn *Tư nguy, duy úy*: là nói gọn của câu: "cư sùng tư nguy, vông bất duy úy" mà ra, nghĩa là ở trong cảnh vinh sùng thịnh vượng thì phải nghĩ đến lúc nguy và lúc nhục.

* * *

48-15. Tiến cử người làm quan mà người ấy làm được thì vua khen "người làm được việc", tức như đời sau tiến cử người hiền thì được thưởng vậy. Tiến cử người xấu thì vua trách "người không làm nổi trách nhiệm", tức như đời sau người bảo cử phải tội liên đới vậy. Phép này không phải mới có từ đời Đường, đời Tống, mà từ đời Chu đã có rồi. Vua không thể biết hết được những người hiền tài trong thiên hạ, cần nhờ các quan đề cử lẫn nhau, để trừ bị rồi lần lượt bổ dụng. Nếu tiến cử nhầm mà không trách phạt thì làm thế nào khiến cho mọi người cẩn thận xét kỹ. Còn có khi a dua bề đảng, thiên tư, kéo cánh nhau lên, làm hại lại càng to lắm. Nhưng Hồ Dẫn(1) lại có nói: phép liên tọa(2) bề ngoài hình như tốt, nhưng thực tệ hại. Vì rằng, hạng người trung bình(3) trở xuống rất nhiều, ngay người tiến cử cũng không thể biết chắc những người ấy không thay đổi tính nết và phẩm chất". Như thế thì nên bắt chước lời trong tờ chiếu của vua Thái tông nhà Tống: "cho phép các quan ở trong triều, ở bên ngoài, đối với những người mình bảo cử, có ai biến đổi khí tiết làm cần mà người chủ bảo cử tự thú nhận là bảo cử sai, thì được miễn tội "liên tọa"(4), thế mới là tốt.

Chú thích

(1) *Hồ Dẫn*: cũng gọi là Hồ Trí Đường, người đời Tống, tên tự là Minh Trọng, đỗ tiến sĩ, làm quan đến chức học sĩ, có làm một số sách như *Luận Ngũ tướng thuyết*, *Độc Sử quan kiến* v.v... mà Lê Quý Đôn có đọc.

(2,4) *Liên tọa*: bị tội liên can, tức là phải tội lây.

(4) Nguyên văn *Trung nhân*, người thường, không hay cũng không dờ.

49 . QUÂN TRẦN(I)

49-1. Thành vương khen Quân Trần: "có đức tốt, hiếu với cha mẹ, hòa thuận với anh em, tất có thể thi thố ra công việc hành chính". Người như thế là kẻ sĩ thù chung có đức tốt, thì làm việc gì mà không được. Không biết Quân Trần trước làm chức quan gì, chỉ nhân lúc này vua Thành Vương sai ông đi cai trị vùng Đông Giao(2), thì mới thấy nói đến mà thôi. Họ Trần cho rằng "dân nhà Thương khó cảm hóa là do luân thường đồi bại, vua Thành Vương ủy thác cho Quân Trần là người có đức hiếu với cha mẹ, tốt với anh em, cốt để chinh đốn ngay từ gốc". Nói thế thì cái ý hẹp lắm vậy.

Chú thích

(1)*Quân Trần*: tên một thiên ở *Chu Thư*, thể mệnh. *Chu công* dời dân ngoan ngoãn của nhà An đến ở Hạ đồ rồi tự mình giám sát. Sau Chu công mất, vua Thành Vương sai Quân Trần thay Chu công. Đây là lời sách mệnh của Quân Trần, sử thần chép lời ấy đặt làm thiên Quân Trần.

(2) *Đông Giao* tức là khu vực ngoan dân (dân ngoan ngoãn) nhà An thiên đến ở.

* * *

49-2. Tục nhà Ân sùng thượng quỷ thần, nhà Chu cũng theo thế. Người đời không biết tu đức, mà chỉ dùng lễ vật để cầu phúc ở quỷ thần; Tùy hầu tế thần, dùng trâu dê lợn toàn một sắc và béo tốt(1), Ngu công dùng lễ vật để cúng tế rất hậu hĩ và tinh khiết(2) đều là thế cả. Để can gián Ngu công, Cung Chi Kỳ dẫn câu "chỉ có đức sáng mới thơm tho"(3) ở thiên Quân Trần đây, mà cho là "vua không có đức thì lòng

dân bất hòa, thần cũng không hưởng những đồ cúng tế". Tường ông ta cũng lĩnh hội được lời giáo huấn của Chu công chăng?

Chú thích

- (1) Câu này nói Tùy hầu chỉ chăm phụng sự quý thần mà sao nhãng việc dân. Quý Lương khuyên Tùy hầu nên tu sửa chính sự, thân mật với các nước anh em mà lấy dân làm gốc, vì dân là chủ của quý thần. Diễn này ở Tả truyện Hoàn công năm thứ 6.
- (2) Câu này nhắc chuyện Ngu công tế tự phong túc và tinh khiết, rồi tin chắc là thần giúp mình, không lo mất nước, ông ta cho nước Tấn mượn đường đi qua nước Ngu để đánh nước Quắc, bề tôi là Chung Chi Kỳ can gián cũng không nghe, về sau nước Ngu quả nhiên bị nước Tấn diệt. Diễn này ở Tả truyện Hy công năm thứ 5.
- (3) Nguyên văn *Minh đức duy hình*: việc tế tự bằng gạo thù gạo tẻ đều không thơm tho, chỉ có đức sáng (cảm được quý thần) mới là thơm tho.

49-3. Quân Trần kế tiếp Chu công cai trị Đông giao, vua Thành Vương bảo nên dùng lời giáo huấn ấy của Chu công(1), rồi lại bảo ông: trong khi thi hành chính sách, *có điều cũ nên bỏ đi, có điều mới nên làm ra*, là tại sao? Vì rằng những việc lớn của chính sự chẳng qua là việc tuyên truyền giáo hóa, xét cần thận việc hình ngục. Thời nghi (2) có khi khác hẳn, sự tình có khi không giống nhau, không thể nào không thêm bớt chút ít, cần nhắc sửa đổi cho vừa thích đáng, mới có thể hợp với đạo trung, chứ không phải chính sách có gì tệ hại đáng bỏ hẳn, có gì tiện lợi đáng phát huy lên, mà đến nỗi phải một phen thay đổi lớn vậy.

Chú thích

(1) Lời giáo huấn của Chu công trong Kinh Thư chép là "Tinh hoa của đời rất thịnh trị mới cảm cách được thần minh. Thờ tể tiền cũng chưa phải là thơm tho, chỉ có đức sáng mới là thơm tho thấu được đến thần minh".

(2) *Thời nghi*: hiện thời nên làm như thế, mới phải.

49-4. Cai trị cố nhiên phải lấy sự khoan dung làm gốc, nhưng nếu không quyết đoán, thì sinh ra phóng túng trễ nải. Lâm sự thì quyết đoán, nên chớ để lộ ra tiếng nói sắc mặt, cần phải điềm nhiên như không có việc gì. Nếu để cho người thấy rõ điều mình ham thích, điều mình căm giận, thì kẻ gian xảo dò biết được tâm tình, chúng tìm trăm cách lung lạc thì làm thế nào thoát khỏi những tệ hại cây quyền thế ra oai, dựa pháp luật làm bậy được? Tám chữ "Khoan như hữu chử, thung dung dĩ hòa"(1) là khuôn phép lớn muôn đời của người có quan chức, làm công việc chính sự vậy.

Chú thích

(1) Tám chữ *khoan như hữu chử, thung dung dĩ hòa*: khoan không nên quá khoan, phải có tiết chế mới không phóng túng; hòa, không nên một mực hòa, phải thung dung không cấp bách mới thành công.

49-5. Nếu không kiêm làm cả các việc ngục tụng(1) thì vua Thành vương giữ đúng gia pháp của Văn vương, Vũ vương. Như thế đâu lại có chuyện dân nhà Ân có tội, chưa qua Quân Trần xét thực, mà vua Thành vương đã vội vàng nói: "bất tội", hay nói: "tha thứ". Câu nói của vua Thành vương bào với Quân Trần:

"Ta nói bắt tội, người chớ bắt tội; ta nói tha thứ, người chớ tha thứ; đáng khinh đáng trọng, cứ phải mà xử" là nhấn mạnh cái ý không nên theo vua, cần chú trọng tìm ra lẽ phải để xử án mà thôi.

Chú thích

- (1) Câu này ý nói Văn vương, Vũ vương chú trọng dùng người, tin người, tự thân mình không kiêm làm các việc ngục tụng v.v... đã nói rõ ở thiên Lập Chính 47 - 8.

* * *

49 - 6. Tiên Vương ngày trước khi nào cần xét xử, mới định hình pháp, không làm sách luật từ trước(1). Ban bố hiến pháp (2) cho bang quốc, cốt giữ đại thể mà thôi; việc dùng hình phạt nhẹ hay nặng, thấp hay cao, cốt ở khi lâm thời phải cân nhắc. Vua Thành Vương bảo Quân Trần trừng trị những người không thuận theo chế độ, không chịu theo giáo huấn; không được tha thứ những tội nhỏ về gian giáo, làm bại hoại điển thường, làm rối loạn phong tục. Đó là lệnh mới cả. Nhưng vua Thành vương lại lo Quân Trần cứ theo đó mà làm, thành ra quá ư nghiêm khắc, nhân đó rằng ông chớ cấm gien những dân ngoan ngoan chưa chịu cảm hóa, và khuyên ông nên nhân nãi, nên bao dung. Rồi lại bảo ông nên phân biệt người chăm lo chức nghiệp với người không chăm lo chức nghiệp, tiến cử người lương thiện để khuyến khích người chưa lương thiện, mà bắt tất phải cứ chuyên chú dụng hình. Vài tiết này chỉ là một ý quán xuyên với nhau, khi đọc, nên đọc để lĩnh hội lấy ý của cả một đoạn lớn, không nên tách ra chỉ xem tiết một.

Chú thích

- (1) Câu này là câu trích ở trong thư của Thúc Hương nước Tấn gửi cho Tử Sản nước Trịnh ở Tả truyện Chiêu công năm thứ 6.
(2) *Hiển pháp*: pháp lệnh, chế độ nói chung.

* * *

49 - 7. Người ta tính vốn thiện, vốn nhân hậu, nhưng vì tập nhiễm vật dục, rồi tính mới thay đổi hóa ra bạc ác. Vua Thành Vương nói: "Dân vốn trung hậu, vì vật dục làm cho hư"(1) cùng với câu Y Doãn nói "Thối xấu giữ lâu, cũng thành thiên tính"(2) là cùng một ý.

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Duy dân sinh hậu, nhân vật hữu thiên*: dân sinh ra, tính vốn trung hậu, vì tập tục nhiễm, vật dục cảm dỗ, rồi tính tốt mất dần, hóa ra kiêu bạc.
(2) Nguyên văn *Tập dữ tính thành*: thối xấu quen làm đã lâu, thành ra tự nhiên như tính trời sinh vậy.

50 - CỔ MỆNH (1)

50 - 1. Mặt trời mặt trăng la liệt ở trên trời, trăm thứ thóc lúa và cỏ cây nương tựa mọc ở trên mặt đất, dân cũng nương tựa sống ở trên mặt đất. Đường lối yên dân, cốt ở yên định những đất đai mà dân nương tựa để sinh tồn, không để cho phải ly tán. Họ Khâu có nói: "Cái mà dân dùng để sinh sống, chỉ trông cậy vào ruộng đất thổ trạch mà thôi". Những việc thường thường phải làm để sinh sống là ba loại việc cấy cây gặt hái, trồng trọt, chăn nuôi mà thôi". Nhà

Hạ, nhà Thương, nhà Chu, khi thịnh thời, đều đặt quan chức để phân công việc, kinh doanh thổ địa, phân biệt rung nường làng mạc, không điều gì không nhằm vào ba việc trên. Đời sau bất tất phải câu nệ làm theo đời cổ, tất cả những việc trung thu, doanh tạo mà không có hại đến ba thứ ấy, thì vẫn là giữ được ý của cổ nhân.

Chú thích

- (1) *Cổ Mệnh*: tên một thiên ở Chu Thu, thể mệnh. Cổ mệnh là khi sắp chết, quay đầu lại báo ban dặn dò. Vua Thành vương sắp mất, bảo quần thần lập Khang vương lên làm vua. Sử thần ghi việc này thành một thiên, gọi là thiên Cổ Mệnh.

* * *

- 50 - 2. "Cơ vi" nghĩa là rất nhỏ, là sự việc mới manh nha. Có mầm mống tốt, có mầm mống xấu. Nếu đại thần mở mang phát triển cái xấu cho vua, thì về sau cái dở to mãi lên, không thể ngăn cản được. Ôn công (1) nhà Tống có nói: "An nhân lười biếng mọc trên cái gốc hoang dã, của báu vật lạ sinh ra đầu mỗi xa xỉ, câu nói ngọt ngào nịnh nọt mở con đường cho sự cầu cạnh, lối nói thâm thọt mở ra cái cửa gièm pha hại người, không biết quý tiếc danh khí(2) [ban phong bừa bãi] là khơi nguồn cho kẻ dưới tiếm lạm, cho mượn oai quyền(3) là trao cho kẻ dưới cầm chuôi để thừa cơ lấn át người trên. Tất cả sáu việc này, lúc đầu rất nhỏ, rồi càng ngày càng lớn thêm, đến thành "thâm can cố dĩ", đầy đều là mầm mống xấu cả. Vua Thành vương răn bảo quần thần "chớ để cho Chiêu(4) sau này tiến đến cơ vi bất thiện", thật là vua đã hiểu rõ tác dụng cơ bản "giúp đỡ đạo đức,

uốn nắn tâm địa"(5) của các đại thần. Trước câu này, vua Thành vương nói: "Ta nghĩ rằng muốn cho ra người thì phải tự sửa mình cho có uy nghi" thế thì phải làm như lời Khổng Tử nói với vua nước Lỗ "mờ sáng, dậy sớm, chỉnh tề mũ áo buổi sáng coi châu, lo tính những việc nguy nan, nếu có một việc gì làm trái lễ, tức là đầu mối gây ra loạn vong". Có như thế mới có thể không sa ngã vào cơ vi bất thiện chăng?

Chú thích

- (1) *Ôn công*: tức là Tư Mã Quang, tên tự là Quân Thục, người đời Tống, thời vua Triết Tông, làm tể tướng, khi chết được tặng là Ôn quốc công, cho nên gọi là Ôn công.
- (2) Nguyên văn *Danh khí*: chúc tước cùng nghi chễm về xe ngựa, y phục, cốt để phân biệt danh vị cao thấp.
- (3) Nguyên văn *oai phúc*, tức là hình phạt và ân thưởng, chỉ có vua mới được thưởng phạt. Vua để cho bày tỏ ý thể lòng quyền, là cho mượn oai phúc.
- (4) Chiêu là tên vua Khang vương, con vua Thành vương, ở đây sách chép lầm, gọi miếu hiệu của Chiêu ra trong lúc Thành vương chưa thể biết được miếu hiệu ấy về sau mới đặt.
- (5) Nguyên văn *Phụ đức cách tâm*: giúp cho vua được sáng, được tốt, uốn nắn cái tâm vua cho được chính trực khỏi cong queo.

50-3. Khang vương mới lên ngôi, vua tôi đều mặc quần áo đẹp (1), Tiên nho nghĩ ngờ việc này (2), cũng có nhà giải thích vắn vèo cho thông. Duy có tập Nhật tri lục của Cố Viêm Vũ (3) cho rằng trong thiên Cổ Mệnh có chỗ thiếu sót sai lầm: Từ câu "Địch thiết phù y trước y" quan hạ sĩ đặt các bình phong và màn trướng

trở xuống, nên thuộc về thiên Khang vương chi cáo; từ trên câu ấy trở lên là ghi chép việc vua Thành vương dân bảo lúc sắp mất; từ câu ấy trở xuống là ghi chép việc ngày mồng một tháng giêng năm sau Khang vương lên ngôi, các nước chư hầu đến chầu. Lời ông biện luận có đủ chứng cứ, cao kiến hơn cả xưa nay

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Cải phục* lễ phục, y phục mặc trong khi giao tiếp hay tế tự, trái lại là trang phục.
- (2) *Nghĩ ngờ việc này* ngờ việc khi mới có tang, sao lại dùng quần áo đẹp.
- (3) *Cổ Viêm Vũ* xem số 13 tiết 13 ở thiên *Đại Vũ mô*, *Ngũ Thư*.

* * *

51- KHANG, VƯƠNG CHI CÁO (1)

51-1. Ý nghĩa câu "Trương hoàng sáu đạo quân" (2). Chu Tư giải thích rằng: "Đời cổ binh sĩ gửi sẵn ngay trong nghề nông. Sáu đạo quân ngày thường đều là dân làm ruộng cả, đây mới "Trương hoàng sáu đạo quân" chỉ là chính đốn lại dân chúng cho thực sự trở thành binh sĩ cả". Cách giải thích này thật là đúng. Họ Trương lại cho là "vì dân nhà Thương vẫn còn rình lúc sơ hở, nổi lên làm loạn, đây bắt buộc dĩ mới phải nói đến trương hoàng sáu đạo quân". Nói như thế thì quá nông cạn! Vua Thành vương ở ngôi vua đã 37 năm mới mất, trong thời gian ấy, dân nhà Thương lại trải qua sự giáo hóa của Chu công và Quân Trần, đâu lại còn có những kẻ dóm góc sơ hở để làm loạn?

Lại làm gì có việc nuôi hổ, nuôi rắn ở trong nhà, không trừ bỏ tận gốc tội ác, mà phải khu khu dùng quân đội để phòng bị? Họ Trương lại còn cho rằng câu "Trương hoàng sáu đạo quân" nói ở thời vua Khang vương thì được, chứ không nên nói tràn ở trước mặt các vị vua mới lên ngôi". Lời nói này lại càng không phải. Kinh Thi(3) nói : "Vua Văn vương nhà Chu đi chinh phạt, sáu đạo quân vui lòng đi theo". Xem thế thì biết tiên vương chưa từng lúc nào không coi trọng vũ bị. Huống chi đời thủ thành (4) việc vũ bị để sao nhãng, nhân tâm dễ trở nài, tình tệ thối nát dễ sinh ra. Vua nối ngôi chuộng vẫn quên vũ, không hiểu biết việc binh, thường say đắm an nhàn hưởng lạc, lại cho việc chinh đồn dân chúng là việc không cần kíp. [Nếu Thiệu công] không lấy câu "Trương hoàng sáu đạo quân" để nói với vua Khang vương, thì việc vũ bị sẽ tất đến bị sao nhãng mất. Thời vua Bình công nước Tấn, vì không có mối lo phòng bị nước Sở xâm lược, nên bấy giờ ngựa trận không quen đóng xe, quan khanh đi không có quân hộ vệ, chiến xa của Nhà nước không có người coi, binh sĩ không có người quản. Nước Lỗ từ vua Văn công trở về sau, không còn có vua nào thân hành đem quân đi đánh dẹp, cho nên bấy giờ tiền thuế binh dịch do dân nộp bị nhập vào kho riêng nhà quan đại phu (6). Trong yến ẩm có thì bắn làm vui, mà số xạ thủ của nhà nước (7) không thể đủ được 3 đôi (8). Nhà Đường đặt ra chế độ phủ binh (9), thật là phép tốt. Đến thời Cao Tông [650-685], Vũ hậu [685-701], thiên hạ thái bình, lâu không dùng binh, phép phủ binh dần dần bỏ phế, việc chia phiên thường trực tại ngũ phần nhiều không đúng thời

hạn. Đến quân túc vệ cũng có một số đao ngũ, rồi ngày càng hao mòn tan rã; số lính túc vệ không đủ dùng. Nhà Minh đặt ra chế độ Vệ sở (11), cũng gần được như ý đời cổ. Thời vua Hiếu Tông, hưởng thái bình đã lâu ngày, dân không biết đến việc binh; số lính bộ binh của mỗi vệ là 5.600 tên, có vệ chỉ có một nửa, có tiểu đội (10 người) (11) chỉ còn hai ba, tuy thời thường đã ra công chấn chỉnh, kết cục cũng không khôi phục lại được như trước. Lấy đấy mà suy ra, thì biết nhà Chu đến thời vua Di vương, vua Lệ vương, sức mạnh quân sự sa sút, các nước rợ mọi bốn phương đến xâm lăng. Số quân của sáu đạo và số chiến xa (12) có lẽ cũng chỉ còn có danh mà không có thực, y như các đời cuối ở nước Tần, nước Lỗ, hay khoảng giữa nhà Đường, nhà Minh. Xem như thế thì thuyết "Trương hoàng sáu đạo quân", sao có thể cho là viễn vông mà trì hoãn được?

Chú thích

- (1) *Khang vương chi cáo*: tên một thiên ở Chu Thư, thể cáo. Thiên này đoạn đầu ghi chép việc quan Thái bảo là Thiệu Công cùng bách quan và chư hầu vào châu mừng vua Khang vương mới lên ngôi rồi khuyên vua trương hoàng sáu đạo quân. Tiếp đó chép lời vua Khang vương khuyến cáo các nước chư hầu.
- (2) *Nguyên văn Trương hoàng lục sư*: mở rộng công việc xem xét luyện tập sáu đạo quân của thiên tử. Mỗi một sư là 2.500 quân, sáu sư là 15.000 quân.
- (3) *Kinh Thi*: ở đây chỉ thiên Vực Phốc trong Đại Nhã ca tụng vua Văn vương có đức tốt cảm hóa, được lòng người vui theo.
- (4) *Thủ thành*: giữ lấy cơ nghiệp đời trước đã sáng tạo ra.
- (5) *Nguyên văn Kê thế thủ vận*: nối ngôi làm vua, chuộng vận quên vũ.

- (6) Câu này ý nói vua nước Lỗ suy nhược, quan đại phu lộng quyền, thu bừa cả tiền thuế đáng lẽ nộp cho nhà vua.
- (7) Nguyên văn *cống thần*: bày tỏ chính thức của vua, khác với gia thần là người làm tôi quan đại phu là tư gia.
- (8) Cả câu này kể chuyện: khi Phạm Hiễn Tử, sứ giả nước Tấn, đến thăm nước Lỗ, vua Tương Công nước Lỗ thiết tiệc có tổ chức thi bắn làm vui, chỉ cần có ba đôi bắn thi, mà số người công thần không đủ, phải lấy đến gia thần... ý nói sao nhãng vũ bị, đến ngay công thần cũng hiếm người biết bắn. Điển này ở Tả truyện Tương công năm thứ 29.
- (9) Phú bình: cách tổ chức quân thường trực ở địa phương có thể thay phiên nhau về làm ruộng.
- (10) *Vệ sở*: tương tự phú bình nhà Đường về chế độ thay phiên làm ruộng nhưng khác về biên chế và tên gọi.
- (11) Nguyên văn là *thấp* (𡗗) đơn vị nhỏ nhất, mỗi người lính. Số quân và chiến xa: quân số của thiên tử là 15.000 người, số chiến xa của thiên tử là 10.000 cỗ.

52 - TẤT MỆNH (1)

52-1. Câu "Dùng pháp độ hiện đại để làm khuôn mẫu" (2) là quy mô lớn, nhân nếp cũ mà theo lẽ phải. Câu "Chính sách tùy theo phong tục mà thay đổi" (2) là một tiết mục nhỏ, ý nói phải tùy thời mà thi thố cho thích nghi.

Chú thích

- (1) *Tất mệnh*: tên một thiên ở Chu Thư, thể mệnh. Vua Khang vương sai Tất công đi kinh lý Đông Giao, đây là lần sách mệnh cho nên gọi là thiên Tất Mệnh.
- (2) Câu này ở thiên *Chu quan, Kinh Thư*, ý nói pháp độ đương thời do Văn vương, Vũ vương, Chu công chế tác, rất tinh tường đầy đủ, người làm quan nên lấy đó làm khuôn phép, không nên làm rối loạn.

- (3) Câu này ở thiên *Tất Mệnh*. Ý nói chính sách, dăng khoan thì khoan, dăng nghiêm thì nghiêm, tùy theo phong tục, không nên cố chấp.

52-2. Tất công thống nhất các nước chư hầu phương đông tức là thay Chu công làm đông bá và có trách nhiệm phân trị nừa đất Thiểm (1); cho nên ở đây là vua Khang vương giao cho công việc của Chu công khi trước. Tiết dưới nói "Phân biệt và nêu rõ kẻ thiện, người ác, làm cho người thiện vẻ vang, làm cho kẻ ác biết sợ, vạch rõ ngoại ô với kinh kỳ, giữ vững lấy giới". Đây đều là những việc Chu công đã làm cả. Họ Lã cho rằng: "Chỉ thời này mới có thể thi hành chính sự ấy". Và lại còn cho rằng "Ở thời đại Chu công, ông có độ lượng bao dung, thiện ác đều cho cùng sống; đến Quân Trần cũng chưa có sự phân biệt đối xử". Nói như thế hình như không đúng. Kinh Thư nói (2) "Ba ông Chu công, Quân Trần, Tất công, cùng một ý, cùng thực hành đường lối trị an". Đạo trị có một, đâu lại có gì khác nhau?

Nếu bảo rằng: "Đây là tùy phong tục mà thay đổi chính sách, lấy có gì mà cho là đồng đạo được?". Thì thử xem thiên Đa phương nói: "Kẻ nào phóng dăng, gian tà, bắt phải rời xa quê quán", thiên Quân Trần nói: "Chỉ trích những kẻ không chịu chăm lo nghề nghiệp, răn bảo kẻ bất lương", thì Chu công, Quân Trần có khi nào không chỉ trích phân biệt kẻ bất thiện và làm cho kẻ ác biết sợ. Thiên Tất mệnh đây nói: "Kẻ nào không tuân theo giáo huấn sẽ cho ở riêng biệt ra một nơi" là cốt làm cho nó biết xấu hổ. Thế thì vẫn là bao dung rộng rãi cho cả kẻ thiện người ác cùng được sống. Đại khái bề trên lấy đức

hạnh để hướng dẫn dân, dùng điển lễ, pháp chế để chấn chỉnh dân, thì dân biết tự trọng và trở nên tốt được (3). "Biểu dương người thiện và giáo huấn kẻ không chịu phục tùng", xưa nay cách trị dân đều như thế, không thể một ngày thiếu được. Nếu đối với kẻ ác, cứ bỏ mặc không hỏi đến, coi cũng như người thiện, thì còn ra chính sự gì nữa. Chu công cai trị Lạc Ấp 7 năm, Quân Trần kế tiếp cai trị 25 năm. Họ Trương cho rằng "đến Tắt công mới biết làm cách này (4) là để tỏ ra rằng đối với thiện ác đều có khuyến khích hay răn đe". Như thế, nếu cho Chu công và Quân Trần là người hàm hồ cầu thả không phân biệt thiện, ác thì ngu này không dám tin. Họ Lã cho rằng "Phải có 5 hào dương đối với 1 hào âm, mới có thể trừ bỏ được hào âm (5); không hiểu biết nghĩa của "thời" mà thì thổ sai lầm thì kẻ làm ác còn nhiều, có khi gây ra mối loạn". Lời bàn này càng sai lầm lớn hơn.

Chú thích

- (1) *Phân trị nửa đất Thiêm*: buổi đầu nhà Chu, Chu công làm quan phương bắc, coi các nước chư hầu phương đông; Thiệu công làm quan phương bắc, coi các nước chư hầu phương tây. Hai ông này lại còn chia nhau cùng cai trị đất Thiêm. Phía đông đất ấy thuộc về Chu công, phía tây thuộc Triệu công.
- (2) *Kinh Thư nói*: ở đoạn này là lời của Khang vương.
- (3) Cả câu này lấy ở thiên Vi chính, sách Luận Ngữ.
- (4) *Cách này*: cách phân chia kẻ thiện, người ác, cho ở riêng biệt.
- (5) Câu này lấy hình tượng ở quẻ Quán Kinh Dịch, 5 hào dương ở dưới quyết bỏ 1 hào âm ở trên cùng. Ý nói, phải có nhiều người tốt, ít người xấu, thì việc tốt mới phát triển được.

52-3. Tiết trên nói: "Chính sách phải tùy phong tục mà thay đổi". [Chính do tục cách], rồi sau tiết này mới nói "chính sách quý ở chỗ có tác dụng lâu dài [không tạm bợ] và chẳng nên hiếu kỳ". Xem thế ta có thể rõ chữ "cách" ở đây không có nghĩa biến đổi lớn vậy. (1).

Chú thích

- (1) Ý câu này nói "cách" đây là cái cách một ít để tiện cho chính sách, chứ không phải là thay đổi căn bản đường lối.

52-4. Nhân tài dùng được phần nhiều là con cái các nhà đời đời ăn lộc (1), thế mà ăn ở khinh người có đức, làm trái đạo trời, cũng ở con nhà thế tộc mà ra; bởi thế không thể không có nền giáo dục về đức nghĩa (2) được. Dân nhà Thương, trừ 6 thế tộc (3) giao cho nước Lỗ, 7 thế tộc giao cho nước Vệ, ngoài ra, những thế tộc thiên di đến Lạc ấp cũng nhiều. Con cháu của đấng hầu, đoãn (4), giáo huấn lâu đến 36 năm, thế mà những thói cậy thế, cậy của, kiêu xa dâm dăng, khoe mẽ huênh hoang vẫn chưa trừ bỏ hẳn được. Như thế mà muốn tuyển cử họ lên làm quan tại triều, liệu có được không? Những triều đại Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Nguyên, Ngụy, Lý, Đường đều trọng những nhà thế tộc, nhưng những người gọi là con nhà sĩ đại phu đều biết tự trọng, biết theo lễ tuy gián hoặc có kẻ là con nhà gia thế, trong việc hôn nhân có yêu sách lễ cưới nặng nhưng chưa từng phạm tội lỗi xa xỉ dâm dăng. Như họ Thôi, họ Lu ở Sơn Đông; họ Vương, họ Tạ ở Giang Tô; họ Vương ở Thái Nguyên; họ Đỗ ở Kinh Triệu; họ Liễu ở Hà Đông, đời đời có tiếng tốt, thường nhiều

người làm quan to có danh vọng. Đây chẳng phải nhờ có nền giáo dục đức nghĩa chỉ dẫn cho nên họ tránh được cái lỗi không chịu theo lễ ư?

Chú thích

- (1) Nguyên văn *Thế lộc*: đời đời kế tiếp làm quan ăn lộc, cũng gọi là thế tộc, vọng tộc.
- (2) *Đức nghĩa*: đức hạnh và nghĩa lý, hay đức tính và đạo nghĩa.
- (3) *Thế tộc*: cũng như thế gia.
- (4) *Hầu doãn*: tước hầu và quan đứng đầu.

52-5. "Cương" thì dân sợ, "nhu" thì dân nhờn; phải tùy trường hợp không nên chỉ có cương cũng không nên chỉ có nhu, đây là đạo trung bình để trị dân, tiết dưới lại nói: "Cùng đi đến cái đạo làm cho trị an", ý nghĩa là như vậy. Kinh Thi nói: "Thi hành chính sách một cách khoan dụ hào bình thì lộc trời đồn đến" (1). Khổng Tử nói: "Dùng cách khoan dung để bổ cứu cách nghiêm khắc, dùng cách nghiêm khắc để bổ cứu cách khoan dung thì chính sự được đúng mức" (2). Kinh Thi và lời của Khổng Tử đều dùng một ý như lời trong này vậy.

Chú thích

- (1) Câu này ý nói vua Thành Thang thi hành chính sách khoan dụ đúng đạo trung chính cho nên thiên hạ quy phục mà hàng trăm lộc trời quy tụ vào vua Thành Thang. Điển này ở Kinh Thi, Thương tụng, Trường phát.
- (2) Câu này Khổng Tử khen Tử Sản nước Trịnh ở Tả truyện Chiêu công năm thứ 20.

52-6. Bỏ cả luân thường làm loạn phong tục, cây của xa xỉ, vứt hết đạo nghĩa, thói xấu nhà Ân quá tệ lắm vậy! Vua Thành vương, vua Khang vương giáo hóa và ngăn ngừa nhân dân nhà Ân sau hơn 36 năm, mới thu được cái nhân tâm phóng túng của dân và khiến họ theo đức nghĩa. Đây là hiệu nghiệm của việc thực hành nhân chính đến 30 năm, rồi sau giáo hóa mới thấm nhuần (1) vậy. Họ Vương cho rằng "cứ xem dân nhà Ân không khinh suất mà theo nhà Chu thì đủ thấy rõ đức trạch của các tiên vương nhà Ân thật là sâu xa". Nói thế thật là không đúng. Sở dĩ tệ tục ấy của họ lâu mãi mà chưa thay đổi được, là vì có dân nhà Ân từ khi ở Muội Thổ (2), tiềm nhiễm thói hung ác của vua Trụ rất sâu. Họ Đổng cho rằng "Tục nhà Ân chuộng chất phác; tính chất phác làm cho họ dễ bị mê hoặc mà khó hiểu rõ lẽ phải". Nói như thế cũng chưa ổn. Xem như thiên *Tất mệnh* đây nói: "Tục nhà Ân cho kẻ biếm bác bèm mép là người hiền; thích ăn mặc đẹp để khoe mẽ với người", thì nhà Ân khi ấy đã không còn tục chuộng chất phác như thời trước nữa.

Chú thích

(1) Câu này ở Luận Ngũ, thiên Từ Lộ. Đại ý nói: nếu có bậc vương giả thi hành nhân chính, tất phải lâu đến 30 năm, rồi sau giáo hóa thấm nhuần, mới có thể gọi là nhân được. Tác giả dẫn câu này để chứng thực giáo hóa của nhà Chu lâu đến 36 năm mới có kết quả tốt.

(2) *Muội thổ*: kinh đô của vua Trụ đóng đô trước.

53. - QUẢN NHA (1)

53 - 1. Nắng nực, mưa to, đại hàn, khí hậu trong một năm nhất định phải có; thế mà dân đen vẫn thường oán thán kêu ca (2), huống chi lại thêm việc binh dịch vất vả thuế má phục dịch nặng nề, làm trở ngại nghề nghiệp sinh sống, thiếu cả cơm áo, thì oán thán kêu ca nhiều biết chừng nào! Nếu biết nghĩ đến đời sống của dân đói rét gian nan, mà lo toan trước cho cơm áo được dễ dàng, thì dân an cư ở điền dã thôn quê hết thờ than oán hận. Trần Tử Ngang (sửa lại Triệu Tử Ngang) nói: "Trong thiên hạ có nguy cơ, họa hay phúc nhân đấy mà nảy ra, đó là do dân chúng vậy. Dân chúng được yên thì họ vui sướng, dân chúng không yên thì họ coi thường cái chết; khi dân chúng coi thường cái chết, thì thiên hạ loạn ngay" Than ôi! Có thể nào không lấy đó làm gương, làm đáng sợ?

Chú thích

(1) *Quản Nha*: Tên một thiên ở Chu Thu, thế mệnh. Quản Nha là tên một bầy tôi. Vua Mục vương sai Quản Nha làm đại tư đồ, đây là lời sắc mệnh của Mục vương.

(2) *Oán thán kêu ca*: Nắng bức mưa to, thì dân oán thán kêu ca lo về đói, đại hàn, thì dân oán thán kêu ca lo về rét.

53 - 2. - Mưu mô vua Văn vương, công nghiệp vua Vũ vương mở mang giúp đỡ cho con cháu sau, tức là những việc "Định sinh kế, dặt giáo hóa" (1), như sách Mạnh Tử chú có nói "Giáo dục cho dân có đức, làm cho dân tiện lợi, nâng cao đời sống của dân, đó là phương pháp phòng trá nguy, cấm gian tà, sửa thói xấu".

- (1) Nguyên văn *Diên lệ, trần giáo*: *Diên lệ* là yên định chỗ dân nương tựa, tức là giải quyết tốt việc ruộng đất để cho dân được an cư; *trần giáo* là giảng giải các điều kỳ cương đạo đức để giáo hóa dân. Ý nói chú trọng dân sinh và dân đức. Bốn chữ này ở thiên Cổ Mệnh - Kinh Thư.

54. - QUYNH MỆNH (1)

- 54 - 1. [Chức thái bực chính (2)] là quan đứng đầu các bề tôi, nên chọn người ở trong liêu thuộc của họ. Nhà vua làm thế nào biết được người ấy là người tốt mà dùng được? Chỉ căn cứ vào người ấy không phải là người nói khéo, giả làm nét mặt lương thiện, chiều chuộng lấy lòng, gian là nịnh hót, thế là người tốt. Ai chẳng biết người thế này là quân tử, người thế kia là tiểu nhân, chỉ vì bị lòng hám tiền che lấp, thì có khi không thấy người tốt là tốt, mà lại cho người có tiền hối lộ là tốt. Theo quan chế nhà Chu, quan đứng đầu trong hàng quan, đều được tự mình tiến cử người liêu thuộc của mình (Tr.220), có lẽ thời bấy giờ đã có thói xấu ăn hối lộ, dùng người riêng tư, cho nên vua Mục vương mới đem việc ấy ra nói (3), nhưng chỉ nói đi nói lại để cảnh giới mà thôi, không bỏ cái phép trường quan được tự chọn liêu thuộc của mình. Còn như vua Đức Tông nhà Đường khi thấy người ta nói "Các ty đề cử người, đều có tư tình", liền bỏ ngay phép tiến cử ấy không thi hành nữa. Đây là chỗ khác nhau giữa hai vua, một vua làm đúng, một vua làm sai.

Chú thích

- (1) *Quýnh mệnh*: Tên một thiên ở Chu Thu, thể mệnh. Vua Mục vương sai Bá Quýnh làm chúc thái bộc chính, thiên này tức là lời cáo mệnh.
- (2) *Thái bộc chính*: Chúc quan đứng đầu các thị ngự bộc tụng, là cận thần nhà vua.
- (3) *Dem việc ấy ra nói*: Việc ấy là việc ăn hối lộ, dùng người riêng tư. Vua Mục vương nói: "Không cho người tốt là tốt, chỉ cho người hối lộ là tốt, như thế là thiếu trách nhiệm, các người không kính vua, ta sẽ làm tội các người".

54- 2. Tà Truyện nói: "Vua Mục vương muốn thỏa lòng ham muốn riêng là đi chu du khắp thiên hạ khiến cho đâu đâu cũng sẽ đều có dấu bánh xe, vết chân ngựa của mình. Thái công làm thế (1) để ngăn chặn lòng ham muốn ấy của vua" (2). Tà Truyện nói chữ *muốn* chữ *sẽ*, đều là chỉ việc chưa thực hiện. Câu "Đem bảy đội cấm vệ, tám con ngựa hay đi chu du thiên hạ" chép ở mục *Thiên tử truyện* cùng sách Liệt Tử (3), đại loại đều là chuyện hoang đường, không đáng tin. Cứ xem một thiên *Quýnh mệnh* đây, vua Mục vương mong muốn quan thái bộc chính giúp đỡ, mãi cho vua được pháp độ, cùng Sứ ký, mục *Dật Chu Thu*, thì vua Mục vương biết soi xét ngăn ngừa rất chu đáo tường tận, có thể do đây mà biết Mục vương không phải là vua phóng túng ngạo du.

Chú thích

- (1) *Thái công làm thơ*: Thái công tên là Mưu Phù, làm quan khanh nhà Chu, làm thơ, tên bài thể là *Ký Thiếu*.

- (2) *Diễn này ở Tả truyện* Chiêu công năm thứ 12, có chép cả bài thơ *Kỳ Thiếu*.
- (3) *Liệt Tiệt*: Thiên Chu Mục vương đệ tam sách này, chép chuyện vua Mục vương gặp một người biến hóa thiên hình vạn trạng, vua kính phục như thần, rồi theo y đi chơi trên trời, sau về, bỏ cả việc nước, đi chu du thiên hạ.

* * *

55. - LỬ HÌNH (1)

55.1 Thiên Thuấn Diễn nói: "Ngũ hình (2) là hình phạt chính, lại đặt ra lưu hình gồm 5 nơi đây, 3 nơi an trí (3), để giảm nhẹ cho, đây là để đối đãi với người phạm tội ngũ hình mà còn chỗ nghi ngờ. Lại nói: "phạt roi" (4), là hình phạt chính, lại đặt ra hình phạt "thu tiền" (5), để giảm nhẹ cho, đây là để đối đãi với người phạm tội "phạt roi" mà còn nhẹ. Nhưng trong tội phạm ngũ hình, số người đáng ngờ mà nên tha có nhiều, nếu tha bổng ngay là xử nhẹ quá, nếu nhất loạt khếp vào tội đem đi đây thì lại là nặng quá, cho nên vua Mục vương có lệnh phạt tiền để phân biệt mức độ nặng nhẹ của những tội ấy, đây là phạt tội, không phải là chuộc tội vậy. Họ Đồng cho rằng "phạm tội ngũ hình đều cho chuộc tội hết, thế là bán hình ngục lấy tiền". Nói thế là sai lầm. Giả thử người phạm tội ngũ hình đã được giảm nhẹ xuống bắt nộp tiền phạt nếu không có tiền nộp, thì hẳn y phải chịu đựng tội ở tù, đi đây, hoặc an trí ở nơi nước độc, hoặc khổ sai; cũng như đời sau, kẻ phải tội trượng (6) còn thêm tội phát vãng phục dịch, cùng đem đi đây, đâu lại có lý bắt chịu tội ngũ hình [cắt xéo vào thân thể]? Họ Đồng còn cho rằng: "Kẻ phạm tội, có tiền thì có thể thoát chết, còn những người phạm vào ngũ hình

phải làm lao dịch khổ sai đầy đường, tất nhiên đều là người không có tiền chuộc tội". Nói thế cũng không phải. Nay xem Chu Lễ, có chức quan như "Quan giữ việc ngăn cấm giết hại người". Kê nào ngăn trở người bị oan kêu tố phát giác ra đều phải giết. Có chức quan cấm bạo (7) giữ việc ngăn cấm dân chúng làm rối loạn phải trái. Kê nào dùng sức cường bạo biến trái ra phải, làm giả chứng tá, vu cáo phạm luật cấm; kê nào phao đồn những lời nói vô căn cứ, phát giác ra đều phải giết. Đây là kê phạm tử hình, không phải nhất định đều là kê giết người hại người cả. Hạng này nếu có đích xác phạm tội, giết đi cũng là nặng quá, huống chi lại có những tình tiết còn thuộc khả nghi mà nên tha chăng? Ngũ hình là *kính*, ngũ phạt là *vĩ*, *vĩ* đi ở trong *kính*. (9). Đó là công dụng thần hiệu về quyền nghi cân nhắc, là chính sách thực sự thương xót khoan thứ. Cho nên tiên nho tuy chê bai luật phạt tiền, thế mà đời sau vẫn theo dùng luật, trong đó, có hai loại là thực phạt và cho chuộc, không thể bỏ đi được.

Chú thích

- (1) *Lữ hình*: Tên một thiên ở Chu Thư, thể mệnh. Lữ hầu làm quan tu khẩu của thiên tử. Vua Mục vương sai ông giảng giải hình phạt để răn cấm bốn phương, sử gia chép lời văn nói với Lữ hầu làm thiên này.
- (2) *Ngũ hình*: Năm loại hình phạt thích chữ ở trán rồi tồ mục, cắt mũi, chặt chân, thiến, xử tử.
- (3) *Lưu hình*, 5 nơi đầy, 3 nơi an trí: Lưu hình là hình phạt đem đi đầy; 5 nơi đầy, 3 nơi an trí nghĩa là tuy có đặt ra 5 nơi đầy khác nhau, nhưng trong đó đem đi an trí có 3 nơi; tội to đem đến các nước đi dịch bốn phương, tội to vừa đem đến các xứ ngoài 9 châu, nhẹ nữa đem an trí ngoài ngàn dặm.

- (4) Nguyên văn *Tiền phắc*: Tiền: roi da, dùng vào việc quan; phắc: roi tre, roi mây, dùng trong nhà trường.
- (5) Nguyên văn *Thục hình*: Cho nộp tiền để chuộc tội. Hình phạt này để xử với tội phạm rất nhẹ.
- (6) *Trượng*: đánh bằng gậy gỗ. Trượng là một trong ngũ hình (sì, trượng, đồ, lưu, tử)
- (7) *Cấm bạo thi*: Họ cấm bạo tức là quan ngăn cấm bạo loạn. Theo *thông chí lược* 3, thì đây là lấy tên làm quan họ.
- (8) *Ngũ phạt*: 5 tội phạt tiền: 1. *tội mặc* (thích chữ vào trán) còn ngờ có thể tha, thì phạt 100 hoàn (mỗi hoàn 6 lạng bạc). 2. *Tội tị* (cắt mũi), còn ngờ có thể tha, thì phạt 200 hoàn. 3. *Tội phỉ* (chặt chân), còn ngờ có thể tha, thì phạt 500 hoàn. 4. *Tội cung* (thiến), còn ngờ có thể tha, thì phạt 600 hoàn. 5. *Tội đại tích* (xú tư), còn ngờ có thể tha, thì phạt 1.000 hoàn.
- (9) *Ngũ hình là kinh, ngũ phạt là vĩ*: Kinh: sợi dọc; vĩ sợi ngang (những từ ngũ trong nghề dệt). Ở đây ý nói hình với phạt phải đôi thì xử án mới có thể vận dụng được hợp tình hợp lý.

55.2 - Nhà Thành Chu theo chế độ phong kiến (1), thiên tử có luật hình thi hành trong khu vực do thiên tử cai trị (2), 1.800 nước chư hầu, mỗi nước đều có việc hình phạt riêng của từng nước. Quan tư hình (3) giữ phép ngũ hình để định tội của dân. Tội mặc, tội tị, tội phỉ, tội cung, tội *đại tích* (4), mỗi tội đều có 500 điều. Giáo hóa tuy hết sức, cũng không thể đảm bảo chắc chắn không có ai phạm pháp. Giả như trong một năm, mỗi một nước luận tội xử tội một người, thế là một năm xử từ 1.800 người. Nếu không giết mà đưa đi đày, thế là một năm ấy đưa đi đày 1.800 người. Và lại đất nước chư hầu, rộng không quá 100 dặm, đâu có thể đầy kẻ có tội đi xa được. Không đày đi xa, thì không làm thế nào đủ để cảnh tỉnh, tuồng

nhất định phải có điều lệ "ngờ thì tha", mà làm thời châm chuộc, giáng xuống, luận vào tội phạt, tội chuộc, để cân nhắc nặng nhẹ, đấy tức là giống với câu "Khi làm thời cần đến mới bàn định hình pháp, không làm sẵn sách luật từ trước" vậy. Thời vua Văn vương, Vũ vương, Thành vương cách thời vua Thuần đã hơn ngàn năm; đời khác nhau, việc không giống nhau, vị tất đã theo lệ ngũ hình chỉ có lưu, không có cho chuộc. Nếu trước thời vua Mục vương vốn không có phép chuộc thì vua Mục vương cũng không thể sáng lập ra đầu tiên để làm kinh hải tai mắt người ta. Cứ như Chu Lễ, quan chế nhà Chu có: quan "chức kim" (5) chuyên nhận số tiền nộp phạt (bằng tiền mặt hoặc bằng của cải) do quan sĩ thu được rồi nộp cho quan "tư bình" (6). Giả Quỳ giải thích rằng: "Người xử đoán ngục tụng, hễ thấy có tội gì ngờ, thì cho chuộc ngay". Đấy có phải hết thảy đều là khoản tiền chuộc tội ở công sở và học hiệu đâu. "Quan tư bình dùng phép ngũ hình, chiếu theo hình phạt để phân biệt tội nặng nhẹ". Giả Quỳ giải thích rằng: "Ở đây hai chữ "hình phạt" nói đi đôi, thế là hình mà ngờ thì cho vào phạt vậy". Thế là thời Chu công ngũ hình đã có phạt, không phải phạt mới có từ vua Mục vương vậy. Thái truyện trên thì căn cứ vào thiên Thuần điển nói năm hình không có chuộc tội, dưới thì căn cứ vào vua Tuyên đế nhà Hán không cho phép chuộc tội; rồi đoán định chế độ của Chu công không cho chuộc. Tôi xin được đem Chu Lễ ra để đính chính Thái truyện.

Chú thích

- (1) *Phong kiến*: Thiên tử lấy tước và đất chia phong cho chư hầu, để cho chư hầu được lập nước ở khu vực được phong. Tước có 5 bậc: công, hầu, bá, tử, nam; đất phong có 3 hạng: công và hầu đều được phong 100 dặm, bá 70 dặm, tử và nam đều 50 dặm.
- (2) *Nguyên văn Kỳ nội*: trong khu vực ngàn dặm ở quanh đô thành của thiên tử.
- (3) *Tư hình*: Tên quan, thuộc về Thu quan của quan chế nhà Chu, giữ phép ngũ hình.
- (4) Nghĩa các chữ này xem ở chú thích 8 tiết 55.1 ở trên.
- (5) *Chức kim*: Tên quan, thuộc về Thu quan của quan chế nhà Chu, giữ công việc cấm giới về vàng bạc và ngọc thạch cùng tiền của nộ phạt.
- (6) *Tu binh*: Tên quan, thuộc về Hạ quan của quan chế nhà Chu, chuyên giữ binh khí.
- (7) *Giả Quý*: Người đời Đông Hán, tên tự là Cảnh Bá, có soạn sách Kinh truyện nghĩa hồ và Luận nạn hơn 100 vạn chữ.

55.3 - Xét sách *Văn hiến thông khảo* (1) Mã Doan Lâm (2) nói: "Đọc kỹ thiên Lữ Hình, thấy rõ ý bị thương đau sót, sau ngàn năm vẫn còn làm cho ta cảm động, và lại còn có những lời răn bảo chu đáo như: Xử tội đúng pháp luật, với kẻ hối lộ, mà người xử không bị tài lợi cám dỗ", "xử án sai lầm, do tham hối lộ". Xem thể thì phép bắt buộc rõ ràng không phải do muốn vơ vét tiền của mà đặt ra. Và lại, gọi là "chuộc" vẫn tự có ý nghĩa; như tội định xử pháp mặc, có điều ngờ đáng tha, không vội vàng tha ngay, nhưng hãy thu 100 hoàn để bảo cho biết đây là tiền phạt thôi; rồi lại nói tiếp rằng: "Phải xét kỹ các tình, tội có thật đáng ngờ rồi sau mới tha". Ý nói tội không có gì ngờ thì cứ gia hình, đáng ngờ thì mới cho chuộc, đều nên xét kỹ tình thực, lại nói rằng: "Tiền của là thứ người

ta ham thích lắm, cho nên cướp lấy của ham thích ấy làm cho họ đau xót, khiến cho không dám làm ác mà thôi. Chứ có phải tham tiền của họ đâu". Thời đại gần đây Khác Trọng Dư (3) lại nói: "Việc dùng hình ngục, nhà Chu so với các đời trước, lại được quy định rõ ràng hơn, đây là thời thế buộc phải như thế mà thôi. Xem các thiên Đại Cáo, Không Cáo, Lập Chính, thấy thánh nhân kính cẩn để ý lo cho đời sau vô cùng. Từ đời vua Khang vương trở về sau, loại ngũ hình đã nhiều đến 3.000 điều, vua Mục vương giăng giải hình pháp (để răn bốn phương), thật là lòng tốt của người nhân đức vậy, đã không thể bỏ hết được, thì chọn tội nào đáng ngờ cho chuộc, tội hoàn toàn là nghi ngờ thì tha hẳn, không đủ tình thực thì không tha, như thế thật đáng gọi là hết sức chiều cố vậy. Mục vương làm vua lâu dài, hưởng thọ hơn 100 tuổi, vị tất không phải là do ấn ở nhân đức mà được trời ban phúc. Thế mà nhà nho đời sau lại câu nệ cổ chấp theo phép của tiền vương, cho rằng nhất định không nên cho chuộc. Than ôi! Đây có phải là ý của thánh nhân dùng tường hình (4) đâu? Hai thuyết này (5) đều nói phải cả.

Khâu Quỳnh Bôn (6) cũng chê bai phép chuộc ở thiên Lữ hình, cho rằng: "Như thế thì những tội đáng ngờ, người giàu có tiền chuộc được sống, người nghèo không tiền chuộc, phải chết, đâu có phải là hình pháp của thánh nhân". Nói thế là dùng cái thuyết của Tiêu Vọng Chi (7) vậy.

Xét sách Hán Thư, điều mà Trương Xường (8) xin thi hành cùng với thiên Lữ hình đây khác nhau. Trương Xường nói: "Những người có tội, như những tội thù

muu giấu tội cho người ta (9) hoặc tội biết người khác có tội mà không tố cáo, lại cứ đương tha (10); cùng là loại tội "không nên làm mà làm" (11) các nhà nghị luận, có người nói phép ấy nên bỏ đi, nên cho phép theo tội nặng nhẹ được nộ thốc chuộc tội". Lại dẫn cả câu "Xử phạt đối với lỗi nhỏ, tha thứ các tội nhẹ" ở thiên Phù hình (12). Thế thì chế độ cho chuộc tội có đã lâu rồi vậy. Ý Trương Xương nói đây đều là tội nhẹ, mà ghép vào án xử là quá đáng cũng muốn nhân thế cho chuộc tội để khoan nới cho, vì thế Tiêu Vọng Chi (7) mới nói rằng "người giàu được sống, người nghèo phải chết". Còn như Lữ hình thì tội đáng ngờ đã ở trong điều lệ được tha, đâu còn lại để phụ thuộc vào tù hình, cứ nhận kỹ chỗ ấy, tự khắc thấy rõ. Một lời nói của Ân tử làm cho Tề hầu tình giảm hình phạt (13). Người quân tử khen rằng: "Lời nói của người nhân đức, có lợi cho dân nhiều lắm". Tiêu Vọng Chi chẳng những không thể trừ bỏ được hình pháp ác hại, lại chỉ mượn chữ "nghĩa" chữ "lợi" ra để thuyết, mà chẳng mở một chút con đường sống cho những kẻ phạm tội nhẹ, như thế thật là bất nhân quá vậy! Còn có điều gì đáng khen nữa đâu!"

Chú thích

- (1) *Văn hiến thông khảo*: Tên sách, do Mã Đoan Lâm biên Nguyên soạn, nhân sách *Thông Điển* mà mở rộng ra, trên kế thừa *Thông Điển*, dưới đến đời vua Ninh tông nhà Nam Tống, chia làm 24 môn, có 48 quyển.

- (2) *Mã Doan Lâm*: Tên tự là Quý Dữ, học rất rộng làm thừa sự lang; khi nhà Tống mất, ẩn cư dạy học, có soạn sách *Văn hiến thông khảo và Đại học tập truyện*.
- (3) Khắc Trọng Dư: chưa rõ.
- (4) Tường hình: Dùng hình phạt vừa ra oai, vừa cảm hóa, mong cho dân không phạm pháp và không phải dùng đến hình phạt. Còn có nghĩa là khéo dùng hình phạt. Hai chữ "tường hình" là lời vua Mục vương nói ở trong thiên Lữ hình đây.
- (5) *Hai thuyết này* là thuyết của Mã Doan Lâm và thuyết của Khắc Trọng Dư nói trên.
- (6) *Khâu Quỳnh Bôn* tức Khâu Tuấn người đời Minh, quê quán ở Quỳnh Sơn, tên tự là Trọng Thâm, đỗ tiến sĩ, làm quan đại học sĩ, tính thẳng, học rộng, có làm sách Đại học diễn nghĩa bổ.
- (7) *Tiểu Vọng Chi*: Người đời Tây Hán, làm thái bảo thời vua Tuyên đế, nhận di chiếu phụ chính, vua Nguyên đế rất kính trọng, sau bị Hoàng Cung, Thạch Hiễn hãm hại.
- (8) Trương Xương: Người đời Tây Hán, làm kinh triệu doãn thời vua Tuyên đế, đời ấy chợ búa không có trộm cắp.
- (9) Nguyên Văn Thủ nặc: Làm thủ mưu giấu tội cho người. Vua Tuyên đế xuống chiếu, nói: "Từ nay trở đi, con thủ mưu giấu tội cho cha mẹ, vợ thủ mưu giấu tội cho chồng, cháu thủ mưu giấu tội cho ông bà, đều không bắt tội". (Hán Thư)
- (10) Nguyên văn Kiến tri, cổ tưng: quan lại thấy ai phạm tội mà không nêu ra thì luận vào tội cố ý buông tha.
- (11) Nguyên văn Bất tưng vi: đối với một số tội phạm mà pháp luật không có điều lệ chính để quy định tội danh ấy, thì gọi chung là "bất ung vi" (không nên làm mà làm), trong loại này cũng có chia ra nặng nhẹ khác nhau.
- (12) *Phủ hình* tức là thiên Lữ hình.
- (13) *Một lời nói của Ân tể làm cho Tể hầu tỉnh giảm hình Phạt*: Ân tể rất giỏi can gián, hay nhân dịp, lựa lời nói, nên vua nghe theo. Bấy giờ vua Cảnh công dùng hình nhiều và nặng, một hôm hỏi Ân tể: "nhà ngươi gần chợ có biết thứ gì đắt, thứ gì rẻ không?" Ân tể thưa: "Trong chợ chỉ có nặng (thứ người bị tội chặt chân

dùng để đi) đất mà dép rề thôi." Vua Cảnh công nghe xong tỉnh ngộ, rồi giảm bớt hình phạt (*Tả truyện Chiêu công năm thứ 3*).

55.4 - Thiên Lữ hình mở đầu nói vua nước Hữu Miêu chế ngự dân, toàn dùng hình pháp bạo ngược. Rồi nói đến vua Thuấn dụng hình đúng mức, vì rằng trời trị kẻ có tội, năm thứ hình, năm cách dùng (1) đó là đường lối chính sự không thể nào bỏ được. Vua nước Hữu Miêu bạo ngược quá độ, tất cả những tội phụ thuộc ở ngũ hình, cũng đem ghép vào tội chính hình hết. Dân chúng bị giết kêu oan với trời, trời mới tuyệt diệt vua Hữu Miêu. Còn như vua Thuấn trị dân, lo liệu cho dân được an cư, được đủ sống, có giáo dục; trường hợp bất đắc dĩ phải dùng hình phạt thì không hình phạt nào là không đúng mức. Vua Mục vương nêu ra việc dụng hình của Hữu Miêu và của vua Thuấn cốt để bảo cho quan giữ việc hình ngục nên lấy Hữu Miêu làm răn, lấy vua Thuấn làm khuôn phép mà thôi.

Chú thích

(1)*Năm thứ hình, năm cách dùng*: năm thứ nhục hình (thích mực vào trán, xẻo mũi, chặt chân, thiến, xử tù). Năm cách dùng ấy để trừng trị kẻ có tội.

* * *

55.5.- Tiên vương đặt ra quan, chức trách tuy chia ra mỗi người giữ một việc, sự thực vẫn liên hệ với nhau. Cái tôn ty trật tự do trời đặt (1) là lễ thông dụng của quan và dân, cốt để hoàn mỹ ngũ điển (2) vậy. Bá Di làm lễ quan (3), ban bố lễ nghi, khiến cho thiên hạ tuân thủ ngũ điển và theo ngũ lễ (4). Dưới

những giáo điều, cũng thường giải thích rõ ràng những điều răn cấm, như cho quan ban bố mệnh lệnh đi rao ở đường rằng: "Kẻ nào chẳng kính theo mệnh lệnh, nhà nước sẽ có hình pháp trừng trị", thế là dùng lễ (giáo dục) để ngăn cấm trước bọn gian tà. Đến khi có kẻ nào phạm pháp thì đã có Cao Dao nghị tội, chẳng nên cho rằng Bá Di không phải là quan sĩ sư mà sao lại đi ban bố hình pháp.

Chú thích:

- (1) Nguyên văn *Thiên trật*: trời đặt ra tôn ty quý tiện, đẳng cấp khác nhau.
- (2) *Ngũ diển*: năm loại quan hệ vua tôi, cha con, anh em, vợ chồng, bầu bạn.
- (3) *Bá Di làm lễ quan*: Bá Di làm quan Trật tông thời vua Nghiêu vua Thuấn.
- (4) *Ngũ lễ*: lễ nghi của năm học công, hầu, bá, tử, nam, khác với năm lễ ở Chu Lễ là cát, hung, tàm, quân, giả.

* * *

- 55.6. - Trong việc xử đoán ngục tụng, kẻ quyền quý thì dùng oai quyền để làm rối loạn chính sự, bọn giàu có thì dùng hối lộ để cướp quyền của luật pháp, đó là mối tệ chung muôn của đời.
- 55.7. - Câu "Phi chung, duy chung tại nhân" (1). Các nhà giải thích, căn cứ vào ý lười biếng siêng năng, mà nói: "Chẳng giữ trọn vẹn đức tốt, hoặc giữ được trọn vẹn đức tốt là do ở người mà thôi". Thuyết này có lẽ hay hơn. Vì rằng tiết này là tiết nêu cái đại cương và nói tóm lại để khuyên bảo, chưa kịp nói đến điều mục vậy. *Thái truyện* cho rằng: "Phi chung là cái lỗi nên khoan thứ, duy chung là cái tội nên trừng trị,

đó đều do ở phạm nhân. No, như thế thì nghĩa câu này cùng với văn ở tiết trên, tiết dưới không liên tục, ăn khớp với nhau (2).

Chú thích

(1) Câu "Phi chung, duy chung" (非終惟終在人) có hai cách giải nghĩa:

a) Luôn biếng không giữ trọn đức tốt hay là chăm chỉ giữ trọn đức tốt đều do ở người xử đoán hình ngục.

b) Tôi nhỏ nhưng cố ý phạm (sẽ xử nặng), tôi to nhưng nhầm nhờ phạm phải (sẽ xử nhẹ). Việc xử nặng hay nhẹ đều do ở phạm nhân (cố ý hay vô tình) mà quyết định.

(2) Thực ra đặt trong toàn văn, hai cách giải thích đều thấy cù.

55.8. Câu "Tuy hưu, vật hưu" (維休勿休) (1) Ngụy Trưng (1) thường để khuyên vua Văn hoàng (2). Ý câu này là "tuy rằng tốt đẹp, nhưng chớ cho thế đã là tốt đẹp", cùng một nghĩa với câu "Giới chi dụng hưu" (3). Thái truyện giải thích chữ "hưu" làm chữ "hựu", nghĩa là khoan thứ, lại cho chữ "úy" ở câu "Tuy úy, vật úy" ở ngay trước câu "Tuy hưu vật hưu" làm chữ uy, mà cho rằng tức là ý câu "Viết hựu, vật hựu, viết tích, vật tích" [ta bảo tha chớ theo mà tha, ta bảo làm tôi chớ theo mà làm tôi] (4). Giải nghĩa như thế thì khác hẳn với các sách chú giải đời cổ. Trần Kinh (5) cho rằng: "Xem câu "tuy đáng sợ nhưng chớ sợ, tuy rằng tốt, nhưng chớ lấy làm tốt", thấy rõ cái tâm không tự mãn". Lời giải thích này với lời văn ở tiết trên, và tiết dưới, rất liên tục quán xuyên với nhau.

Chú thích

- (1) *Nguy Trưng*: xem 40-9 ci 3.
- (2) *Vân hoàng*: tức là vua Thái tông nhà Đường.
- (3) *Giới chỉ dụng hưu*: dùng cách khen ngợi để cho làm tốt hơn nữa. Câu này ở thiên Đại Vũ mô Ngu Thu.
- (4) Hai câu "Tuy hưu vật hưu, tuy uy vật uy" và "Viết hưu, vật hưu, viết tích, vật tích" đều nghĩa như nhau. Ý nói phải một mực công minh, không theo ý vua. Câu này ở thiên *Quân Trần* Chu Thu.
- (5) *Trần Kính*: người đời Minh, tên tự là Tử Kính, làm hàn lâm học sĩ, rất giỏi sử học, làm sách *Thông giám tục biên*.

55.9. - Hai bên "nguyên", "bị" tranh nhau đều đến, lời khai và chứng có đều có; nhưng không ăn khớp với nhau, còn nghi ngờ chưa thể ghép vào tội hình, thì vận dụng xử phạt để phạt kẻ có tội; nếu xử phạt cũng còn ngờ chưa chắc thì vận dụng vào loại lỗi nhỏ để khoan tha cho. Ngũ hình mà ngờ, đã có điều lệ xá (tha), để vận dụng vào ngũ quá (2). Thái Truyện chú thích hai tiết này rất tường tận, thế mà ở dưới điều lệ phạt tiền ông ta lại chê cái chỗ tội tử hình cũng cho chuộc. Thế là thế nào? Hãy thử xem: Đã ngờ về "ngũ hình", thì giáng xuống xử phạt; chưa đáng khép vào nhục hình, thì đem xử phạt có hại gì. Họ Khổng cho rằng "ngũ hình", mà tình lý đáng ngờ đều giáng xuống xử phạt (là chế độ đời Chu); không giảm xuống mà cứ nhân theo nhau, đấy là chế độ đời cổ (3). Tuy vị tất đời cổ nói đây là đời Đế Thuấn nhưng bảo chế độ này có từ trước đời vua Mục vương, thì đã rõ ràng. Thái truyện giải thích: câu nói "tội còn nghi ngờ thì xử nhẹ" (tội nghi duy khinh (4)) của Cao Dao có nghĩa là giáng xuống 3 bậc để trị tội. Thực ra xét ở kinh truyện không có chỗ nào nói rõ ra như thế. Điều mà trong luật ngày nay gọi là

giảm đẳng, tức là chỉ vào trường hợp chắc chắn là có tội rồi nhưng xét về nguyên nhân, về tình tiết còn có chỗ đáng khoan thứ, mà nói, chứ không phải nói về trường hợp án còn ngờ. Ngày nay còn có giảm đẳng, hưởng chỉ là chế độ đời cổ?. Lấy lý mà bàn, ví dụ có kẻ bị tố cáo là ngăn cản người khiếu oan, đó là tội đáng giết, nhưng lời cung và chứng cứ không đúng với nhau, còn có chỗ đáng ngờ, thế mà giáng xuống 3 bậc rồi khép vào tội chặt chân, như thế chẳng cũng là thâm khốc quá ư? Lại ví dụ như: với bọn quần tụ uống rượu (5), vua Vũ Vương nói: "Ta sẽ giết". Nói thế nhưng vị tất đã giết. Thực tế vua đã tha bổng hay là phạt tiền bọn ấy, ta đều không biết. Nhưng, nếu bắt bọn quần tụ uống rượu ấy rồi tha ngay, thì lấy gì để tỏ ra ý trừng trị. Nếu giáng xuống mấy bậc mà chặt chân, cắt mũi, tất nhiên không nở làm. Thế thì phạt tiền bọn ấy, để tỏ ra cảnh cáo nhẹ như luật nhà Hán, tưởng cũng phải vậy.

Chú thích

- (1) *Ngũ phạt*: năm thứ tội phạt tiền. Xem số 8 tiết 1 thiên Lũ hình này.
- (2) *Ngũ quá*: năm tội lỗi làm lỡ. Xét kỹ tình lý, không đáng ngũ phạt, thì cho vào ngũ quá, tha hẳn.
- (3) Ý Lê Quý Đôn cho lời giải thích này là sai, xem đoạn tiếp theo.
- (4) Câu này ở thiên *Đại Vũ mớ*.
- (5) *Quần tụ uống rượu*: xem thiên *Từu cáo*.

55.10. - Người đã bị ngũ hình (1), không thể nào mọc lại da thịt được nữa (2); vậy thì những người không

đáng ngũ hình, nếu không theo điều lệ phạt để khoan nói cho, thì còn có gì là đạo "trung" nữa? Dưới điều lệ phạt, lại còn xét trường hợp lầm lỡ, vô tình phạm lỗi để tha hần, như những điều tam xá (3), tam hựu (4), đây là những tội lỗi tha hần không phạt cũng nhiều vậy; đâu có nhất định tội nào ngờ cũng đều phạt 600 hoàn, 1000 hoàn. Nay đem pháp điển đời nhà Ngu so sánh với pháp điển đời nhà Chu, tội e thời đại đã trải qua Hạ, Thương, Chu, thêm bớt không giống nhau; ngay phép lục điển (5) ở Chu Lễ vị tất đã đều theo phép của nhà Ngu, lại hướng chỉ là việc hình phạt ư?

Chú thích

- (1) *Ngũ hình*: 5 hình (thích chữ mực vào trán, xẻo mũi, chặt chân, thiến, xù tử) là nhục hình, trị tội ngay vào thân thể kẻ can phạm. Nếu đã xử rồi mà nhớ oan thì không chấp lại được nữa.
- (2) Câu này là lời trong thư của nàng Đê Oanh dâng vua Văn để xin khoan thứ cho cha nàng có tội nên bị hình. Vua cảm thương ý hiểu nghĩa của nàng, rồi trừ bỏ phép nhục hình.
- (3) *Tam xá*: ba hạng người nhờ phạm pháp, tha không bắt tội: thư ấu, già lẫn, ngu xuẩn không biết gì (Chu Lễ).
- (4) *Tam hựu*: ba thứ được giảm nhẹ bớt tội: không biết mà phạm, nhầm lẫn mà phạm, quên nhãng mà phạm (Chu Lễ).
- (5) *Lục điển*: sáu phép điển: gồm trị điển, lễ điển, giáo điển, chính điển, hình điển, sự điển. Đó đều là pháp điển để trị nước.

55.11. - Vàng, bạc, đồng, sắt, cổ nhân đều gọi là kim, 6 lạng là một ngàn, 1000 hoàn là 6000 lạng, tiền phạt như thế thì quá nặng, ngay người dân giàu có cũng khó mà nộp đủ. Như người có tội, bắt nộp 30 cân (1) kim là 480

lạng, cũng là nhiều quá. Ý chừng đời cổ có nhiều kim loại giá rẻ, không phải như đời sau số kim loại khó kiếm chang?

Chú thích

(1) *Cân*: 16 lạng.

55.12. - Người ta có thể chế tạo và khống chế được pháp luật; pháp luật không thể khống chế được con người. Thời đại nào kỳ cương quang minh nghiêm chỉnh thì trên dưới, trong ngoài, ràng buộc chế ước lẫn nhau, không có những thói xấu: cậy quyền thế, báo ân báo oán riêng, mê gái đẹp, tham hối lộ, nể người cầu cạnh mà làm càn. Thời đại nào kỳ cương bại hoại, không có gì ngăn cấm, thì những tệ hại thói xấu ấy lại do người trên phạm nhiều rồi việc hình, việc phạt đều mất hết công bằng. Như chuyện thầy cúng nước Vệ chỉ điểm người nào là người phi báng, thì giết ngay người ấy (1), có hỏi gì đến thực đối trái phải gì đâu. Việc Đỗ Bá(2) không đáng tội mà bị chết oan. Thu nạp gái đẹp nước Bao, rồi tha tội cho người nước Bao (3). Người vô tội lại bắt giam, kẻ có tội lại tha ra (4). Như thế thì còn đâu là điều lệ cần nhắc tội nặng tội nhẹ mà tăng lên giảm xuống nữa! Xem các tệ hại nói trên đây, thì biết câu nói "Mệnh lớn tự ta làm ra (5)" và lời giáo huấn "Nên có lòng thương xót và kính cẩn khi xử đoán hình ngục" của vua Mục vương, thật không thể nào hiểu được.

Chú thích

- (1) Câu này nhắc đến: vua Lệ vương bạo ngược, người trong nước phỉ báng. Thiệu công nói với vua rằng "dân khổ cực, không chịu nữa rồi". Vua giận, tìm được thầy cúng nước Vệ, sai dò xét người phỉ báng. Thầy cúng tố cáo ai là người ấy liền bị giết (*Quốc ngữ, Chu ngữ*).
- (2) *Đỗ Bá*: quan đại phu đời vua Tuyên vương nhà Chu vô tội mà bị giết.
- (3) Nghĩa cả câu này: Bao Hưởng, quan đại phu thời vua U vương nhà Chu, vì can gián chính trực, bị hạ ngục. Sau con là Hồng Đức hiển nằng Bao Tự để xin chuộc tội cho cha. Vua nhận Bao Tự, tha Bao Hưởng, cho khôi phục quan chức (*Đổng Chu liệt quốc*).
- (4) Câu này ở *Kinh Thi, Đại Nhã* bài *Chiêm ngưng*:
- (5) Nguyên văn: *Trị tắc nguyên mệnh* Mệnh lớn tự ta làm ra [xử đoán phải chỉ công chỉ chính thì mới khỏi sai lầm].

55.13. - Câu "Việc ở thượng hình mà tình lại nhẹ, thì theo luật hạ hình. Việc ở hạ hình mà tình lại nặng thì theo luật thượng hình". Họ Trương, họ Trần giải thích câu ấy rất rõ ràng, thật không phải chỉ ở một việc khoan thứ cho người do lầm lỡ mà phạm tội, chỉ bắt tội kẻ cố ý phạm tội thôi. Câu "việc xử phạt nặng hay nhẹ có thể linh động, cần nhắc cho đúng mức" là tổng kết ý của câu trên. Họ Trương cho rằng: "Lấy tình hình thực tế làm căn cứ mà cần nhắc để luận về mức nặng nhẹ của những tội còn nghi ngờ, thì xử phạt mới đúng". Nói thế rất là đúng với ý câu trên của vua Mục vương.

55.14. - Người ôn hòa lương thiện [khi xử kiện] đem hết trí thông minh dốc hết lòng trung ái; có tấm lòng kính cẩn thương xót, mà không có thói biện bác hời

hột hay mảnh khóc liến thoắng. Khi họ thấy lời khai của hai bên "nguyên", "bị" không đúng sự thật, thì họ tra xét tường tận; mở xem sách hình luật, thấy chỗ nào phù hợp với tội, thì cùng với mọi người xét đoán; cho nên [người ôn hòa lương thiện] có thể dùng một câu nói quyết đoán được vụ án, và cân nhắc ghép tội nhẹ tội nặng đều đúng mức.

55.15. - Hai chữ "sáng suốt" và "thanh liêm" bao quát hết được đạo lý về xét đoán ngục tụng. Đời vốn có người giỏi, nửa câu nói quyết đoán được án tố tụng, nhưng không biết tự cảnh giới về thói mê gái đẹp, tham hối lộ, thì xử kiện cũng không được công bình. Đời lại cũng có người hoàn toàn vô tư không thiên lệch, nhưng không xét đoán được lời khai của bên "nguyên" bên "bị" sai đúng thế nào, thì hạn người ấy xử kiện cũng không được công bình; nhất định phải có cả đức thông minh và đức thanh liêm, mới thật là tốt hoàn toàn vậy.

55.16. - Câu "Nhận hồ sơ kiện cáo của hai bên chớ nên thay đổi vì tư túi". Họ Lữ cho rằng: "bịa thêm chuyện, làm mất tang chứng, thay đen đổi trắng" trong hồ sơ, để dục khoét cho đây túi tham, đây là cái thói thông thường xưa nay". Quan giữ việc ngục tụng, nếu không thông minh và thanh liêm, thì tệ hại nhất định sẽ như thế.

56.- "VĂN HẦU CHI MỆNH" (1)

56.1. - Vua Bình Vương sai tước hầu tên là Cửu làm quan phương bá, đáng lẽ nói là Tấn hầu, đây nói là "Văn hầu chi mệnh" đó là do sử thần đời sau truy lên việc đã qua mà chép lại vậy (2).

Chú thích

- (1) *Văn hầu chỉ mệnh*: tên một thiên ở Chu Thu, thể mệnh, vua U vương bị rợ Khuyển Nhung giết; Tấn Văn hầu cùng Trinh Vũ công đón thái tử là Nghi cầu lập lên làm vua, tức là vua Bình vương. Vua này thiên đô đến Lạc Ấp (Đông Đô) rồi cử văn hầu làm quan phương bá, do đó có sắc mệnh này.
- (2) Tiế này có ý nói sử thần là người đời sau nên mới chép chữ Tấn hầu là Văn hầu. Vì chữ "Văn" chỉ khi vua ấy đã chết mới được đặt.

56.2. - Nước Tấn là nước lớn ở phương Bắc, sau khi Chu Bình vương dời đô về phía đông thì nước Tấn dời đô kế tiếp nhau làm mình chủ Trung Quốc, phù tá thiên tử, hơn 200 năm; nhà Chu tuy suy nhược mà chưa bị mất, thật là nhờ ở nước Tấn. Trong Kinh Thư, Khổng Tử chép thiên Văn hầu chỉ mệnh này, vừa để giữ lấy chế độ thiên tử nhà Chu, vừa để thấy rõ nước Tấn được quyền chinh phạt bắt đầu từ đây. Cái ý này tưởng cũng như ý ở trong Xuân Thu khen nước Tấn làm bá chủ chẳng?

57.- PHÍ THỆ (1)

57.1. - Nước Lỗ là dòng dõi của Chu công, lễ nghi pháp độ nhà Chu còn đủ cả ở đấy (2), các nước chư hầu vốn trông cậy nước Lỗ sẵn có lễ nghi phép độ ấy. Khổng Tử chép thiên Phí Thệ này vào cuối phần Chu Thu để thấy rõ đất nước ấy có nền văn hiến trực tiếp kế thừa từ nguồn gốc, cũng để nêu rõ công

lao lớn của cha con Chu Công phù tá vua Thành Vương, yên định được cả trong cả ngoài vậy.

Chú thích

- (1) *Phí thế*: Tên một thiên ở Chu thư, thể thơ. *Phí* là tên một địa phương. Bá Cầm mới được phong ở nước Lỗ làm Lỗ hầu. Nước Hoài Di, và nước Từ Nhung đều nổi lên ăn cướp; Lỗ hầu đem quân đi đánh, tập hợp tướng sĩ ở đất Phí để răn giới mọi việc, cho nên mới gọi là thiên Phí thế.
- (2) Câu này là câu "Chu lễ tận tại Lỗ hỷ" (lễ nhà Chu còn đủ cả ở nước Lỗ) lời Hàn Tuyên tử nói, khi đến phòng vấn nước Lỗ, được xem Dịch tượng cùng sách *Xuân Thu* của nước Lỗ.

57.2 - Bá Cầm (1) đi đánh hai nước Hoài Di, Từ Nhung đồng thời với Chu công đi đánh đất Thương(2) và nước Yêm (3). Phương pháp Bá Cầm dụng binh, là do Chu công truyền thụ cho. Tu sửa khí giới, sửa sang đường xá, nghiêm chỉnh đội ngũ, định ra kỳ hạn hội binh, thật đáng gọi là người khéo dùng binh, khéo đánh trận. Cứ xem (binh pháp) nước Lỗ, có thể thấy được [binh pháp] nhà Chu.

Chú thích

- (1) *Bá Cầm*: Con Chu công, được phong ở nước Lỗ, làm Lỗ hầu.
- (2) *Đất Thương*: Nơi Vũ Canh cùng Quân Thúc, Thái thúc nổi lên làm phản nhà Chu.
- (3) *Yêm*: Tên một nước chu hầu từng về hùa với chúa Trụ gây tội ác.

57.3.- Câu "Dân nước Lỗ ở gần vùng kinh đô [tam giao] và vùng xa kinh đô [tam toại] hãy chuẩn bị sẵn gỗ

ván rom cả của các người". Có thuyết cho rằng đây là chứng cứ nước Lỗ đem ba quân đi đánh(1). Ngu ý cho rằng đây là dân chứ không phải là binh. Xem câu "Ngày giáp tuất ta sẽ đem quân đi đánh" thì đã có lính chiến đấu riêng, Dân ở tam giao tam toại đây chỉ để phục dịch. Họ phải vận tải trước, dự bị những vật liệu như gỗ ván để đắp đồn lũy, cùng rom cỏ cho trâu ngựa ăn, nhất là tập hợp ở nơi đã định, đến ngày khởi công, thì dùng binh lực xây dựng cho xong, lại chia một số binh lính để bảo vệ ở đây mà thôi. Nếu với số lính của "ba quân"⁽²⁾ đã bắt vận tải lại bắt đi đánh nhau và còn phải làm cả các việc thổ mộc khác, thì người ta không chịu nổi, quyết không phải vậy.

Chú thích

(1) *Ba quân*: Thiên tử có sáu quân, nước như hầu lớn được có ba quân, cho nên nước Lỗ có ba (12.500 người là một quân).

* * *

58. TÂN THIỆ (1)

58.1.- Mục công hối hận nhầm lỗi là việc rất nhỏ mọn, các vua chư hầu thời Xuân Thu há lại không ai có đức tốt hơn việc Mục công hối lỗi ư? Thánh nhân(2) không phải vì việc hối lỗi ấy mà chép lời thệ cáo quần thần này vậy. Nay xem: việc nước Tân, phá tan rợ Tây Nhung(3), lấy được hết đất đai cũ của Tây Chu, thế nước một ngày một thịnh, và việc Quý Trát nghe thơ, khen nước Tân là "có phong độ của Trung Quốc"(4) Triệu Vũ(5) khen nước Tấn, nước Sở,

nước Tề là "ngang với nước Tần". Vậy Khổng tử chắc biết rằng kẻ kế tiếp nhà Chu cai trị thiên hạ tất là nước Tần, cho nên chép thiên này đặt ở cuối cùng các thiên của đế vương, để báo qua cho biết cái ý kín đáo vậy.

Chú thích

- (1) *Tần thệ*: Tên một thiên ở Chu Thư, thế thệ. Vua Mục công nước Tần không nghe lời Kiến thúc, hãy tôi lão thành, cử sai các tướng Mạnh Minh, Tày Khất, Bạch Ất đem quân đánh nước Trịnh, bị quân nước Tấn đánh thua ở đất Hào, cầm tù cả 3 tướng ấy. Mục công hối lỗi thệ cáo quần thần. Sử gia chép lời thệ cáo này làm thiên Tần thệ.
- (2) *Thánh nhân*: Đây chỉ Khổng tử. Cả câu có ý nói Khổng tử san định Kinh Thư.
- (3) *Tây Nhung* tức là *Khuyển Nhung*, xâm nhập đất Chu, giết vua U vương và Trịnh Hoàn công.
- (4) Ý cả câu: Quý Trát, công tử nước Ngô, đến phỏng vấn nước Lỗ xin nghe âm nhạc các nước, vì Lễ nhạc nhà Chu có đầy đủ ở nước Lỗ. Khi nhạc công ca đến thơ Tần phong, Quý Trát nghe thơ ấy, khen rằng: "Có phong độ của Trung Quốc".
- (5) *Triệu Vũ*: Người nước Tấn, tức là Triệu Mạnh, làm quan khanh, giúp vua Diêu công nước Tấn, làm cho chư hầu hòa mục với nước Tấn.

* * *

58.2.- Thời Xuân Thu là thời đại chiến tranh, đại loại coi thường việc văn, sùng thượng việc võ. Nước Tần ở biên thù phía tây, tục vốn thượng võ. Thế mà Mục công lại không muốn dùng người dũng sĩ hùng hổ, mà mong lại có được người lương sĩ lão thành. Đó chẳng phải là kiến thức cao siêu hơn hẳn trong thời ấy sao? Đời xưa vua Đại Vũ, vua Thành Thang [hể

thiên hạ có tội lỗi] thì cho tội lỗi ấy do ở mình, cho nên hưng thịnh rất mau chóng. Mục công đây không hề trách người, chỉ vui lòng nhận lỗi lầm mà tự trách mình. Gia pháp của nhà Thành Chu: kẻ đáng ghét là kẻ bèm mép, người đáng yêu chuộng là người có đức độ bao dung. Mục công đây thì ghét kẻ bèm mép mà nghĩ luôn đến người giản dị chính trực, và có lượng khoan dung, thế chả phải hợp với vương đạo(1) ư? Dem điều ấy dạy bảo cho con cháu, con cháu đời sau tất thịnh vượng mãi lên, đó là lẽ tất nhiên vậy. Thánh nhân khen Mục công, há phải chỉ vì một việc hối lỗi mà thôi đâu.

Chú thích

- (1) *Vương đạo*: Đạo của Hạ, Thương, Chu, đây chỉ í vào những việc Đại Vũ vương quý chuộng người hiền tài, ghét kẻ gian nịnh, tức là gia pháp nhà Chu.

* * *

58.3.- Do Du(1), Kiến Thúc(2), Bách Lý Hề, Công Tôn Chi đều không phải là người nước Tân, Mục công thu dùng được cả, do đó nhân tài nước Tân nổi tiếng có nhiều; tuy những việc suy nhường nhau cùng thích việc thiện và có đức độ bao dung, không thấy chép ở sách, nhưng đâu lại có kẻ tiểu nhân ghen ghét có thể ngăn trở được mọi người hiền tài. Đây Mục công hết lời để nói cái lợi về dùng người tốt, cái hại về dùng người xấu để khích lệ hẳn bảo quần thần ở triều đình mà thôi.

Chú thích

- (1) *Do Dư*: Vốn người nước Tấn, trốn ra nước ngoài, đến nước Tần, Mục công cùng nói chuyện, cho là người hiền, nhân lưu ở lại. Sau Do Dư giúp Mục công mưu tính cách đánh Tây Nhung, lấy thêm được 12 nước, mở đất rộng hàng ngàn dặm, làm bá chủ Tây Nhung.
- (2) *Kiểm Thúc*: Vốn người nước nào chưa rõ, làm quan đại phu nước Tần, thời vua Mục công. Mục công định đánh úp nước Trịnh, đem hỏi Kiểm Thúc. Kiểm Thúc nói: "Lao khổ đem quân đi tập kích một nước ở xa, không nên". Mục công không nghe. Sau quả nhiên thua. Mục công phải hối lỗi.
- (3) *Bách Lý Hề*: Vốn người nước Ngưu, biết nước Ngưu sắp mất, bỏ đi đến nước Tần, Mục công biết là người hiền, trao cho việc nước. Ông làm tướng nước Tần 7 năm, nước Tần thành bá chủ. Khi ông mất dân cả nước Tần đều khóc thương.
- (4) *Công Tôn Chi*: Vốn người nước nào chưa rõ, làm quan đại phu nước Tần, hay tiến cử người hiền, người tốt, chính ông đã tiến cử Mạnh Minh cho Mục công, nhờ đó nước Tần làm bá chủ được Tây Nhung.

* * *

58.4.- Thiên Tần thế đây nêu ra hai thứ người(1). Nay thử đem việc đồng thời với Tần Mục công ra mà nói như: Bao Thúc(2) tiến cử Quan Trọng; Triệu Thôi(3) tiến cử Khích Hộc(4), Dịch Chi(5), Tiên Chấn (6) đều có thể giúp vua họ thành nghiệp. Tang văn Trọng biết Liễu Hạ Huê là người hiền, mà không muốn cùng ở triều đình, nước Lỗ kết cục không phần chấn được(7). Câu nói "Nước được yên thịnh hay nguy khốn là do ở bầy tôi hiền lương hay gian nịnh", há chẳng rõ ràng lắm sao?

Chú thích

- (1) *Hai thứ người*: 1) Thứ người bình dị, chính trực, ưa thích việc thiện và có độ lượng bao dung, đặc dụng thì làm cho nước được trị an thịnh vượng.

- (2) Thứ người gian nịnh, ghen ghét người có tài, ngăn cản người có đức, dắc dụng thì làm cho nước nguy vong. Đây là lời Mục công nói trong thiên Tần thệ.
- (20) **Bảo Thúc:** Người nước Tề, tức là Bảo Thúc Nha, làm quan đại phu nước Tề, tiến cử Quản Trọng cho vua Hoàn công nước Tề, dùng làm tướng. Sau Hoàn công làm nên nghiệp bá.
- (3) **Triệu Thôi:** Người nước Tấn, theo Tấn Văn công lưu vong 19 năm. Khi Văn công lên làm vua, Triệu Thôi làm đại phu, hay tiến cử hiền tài, giúp Văn công làm nên nghiệp bá.
- (4) **Khích Hộc:** Người nước Tấn. Văn công cần một nguyên soái. Triệu Thôi tiến cử Khích Hộc, nói có tài làm tướng. Văn công mới cho Hộc coi trung quân.
- (5) **Dịch Chí:** Người nước Tấn, chưa rõ hành trạng.
- (6) **Tiên Chấn:** Người nước Tấn, tức là Nguyên Chấn, thời vua Văn công, đánh bại quân nước Sở, thời vua Tương công, đánh bại quân nước Tần, làm cho nước Tấn có thanh thế.
- (7) Cả câu này ý nói: Tạng Văn Trọng cầm chính quyền nước Lỗ, biết rõ Liễu Hạ Huệ làm đại phu là người hiền, không tiến cử để giúp nước, thế là ghen ghét đố kỵ người hiền tài. Nước Lỗ vì thế mà suy nhược. Điểm này ở *Luận Ngữ, Vệ Linh Công*.

LỜI BẠT KINH THƯ ĐIỂN NGHĨA

[Thư kinh điển nghĩa bạt]

của LÝ TRẦN QUÁN

Học thuật và chính sự không thể chia thành hai lĩnh vực khác nhau, Kinh Thư ghi lại chính trị của Nhị đế Tam vương mà tâm pháp truyền thụ đều do từ học thuật mà đến. Từ buổi thánh nhân san định Kinh Thư đến nay, số người nói ra được cái tôn chỉ sâu sắc kín đáo của kinh ấy thật là ít lắm.

Quyển sách này, thường thường có nêu ra được những nghĩa mới từ trong nguyên bản kinh điển. Nói được cái điều mà bách gia chưa nói, phát hiện được điều mà thiên cổ chưa phát hiện ra, bên trên có thể làm gương mẫu sửa đức cho bậc đế vương, bên dưới có thể khuyến khích kẻ làm tôi chuyên chú vào mục đích lập công cần nghiệp; lại thêm có sự hiệu thủ khảo dị cẩn thận.

Tuy đất nước thì có chia ra Nam, Bắc; thời đại có chia ra Xưa và Nay, nhưng sự phát huy thánh kinh thì đều là một. Còn về sự cao thấp của kiến thức, sự sâu nông của ý tứ thì lại không thể lấy Nam, Bắc, Cổ, Kim mà bàn luận được.(1)

(1) Ý nói Lê Quý Dôn hiểu và chú giải Kinh Thư không kém gì các học giả nổi tiếng xưa của Trung Quốc.

Đại nhân [Lê Quý Đôn] chuyên chú tu dưỡng chính học, tiếng tăm được trọng vọng đương thời; đã trải giữ chức ở đài sảnh, có nhiều công tích phò giúp lớn lao. Lời nghị luận của đại nhân cũng là các thiên Cao Dao mô, Y huấn, Duyệt mệnh và Thiệu các(2). Quy mô thi thể của đại nhân là nội dung các thiên Nghiêu điển. Vũ công, Thang thê, Vũ thành(2) [cho nên] sự nghiệp trị bình của các đế vương lại được phục hồi sau hơn ba nghìn năm.

[Do đó] có thể thấy cái học của đại nhân tức là cái học của người xưa, chính trị của nhân tức là chính trị của người xưa. Có cái học ấy rồi mới có đường lối chính trị ấy. Học thuật và chính trị xuất phát từ một gốc nguồn là như thế đó. Chính trị của đại nhân sau này sẽ thấy được chép đủ trong sử sách; học thuật của đại nhân ngày nay hãy tạm thuật ra trong cuốn sách này.

Quán tôi được trực tiếp thụ giáo ở đại nhân, tâm thần cũng có ít nhiều lĩnh hội. Nếu may mà được nghe thấy chính trị của đại nhân, thì cũng sẽ không phụ cái sở học của mình...Không dám tách rời học thuật và chính trị làm hai vậy...

Niên hiệu Cảnh Hưng năm thứ 39 (1778), học trò là
Lý Trần Quán, người xã Văn Canh, huyện Từ Liêm(3)
kính cẩn viết lời bạt này.

(2) Tên các thiên trong *Kinh Thư*.

(3) Lý Trần Quán người xã Văn Canh, huyện Từ Liêm, đỗ tiến sĩ năm Cảnh Hưng thứ 27 (1766), làm quan đến Đồng các đại học sĩ, tư nghiệp Quốc tử giám.

MỤC LỤC

- Quy cách trình bày	5
- Lời giới thiệu	7
- Tóm tắt nội dung chủ đề của từng tiết	

QUYỂN I

NGU THƯ

1. Nghiêu điển	70
2. Thuấn điển	75
3. Đại Vũ mô	96
4. Cao dao mô	111
5. Ích Tắc	114

HẠ THƯ

6. Vũ Cống	116
7. Cam thệ	124
8. Ngủ tù chi ca	124
9. Dận chinh	130

THƯỢNG THƯ

10. Thang thệ	135
11. Trọng Hủy chi cáo	136
12. Thang cáo	140
13. Y huấn	141
14. Thái Giáp thượng	146
15. Thái Giáp trung	148
16. Thái Giáp hạ	150

17. Hàn hữu nhất đức	151
18. Bàn Canh thượng	152
19. Bàn Canh trung	154
20. Bàn Canh hạ	155
21. Duyệt mệnh thượng	156
22. Duyệt mệnh trung	159
23. Duyệt mệnh hạ	162
24. Cao Tông dung nhất	166
25. Tây bá kham Lê	166
26. Vi tử	168

QUYỂN II

CHU THỨ (sử đời Chu)

27. Thái thế thượng	170
28. Thái thế trung	174
29. Thái thế hạ	176
30. Mục thế	178
31. Vũ thành	183
32. Hồng phạm	194
33. Lữ Ngao	225
34. Kim Đằng	231
35. Đại cáo	234
36. Vi tử chi mệnh	236
37. Khang cáo	239
38. Tửu cáo	258
39. Tử tài	265

40. Thiệu cáo	266
41. Lạc cáo	282
42. Đa sĩ	292
43. Vô dật	296

QUYỂN III: CHU THU (Tiếp theo)

44. Quân thích	302
45. Thái Trọng chi mệnh	307
46. Đa phương	310
47. Lập chính	315
48. Chu quan	330
49. Quân trần	344
50. Cổ mệnh	348
51. Khang vương chi cáo	351
52. Tắt mệnh	354
53. Quân Nha	360
54. Quỳnh mệnh	361
55. Lữ hình	363
56. Van hầu chi mệnh	379
57. Phí thệ	380
58. Tần thệ	382

Lời Bạt của Lý Trần Quán	387
--------------------------	-----

VĂN MINH NHÂN LOẠI
KINH THƯ ĐIỂN NGHĨA

Người dịch **NGÔ THẾ LONG**
TRẦN VĂN QUYỀN

Chịu trách nhiệm xuất bản

TÂN ĐỨC

Biên tập **ĐỖ VĂN**

Sửa bản in **ĐẶNG KHOA**

Bìa

XN ĐIỆN TỬ - TIN HỌC Seatic

4 Thái van Lung, Q.I, TP HCM

Dây nói : 230508 Fax : 298452

NHÀ XUẤT BẢN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

62 Nguyễn Thị Minh Khai - Quận I

Dây nói: 225340 - 296764 - 222726 - 296713

In 1000 cuốn. Khổ 13x19. Chỗ bán tại XN Điện tử TH Seatic
In tại XƯỞNG IN BAN TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA THÀNH ỦY. Giấy phép số:
79/XB-16/4/1992 (86,6) Cục Xuất bản. In xong, nộp lưu chiểu
tháng 02 năm 1993.

150.000 kg